

E. NESBITT

lũ trẻ đường tàu



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

LỮ TRẺ ĐƯỜNG TÀU

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



Edith Nesbit (15/08/1858 - 04/05/1924) ngày nhỏ là một cô nhóc tinh quái, lớn lên tính cách cũng chẳng giống ai. Bà là một trong những thành viên sáng lập Hội Fablan; nhà bà trở thành trung tâm của giới văn sĩ và những người theo chủ nghĩa xã hội thời bấy giờ. *Lũ trẻ đường tàu* là tác phẩm nổi tiếng nhất của bà, được liên tục tái bản trong cả thế kỷ qua, cùng 6 lần chuyển thể thành phim.

GIỚI THIỆU

Một tối, cha đi khỏi nhà cùng hai người đàn ông lạ mặt và không trở về. Mẹ lẳng lặng gói ghém đồ đạc đưa lũ trẻ về sống tại Ba Ống Khói, ngôi nhà nằm bên một nhà ga tưởng tượng ở miền quê Yorkshire. Từ ngày về đây, đường tàu đã trở thành trung tâm cuộc sống ba chị em Bobbie, cuốn chúng vào những chuyến phiêu lưu mạo hiểm nhưng vô cùng kỳ thú: Cứu cả đoàn tàu thoát khỏi tai nạn trong trận lở đất, giúp ông người Nga tha hương tìm gia đình, cứu em bé nhà "ông sà lan" thoát khỏi đám cháy... Nhưng đằng sau những chiến tích rực rỡ vẫn là một nỗi buồn thầm lặng khôn nguôi. Bởi vì, bao giờ cha sẽ về ?

Câu chuyện về ba đứa trẻ nghèo sống bên đường tàu đã cuốn độc giả vào một thế giới tình nghịch, trong trẻo mà đầy cảm động, một xâu chuỗi khéo léo những tình tiết tưởng như rời xa nhau nhưng hóa ra lại đồng quy ở kết thúc đầy bất ngờ nơi cuối truyện.

Đến từ nước Anh và sau hơn một thế kỷ ra mắt, *Lũ trẻ đường tàu* của Edith Nesbit vẫn luôn là một tượng đài tác phẩm thiếu nhi kinh điển không thể bỏ qua, một viên ngọc còn lại mãi trong ký ức nhiều thế hệ độc giả trẻ thế giới.

Dành tặng con trai yêu quý của tôi PAUL BLAND, kiến thức của con về ĐƯỜNG TÀU là chỗ dựa đáng tin cậy cho hiểu biết đầy thiếu hụt của tôi.

Chương 1

Mọi chuyện bắt đầu

Chúng vốn không phải là trẻ con đường tàu. Tôi không cho là chúng từng suy nghĩ về đường tàu, có chăng thì chúng coi đó chỉ là phương tiện để tới sân khấu ảo thuật Maskelyne và Cooke, đi xem kịch câm, tới vườn bách thú và bảo tàng tượng sáp Madame Tussaud. Chúng là những đứa trẻ ngoại ô bình thường, sống cùng cha mẹ trong một biệt thự bình thường có mặt trước xây bằng gạch đỏ, cửa chính lắp kính màu, tiền sảnh lát đá hoa, một phòng tắm có nước nóng lạnh, chuông điện, cửa sổ lớn, tường sơn trắng, và "mọi tiện nghi hiện đại", như đám môi giới nhà đất thường nói.

Có ba đứa trẻ. Roberta là chị cả. Tất nhiên là mẹ thì không bao giờ phân biệt các con nhưng nếu có đứa nào mẹ chúng yêu nhất thì đó là Roberta. Giữa là Peter, nó mơ ước lớn lên sẽ làm nghề lái tàu; và em út là Phyllis, con bé luôn muốn mình có sức khỏe đáng nể.

Mẹ chúng không có thói quen cả ngày gọi cho mấy bà rồi việc nói mấy chuyện tầm phào cũng không quen ngồi nhà ôm điện thoại chờ mấy bà kia gọi lại. Hầu như lúc nào bà cũng có mặt để chơi với các con, đọc cho chúng nghe, giúp chúng làm bài tập. Ngoài ra, bà cũng hay viết truyện cho các con khi chúng ở trường rồi đọc cho chúng nghe sau bữa trà. Bà bao giờ cũng sáng tác những bài thơ ngộ nghĩnh vào dịp sinh nhật bọn trẻ và những dịp long trọng khác, như là lễ rửa tội cho lũ mèo con, trang hoàng lại ngôi nhà búp bê, hay khi bọn trẻ bị quai bị.

Ba đứa trẻ may mắn này luôn có mọi thứ chúng cần: quần áo đẹp, lò sưởi ấm áp, một phòng trẻ con đầy đồ chơi với giấy dán tường có hình Ngỗng Mẹ. Chúng có một cô bảo mẫu tốt bụng và vui vẻ, một con chó của riêng chúng tên là James. Chúng còn có một người cha hoàn hảo - ông chẳng bao giờ giận dữ, chẳng bao giờ thiên vị và luôn sẵn sàng cho một trò chơi - ít nhất thì khi nào không thể ông luôn có lý do tuyệt vời, giải thích cho bọn trẻ một cách thú vị và buồn cười đến nỗi chúng tin chắc ngay là ông không thể.

Các bạn sẽ nghĩ rằng chúng hẳn là đã rất hạnh phúc. Và đúng là như vậy. Nhưng chúng không biết chúng hạnh phúc nhường nào cho đến khi cuộc sống vui tươi trong ngôi Biệt thự Đỏ trôi qua và kết thúc. Và chúng phải sống một cuộc đời hoàn toàn khác.

Sự thay đổi khủng khiếp xảy ra hết sức bất ngờ.

Vào lần sinh nhật thứ mười của Peter. Trong số các món quà nó nhận được có một cái xe lửa tinh xảo hơn bất cứ thứ gì nó có thể mơ ước. Những món quà khác cũng rất đẹp nhưng cái xe lửa đẹp hơn tất cả.

Vẻ đẹp hoàn hảo của nó tồn tại được đúng ba ngày. Sau đó, hoặc là do lỗi của Peter, hoặc Phyllis đã hơi mạnh tay hay vì nguyên nhân nào đó, chiếc xe bỗng vỡ bung ra với một tiếng nổ mạnh đến nỗi con James lao vụt ra ngoài và biến mất cả ngày. Toàn bộ cư dân muông thú trên con thuyền Nô-ê cạnh đó đều vỡ tan từng mảnh. Ngoài ra không có gì khác bị tổn thương trừ cái xe lửa tội nghiệp và cảm xúc của Peter. Mọi người trong nhà bảo nó đã khóc. Nhưng tất nhiên là những cậu bé lên mười rồi thì không dễ khóc, dù thảm họa có nặng nề đến mức phủ bóng đen lên đời các cậu đi chẳng nữa. Peter nói rằng mắt nó đỏ vì nó bị cảm lạnh. Điều này hóa ra lại đúng, mặc dù khi nói thế Peter không hề biết. Ngày hôm sau nó không được ra khỏi giường mà phải nằm yên đó. Mẹ đã bắt đầu sợ rằng nó có thể mắc bệnh sỏi thì bỗng nhiên nó ngồi dậy nói, "Con ghét cháo trắng, con ghét nước đại mạch, con ghét bánh mì và sữa. Con muốn dậy ăn cái gì đó hân hoi."

"Thế con muốn ăn gì ?" mẹ hỏi.

"Bánh nướng nhân thịt bồ câu ạ," Peter háo hức nói, "một cái bánh nướng bồ câu to. Thật to vào."

Mẹ liền bảo đầu bếp làm một cái bánh bồ câu to. Thế là có ngay cái bánh. Bánh làm xong liền được cho vào lò nướng. Khi bánh chín, Peter ăn một ít. Ăn xong, bệnh của nó khá hơn. Mẹ đã sáng tác một bài thơ để nó vui trong khi chờ bánh chín. Mở đầu bài thơ cho biết cậu bé Peter can đảm không may thế nào. Tiếp theo là:

Cậu có chiếc xe lửa quý

Yêu xe với trọn lòng thành,

Giá trời cho đây điều ước

Ước gì xe lại nguyên lành.

Rồi một hôm kia, bạn ạ

Ôi trời tệ hại xiết bao

Bỗng chốc thẳng đình vít ồm

Cả nôi hơi vỡ đánh ào !

Não lòng cúi nhặt xe lên

Cậu chạy ù ngay tới mẹ,

Dẫu lòng chẳng dám tin rằng
Xe lại hồi sinh nhờ mẹ.
Hành khách không may tử nạn
Cậu chẳng hề chút bận tâm,
Xe, xe là tất cả
Hơn hàng đoàn lũ cư dân.
Thế là giờ đây bạn biết Peter ngã bệnh vì sao
Bánh rồi sẽ an ủi cậu
Nỗi buồn rồi sẽ qua mau.
Quấn mình chăn ấm nệm êm
Nằm ườn chả dậy đúng giờ,
Lòng đã quyết bằng cách đó
Quên đi nỗi buồn trong mơ.
Còn nếu mắt cậu hoe đỏ,
Ấy là do cậu cảm thôi.
Bánh bồ câu thơm điếc mũi,
Cậu đâu cần đợi được mời.

Cha ở vùng nông thôn ba bốn ngày vừa mới về. Niềm hy vọng sửa được chiếc xe giờ đây dồn cả vào ông. Cha có những ngón tay cực khéo léo. Ông có thể sửa bất cứ thứ gì. Ông từng là bác sĩ thú y cho con ngựa gỗ bập bênh. Có lần ông đã cứu nó khi mọi giúp đỡ dường như vô vọng. Con vật khốn khổ đã bị coi như đồ bỏ đi rồi, thậm chí ông thợ mộc còn nói là không thể làm gì hơn. Cũng chính cha đã chữa cái nôi của búp bê khi không ai chữa được. Và chỉ cần ít keo, vài mẫu gỗ, một con dao nhíp là ông có thể giữ cho toàn bộ cư dân của con thuyền Nô-ê gắn chặt vào trục như trước, nếu không nói là chặt hơn.

Peter vốn biết nghĩ cho người khác nên đã không hề để lộ chút gì về chiếc xe lửa của mình mà đợi cho đến khi cha ăn xong bữa tối và hút điếu xì gà kết thúc bữa ăn. Nghĩ cho người khác là ý tưởng của mẹ, nhưng Peter là người thực hiện. Ngoài ra, làm thế còn phải rất kiên nhẫn nữa.

Cuối cùng mẹ nói với cha, "Anh à, giờ anh đã nghỉ ngơi và thấy thoải mái rồi thì mẹ con em

muốn kể cho anh nghe một tai nạn xe lửa nghiêm trọng và xin anh lời khuyên."

"Được rồi," cha nói, "bắt đầu đi nào !"

Peter kể lại câu chuyện và bày ra những gì còn lại của con tàu.

"Hừm," cha nói sau khi đã xem xét kỹ lưỡng.

Bọn trẻ nín thở chờ đợi.

"Có hy vọng không cha ?" Peter ấp úng hỏi nhỏ.

"Hy vọng à ? Nhiều ra phết ! Hàng tấn hy vọng," cha nói vui, "nhưng còn cần vài thứ ngoài hy vọng - một miếng đồng, ừ, hoặc hợp kim hàn vá một cái van mới. Có lẽ nên để việc này lại tới lúc nào thích hợp hơn. Nói cách khác là cha sẽ dành cả chiều thứ Bảy để sửa con tàu và tất cả các con sẽ phải giúp cha đấy."

"Con gái có thể giúp chữa tàu không ạ ?" Peter hỏi đầy nghi ngờ.

"Tất nhiên là có rồi. Con gái cũng thông minh như con trai, con đừng quên chứ ! Con có muốn trở thành người lái tàu hỏa không, Phil ?"

"Mặt con lúc nào cũng sẽ bị nhò, đúng không ạ ?" Phyllis hỏi, vẻ thiếu nhiệt tình, "mà con sợ sẽ làm hỏng một cái gì đó mất."

"Con rất thích việc ấy," Roberta nói. "Cha có nghĩ là lớn lên con có thể lái tàu không ? Hay thậm chí làm người giữ lửa cũng được ?"

"Con muốn nói là người đốt lò chứ gì," cha vừa nói vừa kéo và vặn cái xe lửa. "Ồ, nếu lớn lên con vẫn muốn làm việc đó, chúng ta sẽ nghĩ cách giúp con thành một cô đốt lò. Cha nhớ hồi cha còn nhỏ..."

Đúng lúc đó có tiếng gõ cửa.

"Ai chứ !" cha nói. "Nhà của một người Anh là pháo đài của anh ta, tất nhiên, nhưng cha ước gì họ xây những biệt thự liền vách có hào bao quanh và cầu rút."

Ruth - cô giúp việc phòng khách có mái tóc đỏ - bước vào nói rằng có hai ông muốn gặp ông chủ.

"Thưa ông, tôi đã đưa họ vào thư viện," chị ta nói.

"Mong rằng chỉ là việc đăng ký mua quà lưu niệm cho cha xứ," mẹ nói; "không thì là quỹ nghỉ hè cho dàn đồng ca. Tiễn họ về nhanh đi anh à. Cũng hết buổi tối rồi và đã gần đến giờ cho các con đi ngủ."

Nhưng có vẻ cha không thể tiễn họ nhanh được.

"Con ước gì chúng ta có một con hào và cầu rút ?", Roberta nói; "lúc đó, nếu không muốn có người đến, chúng ta có thể kéo cầu lên và chẳng ai vào được. Con sợ cha sẽ quên chuyện hồi cha còn bé nếu họ ngồi lâu quá."

Mẹ cố gắng lấp chỗ trống bằng cách kể cho chúng một truyện cổ tích mới về nàng công chúa có đôi mắt màu xanh lá cây nhưng khó quá, vì chúng có thể nghe được giọng của cha và những người kia từ thư viện vọng ra. Giọng của cha vang to hơn và khác cái lối ông thường nói với những người đến nhà mình về chuyện quà lưu niệm hay quỹ nghỉ hè.

Rồi chuông thư viện rung và mọi người thở phào.

"Họ sắp về rồi," Phyllis nói; "cha nhấn chuông để tiễn họ về đấy."

Nhưng thay vì tiễn ai đó về, Ruth lại xuất hiện và chị ta trông khá kỳ cục, bọn trẻ nghĩ vậy.

"Thưa bà, ông chủ muốn bà vào ngay phòng đọc. Ông trông như người chết, thưa bà. Tôi cho là ông có tin xấu. Bà nên chuẩn bị đón tin xấu nhất, thưa bà... có thể là ai đó trong gia đình vừa qua đời hay ngân hàng phá sản hay..

"Được rồi, Ruth," mẹ nói nhẹ nhàng, "chị có thể đi."

Sau đó mẹ vào thư viện. Có tiếng nói chuyện. Rồi chuông lại rung, và Ruth đi gọi xe. Bọn trẻ nghe thấy tiếng giày bước ra, xuống thềm. Xe chuyển bánh và cửa trước đóng lại. Mẹ bước vào. Khuôn mặt thân yêu của mẹ trắng bệch như cổ áo đang ten, mắt mẹ to và sáng khác thường, miệng mẹ khép chặt trông như một đường đỏ nhợt - đôi môi mẹ mỏng hơn, trông không còn là môi nữa.

"Đến giờ ngủ rồi," mẹ nói. "Ruth sẽ cho các con đi ngủ".

"Nhưng mẹ đã hứa là chúng ta sẽ ngủ muộn vì hôm nay cha về mà," Phyllis nói.

"Cha được gọi đi có việc," mẹ nói. "Đi, các con yêu, ngay lập tức."

Bọn trẻ hôn mẹ rồi bước ra. Roberta nấn ná ôm mẹ thật chặt và thầm thì.

"Không phải tin xấu, đúng không mẹ ? Là ai đó chết... hay..."

"Không ai chết cả, không," mẹ nói, bà gần như đẩy Roberta ra. "Mẹ không thể kể cho con nghe điều gì tối nay, con yêu. Đi, con, đi ngay."

Nên Roberta đi.

Ruth chải tóc cho hai đứa con gái và giúp chúng thay quần áo. (Thường mẹ vẫn tự mình làm việc này.) Khi Ruth tắt đèn đi ra thì thấy Peter, vẫn mặc nguyên quần áo trong ngày, đợi ở cầu thang.

"Em hỏi cái đã, Ruth, có chuyện gì vậy ?" thằng bé hỏi.

"Đừng hỏi gì kéo tôi phải nói dối," Ruth tóc đỏ trả lời. "Cậu sẽ sớm biết thôi."

Khuya hôm ấy mẹ vào phòng hôn ba đứa con đang say ngủ. Roberta là đứa duy nhất tỉnh giấc nhưng nó nằm yên như khúc gỗ, không nói gì.

"Nếu mẹ không muốn cho bọn mình biết là mẹ khóc, bọn mình sẽ không biết," nó tự nhủ khi nghe trong bóng tối hơi thở của mẹ. "Sẽ như vậy."

Khi bọn trẻ xuống ăn sáng sớm hôm sau, mẹ đã đi rồi.

"Đi Luân Đôn", Ruth nói, và để chúng ngồi ăn sáng.

"Có gì đó tồi tệ xảy ra rồi" Peter nói lúc đập trứng. "Tối qua Ruth bảo em sẽ sớm biết thôi."

"Em hỏi chị ta chắc ?" Roberta nói, vẻ khinh thường.

"Chứ còn gì !" Peter giận dữ đáp. "Chị có thể đi ngủ mà không quan tâm mẹ có lo lắng hay không. Nhưng em thì không thể. Thế đấy !"

"Chị không nghĩ ta nên yêu cầu người khác làm điều mà mẹ không bảo ta", Roberta nói.

"Đúng thế, thưa quý cô ngoan ngoãn," Peter nói, "không phải thuyết giáo."

"Em không phải là quý cô ngoan ngoãn", Phyllis nói, "nhưng em nghĩ lần này Bobbie đúng."

"Tất nhiên, chị ấy lúc nào chả đúng. Theo ý chị ấy," Peter nói.

"Ồ, không", Roberta kêu lên, đặt thìa xuống.

"Đừng hục hặc với nhau nữa. Chị chắc là có một tai họa khủng khiếp đang xảy ra. Bọn mình đừng làm nó tồi tệ hơn nữa đi !"

"Thế ai khơi mào trước chứ ?" Peter hỏi.

Roberta cố kìm chế, trả lời, "Chị, chị cho là thế, nhưng..."

"Vậy thì xong," Peter đắc thắng tuyên bố.

Tuy nhiên, trước khi đi học nó dấm nhẹ vào giữa hai vai chị và bảo chị vui lên.

Bọn trẻ về nhà vào giờ ăn lúc một giờ, nhưng mẹ vẫn chưa về. Đến giờ uống trà cũng vậy.

Phải đến gần bảy giờ mẹ mới về. Trông mẹ mệt mỏi đến nỗi bọn trẻ cảm thấy không thể hỏi bà bất kỳ câu nào. Bà chìm vào trong ghế bành. Phyllis gỡ những cái cặp ghim dài ra khỏi mũ mẹ trong khi Roberta cởi găng tay và Peter tháo đôi giày đi bộ rồi lồng đôi dép nhung mềm đi trong nhà vào chân mẹ.

Khi mẹ uống trà xong, và Roberta lấy chút nước hoa xoa hai bên thái dương mệt mỏi đến

phát ốm của mẹ, bà mới nói, "Bây giờ, các con yêu của mẹ, mẹ muốn nói với các con điều này. Mấy ông tối qua đã mang đến tin rất xấu. Cha sẽ vắng nhà một thời gian. Nên giờ mẹ lo lắng lắm, mẹ muốn tất cả các con giúp mẹ, và đừng làm mọi việc khó khăn thêm."

"Vâng, nếu mà chúng con làm được gì !" Roberta nói, cầm tay mẹ áp vào mặt mình.

"Các con có thể giúp mẹ rất nhiều," mẹ nói, "nếu các con ngoan ngoãn, vui vẻ và không cãi nhau khi mẹ vắng nhà" - Roberta và Peter liếc nhìn nhau vẻ hối lỗi - "vì mẹ sẽ phải vắng nhà nhiều."

"Chúng con sẽ không cãi nhau đâu ạ. Nhất định không," cả ba nói. Và chúng cũng thực sự nghĩ thế.

"Vậy," mẹ tiếp tục, "mẹ muốn các con không hỏi mẹ bất kỳ câu nào về việc này, và không hỏi bất kỳ ai khác bất kỳ câu nào."

Peter ngồi khép nép, rê giày trên thảm.

"Các con cũng sẽ hứa với mẹ thế chứ ?" mẹ lại nói.

"Con đã hỏi Ruth," Peter đột nhiên nói. "Con xin lỗi, nhưng con đã hỏi mất rồi."

"Và chị ấy nói gì ?"

"Chị ấy nói con sẽ sớm biết thôi."

"Các con không cần biết bất kỳ điều gì về việc này," mẹ nói; "đó là chuyện làm ăn, mà chuyện làm ăn thì các con chẳng bao giờ hiểu được, đúng không ?"

"Đúng ạ," Roberta nói. "Đó là chuyện nhà nước ạ ?" Bởi vì cha làm việc ở một cơ quan nhà nước.

"Phải rồi," mẹ nói, "bây giờ đã đến lúc đi ngủ, các con yêu của mẹ. Và các con đừng lo lắng. Rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi."

"Vậy mẹ cũng đừng lo lắng, mẹ nhé," Phyllis nói, "tất cả chúng con sẽ ngoan như cún con."

Mẹ gật đầu và hôn các con.

"Bọn mình sẽ bắt đầu ngoan từ việc đầu tiên mình làm sáng mai," Peter nói khi chúng lên gác.

"Tại sao không phải là bây giờ ?" Roberta hỏi.

"Chẳng có gì để ngoan vào lúc này, chị khờ ạ," Peter nói.

"Bọn mình có thể bắt đầu tỏ ra ngoan ngoãn," Phyllis nói, "và đừng nói nặng lời với nhau."

"Ai nói nặng lời chứ?" Peter bẻ lại. "Bobbie biết thừa là khi anh nói 'chị khờ' thì cũng y như anh nói Bobbie thôi."

"Ừ." Roberta nói.

"Không, em không nói chuyện đó. Em muốn nói về... cha gọi là cái gì í nhỉ?... hạt giống yêu thương! Chúc ngủ ngon."

Hai con bé gấp váy áo gọn gàng hơn mọi ngày - đó là cách ngoan ngoãn duy nhất mà lúc này chúng có thể nghĩ ra.

"Em nhớ là," Phyllis vừa nói vừa vuốt thẳng cái áo choàng không tay, "chị thường nói nếu chẳng có chuyện gì xảy ra, giống như trong sách ấy, thì thật tẻ nhạt. Bây giờ thì đã có chuyện rồi đấy."

"Chị không bao giờ muốn điều gì xảy ra làm mẹ buồn," Roberta nói. "Mọi thứ vô cùng đáng sợ."

Mấy tuần sau mọi thứ vẫn vô cùng đáng sợ. Mẹ hầu như vắng nhà suốt. Bữa ăn nào cũng buồn chán và nhạt nhẽo. Cô hầu phòng bị sa thải, và bác Emma đến chơi. Bác già hơn mẹ nhiều. Bác sắp sang Đức làm gia sư. Bác đang tất bật chuẩn bị quần áo, mà cái nào cũng xấu xí, màu xám xịt, được bác bày ra khắp chốn, còn cái máy may dường như xòe xòe suốt ngày và gần như suốt cả đêm. Bác Emma tin rằng bọn trẻ phải được cho chơi ở nơi phù hợp với chúng. Và chúng không chỉ đền đáp lòng tin của bác không thôi. Chúng nghĩ nơi phù hợp của bác Emma là ở đâu đó không có mặt chúng. Do đó chúng ít khi gặp bác. Chúng thích chơi với những người làm. Chơi với họ vui hơn. Ông đầu bếp nếu gặp lúc tâm trạng phấn chấn, có thể hát những bài hát buồn cười, và chị hầu phòng, nếu không phải lúc bị quở trách, có thể bắt chước tiếng một con gà mái vừa đẻ trứng hay tiếng mở sâm banh, rồi lại có thể meo meo như hai con mèo đang tỉ thí. Những người làm không hề kể cho bọn trẻ tin xấu mà hai người kia mang đến cho cha. Nhưng họ nói bóng gió rằng họ có nhiều điều để kể nếu họ được phép - và điều này không dễ chịu chút nào.

Một hôm Peter làm một cái bẫy treo trên cánh cửa phòng tắm. Nó hoạt động miễn chê khi Ruth đi qua khiến chị hầu tóc đỏ tím lấy Peter mà bạt tai thẳng bẻ.

"Mày rồi sẽ chẳng nên cơm cháo gì đâu," chị ta giận điên lên, "mày là thằng mất dạy, mày ấy! Nếu mày không sửa cách cư xử thì mày rồi cũng lại vào chỗ ông bố quý hóa của mày cho mà xem. Tao nói thẳng cho mày biết thế!"

Roberta nhắc lại những lời này cho mẹ. Ngày hôm sau Ruth bị sa thải.

Rồi một hôm mẹ về nhà và lên giường nằm hai ngày liền. Bác sĩ đến thăm bệnh còn bọn trẻ

lầm lụi khổ sở quanh nhà, tự hỏi có phải đến hồi tận thế rồi hay chẳng.

Đến hôm mẹ xuống ăn sáng, mẹ rất xanh xao, trên mặt mẹ xuất hiện những nếp nhăn trước kia chưa từng có. Bà ráng hết sức mỉm cười tự nhiên, và nói, "Bây giờ, các con yêu của mẹ, mọi chuyện được quyết định rồi. Chúng ta sẽ rời ngôi nhà này đến sống ở nông thôn. Đó là một ngôi nhà trắng nhỏ rất đáng yêu. Mẹ biết là các con sẽ thích."

Một tuần đóng gói bện tít mù sau đó - không chỉ đóng gói quần áo như khi đi biển, mà cả bàn ghế đủ loại, mặt bàn mặt ghế bọc bằng bao bố còn bốn chân thì bọc bằng rơm.

Tất cả đồ đạc đã được đóng gói. Những thứ ta vẫn thường để ở nhà khi đi nghỉ. Đồ sứ, chăn, chân nệm, thảm, khung giường, nôi niêu xoong chảo, thậm chí cả tấm chăn lửa lò sưởi và que còi nữa.

Ngôi nhà trông như cửa hàng bán đồ gia dụng. Tôi cho là bọn trẻ rất thích cảnh này. Mẹ rất bận, nhưng không quá bận đến mức không thể nói chuyện với chúng, đọc cho chúng nghe, và thậm chí bà viết cả một bài thơ khích lệ Phyllis lúc nó ngã khi đang cầm tuốc nơ vít và bị đâm vào tay.

"Mẹ không gói cái này à ?" Roberta hỏi, chỉ vào cái tủ khám trai và dất đồng rất đẹp.

"Chúng ta không thể mang hết đi được", mẹ bảo.

"Nhưng chúng ta lại mang toàn đồ xấu xí," Roberta nói.

"Chúng ta mang những đồ cần thiết," mẹ giải thích, "chúng ta phải làm người nghèo một thời gian, con yêu ạ."

Khi những đồ đạc xấu xí cần thiết đã được đóng gói, được những người khuân vác mặc tạp dề vải len tuyết màu xanh lá cây chuyển lên xe tải, hai đứa con gái cùng mẹ và bác Emma ngủ ở hai buồng dự phòng có nội thất đẹp đẽ. Giường đã chuyển đi hết rồi. Một chỗ ngủ được dọn cho Peter trên xô pha phòng khách.

"Con thấy thế này mới vui," Peter nói, thích thú ngo ngoáy lúc mẹ đắp chăn cho nó. "Con thích chuyển nhà. Ước gì mình chuyển nhà mỗi tháng một lần."

Mẹ bật cười.

"Mẹ thì không !" bà nói. "Chúc ngủ ngon, Pete của mẹ."

Khi mẹ quay ra, Roberta nhìn thấy khuôn mặt mẹ. Nó sẽ không bao giờ quên nét mặt ấy. "Ôi, mẹ," nó tự nhủ lúc lên giường, "mẹ đừng cảm biết bao ! Con yêu mẹ vô cùng ! Phải đừng cảm lẫn mẹ mới có thể cười được khi trong lòng đang cảm thấy như thế !"

Ngày hôm sau tất cả các hộp đã đầy, cơ man nào hộp là hộp; và chiều muộn ngày hôm đó

một chiếc xe đến đưa họ ra ga. Bác Emma tiễn họ. Bọn trẻ lại cảm thấy như chúng đang tiễn bác, và chúng khoái chí về chuyện đó.

"Nhưng mà, tội nghiệp mấy đứa trẻ Đức mà bác sẽ dạy quá !" Phyllis thầm thì. "Cho gì thì cho em cũng chẳng muốn bị như chúng đâu !"

Thoạt đầu bọn trẻ thích thú nhìn qua cửa sổ, nhưng trời tối dần, chúng buồn ngủ riu mắt, và không đứa nào biết chúng đã ở trên tàu bao lâu khi mẹ khẽ lay chúng và giục, "Dậy thôi, các con, ta đến rồi."

Chúng tỉnh giấc, vừa rét vừa rầu rĩ, đứng run rẩy trên ke ga gió lùa trong khi hành lý trên tàu được khuân xuống. Sau đó đầu máy lại phì phà phì phụt kéo theo các toa tàu lên đường. Bọn trẻ dõi theo những ngọn đèn đuôi của toa công cụ mất hút trong bóng tối.

Đây là con tàu đầu tiên bọn trẻ nhìn thấy trên đường tàu đó, nó rồi sẽ trở lên rất thân thiết với chúng. Lúc này chúng chưa biết rằng chúng sẽ yêu mến đường tàu biết bao, nó sẽ trở thành trung tâm cuộc sống mới của chúng nhanh đến thế nào, nó sẽ mang lại những đổi thay, những điều kỳ diệu gì.

Chúng chỉ run và hắt hơi, hy vọng quãng đường tới nhà mới không xa. Mũi Peter lạnh chưa từng thấy. Mũ của Roberta cong lên và quai mũ hình như chặt hơn bình thường. Dây giày của Phyllis lại tuột.

"Đi," mẹ nói, "chúng ta phải đi bộ. Ở đây không có xe."

Đường đi tối và lầy lội. Mặt đường gồ ghề khiến bọn trẻ hơi loạng choạng, và một lần Phyllis ngã phải vũng nước, mẹ đỡ nó lên, nó ướt rượt đến là khổ sở. Không hề có đèn đường và con đường đang lên dốc. Chiếc xe thồ đi túc tắc phía trước và bọn trẻ bám theo tiếng bánh xe nghiêng lạo xạo. Khi mắt đã quen với bóng tối, chúng có thể lơ mơ nhìn thấy đồng hộp lắc lư trước mặt.

Một cái cổng dài mở ra cho xe đi qua. Sau đó con đường có vẻ như đi ngang qua cánh đồng và bây giờ nó xuống dốc. Một vật to lớn, cục mịch, tối tăm hiện lên bên phải.

"Nhà ta kia rồi," mẹ nói. "Không hiểu sao bà ấy lại đóng các cửa chớp nhỉ ?"

"Bà ấy là ai vậy mẹ ?" Roberta hỏi.

"Người mẹ thuê tới lau dọn, sắp xếp đồ đạc và chuẩn bị bữa tối."

Có một bức tường thấp có cây cối bên trong.

"Đó là vườn," mẹ bảo.

"Trông như cái chảo hứng mỡ đầy những bắp cải đen ấy," Peter nhận xét.

Chiếc xe đi dọc theo bức tường, vòng ra sau nhà rồi lóc cóc vào một sân lát đá và dừng lại trước cửa hậu.

Không cửa sổ nào sáng đèn.

Tất cả đập cửa, nhưng không có ai ra.

Ông đánh xe nói hắn là bà Viney đã về nhà.

"Bà thấy đấy, tàu về muộn thế cơ mà," ông ta nói.

"Nhưng bà ấy cầm chìa khóa", mẹ nói. "Chúng tôi biết làm thế nào bây giờ?"

"Ồ, có khi bà ấy để dưới bậc cửa cũng nên" - người đánh xe nói; "mọi người vẫn làm thế mà." Ông ta nhắc cái đèn trên xe xuống và cúi tìm.

"Đây, nó đây, đã bảo mà," ông ta nói.

Ông ta mở cửa bước vào và đặt đèn lên bàn.

"Bà có nến không?"

"Tôi không biết cái gì ở đâu nữa," giọng mẹ kém vui.

Người đánh xe quẹt diêm. Có một ngọn nến ở trên bàn, và ông châm nến. Dưới ánh sáng mỏng mảnh le lói, bọn trẻ nhìn thấy một cái bếp rộng tuềnh toàng có sàn lát đá. Không rèm cửa, không thảm trải cửa lò. Cái bàn bếp mang từ nhà nằm giữa phòng. Ghế tựa để hết ở một góc, nồi niêu xoong chảo, chổi, bàn chải, bát đĩa ở một góc khác. Không củi lửa, cái vỉ lò đen thui đầy tro lạnh.

Người đánh xe quay ra sau khi đã khuân đóng hộp vào, có tiếng sột soạt dây đó hình như ngay trong nhà.

"Ôi, cái gì đấy?" hai đứa con gái kêu lên.

"Là chuột cống thôi," người đánh xe nói. Ông ta đi ra và sập cửa khiến luồng gió lùa đột ngột thổi tắt cây nến.

"Ôi trời," Phyllis kêu lên, "ước gì chúng ta không đến đây!" và làm đổ một cái ghế.

"Chỉ là chuột cống thôi chứ có gì đâu!" Peter nói trong bóng tối.

Chương 2

Mỏ than của Peter

"Vui chưa !" mẹ nói trong bóng tối, sờ soạng tìm diêm trên bàn. "Lũ chuột nhắt tội nghiệp hẳn đã sợ chết khiếp, mẹ không tin đó là chuột cống đâu." Mẹ đánh một que diêm, châm lại nến và cả nhà nhìn nhau trong ánh sáng lắt lay.

"Ồ," mẹ nói, "các con thường muốn có sự kiện xảy ra, bây giờ thì có rồi đấy. Quả là một cuộc phiêu lưu, phải không ? Mẹ đã dặn bà Viney chuẩn bị cho chúng ta một ít bánh mì bơ, thịt và vài thứ cho bữa tối. Chắc bà ấy dọn lên bàn bên phòng ăn rồi đấy. Nào ta sang đó đi."

Phòng ăn mở thông sang bếp. Trông nó tối hơn bếp khi họ cầm một ngọn nến bước vào. Bởi vì bếp quét vôi trắng, còn phòng ăn ốp gỗ sẫm màu từ sàn đến trần. Chạy suốt trần là những thanh xà đen nặng nề. Cả một mê cung hỗn độn đồ đạc phủ bụi - những thứ từ phòng ăn của ngôi nhà cũ, nơi chúng đã sống từ khi mới lọt lòng mẹ. Tưởng như đã từ thuở nào, ở nơi xa lắc nào.

Rõ ràng là ở đây có bàn ăn và ghế, nhưng không hề có bữa tối.

"Chúng ta sẽ xem những phòng khác", mẹ nói; và họ đi. Phòng nào cũng toàn đồ đạc kê dọn dở chừng, que cời lò, gấp than, bát đĩa và đủ thứ linh tinh trên sàn, mỗi đồ ăn là không có. Thậm chí trong chạn thức ăn chỉ có một hộp bánh đã gỉ, một cái đĩa vỡ đựng vôi bột.

"Bà ta tệ thật !" mẹ nói; "bà ta cầm tiền đi thế mà không cho chúng ta chút gì để ăn."

"Vậy là ta sẽ không có bữa tối ạ ?" Phyllis sững sờ hỏi, bước lùi lại và giẫm ngay phải cái đĩa đựng xà phòng làm nó kêu răng rắc.

"Ồ, có chứ," mẹ nói, "có điều ta phải mở một cái thùng lớn mà ta để ở hầm chứa. Phil, đi cẩn thận kéo vấp. Peter, cầm nến cho mẹ."

Bếp mở thông xuống hầm chứa. Có năm bậc thang gỗ dẫn xuống. Nó không giống hầm chứa chút nào, bọn trẻ nghĩ vậy, bởi vì trần của nó cũng cao như trần bếp. Một giá thịt muối treo trên trần. Có củi, và than. Và những cái thùng lớn. Peter cầm nến đứng yên một bên trong khi mẹ cố gắng mở một thùng to được đóng đinh rất cẩn thận.

"Búa đâu hả mẹ ?" Peter hỏi.

"Đây," mẹ trả lời, "ở trong thùng, chắc thế. Nhưng ta còn có một cái xẻng xúc than và que

cời lò."

Mẹ cố mở thùng bằng mấy thứ dụng cụ đó.

"Để con làm", Peter đề nghị, nghĩ rằng mình có thể làm tốt hơn. Ai cũng nghĩ thế khi nhìn người khác cời bếp, mở hộp hay tháo một nút dây.

"Mẹ sẽ đau tay mất," Roberta nói; "để con."

"Giá mà cha ở đây nhỉ" Phyllis nói, "cha sẽ mở trong chớp mắt. Sao chị lại đá em, Bobbie?"

"Đâu có," Roberta nói.

Liền đó cái đinh dài đầu tiên đã bật ra trong tiếng kèn kẹt. Rồi một chốt được gạt lên, một chốt nữa, cho đến khi cả bốn cái được gạt lên với đám đinh dài lóe lên đáng sợ như những cái răng thép trong ánh nến.

"Đây rồiiiii," mẹ reo lên, "trước tiên là có nến đã này ! Các con gái, đi châm nến đi. Các con tìm mấy cái đĩa đặt nến. Nhớ nhỏ vài giọt nến xuống đĩa thì mới dính vào được."

"Đốt mấy cây hủ mẹ?"

"Các con thích đốt bao nhiêu thì đốt," mẹ vui vẻ. "Cái chính là các con vui. Không ai có thể vui trong bóng tối trừ bọn cú mèo và chuột sóc."

Vậy là hai đứa đi châm nến. Que diêm đầu tiên bắt lửa vào ngón tay Phyllis, nhưng, như Roberta nói, nó chỉ là một nốt bỏng nhỏ thôi, nếu em là một người La Mã tử vì đạo thì em còn bị thiêu cháy nữa cơ, nếu chẳng may em sống vào thời những vụ đó được coi là mốt.

Khi phòng ăn đã rực sáng nhờ mười bốn ngọn nến, Roberta đi lấy than và gỗ rồi nhóm lò.

"Tháng Năm rồi mà trời vẫn lạnh thế này," con bé nói y như người lớn.

Ánh lửa bếp lò và ánh nến làm cho phòng ăn trông khác hẳn. Giờ thì có thể nhận ra trên các bức tường ốp gỗ tối màu, đây đó có khắc những vòng nguyệt quế và vòng tròn móc vào nhau.

Hai đứa con gái vội vã "thu dọn" phòng. Nghĩa là đặt ghế tựa sát tường, xếp các đồ linh tinh vào một góc và che kín lại bằng cái ghế bành da lớn cha thường ngồi sau bữa tối.

"Đâyyyyyy !" mẹ reo lên khi bước vào với một khay đầy thức ăn. "Cũng không đến nỗi nào ! Mẹ sẽ kiểm ngay một cái khăn trải bàn rồi..."

Khăn trải bàn ở trong một hộp có khóa hắc hoi, mở bằng chìa chứ không phải bằng xẻng, và khăn trải xong thì một bữa ăn thịnh soạn được bày ra.

Cả nhà đều quá là mệt, nhưng tất cả đều phấn chấn trước bữa tối đầy thức ăn ngon lành. Có bánh quy loại Marie và loại thường, cá mòi, mứt gừng, nho khô nấu, mứt vỏ hoa quả và mứt

cam.

"Thật may là bác Emma đã gói tất cả đồ ăn còn lại trong chạn cho mẹ con mình," mẹ nói. "Phil, không được đặt thìa mút vào đĩa cá mời nhé."

"Không đâu, mẹ," Phyllis nói, vội đặt thìa vào đĩa bánh Marie.

"Chúng ta sẽ uống chúc sức khỏe bác Emma," Roberta đột ngột lên tiếng; "không có bác gói thức ăn cho thì chúng ta biết làm gì chứ ? Vì sức khỏe bác !" Và mọi người cạn chén với rượu gừng và nước đựng trong chén trà vẽ hình cây liễu bởi vì không tìm thấy ly đâu.

Bọn trẻ đều cảm thấy là đã cư xử có phần không phải với bác Emma. Bác không phải là người ấm áp đáng yêu như mẹ, nhưng nói đi thì phải nói lại, chính bác là người chu đáo gói hết đồ ăn còn lại cho chúng mang đi.

Cũng chính bác Emma là người đã hong khô khăn trải giường cho chuyển đến nơi ở mới, và cánh thợ chuyển đồ đã đặt các khung giường vào cùng một chỗ, nhờ đó lắp lại giường cũng nhanh.

"Chúc ngủ ngon, đàn gà con của mẹ," mẹ nói. "Mẹ chắc là không có chuột. Nhưng mẹ sẽ để cửa phòng mẹ mở, nếu có chuột thì các con chỉ cần hét lên, mẹ sẽ vào nói cho nó biết mẹ nghĩ gì về nó."

Sau đó mẹ vào phòng mình. Roberta thức đến lúc nghe thấy chuông đồng hồ điểm hai tiếng. Âm thanh như là tiếng đồng hồ nhà thờ ở đâu đó rất xa vọng lại, nó luôn luôn nghĩ thế. Và nó cũng nghe thấy mẹ vẫn còn đi lại trong phòng bà.

Sáng hôm sau Roberta đánh thức Phyllis bằng cách kéo nhẹ tóc em, nhưng cũng đủ mạnh để đạt được mục đích.

"Co...ó...gi...i...l...a...à ?," Phyllis hỏi, vẫn chìm trong giấc ngủ.

"Dậy đi ! Dậy đi !" Roberta giục. "Bọn mình đang ở nhà mới, em nhớ chưa ? Không có người giúp việc gì hết. Nào, dậy mà bắt đầu ngoan đi. Bọn mình sẽ đi xuống êm như chuột và làm mọi việc đâu vào đấy trước khi mẹ dậy. Chị đã đánh thức Peter. Mình mặc quần áo xong là Peter cũng xong đấy."

Thế là chúng mặc quần áo, lặng lẽ, nhanh chóng. Hiển nhiên là không có nước trong phòng, nên chúng xuống dưới rửa ráy trong chùng mực chúng cho là cần thiết dưới vòi nước của cái bơm tay trong sân. Đứa này bơm cho đứa kia rửa. Bắn tung tóe nhưng thú vị.

"Còn thích hơn là rửa bồn," Roberta nói. "Cỏ len lên giữa các tảng đá này, rêu trên mái nhà mới lắp lánch chưa kìa, ôi lại còn cả hoa nữa."

Mái của gian bếp dốc xuống khá thấp. Trên mái lợp rạ, có rêu mọc, có hoa đá cặn trắng, hoa quế trúc, thậm chí cả một chùm hoa cờ tía ở góc đằng kia.

"Ở đây đẹp hơn hơn hơn rất nhiều biệt thự ở Edgcombe," Phyllis trầm trồ. "Không biết vườn trông thế nào nhỉ?"

"Giờ chưa phải lúc nghĩ đến vườn đâu," Roberta nói với quyết tâm mạnh mẽ. "Vào nhà bắt đầu công việc thôi."

Bọn trẻ đốt bếp lò và đặt ấm nước, rồi chúng sắp xếp bát đĩa cho bữa sáng. Chúng không tìm thấy những đồ vật cần thiết nên gạt tàn thủy tinh biến thành lọ đựng muối tuyệt vời, và giá như có bánh mì thì đựng vào cái khuôn nướng trông còn mới kia có vẻ hợp.

Khi mọi thứ xem ra đã hoàn tất, bọn trẻ đi ra ngoài đón buổi sáng rạng rỡ trong lành.

"Giờ bọn mình vào vườn đi," Peter khởi xướng. Nhưng chẳng hiểu sao chúng không tìm thấy vườn. Chúng vòng đi vòng lại quanh nhà. Sân ở sau nhà, ngang qua sân là tới chuồng ngựa và khu nhà phụ. Ba mặt còn lại của ngôi nhà đều hướng ra cánh đồng. Không hề có một mét vườn nào ngăn cách ngôi nhà với cánh đồng cỏ mọc le te xanh mướt. Nhưng rõ ràng đêm hôm trước chúng có thấy bức tường bao quanh vườn cơ mà.

Đây là miền đồi trung du. Phía dưới bọn trẻ có thể nhìn thấy đường ray và cái miệng ngoác ra đen ngòm của đường hầm. Ga tàu khuất tầm mắt không nhìn thấy. Có một cây cầu lớn với những vòm cầu cao bắc ngang cuối thung lũng.

"Quên cái vườn đi," Peter nói; "đi xuống xem đường tàu thôi. Có thể có tàu qua đây."

"Đứng đây cũng nhìn được mà," Roberta từ tốn nói; "ngồi nghỉ một lát đã."

Và cả ba ngồi xuống phiến đá lớn màu xám nhô lên trên bãi cỏ. Rải rác trên sườn đồi có rất nhiều phiến như thế. Lúc tám giờ mẹ ra tìm đã thấy chúng ngủ say trong nắng ấm.

Bọn trẻ đã nhóm lò cháy hồng và đặt ấm nước lên bếp lúc chừng năm giờ rưỡi. Vậy nên đến tám giờ thì bếp đã tàn được một lúc và nước đã cạn cháy cả ấm. Chúng cũng không nghĩ ra là phải rửa tách chén trước khi bày lên bàn.

"Nhưng không sao, ý mẹ là mấy cái chén và đĩa lót ấy," mẹ nói. "Vì mẹ đã tìm thấy một phòng khác - mẹ quên khuấy là có cái phòng đó đấy. Quả là phép màu. Và mẹ đã đun nước pha trà bằng xoong rồi."

Căn phòng bị bỏ quên mở ra bếp. Đêm trước vì trời tối và lúnh quýnh mà bốn mẹ con cứ tưởng cửa phòng là chạn bát. Đó là một phòng vuông nhỏ, trên bàn mọi thứ đã được bày biện tình tươm. Một miếng thịt bò rán nguội, cùng bánh mì, bơ, pho mát và một chiếc bánh nướng.

"Ăn sáng bằng bánh nướng !" Peter kêu lên; "tuyệt quá đi mất !"

"Không phải là bánh nướng bồ câu," mẹ nói; "chỉ là bánh táo thôi. Ờ, đây là bữa tối mà lẽ ra hôm qua chúng ta được ăn. Và có vài dòng của bà Viney. Con rể bà ấy bị gãy tay, nên bà ấy phải về nhà sớm. Sáng nay bà ấy sẽ đến lúc mười giờ."

Đó là một bữa sáng tuyệt vời. Thường thì chẳng ai bắt đầu ngày mới với bánh táo nguội, nhưng bọn trẻ đều nói chúng thích bánh hơn thịt.

"Mọi người thấy đấy, nó giống bữa trưa hơn là bữa sáng," Peter nhận xét, đưa đĩa lấy thêm, "bởi vì chúng ta dậy sớm quá."

Ngày trôi qua bằng việc giúp mẹ dỡ và sắp xếp đồ đạc. Sáu cái chân nhỏ ê ẩm vì chạy đi chạy lại trong khi chủ chúng mang quần áo, bát đĩa và đủ loại đồ vào đúng chỗ. Tới sáu giờ tối mẹ mới bảo, "Thôi ! Hôm nay thế là đủ rồi. Mẹ sẽ nằm nghỉ một tiếng để đến bữa tối thì tỉnh như sáo."

Bọn trẻ nhìn nhau, vẻ mặt mỗi đứa đều hiện lên cùng một ý nghĩ. Ý nghĩ đó gồm hai phần, như những mẫu thông tin trong cuốn *Hướng dẫn trẻ tìm hiểu*, gồm một câu hỏi và một lời đáp.

H: Chúng ta sẽ đi đâu ?

Đ: Đến đường tàu.

Vậy là bọn trẻ đi ra đường tàu. Đang bắt đầu đi thì chúng nhìn thấy nơi cái vườn giấu mình. Nó ở ngay phía sau chuồng ngựa, có bức tường cao bao quanh.

"Ồ, quên cái vườn đi !" Peter kêu. "Sáng nay mẹ bảo em nó ở đâu rồi. Mai nó vẫn còn ở đấy mà. Giờ ra đường tàu đi."

Lối xuống đường tàu thoải thoải dốc qua thảm cỏ thấp mềm mại. Đây đó những bụi kim tước và những tảng đá màu vàng xám nổi lên như những miếng mứt vỏ trái cây trên mặt bánh ga tô.

Lối đi kết thúc bằng một đoạn dốc đứng và một hàng rào gỗ - và kìa, đường tàu đây rồi, với ánh kim loại lấp lánh của thanh ray, những đường dây điện tín, những cột điện và bảng tín hiệu.

Bọn trẻ leo lên trên hàng rào. Bỗng nhiên một âm thanh ầm ầm ù ù khiến chúng nhìn dọc theo đường tàu về bên phải, nơi cái mồm tối của đường hầm mở ra trên một vách đá. Khoảnh khắc sau đó một con tàu từ miệng hầm lao ra với tiếng rú rít khùng khục, ầm ĩ phóng qua. Bọn trẻ cảm thấy luồng gió cuốn theo chuyển động của đoàn tàu và những hòn cuội bên đường ray nhảy lên lạch cạch dưới gầm tàu.

"Ôi !" Roberta nói, hít một hơi dài; "giống như một con rồng lao vụt ra ấy. Các em có thấy nó quạt chúng ta bằng đôi cánh nóng không ?"

"Em cho rằng tổ rồng giống như đường hầm kia nhìn từ bên ngoài", Phyllis nhận xét.

Nhưng Peter bảo, "Em nghĩ ta không nên đến gần đường tàu như thế này. Đây là môn thể thao xé gió dữ dội nhất !"

"Hơn cả tàu đồ chơi, đúng không nào," Roberta nói.

(Tôi phát mệt vì gọi Roberta bằng tên khai sinh. Sao tôi lại gọi thế nhỉ. Không ai gọi con bé như vậy. Mọi người đều gọi nó là Bobbie, không hiểu sao tôi không thể.)

"Em không biết; khác nhau chứ," Peter đáp. "Nhìn tận mắt toàn bộ đoàn tàu thì thấy rất kỳ lạ. Nó cao kinh khủng, nhỉ ?"

"Mình toàn nhìn thấy chúng bị ke ga cắt mất một nửa," Phyllis nói.

"Không biết con tàu đó có đi Luân Đôn không nhỉ," Bobbie trầm ngâm. "Cha đang ở Luân Đôn."

"Bọn mình xuống ga hỏi xem". Peter đưa ra ý kiến.

Thế là bọn trẻ đi.

Chúng đi dọc đường tàu, nghe tiếng dây điện tín u u trên đầu. Khi bạn ở trên tàu, dường như chỉ có một quãng ngắn ngăn từ cột điện này đến cột điện kia, và cột này nối tiếp cột kia đuổi theo đường dây khiến bạn khó mà đếm được. Nhưng khi bạn phải đi bộ thì các cột điện có vẻ ít và cách xa nhau.

Cuối cùng bọn trẻ đã tới ga.

Cho đến lúc này thì chưa đứa nào từng tới nhà ga bao giờ, trừ những lần đi tàu hay đợi tàu, và lần nào cũng có người lớn trông nom, mà người lớn vốn chẳng có hứng thú gì với nhà ga, họ chỉ mong sớm đi khỏi đó.

Chúng cũng chưa từng tới gần trạm phát tín hiệu để có thể phân biệt được các dây nhợ và nghe tiếng "pinh pinh" bí hiểm, tiếp theo là tiếng lách cách gọn chắc của máy móc.

Các thanh tà vẹt mà đường ray gối lên làm thành lối đi tuyệt vời. Chúng cách đều nhau một khoảng vừa vặn để làm thành những tảng đá kê bước trong trò thác sỏi bọt được Bobbie nhanh trí bày ra.

Sau đó, vào ga không qua phòng bán vé mà theo kiểu trình sát, lên qua đầu dốc ke ga, mới thú vị làm sao.

Cũng thú vị không kém khi nhìn lên vào phòng người trực cổng. Trong đó có những ngọn đèn và tấm niên lịch đường sắt trên tường, một người ngủ gà ngủ gật sau tờ báo *Tuần tin đường sắt*.

Có rất nhiều đường ray giao cắt nhau chạy qua ga. Một số chạy vào sân ke rồi dừng khựng lại, như thể chúng làm việc mệt quá rồi và muốn nghỉ hưu. Những toa hàng đứng trên đường ray, phía bên kia là đồng than đồ sộ, không phải là than đổ thành đồng như trong gian chứa than ở nhà, mà như cả một tòa nhà chắc chắn với các bức tường than lớn vuông vức ở phía ngoài trông như gạch xếp, và xếp cao mãi cho tới lúc trông giống như trong bức tranh "Những thành phố miền châu thổ" trong cuốn *Những câu chuyện từ Kinh Thánh* cho con trẻ. Có một đường vôi trắng gần đỉnh bức tường than.

Ngay sau đó, khi nhìn thấy người trực uể oải bước ra khỏi phòng lúc kẻo treo trên cửa ga vang lên hai hồi tươi vui, Peter lễ phép chào, "Cháu chào chú !" rồi mau mồm mau miệng hỏi vạch trắng trên bức tường than là để làm gì.

"Để đánh dấu mức than," người trực nói, "để biết có đũa nào ăn cắp than không. Vậy nên đừng có đút than vào túi rồi chuồn đấy, quý ông trẻ tuổi ạ."

Lúc bấy giờ đó có vẻ như chỉ là câu đùa vui, và Peter ngay lập tức cảm thấy đây là một người thân thiện, chẳng có ý xấu về mình. Sau này nghĩ lại, Peter nhận ra rằng lời đó mang một nghĩa khác.

Bạn đã từng vào bếp một nông trại vào hôm họ nướng bánh chưa ? Và nhìn khối bột nhào để canh lò cho nở ? Nếu có, và nếu lúc ấy bạn hãy còn trẻ con nên luôn hứng thú với mọi thứ mình nhìn thấy thì hẳn bạn còn nhớ lúc đó bạn không sao kìm mình được bèn thọc ngón tay vào khối bột tròn mềm nở lên trong cái xoong như chiếc nắm khổng lồ. Và hẳn bạn còn nhớ ngón tay bạn để lại vết lõm trên bột, và rồi, từ từ nhưng rất chắc chắn, vết lõm biến mất, khối bột lại trông y hệt như trước khi bạn động vào. Tất nhiên trừ phi ngón tay bạn quá bẩn, trong trường hợp này đương nhiên bạn sẽ để lại một vết đen nho nhỏ.

Nỗi buồn mà bọn trẻ cảm nhận về sự vắng mặt của cha cùng tâm trạng không vui của mẹ cũng hệt như vậy. Nó gây nên một vết hằn sâu, nhưng vết hằn không kéo dài.

Chúng nhanh chóng quen với việc cha vắng nhà, mặc dù chúng không quên ông, và chúng cũng quen với việc không đến trường, việc ít thấy mẹ - bây giờ mẹ suốt ngày đóng cửa trong phòng viết trên gác, viết hoài viết mãi. Bà thường xuống vào bữa trà và đọc to những câu chuyện vừa viết. Những câu chuyện hết sức thú vị.

Những tảng đá, ngọn đồi, thung lũng, cây cối, con kênh, và hơn hết là đường tàu, đều mới

mê và hấp dẫn đến nỗi kỷ ức về cuộc sống trước đây trong ngôi biệt thự gần như đã thành giấc mơ.

Mẹ bảo chúng không chỉ một lần rằng nhà hiện "khá túng bấn". Nhưng có vẻ mẹ chỉ nói vậy thôi. Những người lớn, thậm chí các bà mẹ, thường đưa ra những nhận xét không có ý nghĩa gì đặc biệt, như thể nói chỉ để mà nói. Trong nhà luôn đủ thức ăn, và bọn trẻ vẫn mặc những bộ quần áo đẹp đẽ trước kia.

Nhưng tháng Sáu có ba ngày mưa, buốt như dao chích, lạnh cóng. Không ai dám ra ngoài, mọi người rét run. Bọn trẻ lên gõ cửa phòng mẹ.

"Ồ, có việc gì thế?" tiếng mẹ hỏi.

"Mẹ," Bobbie nói, "con nhóm lò được không? Con biết nhóm mà."

"Không, vệt con của mẹ. Chúng ta không được phép đốt lò trong tháng Sáu, than rất đắt. Nếu lạnh các con lên gác xếp mà chơi. Sẽ ấm người lên đấy."

"Nhưng, mẹ, đốt lò chỉ mất một tí than thôi mà".

"Một tí chúng ta cũng không có tiền mua đâu, gà yêu của mẹ", mẹ vui vẻ nói. "Giờ thì đi chơi đi, các con yêu, mẹ đang bận bù đầu đây."

"Mẹ giờ toàn bận thôi anh nhỉ", Phyllis thăm thò với Peter. Thăng bé không trả lời, chỉ nhún vai và suy nghĩ.

Tuy nhiên ý nghĩ đó không thể nán lại lâu trong đầu khi có những đồ vật thích hợp để làm thành hang ổ một tên cướp trên gác xếp. Peter sắm vai tên cướp, tất nhiên. Bobbie là phó thủ lĩnh trong toán cướp đầy tiếng tăm và khi cần thì lại thành phụ huynh của Phyllis - con bé bị bắt cóc - và muốn chuộc con bé thì phụ huynh phải ngay lập tức trả một khoản lớn bằng đậu ngựa.

Cả bọn xuống uống trà, hào hứng vui sướng như những tên lục lâm thứ thiệt.

Nhưng khi Phyllis định phết thêm mứt dẻo và bơ vào bánh mì, mẹ bảo, "Mứt hoặc bơ thôi, con yêu, không được ăn cả mứt lẫn bơ. Giờ mẹ con ta không có tiền để hoang phí thế con ạ."

Phyllis ăn lát bánh mì bơ trong im lặng, lát tiếp theo nó ăn bánh mì với mứt. Peter hòa ý nghĩ với trà loãng.

Sau bữa trà, chúng lại lên gác thượng và Peter nói với hai đứa kia.

"Em nghĩ ra cái này hay lắm."

"Cái gì vậy?" hai con bé nhũn nhặn hỏi.

"Em không nói," lời đáp thật bất ngờ.

"Ồ, không sao," Bobbie nói; và Phyllis tiếp lời, "Thế thì anh đừng nói."

"Bọn con gái lúc nào cũng nặng xì hết cả lên," Peter nói.

"Chị muốn biết thế bọn con trai thì sao", Bobbie nói với vẻ coi thường rõ rệt. "Chị chả thèm quan tâm tới ý tưởng ngốc nghếch của em."

"Rồi hai người khắc biết," Peter đáp, không biết chính xác điều thần kỳ nào đã khiến nó giữ bình tĩnh đến vậy; "chỉ vì muốn tốt cho hai người nên em không biết có nên kể ra không. Nếu hai người không hay to chuyện thì em đã kể rồi. Nhưng giờ thì em không kể gì nữa. Vậy xong!"

Và thuyết phục mãi thằng bé mới chịu nói ra, mà cũng chỉ nói một tí chút. Nó bảo, "Lý do duy nhất em không kể cho hai người ý tưởng em sẽ thực hiện là vì nó có thể là việc làm sai trái, và em không muốn lôi hai người vào việc này."

"Nếu sai trái thì em đừng làm, Peter," Bobbie nói; "để chị làm cho."

Nhưng Phyllis lên tiếng, "Em cũng muốn làm điều sai trái nếu anh chị làm."

"Không," Peter nói, cảm động vì sự hy sinh này, "nó là hy vọng duy nhất, và em sẽ thực hiện nó. Tất cả những gì em yêu cầu là nếu mẹ hỏi em đâu thì hai người đừng hót lẻo."

"Bọn chị biết gì đâu mà hót lẻo," Bobbie giận dữ.

"Ô, có chứ, hai người biết chứ!" Peter nói, đánh rơi một hạt đậu ngựa qua kẽ tay. "Em vô cùng tin tưởng hai người. Hai người biết đấy, em sẽ lên đường phiêu lưu một mình. Có thể một số người nghĩ việc đó là sai trái, em thì không. Nếu mẹ hỏi em đâu, nhớ nói em đang chơi ở chỗ nhé."

"Mở nào?"

"Chỉ nói mở thôi thì ai biết mở nào chứ?"

"Em có thể kể cho bọn chị, Peter."

"Thôi được, là mở than. Nhưng dù có bị tra tấn hai người cũng không được để từ đó lọt qua môi đâu đấy."

"Em không phải dọa," Bobbie nói, "chị nghĩ em phải để bọn chị giúp."

"Nếu em tìm ra mở than, hai người sẽ phải giúp chuyển than đấy," Peter nhún nhường hứa.

"Hãy giữ bí mật của anh nếu anh thích," Phyllis nói.

"Hãy giữ nó nếu em có thể," Bobbie tiếp lời.

"Em sẽ giữ, nhất định thế," Peter khẳng định.

Giữa bữa trà và bữa tối là khoảng thời gian nghỉ ngơi, kể cả trong những gia đình tham công tiếc việc nhất. Vào giờ đó, mẹ thường viết, còn bà Viney về nhà.

Hai tối sau khi ý tưởng của Peter nảy ra, nó bí mật ra hiệu cho hai đứa con gái vào lúc nhá nhem tối.

"Đi theo em," thằng bé nói, "mang theo cả Roman Chariot đi."

Roman Chariot là cái xe nôi rất cũ, vút xó hàng năm trời trên gác xép nhà xe. Bọn trẻ tra dầu cho đến khi nó lướt êm không tiếng động như xe đạp, và sửa lại tay đẩy như mới.

"Theo người chỉ huy can đảm của các bạn," Peter ra lệnh, dẫn đường xuống dốc hướng về nhà ga.

Trên bãi cỏ nhìn xuống nhà ga có những tảng đá nhô đầu lên như thể chúng cũng thích ngấm đường tàu giống bọn trẻ.

Trong một hốc nhỏ giữa ba tảng đá có một lùm mâm xôi và thạch nam khô.

Peter dừng lại, đưa chân mang chiếc giày sút sẹo lật lùm cây lên mà nói, "Đây là lớp than đầu tiên từ mỏ của Thánh Peter. Chúng ta sẽ lấy xe nôi chở về. Hãy khẩn trương lên. Phải tuân thủ chính xác mọi mệnh lệnh. Bất kỳ viên than có hình khối nào cũng được cắt theo ý khách hàng".

Xe nôi được xếp đầy than. Xếp xong lại phải dỡ ra vì nó nặng đến nỗi ba đứa trẻ không thể đẩy lên dốc, ngay cả khi Peter tự thắng cương vào tay xe bằng dây đeo quần, rồi một tay túm chặt thắt lưng ra sức kéo còn hai đứa con gái đẩy phía sau.

Mất ba chuyến mới chở hết số than từ mỏ của Peter về đồng than của mẹ trong hầm. Sau đó Peter đi một mình, lúc quay về nó đen sì và bi hiểm.

- Em ở mỏ than về" thằng bé nói; "tối mai chúng ta sẽ chuyển những viên kim cương đen về bằng xe nôi".

Một tuần sau đó bà Viney bảo với mẹ là chỗ than còn lại đốt mãi mà không thấy hết.

Bọn trẻ ôm nhau cố nén tiếng cười khi nghe tin đó ở cầu thang. Chúng quên khuấy rằng Peter từng bắn khoăn không biết việc khai thác than là đúng hay sai.

Rồi đến một đêm đáng sợ khi trưởng ga xỏ đôi giày đi trên cát cũ của ông đã dùng trên bãi biển vào vào kì nghỉ hè, rón rén đi ra sân nơi có đồng than của Sodom và Gomorrah *(những thành phố tội lỗi bị Chúa trừng phạt trong kinh Thánh)* với vạch vôi trắng chạy quanh. Ông rón rén tới đó rình như mèo bên hang chuột. Có vật gì nhỏ nhỏ màu đen đang lạch cạch sờ soạng trên đồng than.

Trưởng ga nấp trong bóng tối của một toa công cụ có ống khói thiếc nhỏ nhỏ đề hàng chữ

G.N & S. R

34576

Lập tức quay về Đường tránh Thạch Nam Trắng

và ông cứ nấp ở đó chờ tới lúc vật nhỏ bé trên đồng than ngừng lạch cạch sờ soạng, tiến ra rìa đồng, thận trọng tụt xuống, kéo theo vật gì đó. Rồi cánh tay của trưởng ga giơ lên, bàn tay chộp lấy một cái cổ áo jacket và thế là Peter bị túm chặt với cái bao thợ mộc cũ đầy than trong nắm tay run rẩy.

"Vậy là cuối cùng tao đã tóm được mày, đúng không, tên trộm nhãi ranh ?" trưởng ga nói.

"Tôi không phải là trộm," Peter nói cứng cỏi hết mức. "Tôi là người khai thác than."

"Đi mà nói với Lực lượng Thủy quân Hoàng gia ấy," trưởng ga đáp.

"Gặp ai tôi cũng sẽ nói thế thôi, vì đó là sự thật," Peter nói.

"Mày đang ở hiện trường," ông kia túm cổ Peter nói. "Ngậm mồm lại, thằng lỏi con ghê gớm, ra đồn."

"Ồ, không," một giọng sợ hãi kêu lên trong bóng tối, không phải giọng Peter.

"Đừng ra đồn cảnh sát," một giọng khác vang lên.

"Chưa," trưởng ga nói. "Trước hết ra ga đã. Rõ ràng là một băng nhà nghề. Còn những đứa nào nữa ?"

"Chỉ có chúng cháu thôi", Bobbie và Phyllis bước ra khỏi bóng tối của một toa chở hàng nhãn Staveley Colliery, mang trên mình cái huyền thoại viết bằng phấn trắng, "Bị bắt trên Đường 1".

"Ông có ý gì khi theo dõi người ta kiểu này ?" Peter giận dữ.

"Thì rốt cuộc cũng phải có ai đó theo dõi mày chứ," trưởng ga nói. "Đi ra ga."

"Ôi, xin đừng !" Bobbie nói. "Ông có thể quyết định xử chúng cháu ngay bây giờ không ? Tội của chúng cháu cũng nặng như Peter vậy. Chúng cháu giúp chở than đi, và chúng cháu biết em lấy than ở đâu."

"Không, bọn chị không biết," Peter nói.

"Có, bọn chị biết," Bobbie nói. "Bọn chị biết hết, nhưng giả vờ là không biết để em hài lòng."

Đến đây thì Peter không thể chịu được nữa. Nó khai thác than. Nó vác than. Nó bị bắt và bây

giờ nó biết rằng chị và em gái nó đã giả vờ để làm "hài lòng" nó.

"Đừng giữ tôi !" thằng bé nói. "Tôi không thèm chạy đâu."

Trưởng ga buông cổ áo Peter ra, đánh một que diêm, nhìn chúng trong ánh sáng chập chờn.

"Giời ạ," ông hỏi, "các cháu là lũ trẻ ở ngôi nhà Ba Ống Khói trên kia. Ăn mặc cũng đàng hoàng. Nói xem điều gì khiến các cháu làm việc này ? Các cháu đã từng đến nhà thờ hay học giáo lý hay thứ gì khác chưa mà không biết ăn cắp là xấu ?"

Ông nói nhẹ nhàng hơn hẳn, và Peter trả lời, "Cháu không nghĩ đây là ăn cắp, cháu hầu như tin chắc là không. Cháu nghĩ nếu lấy từ phía ngoài đồng thì có lẽ đúng là ăn cắp. Nhưng lấy ở giữa đồng thì cháu nghĩ là có thể coi như khai thác than. Ông phải mất hàng nghìn năm thì mới đốt hết chỗ than đó đặt vào đến giữa đồng."

"Không hẳn. Nhưng các cháu lấy để chơi hay để làm gì ?"

"Nếu chơi thì chúng cháu không việc gì phải tha bao tải nặng thế này lên dốc," Peter phản nộ đáp.

"Vậy tại sao ?" Giọng của trưởng ga ân cần đến nỗi Peter bèn bộc bạch, "Ông biết mấy hôm vừa rồi lạnh ra sao chứ ? Vâng, mẹ nói nhà cháu quá nghèo không thể mua than để đốt lò. Hồi ở ngôi nhà trước đây chúng cháu bao giờ cũng có lò sưởi khi trời rét, thế mà..."

"Đừng !" Bobbie thăm thì ngắt lời.

"Được," trưởng ga nói, đoạn xoa cằm nghĩ ngợi. "Ông cho các cháu biết ông sẽ làm gì. Ông bỏ qua lần này. Nhưng cháu, quý ông trẻ tuổi ạ, hãy nhớ ăn cắp là ăn cắp, cái gì của ông thì không phải là của cháu, dù cháu gọi đó là khai thác. Chạy về nhà đi."

"Ý ông là ông sẽ không làm gì chúng cháu ạ ? Ôi, ông tốt quá," Peter hào hứng nói.

"Ông đúng là đáng yêu," Bobbie tiếp lời.

"Ông đúng là dễ thương," đến lượt Phyllis.

"Được rồi, được rồi," trưởng ga nói.

Và họ chia tay.

"Đừng nói chuyện với em," Peter nói khi cả ba leo dốc. "Hai chị em là gián điệp, là đồ phản bội. Hai chị em là thế đấy !"

Nhưng hai đứa con gái quá sung sướng vì có Peter cùng về Ba Ống Khói an toàn và tự do chứ không phải tới đồn cảnh sát nên không hề bận tâm câu nói của nó.

"Bọn chị đã nói bọn chị cũng như em rồi còn gì nữa," Bobbie nói nhẹ nhàng.

"Ờ, như làm sao được."

"Lẽ ra những chuyện như thế này có thể bị đưa ra tòa rồi đấy", Phyllis nói. "Đừng cố chấp, Peter. Bí mật của anh rất dễ phát hiện đâu phải lỗi của bọn em." Nó khoác tay anh và thằng bé để yên như thế.

"Dù sao cũng có rất nhiều than trong kho rồi," Peter nói.

"Ồ, không !" Bobbie nói. "Chị không nghĩ chúng ta nên tự hào về điều đó."

"Em không biết," Peter lấy hết tinh thần đáp. "Ngay cả lúc này em cũng không hoàn toàn chắc rằng khai thác là phạm tội."

Hai đứa con gái thì đã hoàn toàn chắc. Và chúng cũng chắc rằng Peter tin chắc như thế dù thằng bé khó tiếp nhận điều này đến đâu chăng nữa.

Chương 3

Ông cụ lịch lãm

Sau cuộc phiêu lưu của Peter với mỏ than, có lẽ bọn trẻ nên tránh xa nhà ga thì tốt hơn. Nhưng không, bởi chúng không thể tránh xa đường tàu. Chúng đã sống cả đời ở một con phố nơi ô tô, xe buýt ầm ì suốt ngày đêm và bất cứ lúc nào cũng có thể thấy xe hàng của người bán thịt, bán bánh và giá nến (tôi chưa từng nhìn thấy xe hàng của người làm giá nến, còn bạn?). Ở đây trong không gian tĩnh lặng sâu thẳm của vùng nông thôn mơ ngủ, thứ duy nhất chạy qua là các chuyến tàu. Dường như đó là những gì cuối cùng còn lại nối bọn trẻ với cuộc sống cũ xưa kia. Thẳng dưới dốc, đối diện với Ba Ống Khói là đoạn đường hẳng ngày sáu bàn chân nhỏ vạch một lối đi qua đồng cỏ mọc đầy giống cỏ thấp xanh rì. Chúng bắt đầu biết đoàn tàu nào sẽ qua vào giờ nào, và đặt tên cho các đoàn tàu đó. Chuyến 9 giờ 15 phút lên được gọi là Rừng Xanh. Chuyến 10 giờ 7 phút xuống là Giun Cửa Wantley. Chuyến tàu nhanh nửa đêm sầm sập lao qua khiến bọn trẻ đôi khi choàng dậy khỏi giấc mơ được gọi là Nỗi Sợ Hãi Bay Trong Đêm. Một lần Peter thức dậy trong ánh sao lạnh buốt, nhìn thấy đoàn tàu qua rèm cửa, thẳng bé tức thời bật ra cái tên đó.

Ông cụ lịch lãm đi trên chính Rừng Xanh. Ông là một ông cụ lịch lãm trông rất tử tế, và có vẻ như ông cũng tử tế, hai cái "tử tế" này khác nhau nhé. Ông có khuôn mặt hồng hào khỏe mạnh, cạo râu cẩn thận, mái tóc bạc phơ, cổ áo hình thù là lạ, và đội cái mũ ống chẳng giống ai. Tất nhiên bọn trẻ lúc đầu không nhận ra những thứ này. Điều đầu tiên chúng chú ý là bàn tay ông.

Đó là vào một buổi sáng, bọn trẻ ngồi trên hàng rào đợi Rừng Xanh. Nó đã muộn ba giờ mười lăm phút theo đồng hồ Waterbury của Peter, món quà nó được tặng trong lần sinh nhật vừa rồi.

"Rừng Xanh đi đến nơi cha mình đang ở," Phyllis nói; "giá nó là rừng thật thì chúng ta có thể chặn nó lại nhờ công tình yêu của chúng mình tới cho cha."

"Bọn rừng không công tình yêu của con người đâu," Peter nói.

"Có, chúng có công chứ, miễn ta dạy chúng cẩn thận. Chúng nhận tình yêu rồi mang trên lưng giống như chó cảnh ấy," Phyllis nói, "và mình để đồ ăn của chúng trên tay mình cho chúng ăn. Sao cha chẳng bao giờ viết cho chúng mình nhỉ?"

"Mẹ bảo là cha bận lắm," Bobbie nói; "nhưng ít lâu nữa cha sẽ viết thôi, mẹ nói thế."

"Em bảo này", Phyllis gợi ý, "lát nữa Rõng Xanh đi qua chúng mình cùng vẫy chào nhé. Nếu nó là rõng thần, nó sẽ hiểu và mang tình yêu của chúng mình tới cho cha. Còn nếu không, ba cái vẫy tay cũng có mất gì đâu. Đừng bỏ lỡ dịp này."

Do đó khi Rõng Xanh phì phò lao ra miệng hang, tức là đường hầm ấy, cả ba đứa đứng trên hàng rào ra sức vẫy vẫy khăn mùi soa, chẳng bận tâm khăn sạch hay không sạch. Có điều mấy cái khăn tay thực tế là không sạch.

Từ toa tàu hạng nhất, một bàn tay vẫy lại. Một bàn tay rất sạch, cầm một tờ báo, bàn tay của ông.

Từ đó, đã thành lệ vẫy tay giữa bọn trẻ và tàu lúc 9 giờ 15 phút.

Bọn trẻ, đặc biệt là hai đứa con gái, thích nghĩ rằng có thể ông cụ lịch lãm kia có biết cha, và hay gặp cha "trong công việc" dù cuộc hẹn kín đó có diễn ra ở đâu đi nữa, và kể cho cha nghe sáng nào ba đứa con cha cũng đứng trên hàng rào ở một miền quê xanh tươi xa lắc, vẫy tay gửi tình yêu của chúng tới cha, dù mưa hay nắng.

Bởi vì bây giờ chúng có thể ra ngoài trong mọi thời tiết, hồi còn sống trong biệt thự chúng có vậy đâu. Đây là công của bác Emma, và bọn trẻ ngày càng cảm thấy mình đã không công bằng với bà bác kém duyên, chúng nhận ra rằng mấy đôi ghệt dài và áo mưa mà lúc bác mua cho thì chúng đã cười bác, giờ hóa ra lại có ích biết chừng nào.

Bây giờ mẹ lúc nào cũng rất bận với việc viết lách. Bà đã gửi đi nhiều phong bì dài màu xanh đựng tác phẩm của mình và cũng nhận được những phong bì lớn đủ cỡ đủ màu. Thỉnh thoảng bà thở dài khi mở phong bì và nói, "Lại một truyện quay về ngủ. Ôi không, ôi không!"

Những lúc đó bọn trẻ rất buồn.

Thỉnh thoảng bà huơ huơ một phong bì mà nói, "Hoan hô, hoan hô, một biên tập viên sáng suốt. Ông ta đã nhận truyện của mẹ, bằng chứng đây."

Thoạt đầu bọn trẻ nghĩ rằng "bằng chứng" là bức thư của biên tập viên sáng suốt kia, nhưng rồi chúng hiểu ra rằng bằng chứng là tập giấy nhỏ dài in truyện của mẹ.

Cứ khi nào có một biên tập viên sáng suốt là có bánh nho cho bữa trà.

Một hôm Peter xuống làng mua bánh nho để đánh dấu sự sáng suốt của một biên tập viên cho truyện *Trái đất của trẻ em* thì nó gặp trưởng ga.

Peter cảm thấy không thoải mái bởi vì giờ nó đã có thời gian nghĩ lại về vụ mổ than. Thằng bé không thích chào trưởng ga, như người ta thường làm với bất kỳ ai mình gặp trên đường làng vắng vẻ, bởi vì nó cảm thấy mặt nóng bừng, nóng đến cả hai tai, khi nghĩ rằng có thể

trưởng ga không thèm nói chuyện với đứa ăn cắp than. "Ăn cắp" là một từ xấu, nhưng Peter cảm thấy từ ấy đúng. Nên nó nhìn xuống, im lặng.

Nhưng chính trưởng ga đã mở lời "Chào cháu" khi ông đi qua. Peter đáp lại, "Cháu chào ông." Rồi cậu nghĩ, "Có thể ban ngày ông không nhận ra mình. Không thì ông đã chẳng lịch sự thế."

Cảm giác mà ý nghĩ đó gây ra quả là không dễ chịu. Và cậu chạy theo trưởng ga mà chưa biết mình sẽ làm gì. Ông đã đứng lại khi nghe tiếng giày vôi vĩa của Peter thậm thịch trên đường. Cậu chạy lại gần ông, thở hổn hển với đôi tai đỏ tía như mào gà, và nói, "Cháu không muốn ông lịch sự với cháu khi gặp cháu nếu ông không biết cháu là ai."

"Sao?" trưởng ga không hiểu.

"Cháu nghĩ có thể ông không biết chính cháu là người đã lấy than," Peter tiếp tục, "khi ông nói 'Chào cháu'. Nhưng đúng là cháu. Cháu xin lỗi."

"Dào ôi," trưởng ga nói, "ông hoàn toàn không để bụng chuyện mấy viên than quý hóa kia đâu. Chuyện qua rồi còn để bụng làm gì nữa. Mà cháu đi đâu vôi thế?"

"Cháu đi mua bánh nho cho bữa trà," Peter đáp.

"Ông cứ tưởng là gia đình cháu không có điều kiện," trưởng ga nhận xét.

"Đúng thế ông ạ," Peter tự tin đáp. "Nhưng nhà cháu luôn luôn có dăm ba đồng nửa xu cho bữa trà mỗi khi mẹ bán được một câu chuyện hay bài thơ hay đại loại thế."

"Ồ," trưởng ga thốt lên, "thế mẹ cháu viết truyện có phải không?"

"Hay nhất trong số những truyện ông từng đọc nhé," Peter đáp.

"Hắn cháu rất tự hào có người mẹ thông minh như thế?"

"Vâng, nhưng hồi mẹ chưa phải thông minh như thế thì mẹ thường chơi với chúng cháu nhiều hơn."

"À," trưởng ga nói, "giờ ông phải đi có việc. Các cháu cứ đến ga thăm nhà ông khi nào các cháu muốn nhé. Còn về than, nó là một từ mà ồ, không, không, chúng ta không bao giờ được đề cập đến nữa, nhớ chưa?"

"Cảm ơn ông", Peter nói. "Cháu rất mừng là mọi việc giữa chúng ta đã rõ ràng."

Và nó đi qua cầu vào làng mua bánh, cảm thấy như trút được gánh nặng vẫn mang theo trong lòng kể từ cái đêm bàn tay ông trưởng ga túm áo nó khi nó đang lấy than.

Hôm sau, khi chúng gửi ba cái vẩy tay tới cha qua Rừng Xanh, và ông già lịch lãm vẩy lại như

thường lệ xong, Peter tự hào dẫn đường tới ga.

"Chúng ta có nên không?" Bobbie hỏi.

"Sau vụ than, ý chị ấy định nói thế," Phyllis giải thích.

"Hôm qua em gặp ông trưởng ga," Peter không ngần ngại kể, và vờ không nghe thấy Phyllis nói; "ông có ý mời chị em mình xuống chơi bất cứ lúc nào chị em mình muốn."

"Sau vụ than á?" Phyllis nhắc lại. "Chờ em tí, dây giày của em lại tuột rồi."

"Nó lúc nào chả tuột" Peter nói, "và ông trưởng ga quân tử hơn đứt em đấy, Phil ạ - em thì chỉ đá đểu người khác là tài."

Phyllis buộc lại dây giày và im lặng đi tiếp. Nhưng vai con bé rung lên và tức thời một giọt nước lớn trượt qua mũi rơi tóe xuống bề mặt kim loại của đường ray. Bobbie nhìn thấy.

"Sao, sao vậy, em yêu?" con bé dừng ngay lại và vòng tay ôm lấy đôi vai đang rung lên.

"Anh ấy bảo em kh...ô...ô...ông quân tử," Phyllis nức nở. "Em chẳng bao giờ bảo anh ấy không dịu dàng. Thậm chí khi anh ấy buộc Clorinda của em vào bó củi và châm lửa đốt để Clorinda tử vì đạo."

Đúng là Peter đã gây nên trò tàn bạo này một hai năm trước.

"Ồ, chính em đã khơi mào, em biết đấy", Bobbie thẳng thắn nói, "về chuyện than và về mọi việc. Em có nghĩ là nên rút lại tất cả những lời mình nói từ lúc vẫy tay và rồi xí xóa mọi chuyện không?"

"Em sẽ làm thế nếu Peter làm thế," Phyllis vừa nói vừa sụt sịt.

"Được rồi" Peter nói; "xí xóa mọi chuyện. Đây, dùng mùi soa của anh, Phil, vì Chúa, nếu em lại đánh mất khăn như mọi khi. Không biết em đã làm gì với chúng nữa."

"Cái khăn của em lần trước bị anh lấy," Phyllis tức mình nói, "để buộc cửa chuồng thỏ còn gì nữa. Anh đúng là đồ vô ơn. Đúng y như câu trong quyển thơ, một đứa con không răng còn độc địa hơn một con rắn. Không răng ý nói là vô ơn đấy. Cô Lowe bảo thế."

"Được rồi," Peter sốt ruột nói, "anh xin lỗi. Được chưa? Bây giờ em có đi không?"

Họ đến ga và chuyện trò vui vẻ suốt hai giờ với người trực cổng. Chú ta là người tốt bụng và xem ra trả lời không biết mệt những câu hỏi bắt đầu bằng "Tại sao...", những câu hỏi mà nhiều người có địa vị cao trong xã hội tỏ ra ngán ngấm.

Chú bảo chúng nhiều điều mà chúng không biết, chẳng hạn như, cái vật dùng để móc các toa xe lại với nhau gọi là móc nối còn những ống giống như con rắn lớn phía trên móc nối là để

dừng tàu.

"Nếu tàu đang chạy mà ta nắm được một ống và kéo ra thì cô ấy sẽ đứng khựng lại," người trực nói.

"Cô ấy là ai ạ?" Phyllis hỏi.

"Tất nhiên là đoàn tàu rồi," người trực trả lời. Từ đó bọn trẻ không bao giờ gọi đoàn tàu là "nó" nữa.

"Và cô cậu biết trong toa có những thứ có dòng chữ đề 'Sử dụng khi không cần thiết bị phạt năm bảng' rồi đấy. Nếu sử dụng khi không cần thiết thì tàu sẽ dừng lại đấy."

"Còn nếu sử dụng khi cần thiết thì thế nào ạ?" Bobbie hỏi.

"Thì nó cũng sẽ dừng lại thôi," chú ta nói, "nhưng không cần thiết nếu không phải bị cướp. Một lần có một quý bà, cũng lớn tuổi rồi, nghe ai bảo đó là chuông phòng điếm tâm giải khát. Thế là bà ấy đã ấn chuông khi không cần thiết, dù đôi thì cũng đâu phải chuyện gì nguy hiểm đến tính mạng. Khi tàu dừng và bảo vệ đến xem có ai đang gặp nguy hiểm, bà ấy nói, 'Ồ, thưa ông, lấy cho tôi một cốc bia nâu nặng và một bánh ngọt nhân lý gai'. Bà ấy nói thế, còn tàu thì chậm bảy phút so với lịch trình."

"Thế người bảo vệ đã nói gì với quý bà ấy ạ?"

"Chịu," chú ta đáp, "nhưng dù bác ta nói gì đi nữa thì tôi cá là bà ấy cũng không dễ quên ngay đâu."

Những cuộc chuyện trò thú vị như thế làm thời gian trôi rất nhanh.

Có một đôi lần ông trưởng ga bước ra từ ngôi đèn thiêng sau phòng có ô cửa bán vé, và rất vui khi gặp bọn trẻ.

"Cứ như chuyện mình lấy than chưa bao giờ bị phát hiện ấy," Phyllis thầm thì với Bobbie.

Ông cho mỗi đứa một quả cam và hứa hôm nào rảnh sẽ dẫn chúng lên trạm phát tín hiệu.

Vài chuyến tàu qua ga, giờ Peter mới để ý thấy tàu cũng đánh số như ô tô.

"Đúng.." người trực kể, "tôi biết có một chàng trai thường giữ sổ của mỗi con tàu anh ta gặp vào cuốn sổ màu xanh lá cây có bốn góc bọc bạc, ấy là nhờ có ông bố bán hàng văn phòng phẩm lắm tiền".

Peter nghĩ rằng nó cũng có thể ghi số tàu, dù nó không phải là con trai người bán văn phòng phẩm. Vì nó không có sẵn cuốn sổ xanh lá cây bốn góc bọc bạc nên người trực cố đưa cho nó một phong bì vàng, nó bèn ghi vào đó và cảm thấy đây là khởi đầu của bộ sưu tập vô cùng thú

vị.

Tối hôm đó vào lúc uống trà thẳng bé hỏi mẹ xem bà có cuốn sổ bìa da xanh lá cây bốn góc bọc bạc nào không. Mẹ không có. Nhưng khi biết Peter muốn có cuốn sổ để làm gì, mẹ đưa cho thẳng bé một cuốn bìa đen nho nhỏ. "Nó bị mất vài trang," mẹ nói, "nhưng còn ghi chép được rất nhiều số, khi nào nó hết mẹ sẽ đưa con cuốn khác. Mẹ rất hài lòng vì các con thích đường tàu, chỉ có điều nhớ là không được đi trên đường ray đâu đấy."

"Không được đi trên đó nếu tàu đang chạy tới phải không mẹ?" Peter hỏi sau một thoáng tư lự, những ánh mắt thất vọng gặp nhau.

"Không, tuyệt đối không", mẹ nói.

Rồi Phyllis hỏi, "Mẹ, hồi bé mẹ có bao giờ đi trên đường ray không?"

Mẹ là một bà mẹ trung thực và tự trọng, nên bà phải trả lời, "Có."

"Đấy, mẹ cũng đi còn gì?" Phyllis nói.

"Nhưng các con yêu, các con không biết mẹ yêu các con chừng nào. Mẹ biết làm gì nếu các con bị tai nạn đây?"

"Mẹ yêu chúng con hơn bà yêu mẹ hồi bé chứ?" Phyllis hỏi.

Bobbie ra hiệu cho nó dừng lại, nhưng Phyllis chẳng bao giờ hiểu ý, dù những tín hiệu đó có rõ ràng đến mấy.

Mẹ im lặng một lúc. Bà đứng lên rót thêm nước vào ấm trà. "Chưa từng có ai yêu ai nhiều hơn bà ngoại yêu mẹ," cuối cùng bà nói.

Sau đó bà lại im lặng. Bobbie đá mạnh vào chân Phyllis dưới gầm bàn, bởi vì nó hiểu đôi chút những suy tưởng khiến mẹ im lặng, suy tưởng về thời mẹ còn nhỏ, khi mẹ hãy còn là cả thế giới đối với bà ngoại. Dường như chạy đến bên mẹ mỗi khi gặp điều phiền toái là điều thật dễ dàng và tự nhiên. Bobbie lờ mờ hiểu rằng mọi người vẫn không thôi chạy về bên mẹ mình mỗi khi gặp khó khăn ngay cả khi họ đã lớn. Con bé nghĩ mình hơi hơi hiểu ra rằng mình sẽ buồn lắm khi không còn mẹ để chạy về.

Vậy nên con bé đá Phyllis. Phyllis lập tức hỏi, "Chị đá em như thế để làm gì, Bobbie?"

Thấy thế mẹ khẽ cười, thở dài và nói, "Thôi được rồi. Mà các con phải biết đường nào tàu về đấy. Và đừng đi trên đường ray gần đường hầm hay các chỗ ngoặt nhé."

"Tàu nào cũng chạy bên trái như tàu chở hàng," Peter giải thích, "nên nếu chúng con đi bên phải, chúng con chắc chắn sẽ biết tàu đang đến."

"Rất tốt," bà nói, và tôi tin chắc bạn nghĩ là bà không nên nói thế. Nhưng bà nhớ lại hồi chính mình còn nhỏ, nên bà đã nói thế. Dù là các con bà, hay bạn hay bất kỳ đứa trẻ nào trên đời thì cũng không thể hiểu chính xác nỗi lòng bà khi bà nói ra hai tiếng đó. Chỉ rất ít người trong các bạn, như Bobbie, có thể hiểu phần nào thôi.

Đúng sau hôm đó mẹ không dậy được vì đau đầu. Bàn tay mẹ nóng như lửa, bà không ăn được gì, cổ họng đau rát.

"Nếu tôi là bà, tôi sẽ gọi bác sĩ," bà Viney nói. "Có nhiều chuyện không hay xảy ra mới đây mà ai cũng biết. Chị cả của tôi, bà ấy bị cảm lạnh rồi bệnh chạy vào trong, hai năm trước đúng dịp Giáng sinh, từ đấy bà ấy chẳng bao giờ được như xưa nữa."

Lúc đầu mẹ không đồng ý. Nhưng tối đến mẹ cảm thấy yếu đi nhiều, và Peter được cử đi đến ngôi nhà trong làng có ba cây kim tước ngoài cổng, trên cổng là tấm bảng đồng thau có chữ BS. w. w. Forrest.

BS. w. w. Forrest đi ngay lập tức. Ông nói chuyện với Peter trên đường về. Ông có vẻ là người đàn ông rất chi hiểu biết và thú vị. Ông quan tâm đến đường sắt, đến thỏ, đến những điều thực sự quan trọng khác.

Khám cho mẹ xong, ông kết luận là bệnh cúm.

"Bây giờ, thưa Quý cô Mặt Mây ủ Dột," ông nói đùa với Bobbie, "bác cho là cháu muốn làm y tá trưởng hả?"

"Tất nhiên ạ," con bé đáp.

"Vậy thì bác sẽ kê vài thứ thuốc. Giữ lò sưởi cháy đều, nấu cho mẹ ít nước thịt bò hầm để mẹ uống ngay khi hạ sốt. Giờ mẹ có thể ăn nho, nước cốt bò... xô đa và sữa. Và cháu nên trữ sẵn một chai rượu mạnh. Rượu mạnh loại tốt nhất. Loại rẻ còn tệ hơn thuốc độc."

Con bé bảo bác sĩ liệt kê tất cả các thứ ra giấy. Ông đồng ý.

Khi Bobbie chìa cho mẹ xem tờ giấy, mẹ bật cười. Đó là tiếng cười, Bobbie khẳng định, mặc dù nó hơi kỳ cục và yếu ớt.

"Vớ vẩn," mẹ nằm trên giường nói, cặp mắt ánh lên như ngọc, "mẹ không thể trả tiền cho tất cả các thứ linh tinh đó. Bảo bà Viney ninh một lạng xương cổ cừu cho các con ăn bữa tối mai và mẹ sẽ dùng ít nước xuýt. Bây giờ mẹ muốn thêm chút nước, con yêu. Con mang chậu vào lau tay cho mẹ nhé."

Roberta vâng lời. Khi làm xong mọi việc giúp mẹ đỡ khó ở, nó đi xuống với các em. Má nó đỏ bừng, môi mím lại, cặp mắt long lanh gần như mắt mẹ.

Nó kể cho các em điều bác sĩ dặn và điều mẹ nói.

"Bây giờ," kể xong Bobbie nói tiếp, "không ai làm thay cho mình được, mình phải tự làm việc này. Chị chỉ có một đồng si linh để mua thịt cừu."

"Cần gì thịt cừu," Peter nói, "bánh mì và bơ là đủ sống rồi. Nhiều người phải sống trên đảo hoang một thời gian dài mà lương thực còn chả bằng chúng ta ấy chứ."

"Tất nhiên," chị nó tán đồng; và bà Viney được giao một đồng si linh vào làng mua rượu mạnh, xô đa và thịt bò để hầm lấy nước, mua được càng nhiều càng tốt.

"Nhưng thậm chí nếu chúng ta chẳng ăn gì nữa thì cũng không thể mua được toàn bộ những thứ này chỉ với số tiền dành cho bữa tối", Phyllis nói.

"Không," Bobbie nhú mày, "phải tìm cách khác. Bây giờ suy nghĩ đi. Tất cả phải cố mà nghĩ."

Bọn trẻ liền suy nghĩ. Và lúc này chúng đang thảo luận. Rồi khi Bobbie lên ngồi với mẹ, nhớ ra mẹ cần gì, hai đứa em liền bận rộn với kéo, một tấm ga trải giường trắng, một chổi sơn, một lọ sơn Brunswick đen mà bà Viney dùng để sơn vỉ lò và tấm chắn cửa lò. Không làm được đúng thứ chúng muốn với tấm ga đầu, hai đứa bèn rút tấm khác trong tủ quần áo ra. Chúng không hề biết mình đang làm hỏng những tấm ga tốt đắt tiền. Chúng chỉ biết mình đang làm một việc tốt. Nhưng làm gì thì sau bạn sẽ rõ.

Giường của Bobbie được chuyển sang phòng mẹ và trong đêm nó thức dậy vài lần để cời lửa, mang sữa và xô đa vào cho mẹ. Mẹ cứ nói mê suốt.

Một lần mẹ đột nhiên tỉnh giấc mà gọi to, "Mẹ ơi, mẹ ơi !" và Bobbie biết mẹ gọi bà, nhưng mẹ quên mất là có gọi cũng chẳng ích gì vì bà không còn nữa.

Sáng sớm, Bobbie nghe thấy mẹ gọi tên mình, nó bèn nhảy bổ khỏi giường chạy đến bên mẹ.

"Ôi, ồ, à... chắc là mẹ đã ngủ say như chết," mẹ nói, "vịt con tội nghiệp của mẹ, con mệt mỏi quá chừng. Mẹ thật ghét phải chất hết những phiền toái này lên con."

"Đâu có phiền gì ạ !" Bobbie khẽ nói.

"Ôi, đừng khóc, con yêu," mẹ nói; "một hai hôm nữa mẹ sẽ khỏe thôi mà."

Bobbie nói "Vâng," và cố mỉm cười.

Khi ta đã quen ngủ một mạch mười tiếng thì nếu phải thức dậy ba bốn lần trong đêm ta sẽ thấy như thức cả đêm. Bobbie cảm thấy hoàn toàn mù mẫn, mắt đau như nhưng nó vẫn dọn phòng, sắp xếp mọi thứ gọn gàng trước khi bác sĩ đến.

Giờ đã là tám rưỡi.

"Mọi việc ổn chứ, cô y tá nhỏ?" ông lên tiếng ở cửa trước. "Cháu kiếm được rượu mạnh chưa?"

"Cháu có rượu mạnh," Bobbie đáp, "trong một chai vuông nhỏ"

"Tuy nhiên bác không thấy nho hay nước cốt bò," ông nhận xét.

"Không," Bobbie nói chắc nịch, "nhưng mai bác sẽ thấy. Và có một ít thịt bò hầm trong lò để lấy nước đấy ạ."

"Ai dạy cháu làm thế?" ông hỏi.

"Cháu thấy mẹ làm hồi Phil lên quai bị."

"Tốt lắm," bác sĩ nói. "Bây giờ để bà giúp việc ngồi trông mẹ, cháu đi ăn sáng tử tế đi rồi lên giường ngủ một mạch đến bữa tối nhé. Chúng ta không thể chăm nom thêm một y tá trưởng ốm đâu."

Ông đúng là một bác sĩ tốt.

Khi chuyển tàu 9 giờ 15 phút ra khỏi đường hầm buổi sáng hôm đó, cụ ông lịch lãm ngồi trong toa hạng nhất đặt báo xuống để sẵn sàng vẫy ba đứa trẻ trên hàng rào. Nhưng sáng nay không có ba đứa, chỉ có một. Và đó là Peter. Peter cũng không ngồi trên hàng rào như thường lệ. Thằng bé đứng trước hàng rào trong tư thế giống như một diễn viên trung ra các con thú trong vườn xiếc, hay như một giáo sĩ tốt bụng cầm cây đũa chỉ vào bức tranh có cây đèn thần, bức tranh "Những cảnh từ Palestin", mà giải thích này nọ.

Peter cũng đang chỉ trỏ và cái mà nó hướng vào là một tấm vải trắng rộng đóng đinh vào hàng rào. Trên mặt vải là những chữ to màu đen cao hơn ba mươi xăng ti mét. Một số chữ nghiêng ngả bởi vì Phyllis quá hồi hộp lúc quét sơn đen Brunswick lên vải, nhưng vẫn rất dễ đọc.

Và đây là điều mà cụ ông lịch lãm và vài người khác trên tàu đọc được trên tấm vải: "Hãy nhìn ra sân ga." Khá nhiều người nhìn ra ga và thất vọng vì họ không thấy gì khác thường. Cụ ông thoát đầu cũng chỉ thấy ke ga lát gạch, rồi nắng, quế trúc, lưu ly quanh sân ga. Cho đến khi tàu bắt đầu phì phò dồn toa thì cụ ông mới thấy Phyllis. Con bé vừa chạy vừa thở không ra hơi.

"Ôi con bé kêu, "cháu cứ nghĩ lần này không gặp được ông cơ. Dây giày của cháu toàn tuột làm cháu ngã hai lần liền. Đây, ông cầm lấy đi ạ."

Nó nhét bức thư ấm hơi người vào tay cụ ông khi đoàn tàu lăn bánh.

Cụ ông tựa lưng vào ghế mà mở bức thư. Đây là những gì ông đọc được:

KÍNH GỬI QUÝ ÔNG MÀ CHÚNG CHÁU không biết tên...

Mẹ ốm và bác sĩ nói mua cho mẹ những thứ ở cuối bức thư này, nhưng mẹ bảo không có tiền mua nên dặn chỉ mua thịt cừu cho chúng cháu còn mẹ sẽ uống nước xuýt. Chúng cháu không biết ai ở đây ngoài ông vì cha đi vắng và chúng cháu không có địa chỉ. Cha sẽ trả ông, còn nếu cha mất hết tiền hay có làm sao đấy thì khi nào lớn lên Peter sẽ trả ông. Chúng cháu hứa danh dự. Cháu-nợ-ông tất cả các thứ mẹ cần.

Peter đã ký

Ông đưa giúp gói đồ cho ông trưởng ga nhé vì chúng cháu không biết ông về chuyến tàu nào ? Ông cứ bảo "gửi cho Peter, người đã xin lỗi về chuyện than" là ông ấy sẽ biết ngay.

Roberta

Phyllis

Peter

Tiếp theo là bản liệt kê những thứ bác sĩ yêu cầu.

Ông đọc qua bức thư một lần, và nhướn lông mày. Ông đọc lần hai và thoáng mỉm cười. Đọc xong lần thứ ba, ông dứt thư vào túi rồi tiếp tục đọc *Thời báo*.

Vào sáu giờ tối hôm đó, có tiếng gõ cửa sau. Ba đứa trẻ lao ra mở và đứng đó là người trực cổng thân thiết, người đã kể cho chúng nhiều điều thú vị về đường tàu. Chú ta đặt một giỏ hòm mây xuống sàn bếp bằng đá.

"Ông cụ trên tàu nhờ tôi mang đến ngay lập tức," chú nói.

"Cảm ơn chú rất nhiều," Peter nói, và rồi, vì người gác cứ nấn ná, nó bèn nói thêm, "Cháu rất tiếc là không có đồng hai xu nào đưa cho chú, như cha, nhưng..."

"Cậu đừng có nói tới chuyện đó," chú ta giận dữ nói. "Tôi thèm gì hai xu chứ. Tôi chỉ muốn nói tôi rất tiếc mẹ cậu không được khỏe và muốn hỏi tối nay bà cảm thấy trong người thế nào. Tôi đã kiếm cho bà ấy ít hoa tầm xuân, rất thơm. Hai xu cơ đấy," chú ta nói và lấy ra một bó tầm xuân giấu trong mũ, y như một ảo thuật gia," sau đó Phyllis đã nhận xét thế.

"Cảm ơn chú rất nhiều," Peter nói, "cháu xin lỗi chú về chuyện hai xu nhé."

"Không có gì," người trực cổng nói, không thật lòng lắm nhưng lịch sự, và quay ra.

Bọn trẻ mở cái hòm. Thoạt đầu là lớp rạ, rồi vỏ bào mịn. Tiếp theo là tất cả các thứ bọn trẻ đã yêu cầu, rất nhiều. Còn lại là bao nhiêu thứ chúng không nghĩ đến, như là đào, rượu poóc tô, hai con gà, một hộp giấy đựng bó hồng đỏ cuống dài, một chai dẹt, cao, màu xanh lá cây đựng

nước oải hương, ba chai vuông nhỏ hơn nước hoa và còn có cả một bức thư nữa.

"Các cháu Roberta, Phyllis và Peter yêu quý," bức thư viết; "đây là những thứ các cháu cần. Mẹ các cháu nhất định muốn biết chúng từ đâu ra. Nói với bà là một người bạn nghe tin bà ốm đã gửi tới biếu. Khi bà khỏe lại, các cháu phải thú thật với bà mọi chuyện. Và nếu bà nói các cháu không nên yêu cầu ông, hãy nói rằng ông thấy các cháu làm vậy là hoàn toàn đúng đắn, rằng ông hy vọng bà sẽ thứ lỗi cho ông vì đã tự tiện cho phép mình có một niềm vui lớn."

Bức thư ký G.P. gì đó mà bọn trẻ không luận ra được.

"Em nghĩ chúng ta đúng," Phyllis nói.

"Đúng ? Tất nhiên là chúng ta đúng", Bobbie tiếp lời.

"Nhưng mà," Peter nói, hai tay rút túi quần, "em không muốn kể cho mẹ nghe toàn bộ sự thật lắm."

"Khi nào mẹ khỏe thì chúng ta mới kể cơ mà," Bobbie nói, "mà khi mẹ khỏe rồi thì sẽ vui đến nỗi chẳng ai để ý tới chuyện nhỏ đó. Ôi, xem những bông hồng này, chị phải mang lên cho mẹ mới được."

"Và tầm xuân nữa", Phyllis nói, khịt mũi rõ to, "đừng quên tầm xuân."

"Quên làm sao được chứ," Roberta nói. "Có lần mẹ kể với chị là hồi mẹ còn nhỏ ở nhà bà ngoại có một hàng rào tầm xuân tốt lắm."

Chương 4

Tên trộm trên tàu

Phần còn lại của tấm ga thứ hai và chỗ sơn còn lại vừa đủ để kẻ một băng-rôn mang dòng chữ: "Mẹ sắp khỏe, cảm ơn ông", và cái băng-rôn ấy được trưng ra trước Ròng Xanh khoảng hai tuần sau khi cái giỏ kỳ diệu đến nhà. Cụ ông nhìn thấy, liền vỗ tay vui vẻ từ trên tàu. Và khi công việc này xong thì bọn trẻ nhận thấy đã đến lúc phải kể cho mẹ nghe chúng đã làm gì khi mẹ ốm. Và việc này xem ra không dễ dàng như chúng tưởng. Nhưng phải làm. Và chúng đã làm. Mẹ rất giận. Bà hiếm khi giận song lần này bà giận chưa từng thấy. Thật khủng khiếp. Còn khủng khiếp hơn nữa là bà bỗng nhiên bật khóc. Mà khóc thật dễ lây. Tôi tin là thế, cũng như bệnh sởi và ho gà. Tiếng to tiếng nhỏ, tất cả ngay lập tức hòa mình vào bữa tiệc nước mắt.

Mẹ ngừng khóc trước tiên. Bà lau khô mắt rồi nói, "Mẹ xin lỗi đã nổi cáu với các con, các con yêu, vì các con chưa hiểu chuyện."

"Chúng con không định quậy, mẹ ơi", Bobbie nức nở còn Peter và Phyllis sụt sịt.

"Bây giờ nghe mẹ này," mẹ nói; "đừng là chúng ta nghèo. Nhưng chúng ta đủ sống. Các con không được kêu ca với bất kỳ ai về hoàn cảnh nhà mình, làm vậy là không đúng. Và các con không không, không bao giờ được xin người lạ cái gì. Các con sẽ luôn luôn nhớ điều đó chứ?"

Bọn trẻ ôm mẹ, áp những cái má ướm nhoét vào mẹ và hứa rằng sẽ nhớ.

"Mẹ sẽ viết một bức thư cho ông cụ của các con, bảo ông rằng mẹ không tán thành, ồ, tất nhiên là mẹ sẽ cảm ơn lòng tốt của ông cụ. Mẹ không tán thành là không tán thành việc các con làm, các con yêu của mẹ, chứ không phải ông cụ. Ông cụ là người tốt. Các con có thể đưa bức thư cho ông trưởng ga nhờ chuyển cho ông cụ rồi chúng ta sẽ không nói về chuyện này nữa."

Khi chỉ còn mấy đứa với nhau, Bobbie nói: "Mẹ thật tuyệt vời, phải không? Các em đã thấy người lớn nào nói xin lỗi vì đã nổi cáu chưa."

"Vâng," Peter nói, "mẹ đúng là tuyệt vời; nhưng lúc nào mẹ cáu thì cũng sợ thật."

"Mẹ giống như Báo thù và Sáng suốt trong bài hát ấy," Phyllis nói. "Em muốn ngắm mẹ nếu lúc đấy trông mẹ không quá đáng sợ như vậy. Khi mẹ giận giận thật là giận ấy, trông mẹ tuyệt đẹp."

Chúng mang thư đến trưởng ga.

"Ông nhớ là các cháu nói chỉ có bạn bè ở Luân Đôn thôi mà," ông bảo.

"Chúng cháu mới kết bạn với ông ấy ạ," Peter trả lời.

"Nhưng ông ấy không sống ở đây ?"

"Không ạ, chúng cháu biết ông ấy khi ông ấy đi tàu."

Sau đó trưởng ga lui vào ngôi đèn thiêng sau ô cửa bán vé, và bọn trẻ ra phòng trực nói chuyện với người trực cổng. Chú ta cho chúng biết vài điều thú vị, thí dụ như tên chú là Perks, chú có vợ và ba con, và đèn phía trước tàu gọi là đèn đầu, đèn phía cuối tàu gọi là đèn đuôi.

"Thế thì", Phyllis nói thầm, "các con tàu chính là rồng nguy trang, có đầu và đuôi hẳn hoi."

Chính vào hôm đó lần đầu tiên bọn trẻ nhận thấy các con tàu không giống nhau.

"Giống nhau ?" chú Perks nói, "Chúa phù hộ cô, giống làm sao được, thưa cô. Chẳng giống nhau hơn là cô giống tôi đâu. Cái đầu tàu nhỏ không có toa chở than vừa đi qua kia kìa, là xe tăng đấy. Cô ta phải đi để tránh tàu đăng Maidbridge lại. Đó có thể là cô. Còn kia là tàu hàng, to, khỏe, mỗi bên có ba bánh nối với nhau bằng trục để gia tăng lực. Đó có thể là tôi. Còn tàu trên đường chính có thể là quý cậu trẻ tuổi này khi cậu lớn và thắng mọi cuộc đua ở trường. Cậu sẽ thế đấy. Tàu chính vừa có cả tốc độ lẫn sức mạnh. Đó là chuyến tàu 9 giờ 15 phút".

"Rồng Xanh," Phyllis nói.

"Giữa chúng tôi với nhau chúng tôi gọi cô ta là Ốc Sên, thưa cô," người trực nói. "Cô ta thường chạy sau những tàu khác."

"Nhưng tàu đó màu xanh lá cây mà," Phyllis nói.

"Phải rồi cô ạ," Perks đáp, "cũng có mùa ốc sên chuyển màu xanh lá cây đấy."

Trên đường về nhà ăn tối, bọn trẻ nhất trí rằng người trực cổng là người bạn lý thú nhất.

Hôm sau là sinh nhật Bobbie. Buổi chiều con bé được yêu cầu một cách lịch sự nhưng cương quyết là tránh ra một chỗ cho đến bữa trà.

"Chị không được xem chúng em làm gì chừng nào mọi việc chưa xong xuôi đấy. Đó sẽ là một bất ngờ hoành tráng," Phil bí mật nói.

Thế là Roberta đi ra vườn một mình. Con bé cố gắng giữ thái độ biết ơn nhưng lại cảm thấy thà được làm cùng các em, dù đó là việc gì đi nữa, còn hơn phải ở một mình suốt buổi chiều sinh nhật, dù cho bất ngờ đó có hoành tráng thế nào đi nữa.

Giờ đây con bé đang ở một mình, có thời gian nghĩ ngợi và một trong những điều nó nghĩ nhiều nhất là mẹ đã nói gì trong đêm sốt mê man khi tay mẹ nóng như lửa và mắt mẹ sáng rực.

Đó là, "Ôi, sẽ lấy gì thanh toán hóa đơn khám bệnh đây."

Con bé đi quanh quần trong vườn giữa những khóm hồng chưa có nụ nào đơm bông, những bụi tử đinh hương và những cây lý chua châu Mỹ. Càng nghĩ về hóa đơn khám bệnh, nó càng thấy bứt rứt.

Bây giờ Bobbie đã quyết định. Nó đi ra ngoài qua lối cửa bên của khu vườn và leo lên đồng cỏ tới nơi con đường chạy dọc bờ kênh. Nó đi tiếp đến cây cầu bắc qua kênh dẫn đến làng, rồi đợi ở đấy. Trong nắng chiều, thật là dễ chịu khi tì khuỷu tay lên mặt cầu bằng đá ấm áp nhìn xuống dòng kênh xanh. Bobbie chưa nhìn thấy con kênh nào trước đó ngoài kênh Regent, nhưng màu nước ở đó không trong xanh chút nào. Con bé cũng chưa ra sông nào khác ngoài trừ sông Thames. Nhưng sông Thames lẽ ra đẹp hơn nhiều nếu nước sông được làm sạch.

Có thể bọn trẻ sẽ yêu con kênh như yêu đường tàu nếu không có hai lý do. Một là chúng phát hiện ra đường tàu trước, vào đúng buổi sáng đầu tiên khi ngôi nhà và cả vùng nông thôn với những đồng cỏ xanh mướt, những tảng đá nằm yên trên cỏ và những quả đồi bao la đều mới mẻ với chúng. Mãi mấy ngày sau chúng mới nhìn thấy con kênh. Hai là mọi người ở đường tàu đều tốt với chúng, ông trưởng ga, chú trực cổng, và ông cụ hay vẫy tay với chúng. Còn những người sống trên kênh lại không tốt bụng chút nào.

Những người sống trên kênh, tất nhiên là dân lái sà lan. Họ lái những chiếc sà lan chậm chạp ngược xuôi, hoặc đi bên cạnh con ngựa già ị ạch lê bước trên đường lầy lội bùn đất, ra sức kéo sợi dây dài nối với sà lan.

Peter có lần hỏi giờ một người lái sà lan, vậy mà người đó nói "đường của mày đấy à ?" bằng giọng dữ tợn đến nỗi thằng bé không dám đứng lại để phân bua rằng nó cũng có quyền đi trên đường sà lan như chính ông ta vậy. Thực ra lúc đó nó thậm chí không nghĩ đến chuyện đáp lại ngay nữa là.

Một lần khác bọn trẻ muốn tới kênh câu cá thì bị một thằng bé trên sà lan ném than vào chúng và một cục trứng gáy Phyllis lúc nó cúi xuống buộc lại dây giày. Mặc dù cục than không hề làm Phyllis đau chút nào, song nó khiến con bé chẳng còn muốn câu gì nữa.

Tuy thế, ở trên cầu, Roberta cảm thấy rất an toàn, bởi nó có thể nhìn xuống dòng kênh và nếu có thằng nhóc nào đó định ném than, nó có thể tránh sau thành cầu.

Lúc này có tiếng bánh xe, chính là chiếc xe con bé chờ đợi.

Là tiếng chiếc xe kéo nhỏ của bác sĩ. Trên xe, tất nhiên, là bác sĩ.

Ông kéo dây cương cho xe dừng lại và chào lớn tiếng, "Xin chào, y tá trưởng ! Cháu muốn đi nhờ không ?"

"Cháu muốn gặp bác," Bobbie đáp.

"Sức khỏe mẹ cháu không xấu đi chứ, bác hy vọng thế ?" ông hỏi.

"Không ạ... nhưng..."

"Ổn rồi, lên xe đi cháu, chúng ta dạo một vòng."

Bobbie leo lên xe và chú ngựa con bờm nâu bị buộc phải quay đầu. Điều này làm nó bất bình vì nó đang mong chờ bữa trà của mình - ý tôi là bữa yến mạch.

"Thích quá đi mất," Bobbie nói khi chiếc xe bay dọc đường bờ kênh.

"Chúng ta có thể ném một viên đá xuống bất kỳ ống khói nào trong Ba Ống Khói của cháu," bác sĩ nói lúc họ phóng qua ngôi nhà.

"Vâng," Bobbie nói, "nhưng phải khéo mới ném trúng."

"Sao cháu biết bác không khéo ?" bác sĩ vui vẻ nói. "Bây giờ thì cháu nói đi, có chuyện gì sao ?"

Bobbie mân mê cái móc của tấm vải chắn bùn.

"Nào, nói đi cháu," bác sĩ giục.

"Việc này khá khó nói, bác biết đấy, Bobbie thận trọng, "bởi vì mẹ đã dặn rồi."

"Mẹ dặn gì ?"

"Mẹ dặn chúng cháu không được kêu ca với bất cứ ai là nhà mình nghèo. Nhưng bác không phải bất cứ ai đúng không ạ ?

"Hẳn là không rồi"" , bác sĩ mỉm cười. "Sao nữa cháu ?"

"Và cháu biết gọi bác sĩ là rất tốn kém – ý cháu là rất đắt và bà Viney kể với mẹ rằng tiền khám chữa bệnh của bà ấy chỉ mất hai xu một tuần vì bà là thành viên câu lạc bộ"

"Thì sao ?"

"Bác ơi, bà ấy bảo cháu bác là một bác sĩ tốt, cháu đã hỏi làm thế nào bà có thể trả tiền cho bác sĩ, bởi vì nhà bà ấy còn nghèo hơn nhà cháu nữa. Cháu đến nhà bà bà ấy rồi nên cháu biết mà. Thế là bà kể chuyện về câu lạc bộ và cháu nghĩ là nên hỏi bác... và ôi, cháu không muốn mẹ lo lắng. Nhà cháu có thể vào câu lạc bộ như bà Viney không ạ ?"

Bác sĩ im lặng. Gia đình ông cũng chẳng mấy khá giả, nếu không thì ông đã hài lòng khi có thêm một gia đình mới tham dự. Do đó tôi cho rằng cảm xúc của ông giây phút này khá là phức tạp.

"Bác không giận cháu chứ?", Bobbie lí nhí.

"Giận ? Sao bác có thể giận cháu ? Cháu là một cô bé rất sáng suốt. Giờ cháu nghe này, đừng lo lắng. Bác sẽ thu xếp ổn thỏa cho mẹ cháu, dù có phải lập một câu lạc bộ mới đặc biệt dành riêng cho bà thì bác cũng làm. Cháu nhìn xem, đây là nơi cầu máng bắt đầu."

"Cầu... gì ạ ? Tên của nó ấy ?" Bobbie hỏi.

"Cầu dẫn nước," bác sĩ bảo. "Xem kìa."

Con đường leo lên cầu bắc qua dòng kênh. Bên trái là vách đá dốc đứng có những cây và lùm bụi mọc trên kẽ đá nứt. Từ chỗ này, con kênh rẽ trái chạy quanh đỉnh đồi và đổ về cây cầu của riêng nó, một cây cầu lớn với những vòm cao vút qua thung lũng.

Bobbie hít một hơi thật dài.

"Hùng vĩ quá phải không ạ ?" con bé nói. "Chẳng khác nào mấy bức tranh trong cuốn Lịch sử Roma vậy."

"Đúng !" bác sĩ nói, "chính xác là giống như thế. Người Roma là bậc thầy về cầu máng. Nó là kiệt tác tuyệt mỹ của kỹ thuật."

"Cháu cứ tưởng kỹ thuật chỉ là làm tàu hỏa thôi cơ."

"Ờ, có nhiều ngành kỹ thuật khác nhau - làm đường, cầu và đường hầm là một ngành. Làm công sự là một ngành khác. Ờ, chúng ta phải quay về rồi. Nhớ là cháu không được lo lắng về hóa đơn kéo lại phát ốm, lúc ấy thì bác sẽ phải gửi cho cháu một cái hóa đơn dài như cầu máng đấy."

Khi Bobbie chia tay bác sĩ ở đỉnh đồi cỏ trải dài từ đường xuống Ba Ống Khói, con bé không thấy mình làm điều gì sai. Nó biết rằng mẹ có thể nghĩ khác. Nhưng tự đáy lòng nó cảm thấy lần này mình đúng. Với cảm giác hạnh phúc thực sự, Bobbie trèo xuống con dốc nhấp nhô đá sỏi.

Phyllis và Peter đón chị ở cửa sau. Chúng đều sạch sẽ và gọn gàng khác thường. Phyllis cài một chiếc nơ đỏ trên đầu. Chỉ vừa đủ thời gian cho Bobbie chỉnh đốn quần áo và buộc lên tóc một cái nơ xanh trước khi chuông reo.

"Xong !" Phyllis hô, "điều bất ngờ đã sẵn sàng. Bây giờ chị đợi chuông reo lần nữa là vào phòng ăn nhé."

Và Bobbie đợi.

"Tinh, tinh," chiếc chuông nhỏ reo vang ! Bobbie bước vào phòng ăn, cảm thấy hơi xấu hổ. Ngay khi cửa mở, con bé như thấy mình lạc vào thế giới mới của ánh sáng, hoa và tiếng hát.

Mẹ và Peter và Phyllis đứng thành một hàng cuối bàn. Cửa chớp đều đóng lại và mười hai ngọn nến trên bàn, mỗi ngọn tượng trưng cho một tuổi của Bobbie. Bàn ăn phủ đầy các loài hoa, và ở chỗ của Bobbie là một vòng hoa lưu ly dày cùng mấy gói nhỏ vô cùng thú vị. Mẹ cùng Peter và Phyllis đang hát, theo giai điệu đoạn đầu của bài Ngày thánh Pattrick. Bobbie biết rằng mẹ đã viết lời dành cho sinh nhật của nó. Đó là cách thể hiện thân thương mẹ vẫn dành cho mỗi dịp sinh nhật, bắt đầu từ sinh nhật 4 tuổi của Bobbie khi Phyllis mới sinh, Bobbie nhớ nó đã thuộc lời bài hát để cho cha “ngạc nhiên”. Con bé tự hỏi liệu mẹ có còn nhớ không, lời bài hát đó như sau:

Cha yêu quý con vừa lên bốn

Con chẳng muốn lớn hơn số bốn

Bốn là số đẹp nhất cha à

Hai cộng hai bằng một cộng ba

Hai cộng hai là điều con muốn

Mẹ với Pete thêm Phil cùng cha

Điều cha muốn là một cộng ba

Mẹ bên con có Phil cùng Pete

Hãy tặng con gái cha nụ hôn

Cho bài hát con vừa nhập môn

Và bài hát mẹ và các em nó đang hát là:

Roberta yêu quý

Nỗi buồn theo gió đi

Nếu ta cùng ngăn nó

Tránh xa đường Bobbie

Ngày sinh nhật của Bob

Ngày chung vui cả nhà,

Tặng Bob thật nhiều quà.

Hát bài của riêng ta.

Cho niềm vui đến thăm

Và số phận đồng hành

Những ngày tươi đẹp nhất

Theo Bob tròn tháng năm.

Với bầu trời rực rỡ

Bên người thân sum vầy !

Và mừng sinh nhật này,

Bob vô cùng yêu quý !

Khi bài hát kết thúc họ cùng hô, "Ba niềm vui cho Bobbie !" ba lần thật to. Bobbie cảm thấy mình sắp khóc đến nơi - bạn biết cái cảm giác kỳ quặc khi sống mũi cay cay và lan sang mi mắt chứ ? Nhưng mọi người cùng ủa lên ôm hôn con bé, không để nó có thời gian mít ướn.

"Bây giờ con bóc quà đi nào," mẹ nói.

Đó là những món quà thật đẹp. Một cuốn sổ gài kim chỉ hai màu xanh đỏ mà Phyllis đã làm vào những lúc bí mật. Quà của mẹ là một cái ghim nhỏ cài cổ áo tuyệt đẹp có hình hoa mao lương, lâu nay Bobbie vẫn ước gì có cái ghim như thế nhưng chưa bao giờ nghĩ có ngày được sở hữu nó. Còn một đôi lọ hoa thủy tinh xanh dương của bà Viney mà Bobbie đã thấy và say sưa ngắm nghía trong cửa hàng của làng. Ba tấm thiệp chúc mừng sinh nhật với những hình vẽ ngộ nghĩnh và lời chúc tốt đẹp

Mẹ đặt vòng hoa lưu ly lên mái tóc nâu của Bobbie.

"Giờ nhìn lên bàn đi con," mẹ bảo.

Trên bàn là một cái bánh ga tô phết kem trắng có xếp chữ "Bobbie yêu quý" bằng kẹo hồng. Có bánh nho và mứt dẻo; nhưng điều tuyệt nhất là hầu khắp cái bàn lớn được phủ đầy hoa - hoa quế trúc xếp quanh khay trà - quanh mỗi đĩa có một vòng hoa lưu ly. Chiếc ga tô có một vòng tử đinh hương trắng, và ở giữa bàn là một hình gì đó được xếp từ những bông tử đinh hương, quế trúc và đậu chổi.

"Đây là cái gì ?" Bobbie hỏi.

"Là bản đồ đấy chị, bản đồ đường sắt !" Peter phấn khích. "Nhìn này những dải hoa tử đinh hương là đường ray, 1 nhà ga bằng hoa quế trúc. Hoa đậu chổi là con tàu, kia là các trạm phát tín hiệu, và con đường chạy đến đây, những bông cúc đỏ mẫm mĩm này là chúng ta đang vẫy cù ông, ông kia, bông păng xê trong tàu hoa đậu chổi ấy."

"Và đây là 'Ba Ống Khói' làm bằng hoa báo xuân tía," Phyllis nói. "Nụ hồng nhỏ xíu đó là mẹ chờ chúng ta về dùng bữa trà khi chúng ta về muộn. Peter đã nghĩ ra mọi thứ, và tất cả hoa này hái ở nhà ga. Chúng em nghĩ thế chị sẽ thích hơn."

"Và đây là quà của em," Peter nói và đặt ngay con tàu hơi nước yêu quý của mình lên bàn trước mặt Bobbie. Toa than lót giấy trắng mới tinh và chất đầy kẹo.

"Ôi, Peter," Bobbie kêu lên, choáng ngợp bởi lòng hào hiệp ấy, "chẳng phải con tàu nhỏ quý giá mà em rất thích đây sao?"

"Ồ, không," Peter vội nói, "không phải tàu. Chỉ kẹo thôi."

Bobbie không thể ngăn một thoáng thay đổi trên gương mặt - không phải vì nó thất vọng khi không được nhận con tàu mà bởi vì nó đã biết rằng con tàu quý giá thế nào đối với Peter, và lúc này nó cảm thấy mình thật ngốc nghếch khi nghĩ thế. Nó cũng cảm thấy mình quá tham lam mong chờ cả tàu lẫn kẹo. Vậy là một thoáng thay đổi lướt qua. Peter đã nhìn thấy. Thằng bé lưỡng lự một phút; rồi khuôn mặt nó cũng thay đổi, và nó nói, "Em định nói là không phải cả đoàn tàu. Em sẽ cho chị một nửa nếu chị thích."

"Em tốt quá," Bobbie kêu lên; "món quà này thật tuyệt vời." Con bé thấp giọng và tự nhủ thầm, "Một sự hy sinh to lớn của Peter vì mình biết rằng em không định thế. Được rồi, mình sẽ nhận nửa hồng đem đi sửa rồi tặng lại Peter vào sinh nhật."

"Mẹ yêu quý, con muốn cắt bánh," con bé nói thêm, và bữa trà bắt đầu.

Buổi sinh nhật mới vui vẻ làm sao. Sau bữa trà mẹ cùng chơi với chúng - bất cứ trò nào chúng thích - và đương nhiên trò đầu tiên là bịt mắt bắt dê. Bobbie mãi đùa nghịch mà không hay biết vòng hoa lưu ly bị xoắn lại lủng lẳng ở một bên tai từ lúc nào. Gần đến giờ đi ngủ, ba đứa ngồi bên nghe mẹ đọc câu chuyện thú vị mẹ mới viết.

"Mẹ đừng thức khuya làm việc, mẹ nhé!" Bobbie nhắc lúc chúc mẹ ngủ ngon.

Và mẹ nói không, mẹ sẽ không thức khuya - mẹ chỉ viết thư cho cha rồi đi ngủ.

Nhưng khi Bobbie rón rén đi xuống lấy quà lên phòng - con bé cảm thấy không thể xa chúng cả đêm - thì nó thấy mẹ không ngồi viết mà gục đầu xuống hai cánh tay trên bàn. Bobbie thật ngoan, đã nhẹ nhàng quay gót, nhắm đi nhắm lại trong đầu, "Mẹ không muốn mình biết mẹ buồn, mình sẽ không biết, mình sẽ không biết." Nhưng điều đó để lại một dấu chấm hết buồn cho ngày sinh nhật.

Buổi sáng hôm sau Bobbie bắt đầu nghĩ làm sao để bí mật mang con tàu của Peter đi sửa. Và cơ hội đến ngay chiều hôm đó.

Mẹ đi tàu đến thị trấn mua đồ. Lần nào tới đó mẹ cũng đều rẽ vào bưu điện. Chắc là để gửi thư cho cha, vì mẹ không bao giờ đưa cho bọn trẻ hay nhờ bà Viney bỏ thư, và mẹ cũng không bao giờ vào làng. Peter và Phyllis đi cùng mẹ. Bobbie muốn viện cớ ở nhà nhưng chịu không

nghĩ ra có gì. Và đúng vào lúc nó đành quy hàng, váy của nó móc vào cái đinh to ở cửa bếp làm rách một miếng to tương đương trước. Tôi bảo đảm với bạn rằng đây thực sự là do sơ ý. Do đó mọi người thông cảm cho con bé và để nó ở nhà, vì không còn thời gian thay đồ, bởi vì đã khá muộn rồi và mọi người còn phải vội vã ra ga cho kịp tàu.

Khi cả nhà đã đi, Bobbie mặc bộ đồ hằng ngày rồi đi xuống đường tàu. Nó không muốn ra ga nên đi dọc đường tàu đến cuối ke ga nơi đầu máy đỗ khi tàu về, ở đó có bể nước và một vòi da dài mềm như vòi voi. Con bé giấu mình sau một bụi cây phía bên kia đường tàu. Con tàu đồ chơi gói trong giấy nâu. Nó kẹp gói giấy dưới nách và kiên nhẫn đợi.

Khi chuyển tàu tiếp theo về và dừng lại, Bobbie đi qua đường ray, đến bên con tàu. Nó chưa bao giờ lại gần tàu đến thế. Con tàu trông to lớn hơn và dữ tợn hơn nó tưởng làm cho nó cảm thấy mình rất chi nhỏ bé, và rất yếu ớt như thể chỉ cần sẩy một cái là bị trọng thương dễ như không.

"Giờ mình đã biết lũ tầm cảm thấy ra sao," Bobbie tự nhủ.

Người lái tàu và người đốt lò không nhìn thấy con bé. Họ đang cúi người sang phía bên kia, kể cho người trực nghe chuyện về một con chó và một cái chân cừu.

"Thưa bác," Roberta nói, nhưng tàu đang xả hơi nước nên không ai nghe thấy tiếng nó.

"Thưa bác, bác lái tàu," nó nói to hơn, nhưng đúng lúc đó con tàu tình cờ lên tiếng, và tất nhiên ai mà nghe được giọng nói nhỏ thanh thanh của Bobbie.

Xem ra chỉ còn cách leo lên tàu mà kéo áo họ. Bậc lên rất cao, Bobbie tì đầu gối leo lên buồng lái. Con bé loạng choạng bò dưới chân một đồng than to dẫn đến cửa toa than. Đầu máy cũng chẳng hơn gì những kẻ tùy tùng của mình; nó gằm lên quá cỡ cần thiết. Và đúng lúc Roberta ngã xuống đồng than, người lái tàu quay lại mà không nhìn thấy con bé và liền cho tàu khởi động, khi Bobbie đứng dậy được thì con tàu đang chuyển động - không nhanh, nhưng quá nhanh nên con bé không thể tụt xuống.

Mọi ý nghĩ khủng khiếp cùng ập đến trong chớp mắt kinh hoàng ấy. Giả sử đây là tàu nhanh, chạy hàng trăm dặm không đỗ. Nếu đúng như thế thì sao ? Nó sẽ quay về nhà bằng cách nào ? Trong khi nó không có tiền để mua vé về.

"Và mình chẳng có phận sự gì ở đây. Mình là một tên trộm đường tàu - mình chính là như thế" Bobbie nghĩ. "Mình sẽ không bất ngờ nếu họ nhốt mình vì việc này." Con tàu chạy mỗi lúc một nhanh.

Một cái gì đó chặn trong cổ họng làm Bobbie không cất lên lời. Con bé cố thử hai lần. Hai người đàn ông quay lưng lại phía Bobbie. Họ đang làm gì đó với những thứ trông giống vòi

nước.

Bỗng nhiên con bé thò tay ra và túm được tay áo gần nhất. Người đó giật mình quay lại, ông ta và Bobbie trân trân đứng nhìn nhau chùng một phút. Rồi cùng một lúc cả hai lên tiếng phá vỡ sự im lặng.

Ông ta nói, "Có một bất ngờ đây !" còn Bobbie òa lên khóc.

Người còn lại nói ông ta quá bất ngờ - hay đại loại thế - mặc dầu rất ngạc nhiên, nhưng rõ ràng họ không phải là người xấu.

"Cô là một con nhỏ quậy phá đây, không sai vào đâu được" người thợ đốt lò nói, và người lái tàu bảo, "Tôi thì gọi đây là một đứa bạo gan" nhưng họ cho nó ngồi xuống một cái ghế sắt trong buồng lái, bảo nó thôi khóc và kể cho họ nghe nó muốn gì.

Bobbie ngừng khóc ngay khi ngừng được. Có một điều an ủi nó là cái ý nghĩ Peter sẽ đổi hầu hết đồ chơi của mình để có được vị trí của nó - trên một con tàu thật - đang chạy thật. Bọn trẻ thường tự hỏi liệu có người lái tàu nào tử tế đến mức cho chúng lên đầu máy hay không, đúng như nó bây giờ. Bobbie lau khô mắt và khịt mũi một cách dứt khoát.

"Giờ thì" ông thợ đốt lò nói, "kể đi. Cháu định làm gì, hả ?"

"Ôi, xin bác," Bobbie khịt mũi, và lại im.

"Cố lần nữa đi," ông lái tàu động viên.

Bobbie cố lần nữa.

"Thưa bác lái tàu" con bé kể, "cháu đã gọi các bác từ dưới đường tàu, nhưng các bác không nghe thấy, cháu chỉ leo lên để kéo tay bác, cháu định kéo nhẹ thôi nhưng cháu bị ngã vào đồng than, cháu rất xin lỗi đã làm các bác sợ. Ôi, xin đừng giận, cháu xin đấy !" con bé lại khịt mũi.

"Bọn ta không giận," ông thợ đốt lò nói, "bọn ta chỉ quan tâm thôi. Chả phải ngày nào cũng có một cô bé rách trời rơi xuống đồng than của chúng ta, phải không Bill ? Cháu làm thế để làm gì hả ?"

"Vấn đề ở chỗ đó," ông lái tàu tán đồng, "cháu làm thế để làm gì ?"

Bobbie nhận ra nó đã nín hắt. Ông lại vỗ vào lưng nó mà bảo, "Thế, vui lên, bạn nhỏ. Chuyện không tồi tệ như thoát tiên đâu, bác đảm bảo đấy."

"Cháu muốn," Bobbie nói, phấn khởi vì được gọi là "bạn", "cháu chỉ muốn hỏi các bác có thể làm ơn sửa giúp cháu cái này không ạ ?" Nó nhặt gói giấy nâu từ đồng than và cởi dây bằng những ngón tay nóng đỏ run rẩy.

Bàn chân và bắp chân Bobbie rất đỏ vì lửa buồng đốt, nhưng hai vai cảm thấy luồng không khí lạnh buốt quạt qua. Con tàu lắc lư hết bên nọ sang bên kia, khi họ phóng qua gầm cầu tiếng động cơ như gào trong tai Bobbie.

Người đốt lò xục xẻng vào đồng than.

Bobbie mở tờ giấy nâu lấy con tàu đồ chơi ra.

"Cháu nghĩ là," con bé nói về đăm chiêu, "có thể các bác sửa được cái này cho cháu - bởi vì bác là lái tàu."

Người lái tàu nói rằng ông ta sẽ đi đầu xuống đất nếu ông ta khéo tay thế.

"Tôi mà khéo tay thế thì tôi đi đầu xuống đất," người đốt lò tiếp lời.

Nhưng rồi người lái tàu cũng cầm món đồ chơi lên ngắm nghía, và người đốt lò tạm ngừng tay xẻng để cùng xem xét.

"Xem ra cháu khá không biết điều," ông lái nói, "cái gì khiến cháu nghĩ là chúng ta sẽ mày mò sửa cái đồ chơi rẻ tiền này cho cháu?"

"Cháu biết điều mà," Bobbie đáp; "chỉ là mọi người ở đường tàu rất tử tế và tốt bụng, cháu không nghĩ là các bác sẽ từ chối. Phải không bác?" nó nói thêm khi nhìn thấy hai người nháy nhau theo kiểu không có ý gì xấu xa.

"Nghề của bác là lái tàu, không phải sửa tàu, nhất là con tàu nhỏ xíu như thế này," Bill nói. "Bây giờ các bác sẽ gửi cháu về với bạn bè và gia đình vì họ đang lo lắng cho cháu, rồi thì ta cho qua và quên đi tất cả nhé?"

"Nếu các bác cho cháu xuống ga sau," Bobbie bạo dạn nói mặc dù trái tim nó đập hoảng loạn trong khi bàn tay siết chặt, "và cho cháu vay tiền mua vé hạng ba, cháu sẽ trả các bác sau - cháu hứa danh dự. Cháu không phải là kẻ lợi dụng lòng tốt như trên báo đâu, không hề."

"Cháu là con cái nhà tử tế, không có gì phải nghi ngờ điều đó," Bill nói, bỗng nhiên thấy mỉm lòng. "Các bác sẽ giúp cháu về nhà an toàn. Còn về con tàu nhỏ này, Jim, cậu có người bạn làm hàn phải không? Xem ra chỉ một mẫu que hàn là xong thôi."

"Đó chính là thứ mà cha nói," Bobbie hăm hở giải thích. "Cái này để làm gì ạ?"

Con bé chỉ vào bánh xe nhỏ bằng đồng thau mà Bill quay trước khi nói.

"Đó là cái xi lanh."

"Xi... gì ạ?"

"Xi lanh để bơm đầy nồi hơi."

"Ôi," Bobbie nói, ra sức ghi nhớ để về kể cho các em; "hay quá đi mất."

"Đây là cái phanh tự động," Bill tiếp tục, phấn khởi vì con bé tỏ ra hứng thú. "Cháu quay cái tay cầm nhỏ nhỏ này, cháu chỉ cần dùng một ngón tay là được - thế là đoàn tàu khẩn trương dừng lại. Cái đó trên báo người ta gọi là Sức mạnh Khoa học đấy."

Bill chỉ cho nó hai mặt số nhỏ, giống như mặt đồng hồ, và bảo nó một mặt số xác định lượng hơi nước dẫn vào như thế nào, còn mặt kia cho biết phanh hoạt động ra sao, tốt hay không tốt.

Tới lúc Bobbie nhìn thấy người lái tàu đóng van hơi nước bằng một cái tay cầm lớn bằng thép sáng bóng, nó đã biết về hoạt động bên trong của một con tàu nhiều hơn tất cả những gì đã biết trước kia, và Jim đã hứa rằng anh vợ của anh họ bác ta có thể hàn con tàu đồ chơi, không thì bác ta cũng sẽ biết tàu trục trặc gì. Ngoài những hiểu biết mà Bobbie thu hoạch được, con bé cảm thấy nó và Bill cùng Jim sẽ là bạn suốt đời, họ hoàn toàn và mãi mãi tha thứ cho việc nó đã tự tiện ngã vào đồng than quý giá trong toa than của họ.

Ở ga đầu mối Stacklepoole, con bé và hai người chia tay với những lời chào hỏi sê chia ấm áp. Họ gửi con bé cho trưởng tàu của một chuyến tàu ngược hướng - một người bạn của họ - và con bé sung sướng được biết các trưởng tàu làm gì trong sự vội vã bí mật của họ, và hiểu rằng, khi bạn kéo dây báo động trong các toa xe, dù cần thiết hay không cần thiết, một bánh xe sẽ quay ngay dưới mũi trưởng tàu và một cái chuông réo lên bên tai ông. Bobbie hỏi trưởng tàu tại sao cái van của ông tanh mùi cá thì biết ông phải chở rất nhiều cá mỗi ngày, và nước trong những khe dưới sàn tàu là nước chảy ra từ các hộp cá bơm sao, cá tuyết, cá thu đào và cá ốt me.

Bobbie về đến nhà vừa kịp bữa trà, nó cảm thấy dường như đầu mình vỡ tung với vô số hiểu biết được nạp vào từ lúc chia tay mẹ và các em. Xin cảm tạ cái đỉnh vì đã làm rách áo ! "Chị đi đâu về thế ?" "Tới ga chứ đâu nữa," Bobbie đáp. Nó không hé một lời về cuộc phiêu lưu cho đến tận ngày đã hẹn, nó lẳng lặng dẫn chúng tới ga vào lúc tàu 3 giờ 19 phút về ga, và tự hào giới thiệu các em với những người bạn của mình, Bill và Jim. Người anh vợ của anh họ Jim đã không phụ lòng tin thiêng liêng vào mình. Con tàu đồ chơi, nói không ngoa, lại đẹp như mới.

"Tạm biệt, ôi, tạm biệt," Bobbie nói, đúng lúc con tàu reo hồi còi từ biệt "Cháu sẽ luôn luôn yêu quý các bác, cũng như anh vợ của anh họ Jim !"

Và khi bọn trẻ leo đồi về nhà, Peter ôm con tàu, giờ nó lại là chủ nhân, duy nhất của con tàu, trong khi Bobbie kể với trái tim ngập tràn niềm vui câu chuyện nó đã làm một tên trộm tàu như thế nào.

Chương 5

Những tù nhân và những người bị giam cầm

Đó là vào ngày mẹ đi Maidbridge. Mẹ đi một mình, và bọn trẻ ra ga đón bà. Vốn thích đường tàu nên đương nhiên chúng có mặt cả giờ trước khi chuyển tàu của mẹ về, kể cả về đúng giờ, điều mà ai cũng biết rất khó xảy ra. Tất nhiên là chúng sẽ có mặt thật sớm, nếu đó là ngày đẹp trời, để hân hoan nhìn ngắm cánh rừng, đồng cỏ, những tảng đá và dòng sông hiện ra trước mặt. Nhưng hôm ấy lại trùng vào một ngày mưa và quá lạnh đối với thời tiết tháng Bảy. Con gió lạnh lùa những đám mây màu tím sẫm chạy tan tác khắp bầu trời "như những đàn voi trong mơ", theo cách nói của Phyllis. Và mưa buốt như kim châm nên gần tới ga chúng phải co cẳng chạy. Sau đó mưa rơi mau hơn, nặng hạt hơn, đập xiên vào các ô cửa sổ phòng bán vé và gian phòng lạnh giá có dòng chữ Phòng Đợi Chung trên cửa. "Giống như trong một lâu đài bị bao vây vậy!", Phyllis nói "nhìn tên của kẻ thù bắn vào tường thành kia!"

"Nó giống nước bắn ra từ vòi tưới cây hơn nhiều!", Peter nói.

Bọn trẻ quyết định đợi ở phía tàu xuôi vì ke ga tàu ngược đầy nước, và mưa thì đang hắt vào khu lán nhỏ lạnh lẽo nơi hành khách đứng đợi tàu ngược.

Một tiếng đồng hồ đầy những chuyện thú vị, vì có hai chuyến tàu xuôi, một chuyến ngược cho bọn trẻ xem trước khi tàu của mẹ xuất hiện.

"Có thể đến lúc ấy mưa sẽ tạnh, Bobbie nói; "song chị vẫn thấy may mà mình mang sẵn áo mưa và ô cho mẹ."

Chúng đi vào căn phòng trống gọi là Phòng Đợi Chung và thời gian trôi qua khá vui vì chúng bận chơi trò quáng cáo. Hẳn bạn biết trò chơi này chứ? Nó có phần giống trò Crambo câm. Mỗi người chơi lần lượt ra ngoài, sau đó quay lại và diễn như trong một tin quảng cáo nào đó. Những người khác phải đoán xem đó là quảng cáo gì. Bobbie bước vào ngồi dưới ô của mẹ, thể hiện vẻ mặt láu lỉnh, và mọi người biết rằng đó là con cáo ngồi dưới cái ô trong quảng cáo. Phyllis cố làm một cái thảm thần bằng áo mưa của mẹ, nhưng cái áo không cứng và phẳng như cái thảm nên chẳng ai đoán được. Mọi người nghĩ rằng Peter đã quá đà khi bôi đen mặt bằng bụi than và làm những điệu bộ ngầu ngạo nói mình là hình quảng cáo cho mực viết xanh đen.

Lại đến lượt Phyllis, con bé đang cố sao cho trông giống con Nhân sư trong quảng cáo Tên-Anh-Ta-Là-Gì cho các tuyến du lịch ngược sông Nin thì tiếng chuông báo tàu qua lãnh lót vang

lên. Bọn trẻ ủa ra xem. Trên tàu là người lái và người đốt lò - Bill và Jim, những người mà bọn trẻ tính vào danh sách bạn thân thiết nhất. Họ hỏi han nhau thật thân mật. Jim hỏi thăm về con tàu đồ chơi. Bobbie khẳng khẳng nài Jim nhận một cái bọc ấm và dính mỡ gói thứ kẹo bơ cứng do con bé tự làm.

Xúc động bởi sự quan tâm này, người lái tàu hứa sẽ cân nhắc việc cho Peter đi cùng họ một ngày nào đó như Bobbie đã xin.

"Lùi lại, các bạn," bỗng người lái tàu kêu lên, "tàu chạy đấy."

Và con tàu rời ga. Bọn trẻ nhìn theo đèn đuôi cho tới khi nó biến mất sau khúc ngoặt. Chúng trở lại không gian trống trải bụi bặm của Phòng Chờ Chung, tiếp tục trò quảng cáo đầy lý thú.

Ba đứa trẻ cứ nghĩ chúng sẽ chỉ nhìn thấy ở đó một hai người thôi, những người còn trụ lại trong đám hành khách đã rút vé đi về. Nhưng hóa ra trên ke ga trước cửa ga có một đám đông đang xúm đen xúm đỏ.

"Ồ ồ !" Peter háo hức kêu, "có chuyện gì đó rồi ! Ra xem đi !" - J

Bọn trẻ chạy ra ke ga. Khi đến chỗ đám đông, tất nhiên là chúng chả nhìn thấy gì ngoài bức tường toàn lưng và khuỷu tay của những người đứng vòng ngoài. Ai cũng xì xào bàn tán. Rõ ràng đã có chuyện xảy ra.

"Tôi thấy gã này còn kinh hơn cả bọn đầu đường xó chợ," một ông trông có vẻ là nông dân nói. Peter có thể trông thấy khuôn mặt đỏ lựng, râu ria nhẵn nhụi của ông ta.

"Nếu các vị hỏi tôi, tôi sẽ trả lời đây là việc của cảnh sát," một thanh niên xách cặp đen lên tiếng.

"Không được; nên đưa vào bệnh viện thì hơn..."

Tiếp theo là giọng của trưởng ga, đánh thép và oai vệ, "Nào mời các vị tránh ra nào. Xin cứ để việc này cho tôi."

Nhưng đám đông không nhúc nhích. Và sau đó một giọng nói vang lên, thấm vào trí não bọn trẻ. Một ngôn ngữ xa lạ. Hơn nữa, là thứ ngôn ngữ bọn trẻ chưa nghe thấy bao giờ. Chúng đã nghe thấy tiếng Pháp, tiếng Đức. Bác Emma biết tiếng Đức, bác thường hát một bài về *bedeuten* và *zeiten*, *bin* và *sin*. Cũng không phải tiếng Latinh. Peter đã học tiếng Latinh bốn học kỳ.

Dù sao, cũng may là chẳng ai trong đám đông hiểu thứ tiếng đó hơn bọn trẻ.

"Gã ta nói gì thế nhỉ ?" Ông nông dân hỏi, giọng nặng trịch trịch.

"Tôi nghe như tiếng Pháp ấy," trưởng ga đã có lần đến Boulogne nói.

"Không phải tiếng Pháp đâu ạ !" Peter kêu lên.

"Thế thì nó là tiếng gì ?" nhiều giọng lao nhao hỏi. Đám đông nghiêng lại phía sau xem ai nói và Peter lách lên trước, nên khi họ lại túm lại thì nó đã chui được vào vòng trong cùng.

"Cháu không biết là tiếng gì," Peter nói, "nhưng cháu biết không phải là tiếng Pháp ạ." Và nó nhìn thấy cái nằm chính giữa đám đông. Đó là một người đàn ông, chính cái ông đã nói thứ tiếng xa lạ kia, Peter không nghi ngờ gì nữa. Ông ta tóc dài, cặp mắt thất thần, mặc bộ quần áo cũ nát theo kiểu. Peter chưa từng thấy. Vội đôi tay và đôi môi run rẩy, ông ta lại nói khi nhìn thấy Peter.

"Không... không phải tiếng Pháp," Peter nói.

"Cậu biết tiếng Pháp thì thử nói với ông ta xem," ông nông dân nói.

"Parlay voo Frongsayay ?" (ông biết nói tiếng Pháp không ?) Peter bắt đầu một cách tự tin. Khoảnh khắc sau đó đám đông lại lùi lại vì người đàn ông đã rời khỏi bức tường mà ông ta đang tựa lưng, rướn người về phía trước nắm lấy hai bàn tay Peter và bắt đầu tuôn ra một dòng thác ngôn từ mà Peter không hiểu một chữ nào, cậu chỉ nghe được âm thanh của nó.

"Đấy,"", cậu nói và quay lại, hai bàn tay vẫn nắm trong tay người đàn ông ăn bận tồi tàn, để ném một cái nhìn đắc thắng lên đám đông. "Đấy mới là tiếng Pháp ạ"

"Ông ta nói gì ?"

"Cháu không biết ạ"", Peter phải thừa nhận.

"Ồ, vui lòng tránh ra xa nào" trưởng ga nói, "tôi sẽ xử lý trường hợp này"

Vài hành khách hoặc rụt rè hơn hoặc ít thốc mách hơn đành từ từ tản ra. Bobbie và Phyllis tiến sát vào chỗ Peter. Cả ba đều được dạy tiếng Pháp ở trường. Và lúc này, chúng ao ước mình học giỏi tiếng Pháp biết bao. Peter lắc đầu với người đàn ông xa lạ và đồng thời siết tay ông ta một cách nồng hậu, nhìn ông ta càng trù mến càng tốt. Một người trong đám đông, sau một lát phân vân, bỗng nhiên nói ""thôi chịu"", và đỏ bừng mặt, lách đám đông, bỏ đi.

Trưởng ga nắm tay người đàn ông, bất ngờ nhưng không thô bạo. Nhưng ông ta giật lại và gập lưng xuống ho hắng, run rẩy, cố đẩy trưởng ga ra.

"Ồ, xin đừng" Bobbie nói, "ông không thấy ông ấy sợ hãi sao ? Ông ấy nghĩ rằng ông sẽ bắt nhốt ông ấy. Cháu biết ông ấy nghĩ thế - ông cứ nhìn mắt ông ấy xem"

"Nhìn cứ như mắt một con cáo khi sa bẫy," ông nông dân nói.

"Ồ, cháu thử xem ạ !" Bobbie tiếp tục; "Cháu thực sự biết vài từ tiếng Pháp mà, nếu cháu tập trung thì cháu sẽ nhớ lại."

Thỉnh thoảng, trong những giây phút cực kỳ cấp thiết, chúng ta có thể làm những điều kỳ diệu - những điều mà trong đời sống hằng ngày chúng ta có mơ cũng khó lòng làm được. Bobbie chưa bao giờ mon men đến gần nhóm được xếp vào diện đỉnh về môn tiếng Pháp, nhưng chắc chắn là con bé đã học được ít nhiều mà không tự biết, vì lúc này, nhìn vào cặp mắt thất thần khiếp đảm kia, nó đã thực sự nhớ lại, và hơn nữa, nói được, vài từ tiếng Pháp. Con bé nói - "Vous attendre. Ma mère parlez Francais. Nous - tiếng Pháp 'tử tế' là gì nhỉ ?" (*"ông đợi nhé. Mẹ biết nói tiếng Pháp. Chúng cháu..."*)

Không ai biết.

"Bong là 'tốt", Phyllis nói.

"Nous être bong pour vous"

Tôi không biết người đàn ông có hiểu những lời con bé nói không, nhưng ông ta hiểu sự dịu dàng khi bàn tay con bé đặt vào tay ông, và sự trù mến khi bàn tay kia vuốt nhẹ tay áo sò của ông.

Con bé nhẹ nhàng kéo ông về phía ngôi đèn thiêng của trưởng ga. Hai đứa em theo sau, và trưởng ga đóng cửa trước mặt đám đông. Họ đứng lại trong phòng bán vé, vừa nhìn cánh cửa màu vàng đóng kín vừa bàn tán, rồi từng người, từng đôi lần bầm bở đi.

Trong phòng của trưởng ga, Bobbie vẫn nắm tay ông ngoại quốc và vuốt tay áo ông.

"Ông này đi tàu không vé," trưởng ga nói, "thậm chí còn không biết mình đi đâu. Chắc là ông phải giao ông ta cho cảnh sát thôi."

"Ồ, không !" bọn trẻ đồng thanh kêu lên. Và bỗng nhiên Bobbie chen vào giữa ông ngoại quốc và những người khác, vì con bé đã thấy ông ta khóc.

Thật là may mắn bất thường khi nó lại có một chiếc mùi soa trong túi. Và còn bất thường hơn nữa là lần này chiếc khăn khá sạch. Đứng trước mặt ông, nó rút chiếc khăn ra đưa cho ông, tránh không để những người khác nhìn thấy.

"Đợi đến khi mẹ về," Phyllis nói; "mẹ nói tiếng Pháp tuyệt hay. Ông sẽ thích nghe cho mà xem."

"Cháu chắc rằng ông ấy không làm gì để đến nỗi phải vào tù," Peter nói.

"Trông thì chưa thể biết," trưởng ga nói. "Được, cho ông ta chờ tới khi mẹ các cháu đến cũng được. Ông cần biết ông ta là người nước nào, đó là điều ông cần."

Sau đó Peter nghĩ ra một cách. Nó rút từ túi ra một phong bì đựng toàn tem nước ngoài đầy tới phân nửa. "Đây rồi," nó nói, "chúng ta hãy cho ông ấy xem..."

Chúng chỉ cho ông một cái tem Ý, rồi chỉ từ ông sang cái tem và ngược lại, nhướng lông mày ra ý hỏi. Ông ta lắc đầu. Chỉ sang cái tem Na Uy - màu xanh nước biển - ông lại ra hiệu không phải. Sau đó là một cái tem Tây Ban Nha, đến đây thì ông ta cầm lấy phong bì và tay run run tìm kiếm. Cuối cùng, với một cử chỉ ra hiệu trả lời, ông chìa một con tem Nga ra.

"Ông ấy là người Nga," Peter kêu lên, "hay là ông ấy giống như cái người trong truyện của Kipling, mọi người biết đấy. Nước Nga là một nơi khủng khiếp. Nên ông ấy mới sợ thế. Họ đối xử tồi tệ với ta không vì lý do gì - mẹ bảo thế."

Con tàu từ Maidbridge kéo còi.

"Cháu sẽ ở lại với ông ấy chờ mọi người đưa mẹ vào," Bobbie nói.

"Cháu không sợ sao, cháu bé?"

"Ồ, không", Bobbie nói, nhìn người lạ, tuồng như nhìn một con chó lạ tính khí thất thường. "Ông sẽ không đánh cháu, đúng không?"

Con bé mỉm cười với ông ta, và ông mỉm cười lại, nụ cười nhăn nhúm, kỳ cục. Ông ta lại ho. Nghe tiếng xình xịch nặng nề của chuyến tàu về, trưởng ga và Peter liền cùng Phyllis ra đón mẹ. Bobbie vẫn nắm tay ông khách khi mọi người quay lại cùng mẹ.

Người Nga đứng lên cúi chào rất trịnh trọng.

Sau đó mẹ nói tiếng Pháp, và ông ta trả lời, lúc đầu ngập ngừng, nhưng rồi các câu ngày một dài hơn.

Bọn trẻ, nhìn khuôn mặt hai người, biết rằng ông ta đang kể với mẹ những điều làm bà vừa giận dữ vừa thương cảm lại vừa phẫn nộ.

"Sao hả, mẹ bọn trẻ, đầu đuôi ra làm sao?" ông trưởng ga không thể kìm nén sự tò mò lâu hơn.

"À," mẹ nói, "không sao. Ông ấy là người Nga, ông đã đánh mất vé. Và tôi sợ rằng ông ấy đang ốm nặng. Nếu ông không phiền, tôi sẽ đưa ông ấy về nhà tôi bây giờ. Ông ấy kiệt sức thật rồi, để mai tôi chạy xuống kể cho ông mọi chuyện nhé."

"Tôi hy vọng rằng cô sẽ không nhận ra mình đã đưa về nhà một con rắn ngủ đông," trưởng ga nghi ngại nói.

"Ồ, không" mẹ nói vui vẻ và mỉm cười; "tôi chắc chắn không có chuyện đó đâu. Sao lại thế được chứ? Ông ấy là một người nổi tiếng ở Nga đấy, ông ấy viết sách - sách hay lắm - tôi có đọc mấy cuốn trong số đó; tôi sẽ kể tất cả cho ông ngày mai."

Mẹ lại nói tiếng Pháp với người Nga kia, và mọi người có thể nhìn thấy sự ngạc nhiên, niềm

vui và lòng biết ơn trong đôi mắt ông. Ông đứng dậy, lịch sự cúi chào trưởng ga và đưa tay một cách vô cùng trịnh trọng cho mẹ. Mẹ khoác tay ông, nhưng ai cũng thấy là mẹ đỡ ông chứ không phải ngược lại.

"Các con gái chạy về nhà đốt lò sưởi trong phòng khách lên đi," mẹ nói, "còn Peter phải đi mời bác sĩ cho mẹ."

Nhưng chính Bobbie là người đi mời bác sĩ.

"Cháu ghét phải kể với bác," Bobbie nói không ra hơi khi con bé chạy đến tìm bác sĩ lúc ông đang mặc độc chiếc sơ mi để nhổ cỏ cho luống hoa păng xê, "nhưng mẹ đưa về một người Nga ốm yếu, và cháu chắc là ông ấy sẽ phải vào câu lạc bộ của bác. Cháu khẳng định ông ấy chẳng có đồng nào. Chúng cháu tìm thấy ông ấy ở ga."

"Tìm thấy... ông ấy bị lạc sao?" bác sĩ hỏi, cầm lấy áo khoác.

"Vâng," Bobbie kể, không định trước, "đúng như vậy ạ. Ông ấy kể cho mẹ câu chuyện buồn, cảm động về cuộc đời ông ấy bằng tiếng Pháp; và mẹ bảo liệu bác có vui lòng quá bộ đến khám ngay cho ông ấy không nếu bác ở nhà. Ông ấy ho lắm, và còn khóc nữa."

Bác sĩ mỉm cười.

"Ồ, không," Bobbie nói; "xin đừng. Bác sẽ không thể cười nếu nhìn thấy ông ấy đâu. Cháu chưa thấy người đàn ông nào khóc bao giờ. Bác không biết nó như thế nào đâu."

Bác sĩ Forrest ước gì vừa rồi ông đừng mỉm cười.

Khi Bobbie và bác sĩ về đến Ba Ống Khói, ông người Nga đang ngồi trên chiếc ghế bành mà trước cha thường ngồi, duỗi hai chân về phía ngọn lửa cháy rực, nhấp chén trà mẹ pha cho.

"Ông ấy xem ra đã kiệt quệ, cả trí lực và thể lực," bác sĩ nói; "ho nặng, nhưng không có gì quá nghiêm trọng. Ông ấy phải lập tức lên giường, và giữ lò sưởi cả đêm cho ông ấy nhé."

"Tôi sẽ đốt lò trong phòng tôi; đó là phòng ngủ duy nhất có lò sưởi," mẹ nói. Mẹ nhóm lò xong, bác sĩ liền giúp người ốm lên giường. Có một cái rương to màu đen trong phòng mẹ mà chưa đứa nào thấy mở bao giờ. Bảy giờ, sau khi đã đốt lò, bà mở rương lấy ra vài bộ đồ quần áo nam giới và treo gần lò sưởi vừa nhóm lên. Bobbie vào mang thêm củi cho lò sưởi, nhìn thấy nhãn trên áo ngủ, lại nhìn vào cái rương để mở. Mọi thứ trong đó đều là quần áo đàn ông. Và nhãn trên sơ mi ghi tên cha. Vậy là cha không mang quần áo theo. Và cái áo ngủ là một trong những áo mới của cha. Bobbie nhớ lại là nó được may ngay trước sinh nhật Peter. Vậy tại sao cha không mang quần áo đi? Bobbie nhảy ra khỏi phòng, nghe thấy tiếng chìa xoay trong ổ khóa của chiếc rương. Trái tim con bé đập hoảng loạn. Tại sao cha không mang quần áo theo?

Khi mẹ ra khỏi phòng, Bobbie hai tay ôm chặt quanh eo mẹ, thầm thì...

"Mẹ... cha không... không chết, có phải không?"

"Con yêu, không! Điều gì làm con có ý nghĩ khủng khiếp ấy?"

"Con... con không biết," Bobbie nói, giận dữ với chính mình, nhưng vẫn bám vào ý nghĩ đó, nó không nhìn thấy bất kỳ cái gì mẹ không muốn nó nhìn.

Mẹ vội vã ôm ghì nó. 'Cha vẫn hoàn toàn, hoàn toàn khỏe mạnh vào lần mẹ nghe tin gần đây nhất," mẹ nói, "cha sẽ về một hôm nào đó. Đừng tưởng tượng điều kinh khủng đó, con yêu!"

Lúc sau, khi ông người Nga đã ngủ yên, mẹ vào phòng các con gái. Mẹ sẽ ngủ trên giường Phyllis, còn Phyllis thì có một cái đệm trên sàn, đúng là một cuộc phiêu lưu hết sức thú vị cho con bé.

Mẹ vừa bước vào, hai cái bóng trắng nhỏ đã ngồi dậy, hai giọng nói háo hức, "Mẹ, giờ mẹ kể hết cho chúng con nghe về quý ông người Nga đi."

Một hình thù trắng trắng nhảy bổ vào phòng. Đó là Peter, nó kéo tấm chăn theo sau như đuôi một con công trắng.

"Chúng con cứ chờ mãi," nó nói, "và con phải cắn vào lưỡi để khỏi ngủ, lúc này con suýt nữa ngủ mất và phải cắn thật mạnh, đau chưa từng thấy. Kể đi mẹ. Một câu chuyện dài hấp dẫn mẹ nhé."

"Tối nay thì mẹ không thể kể chuyện dài được," mẹ nói; "mẹ mệt lắm."

Bobbie nghe giọng là biết mẹ đang khóc, nhưng hai đứa kia thì không biết.

"Vâng, mẹ kể dài được đến đâu thì kể ạ," Phyllis nói, Bobbie quàng hai tay quanh người mẹ và rúc sát vào mẹ.

"Ừ, nó là một câu chuyện đủ dài để viết thành sách, Ông ấy là nhà văn; ông đã viết những cuốn sách rất hay. Nhưng các con biết là ở Nga thời Sa hoàng không ai dám nói gì về những kẻ giàu có làm điều sai trái, hay những điều phải làm cho người nghèo khá hơn, hạnh phúc hơn. Ai nói sẽ phải vào tù".

"Nhưng họ không thể làm thế" Peter nói; "nghĩa là chỉ bị đi tù nếu làm điều sai trái thôi chứ."

"Hoặc khi quan tòa nghĩ là họ sai" mẹ nói. "Phải, ở Anh là thế. Nhưng ở Nga thì khác. Ông đã viết một cuốn sách hay về những người nghèo và cách giúp đỡ họ. Mẹ đã đọc cuốn ấy. Không có gì trong đó ngoài lòng tốt và sự tử tế. Và họ bắt ông vào tù vì cuốn sách. Ông đã bị giam ba năm trong ngục tối khủng khiếp, hầu như không có ánh sáng, đâu đâu cũng ảm thấp và khó

chịu. Một mình trong tù ba năm liền."

Giọng mẹ khẽ run run rồi bỗng dừng lại.

"Nhưng, mẹ ơi," Peter nói, "thời này sao có chuyện như thế được ạ. Nghe như chuyện trong sách lịch sử ấy - tòa án dị giáo, hay đại loại vậy."

"Nó là sự thật" mẹ nói; "sự thật khủng khiếp. Sau đó họ đưa ông ấy ra và đày đi Xibêri, người tù này xích vào người tù kia - những con người độc ác, những người đã phạm đủ loại tội - thành một hàng dài, và họ đi, đi, đi mãi, hàng ngày liền, hàng tuần liền, cho đến khi ông nghĩ họ sẽ không có điểm dừng. Những tên coi tù đi đằng sau vung roi - phải, roi - đánh họ nếu họ mệt mỏi. Một số người phải lết đi, một số người gục ngã, và khi không thể đứng lên đi tiếp, họ bị đánh và để mặc cho chết. Ôi, thật khủng khiếp ! Cuối cùng ông bị đưa đến khu mỏ và phải làm ở đó suốt đời - suốt đời, chỉ vì viết một cuốn sách thật hay, tử tế, cao quý."

"Ông đã trốn thoát như thế nào ạ ?"

"Khi chiến tranh xảy ra, một số tù nhân được phép tình nguyện xung quân. Và ông đã tình nguyện. Nhưng có cơ hội là ông bỏ trốn ngay và..."

"Nhưng như thế là hèn nhát, phải không ạ ?" Peter nói, "Bỏ trốn ấy ạ ? Nhất là trong chiến tranh."

"Thế con nghĩ ông ấy nợ gì một đất nước đã đối xử như thế với mình ? Nếu có nợ, ông chỉ nợ vợ con ông ấy thôi. Ông không biết chuyện gì xảy ra với họ."

"Ôi," Bobbie kêu, "ông luôn lo nghĩ cho họ và đau khổ vì họ suốt thời gian ở tù chứ ạ ?"

"Phải, ông luôn lo nghĩ cho họ và đau khổ vì họ suốt thời gian ở tù. Ông biết họ cũng có thể vào tù không vì bất kỳ lý do nào. Ở Nga người ta làm những việc như thế đấy. Khi ông ở hàm mỏ, mấy người bạn đã tìm cách báo cho ông biết là vợ và các con ông đã trốn thoát sang Anh. Do đó sau khi đào ngũ ông tới đây tìm họ."

"Ông có địa chỉ của họ không ?" Peter hỏi rất thực tế.

"Không; chỉ biết là nước Anh thôi. Ông định đi Luân Đôn và nghĩ là phải chuyển tàu ở ga chúng ta. Sau đó ông phát hiện ra mình bị móc mất vé và ví."

"Ôi, mẹ có nghĩ ông ấy sẽ tìm được không ? Ý con là vợ con ông ấy, chứ không phải vé việc các thứ."

"Mẹ hy vọng thế. Ôi, mẹ hy vọng và cầu mong cho ông ấy tìm lại được vợ con."

Lần này cả Phyllis cũng nhận thấy giọng mẹ run run.

"Sao mẹ thương ông thế ạ ?" con bé hỏi.

Một hồi lâu mẹ không trả lời. Rồi mẹ chỉ nói, "ừ," rồi như thể mẹ đang chìm trong suy nghĩ. Bọn trẻ im lặng.

Và giờ mẹ dặn, "Các con yêu, khi các con cầu nguyện, mẹ nghĩ các con nên xin Chúa xót thương tất cả những tù nhân và những người bị giam cầm."

"Xót thương," Bobbie chậm rãi nhắc lại, "tất cả những tù nhân và những người bị giam cầm. Đúng không, mẹ ?"

"Đúng rồi," mẹ nói, "tất cả những tù nhân và những người bị giam cầm. Tất cả những tù nhân và những người bị giam cầm."

Chương 6

Cứu tinh của con tàu

Hôm sau ông người Nga đã khá hơn. Và hôm sau nữa tình hình sức khỏe của ông lại thêm tiến triển. Đến ngày thứ ba ông đã có thể ra vườn. Một cái ghế xích đu được đặt sẵn cho ông, và ông ngồi đó trong bộ quần áo của cha. Bộ quần áo quá rộng so với khổ người ông, nhưng khi mẹ lên gấu quần và tay áo thì khá vừa vặn. Khuôn mặt nhân hậu của ông không còn vẻ mệt mỏi kinh hoàng nữa, ông mỉm cười với bọn trẻ mỗi khi thấy chúng. Chúng ước gì ông có thể nói tiếng Anh. Mẹ đã viết thư cho những người mà mẹ nghĩ có thể biết ở đâu đó trong nước Anh có vợ con ông người Nga đang sống, chứ không phải những người mẹ từng biết trước khi đến sống ở Ba Ống Khói - mẹ không bao giờ viết cho bất kỳ ai trong số họ, ngoài những người lạ - nghị sĩ và biên tập viên các báo, và thư ký các hiệp hội.

Bà cũng không viết lách nhiều, chỉ chỉnh sửa lại những tác phẩm đã viết lúc ngồi dưới nắng bên cạnh ông người Nga, và thỉnh thoảng trò chuyện với ông.

Bọn trẻ rất muốn bày tỏ thiện cảm với ông, người phải vào tù và đi đày ở Xibêri chỉ vì đã viết một quyển sách hay về những người nghèo khó. Chúng có thể mỉm cười với ông, tất nhiên; chúng có thể và chúng đã làm. Nhưng nếu ta mỉm cười quá thường xuyên, nụ cười sẽ có xu hướng rập khuôn như nụ cười của linh cẩu. Và trông nó không còn thân thiện nữa, mà chỉ là ngớ ngẩn. Vậy nên bọn trẻ thử cách khác, chúng mang hoa về tặng ông cho đến khi quanh chỗ ông ngồi có không biết bao nhiêu những bó hoa nhỏ bắt đầu héo, nào là cỏ ba lá, hoa hồng, rồi hoa chuông, đủ cả.

Sau đó Phyllis nảy ra một ý. Con bé bí mật ra hiệu cho Bobbie và Peter rồi dẫn chúng ra sân sau, trong chỗ khuất giữa cái bơm và ang nước, nó nói, "Anh chị có nhớ chú Perks đã hứa tặng em những quả dâu đầu tiên trong vườn nhà mình không?" Perks, hẳn bạn còn nhớ, là người trực ga. "Em nghĩ là chúng chín rồi đấy. Mình xuống xem đi."

Mẹ đã xuống ga vì bà hứa kể cho trưởng ga về người tù Nga. Nhưng thậm chí sự hấp dẫn của đường tàu cũng không thể ngăn bọn trẻ quần quanh bên vị khách lạ thú vị kia. Vậy nên ba ngày nay chúng chưa đến ga.

Giờ chúng đã đến.

Thật ngạc nhiên và thất vọng khi Perks tiếp chúng rất lạnh nhạt.

"Rồng tới nhà tôm thế này thật vinh dự quá " chú ta nói khi chúng thò đầu vào cửa phòng trực. Và tiếp tục đọc báo.

Một sự im lặng khó chịu.

"Ôi," Bobbie thở dài, nói, "rõ ràng là chú đang giận.

"Gì chứ, tôi ? Không phải tôi !" Perks trích thượng nói; "chuyện đó chẳng là gì đối với tôi."

"Chuyện gì chẳng gì với chú ?" Peter vì quá lo lắng mà nói líu cả lưỡi.

"Không có gì chẳng là gì. Dù chuyện xảy ra ở đây hay ở đâu," Perks nói, "quý cô quý cậu thích có bí mật của mình, thì cứ việc, đây hoan nghênh. Tôi nói thế đấy."

Căn phòng chứa bí mật trong mỗi trái tim nhỏ nhanh chóng được kiểm tra trong khoảng lặng sau đó. Ba cái đầu cùng lắc.

"Bọn cháu không có bất kỳ bí mật nào giấu chú hết," cuối cùng Bobbie nói.

"Có thể có, có thể không," Perks nói; "nó chẳng là gì với tôi. Và tôi chúc quý cô quý cậu một buổi chiều tốt lành." Chú ta giơ tờ báo lên chặn giữa họ và tiếp tục đọc.

"Ô, không !" Phyllis tuyệt vọng nói; "thế này đúng là kinh khủng ! Dù có chuyện gì, làm ơn cho bọn cháu biết đi."

Không có câu trả lời. Tờ báo lại được gấp lại và Perks đọc sang cột khác.

"Cháu thấy thế là không công bằng," Peter đột nhiên nói. "Thậm chí những người phạm tội còn không bị trừng trị khi chưa biết lý do - ngoại trừ ở Nga."

"Tôi chả biết gì về nước Nga sắt."

"Ô, có, chú biết, mẹ chả xuống kể với chú và ông Gills về ông người Nga rồi còn gì ?"

"Quý cậu tưởng tượng ra à ?" Perks phần nộ

"Quý cậu có nhìn thấy ông ấy mời tôi bước vào phòng ông ấy, ngồi xuống ghế và nghe quý bà nói không ?"

"Chú muốn nói là chú không được nghe ?"

"Nửa chữ cũng không. Tôi đã đánh bạo hỏi chuyện. Nhưng ông ấy gạt phắt đi. "Việc chính phủ, Perks", ông ấy nói thế đấy. Tôi cứ nghĩ một trong mấy người sẽ chạy xuống đây kể cho tôi nghe đấy, các người chả chạy ngay xuống đây khi muốn gì đó từ Perks già này còn gì," - Phyllis đỏ bừng mặt nghĩ đến những quả dâu - "khi các người muốn biết về các đầu máy xe lửa, tín hiệu hay những điều hay ho khác chẳng hạn," Perks nói.

"Bọn cháu không biết là chú không biết."

"Bọn cháu cứ tưởng mẹ đã kể cho chú rồi."

"Bọn cháu không kể cho chú vì nghĩ đây là tin cũ rồi."

Cả ba cùng nói một lúc.

Perks nói không sao nhưng vẫn còn cầm tờ báo. Phyllis bất ngờ giật tờ báo khỏi tay Perks rồi quàng tay ôm cổ chú ta.

"Chúng ta hãy hôn nhau và lại là bạn nhé."

"Bọn cháu xin lỗi," Bobbie và Peter nói.

Cuối cùng Perks cũng chấp nhận lời xin lỗi.

Sau đó họ cùng nhau bước ra, ngồi dưới nắng trên bờ cỏ xanh giờ chạm vào đã khá nóng bên đường tàu, và ở đó, có lúc một đứa nói, có lúc cả ba cùng nói, chúng kể cho chú trực cổng nghe câu chuyện về người tù Nga.

"Ồ, tôi phải nói rằng", Perks nói; nhưng rồi chú ta lại bỏ lửng câu nói - dù chú đang định nói gì.

"Vâng, thật tồi tệ, nhỉ ?" Peter nói, "cháu không lấy làm lạ khi chú tò mò muốn biết ông người Nga là ai."

"Tôi không tò mò, mà cũng chẳng quan tâm," chú trực cổng đáp.

"Vậy mà em cháu cứ tưởng ông Gills đã kể cho chú nghe. Ông ta thật quá đáng," Bobbie nói.

"Tôi không trách ông ấy về điều này, cô ạ," chú trực cổng nói; "tại sao nào ? Tôi hiểu lý do ông ấy làm thế. Ông ấy ở phe Nga trong cuộc chiến tranh này. Còn tôi ở phe Nhật. Tất nhiên là ông ấy không từ bỏ phe mình vì những câu chuyện kiểu như thế này. Đó không phải là bản tính con người. Một người sống chết gì cũng nhất quyết bảo vệ phe mình. Chính trị phe phái là vậy chứ đâu. Tôi cũng sẽ làm đúng như thế nếu cái ông tóc dài đó là người Nhật."

"Nhưng người Nhật không làm những việc độc ác như thế," Bobbie nói.

"Có thể không," Perks thận trọng; "nhưng quý cô không thể chắc chắn gì về người ngoại quốc đâu. Tôi thì tôi tin là họ cùng một giuộc thôi."

"Thế sao chú lại ở phe Nhật ?" Peter hỏi.

"Ô, này cậu, cậu biết là cậu phải chọn phe này hay phe kia mà. Như là đảng Tự do hay đảng Bảo thủ ấy. Cái chính là chọn phe mình và ủng hộ nó, dù có xảy ra chuyện gì đi nữa."

Còi tín hiệu vang lên.

"Tàu 3 giờ 14 phút xuôi đây," Perks nói. "Các cô cậu nằm thấp xuống khi cô ấy chạy qua nhé, sau đó chúng ta lên chỗ tôi xem đám dâu chín chưa. Tôi đã kể với các cô cậu về chúng rồi đấy."

"Nếu có quả nào chín chú cho cháu nhé," Phyllis nói, "chú không ngại nếu cháu đem chúng lặt cho ông người Nga nghèo chứ?"

Perks lim dim mắt, rồi nhướn lông mày.

"Tức là vì mấy quả dâu mà các cô cậu xuống chiều nay, hả?" chú ta nói.

Đây là thời điểm khó khăn của Phyllis. Trả lời "vâng" nghe thật sống sượng và tham lam, và không tử tế với Perks. Nhưng con bé biết rằng trả lời "không phải" thì nó sẽ thấy tự dằn vặt. Nên...

"Vâng," Phyllis đáp, "đúng thế."

"Giỏi!" chú trực nói, "nói sự thật và hổ thẹn với.."

"Nhưng nếu biết chú chưa nghe được câu chuyện thì bọn cháu đã xuống ngay hôm sau rồi," Phyllis vội vã thêm.

"Tôi tin cô," Perks nói, và nhảy qua đường tàu rộng chừng mét tám ngay trước mặt đoàn tàu đang tiến vào.

Hai cô bé sợ cảnh đó, nhưng Peter lại thích. Rất thú vị.

Ông người Nga thích những quả dâu đến nỗi ba cái đầu nhỏ lại háo hức tìm kiếm sự ngạc nhiên khác cho ông. Nhưng có cố đến mấy chúng cũng không nghĩ được gì thơ mộng hơn những quả anh đào dại. Và ý tưởng này xuất hiện vào sáng hôm sau. Bọn trẻ đã nhìn thấy cây anh đào nở hoa vào mùa xuân, và chúng biết phải tìm quả anh đào ở đâu vì đã đến mùa anh đào chín. Anh đào mọc tít trên sườn vách đá nơi mở ra miệng hầm. Có đủ mọi loại cây ở đó, bu lô, sồi, pỉ, điểm vào giữa là những cây anh đào nở hoa trắng như tuyết và bạc rờng.

Miệng đường hầm cách Ba Ống Khói một thôi đường, nên mẹ cho phép bọn trẻ lấy giỏ đựng theo đồ ăn trưa. Cái giỏ cũng dùng để mang anh đào về nếu chúng kiếm được. Bà còn cho chúng mượn chiếc đồng hồ bạc của bà để chúng về kịp bữa trà. Chiếc Waterbury của Peter đã chết từ ngày bị nó đánh rơi vào ang nước. Và bọn trẻ lên đường. Khi leo lên tới đỉnh vách, ba đứa cúi mình qua hàng rào nhìn xuống chỗ đường ray, dưới đây cái "hẻm núi" như Phyllis gọi.

"Nếu không có đường ray ở dưới đây thì nó giống một nơi chưa có dấu chân người nhỉ?" con bé nói.

Hai bên sườn vách là đá xám lờm chờm như bị ai chặt. Thực ra phần đỉnh vách là một thung

lũng hẹp đã được đào sâu hơn cho ngang với miệng hầm. Cỏ và hoa mọc trên vách đá, hạt do chim đánh rơi vào kẽ đá, đâm rễ mọc thành lùm bụi và cây cối lủng lơ trên sườn vách. Gần đường hầm là một dải cầu thang dẫn xuống đường tàu, đó là những tấm gỗ đóng chặt vào đất, một lối đi rất dốc và hẹp, giống một cái thang hơn là bậc tam cấp.

"Mình nên xuống đi," Peter nói; "chắc chắn đứng ở bậc thang sẽ dễ hái anh đào. Mọi người có nhớ chúng ta đã đứng đó hái hoa anh đào về cắm trên mộ con thỏ không?"

Thế là chúng đi dọc theo hàng rào thẳng đến cái cổng nhỏ dung đưa trên đỉnh cầu thang. Vừa gần đến nơi thì Bobbie nói, "Suýt. Đứng lại ! Có gì đấy?"

"Đấy" là một âm thanh thực sự kỳ cục - nó êm đềm, mơ hồ như tiếng gió thổi qua những cành cây, vo vo ve ve như tiếng đường dây điện tín. Âm thanh đó cứ lao xao, thăm thẳm. Khi bọn trẻ lắng nghe thì nó lặng đi, rồi lại bắt đầu.

Và lần này nó không dừng lại, nó phình ra to hơn, soàn soạt và ầm ầm bao trùm tất cả.

"Trông kia..." Peter đột ngột kêu lên, "cái cây kia kia!"

Cái cây mà Peter chỉ là một trong những cây có lá nhám màu xám và hoa trắng. Quả anh đào chín có màu đỏ tươi, nhưng khi ta hái xuống thì chúng sẽ làm ta thất vọng vì chúng nhanh chóng chuyển sang màu đen trước khi ta về tới nhà. Và, khi Peter chỉ, cái cây đang chuyển động - không phải như cây thường chuyển động khi có gió, mà giống như một vật biết đi và đang đi xuống sườn vách.

"Nó đang di chuyển !" Bobbie kêu lên. "Ô, nhìn kia ! Những cây khác cũng thế. Giống như rừng trong Macbeth ấy."

"Là ma làm đấy," Phyllis nghẹt thở. "Em biết là đường tàu này bị yểm bùa mà."

Cánh tượng này thực sự có vẻ ma quái. Bởi vì tất cả các cây trong vòng hai mươi mét ở sườn vách đối diện cứ như đang di chuyển từ từ xuống dưới đường tàu, cái cây lá xám dẫn đầu, hết như người chẵn cừu già dẫn một đàn cừu màu xanh lá cây.

"Gì thế nhỉ ? Ồi, gì thế nhỉ ?" Phyllis hoảng hốt; "như ma làm ấy. Em sợ lắm. Chúng ta về nhà đi."

Nhưng Bobbie và Peter bám chặt lấy thành rào chắn và nín thở theo dõi. Phyllis cũng không nhúc nhích một bước.

Đám cây vẫn tiếp tục di chuyển. Vài hòn đá và cục đất lở lộc cộc rơi xuống đường ray tí bên dưới.

"Cả bọn đang đi xuống," Peter cố lên tiếng, nhưng nó biết ngay là chẳng ai nghe được gì

trong tình huống này. Và, đúng lúc nó nói, một tảng đá khổng lồ trên có cây mọc đang đi, từ từ đổ về phía trước. Đám cây dừng lại, đứng yên run rẩy. Khi đổ về phía trước cùng với tảng đá, chúng dường như phân vân trong khoảnh khắc, rồi cả đá, cả cây, cả lùm bụi, lao thẳng từ sườn vách xuống đường tàu đánh sầm một cái, âm thanh cách xa nửa dặm cũng nghe thấy được. Một đám bụi bốc lên.

"Ô," Peter nói, giọng thẳng thốt, giống hệt lúc cho than vào gian chứa nhĩ ? Nếu gian chứa không có mái và mình có thể nhìn xuống dưới.

"Xem nó tạo nên cả một gò đất lớn chừng nào kìa !" Bobbie nhận xét.

"Đúng, nó chắn ngang đường tàu xuôi", Phyllis bổ sung.

"Phải xúc nó đi mới được", Bobbie nói.

"Phải," Peter chậm rãi. Nó vẫn còn cúi người qua hàng rào. "Phải," nó nhắc lại, chậm hơn nữa.

Sau đó nó đứng thẳng lên.

"Chuyến tàu 11 giờ 29 phút vẫn chưa chạy qua. Chúng ta phải báo cho nhà ga, kéo sẽ xảy ra một tai nạn hết sức kinh hoàng."

"Chạy đi nào," Bobbie nói, đoạn co căng chạy.

Nhưng Peter kêu lên, "Quay lại đã !" và nhìn đồng hồ của mẹ. Trông nó cuống quýt hết cả lên, mặt trắng bệch khác thường.

"Không kịp đâu," thằng bé nói "tàu chỉ còn cách hai dặm, đã hơn mười một giờ rồi."

"Chúng ta không thể," Phyllis nói không ra hơi, "chúng ta không thể leo lên cột điện để làm gì đó với đường dây sao ?"

"Nhưng ta có biết làm thế nào đâu," Peter trả lời.

"Họ vẫn làm thế hồi chiến tranh," Phyllis nói; "em biết mà, em từng nghe có chuyện đó rồi mà."

"Họ chỉ cắt dây thôi, cô ngố ời," Peter nói, "làm thế chả được tích sự gì. Nếu có leo được lên thì chúng ta cũng không thể cắt dây, mà có leo được đâu cơ chứ. Nếu có vật gì đồ đồ, ta có thể xuống đường tàu để vẫy."

"Nhưng tàu sẽ không nhìn thấy chúng ta chừng nào chưa qua khúc ngoặt, mà khi qua rồi thì nó cũng nhìn thấy đồng đá như thấy chúng ta," Phyllis nói; "còn rõ hơn, bởi vì nó to hơn ta nhiều."

"Giá mà có vật gì đỏ đỏ," Peter nhắc lại, "ta có thể chạy tới khúc ngoặt vậy."

"Chúng ta vẫn có thể vậy mà."

"Nhưng họ sẽ chỉ nghĩ đấy là mình vấy tàu như mọi khi thôi. Vì mình vẫn thường vấy như thế. Dù sao cũng cần phải xuống dưới xem sao."

Bọn trẻ lần theo những bậc dốc đứng. Bobbie tái xanh và run run. Khuôn mặt Peter tóp lại. Mặt Phyllis đỏ bừng đầy lo lắng.

"Ôi, em nóng quá !" con bé nói; "em cứ nghĩ rằng sẽ lạnh; ước gì chị em mình không mặc..." con bé ngừng một thoáng rồi nói nốt bằng một giọng khác hẳn, "cái váy lót bằng vải flanen."

Bobbie dừng lại ở chân bậc thang.

"Ồ, phải rồi," con bé kêu lên; "váy màu đỏ mà ! Mình cởi ra đi."

Bobbie và Phyllis cuộn váy lại kẹp dưới nách rồi ba chị em chạy dọc đường tàu, men theo đồng đất đá vừa đổ, đám cây cối bị gãy, vụn, giập nát. Chúng chạy hết sức mình. Peter dẫn đầu, hai đứa con gái không xa phía sau. Bọn trẻ đến chỗ ngoặt che khuất đồng đất đá khiến cho tàu đến trên đoạn đường ray thẳng tắp dài nửa dặm không thể nhìn thấy được.

"Nào," Peter nói, cầm cái váy flanen to nhất.

"Anh không..." Phyllis ấp úng, "anh không xé nó ra đấy chứ ?"

"Im ngay" Peter nói vừa dứt khoát vừa nghiêm túc.

"Ồ, xé chứ," Bobbie nói, "nếu cần thì phải xé ra thôi. Em không thấy sao, Phil, nếu mình không dùng được đoàn tàu thì sẽ xảy ra tai nạn chết người đấy. Ôi, khủng khiếp ! Đưa đây chị, Peter, xé ở cạp không được đâu !"

Bobbie cầm lấy chiếc váy flanen từ tay Peter và xé cách cạp chừng hơn hai phân. Rồi cũng xé cái còn lại như thế.

"Rồi !" Peter nói, xé tiếp chiếc váy. Nó xé mỗi chiếc váy thành ba mảnh. "Bây giờ, chúng ta có sáu lá cò." Nó nhìn đồng hồ. "Còn bảy phút nữa. Mình phải có cán cò."

Những con dao mà người lớn đưa cho trẻ con, vì lý do ngớ ngẩn nào đó, hiếm khi là loại thép tốt và sắc. Nên chỉ còn cách bẻ các cây con. Chúng nhổ bật rễ hai cây con, tuốt sạch lá.

"Mình phải rạch một lỗ trên cò để xỏ cán vào," Peter nói. Thế là chúng rạch lỗ. Con dao đủ sắc để rạch vải flanen. Hai lá cò được cắm vào đồng đất đá lổn nhổn giữa những thanh tà vẹt. Phyllis và Roberta mỗi đứa cầm một lá, đứng sẵn sàng vấy ngay khi đoàn tàu xuất hiện.

"Em sẽ cầm hai chiếc" Peter nói, "vì chính em nghĩ ra cách vấy một vật màu đỏ."

"Nhưng váy là váy của bọn em," Phyllis toan nói, nhưng Bobbie đã ngắt lời:

"Ôi, ai vậy thì quan trọng gì chứ, cốt là cứu được đoàn tàu."

Có thể là Peter tính không đúng đoàn tàu chạy từ nhà ga đến chỗ chúng mất bao nhiêu phút, hoặc là tàu bị trễ. Nên dường như bọn trẻ đã phải đợi rất lâu.

Phyllis sốt ruột. "Em cho là đồng hồ sai và tàu đã chạy qua rồi," nó nói.

Peter nguội dần cái khí phách anh hùng đã khiến nó chọn cách trưng ra hai lá cờ. Bobbie bắt đầu thấy mệt mỏi vì chờ đợi. Con bé tưởng như cả ba đã đứng đó hết giờ này qua giờ khác, cầm trong tay những lá cờ nhỏ bé ngó ngẩn bằng vải flanen đỏ mà chẳng ai thèm bận tâm. Con tàu sẽ chẳng để ý tới. Nó phóng qua chúng, lượn quanh chỗ ngoặt và đâm sầm vào cái gò tệ hại đó. Mọi người sẽ chết.

Cánh tay con bé trở nên lạnh giá và run rẩy đến nỗi khó mà giữ được ngọn cờ. Và rồi vọng lại tiếng âm âm, o o của đường ray, một luồng hơi nước trắng hiện ra phía xa xa.

"Đứng cho chắc," Peter hét, "và vẩy loạn lên ! Khi tàu đến bụi cây kim tước lớn thì bước lùi lại nhưng vẫn tiếp tục vẩy ! Không đứng trên đường tàu, Bobbie !"

Con tàu xịch xịch xịch lao đến rất nhanh.

"Họ không nhìn thấy chúng ta ! Họ không nhìn thấy chúng ta ! Hổng rồi !" Bobbie kêu lên.

Hai lá cờ nhỏ cắm trên đường nghiêng ngả trong khi con tàu lại gần làm đóng đá giữ chân cột rung chuyển, long lên. Một ngọn cờ từ từ xuôi nghiêng rồi đổ xuống đường. Bobbie nhảy ra túm lá cờ để vẩy; bàn tay con bé không run nữa.

"Ra khỏi đường tàu đi, chị ngổ điên !" Peter gào rách họng.

Dường như con tàu lao đến nhanh chưa từng thấy. Nó gần lắm rồi.

"Thế không ăn thua," Bobbie lại nói.

"Lùi lại !" Peter hét, kéo tay Phyllis giật lại.

Nhưng Bobbie hét, "Chưa được, chưa được !" và tiếp tục vẩy hai lá cờ ngay trên đường ray. Đầu tàu trông đen thui và to vật vữa. Giọng nó gào thét chói tai.

"Này, dừng lại, dừng lại, dừng lại !" Bobbie kêu khẩn thiết. Không ai nghe thấy con bé. Ngay cả Peter và Phyllis, bởi con tàu đang lao tới đã nhấn chìm giọng con bé trong một biển âm thanh. Sau này Bobbie thường tự hỏi liệu con tàu có nghe thấy tiếng mình không. Dường như là nó có nghe bởi vì tàu giảm tốc rất nhanh, chạy chậm dần rồi đứng lại, cách hai lá cờ Bobbie vẩy trên đường ray không đến hai mươi mét. Bobbie nhìn thấy con tàu khổng lồ đen sì khựng lại,

nhưng không hiểu sao con bé không thể dừng vầy cò. Khi người lái tàu và thợ đốt lò xuống tàu, Peter cùng Phyllis tiến đến gặp họ, thao thao bất tuyệt kể cho họ nghe câu chuyện đầy hồi hộp về gò đất đá xấu xí ngay gần khúc ngoặt, song Bobbie vẫn cứ đang vầy hai lá cò tuy mỗi lúc một lão đảo yếu ớt.

Khi mọi người quay về phía Bobbie, con bé đang nằm ngang đường tàu, hai tay dang ra phía trước vẫn còn nắm chặt hai cán cò flanen đỏ nhỏ bé. Người lái tàu bế con bé lên tàu, đặt trên nệm toa hạng nhất.

"Cô bé bị ngất đấy mà," ông ta nói, "tội nghiệp. Bác sẽ xem xét cái gò của mấy đứa rồi chở mấy đứa về ga, gọi bác sĩ khám cho cô bé."

Thật là kinh khủng khi nhìn Bobbie nằm bất động, gương mặt trắng bệch, cặp môi tím tái hé mở.

"Em tin rằng lúc chết người ta sẽ như thế này," Phyllis thầm thì.

"Đừng nói linh tinh !" Peter nghiêm giọng.

Chúng ngồi bên Bobbie trên tấm nệm màu xanh da trời, con tàu đang chạy lùi. Trước khi nó đến ga, Bobbie đã thở dài và mở mắt, co người lại và bắt đầu khóc. Thấy vậy hai đứa em nó vui sướng quá chừng. Chúng từng nhìn thấy Bobbie khóc rồi, nhưng chúng chưa bao giờ thấy chị ngất, hay bất kỳ ai khác ngất. Chúng không biết làm gì khi chị bất tỉnh, song lúc này Bobbie chỉ khóc thôi và chúng có thể vỗ vỗ lưng chị, bảo chị đừng khóc nữa, như chúng thường làm. Và giờ đây, khi Bobbie đã ngừng khóc, hai đứa có thể cười sao chị nhất thế, đến nỗi ngất đi luôn.

Khi tàu về tới ga, cả ba đã là những anh hùng của cuộc tụ họp sôi động trên ke ga.

Những lời khen bọn trẻ nhận được như là "nhanh trí", "linh cảm chính xác", "sáng suốt khéo léo" đủ làm người khác ganh tị. Phyllis phổng hết cả mũi. Trước kia con bé chưa bao giờ là một anh hùng thực sự, nên cảm giác đó mới dễ chịu làm sao. Tai Peter đỏ lựng lên. Nó cũng rất khoái trá, dĩ nhiên. Chỉ mình Bobbie là ước gì người ta đừng làm thế. Con bé muốn về nhà.

"Các cháu sẽ nhận được tin từ Công ty về việc này, chắc chắn thế," trưởng ga nói.

Bobbie ước gì không phải nghe lại câu đó. Nó kéo áo khoác của Peter.

"Ôi, đi thôi, đi thôi ! Chị muốn về nhà."

Và bọn trẻ bỏ về. Lúc chúng về, trưởng ga, người trực cổng, bảo vệ, thợ đốt lò và hành khách đồng thanh hoan hô.

"Chị thấy không" Phyllis kêu; "họ hoan hô chung đấy !"

"Ừ," Peter nói. "May mà em đã nghĩ ra cách vầy thứ gì đó màu đỏ."

"May mà bọn em mặc váy lót bằng vải đỏ !" Phyllis nói.

Bobbie không nói gì. Con bé đang nghĩ về cái gò đáng sợ, về con tàu đang vô tư lao tới.

"Chính chúng ta đã cứu đoàn tàu" Peter nói. "Họ mà chết thì thật kinh khủng !" Phyllis nói, rất hài lòng; "phải không, Bobbie ?"

"Đổi lại, chúng ta chẳng lấy được quả anh đào nào" Bobbie nói.

Hai đứa em nghĩ rằng chị chúng khá vô tâm.

Chương 7

Vì lòng dũng cảm

Tôi hy vọng bạn không ngại nghe tôi kể nhiều về Roberta. Thực sự là tôi ngày càng thích con bé. Càng quan sát, tôi càng yêu con bé. Và tôi nhận ra rằng mọi nét ở con bé tôi đều thích.

Thí dụ, con bé luôn nóng lòng muốn làm cho người khác vui, nóng lòng tới mức hơi kỳ cục. Và biết giữ bí mật, ưu điểm có phần hiếm thấy. Chẳng những thế, con bé còn biết lặng lẽ cảm thông với người khác. Những từ này có vẻ khá tầm thường, tôi biết, nhưng thật ra không tầm thường đâu. Nó có nghĩa là một ai đó biết bạn đang buồn nên yêu bạn hơn, song không làm phiền bạn bằng cái điệp khúc ca đi ca lại rằng mình rất tiếc về chuyện của bạn. Đó chính là Bobbie. Con bé biết rằng mẹ buồn, rằng mẹ không nói cho nó biết nguyên nhân. Do đó con bé càng yêu mẹ hơn và chẳng bao giờ thốt ra một lời để mẹ biết cô con gái nhỏ của bà mong mỗi biết điều gì đã làm mẹ buồn đến như vậy. Việc này cần thực hành trong đời sống hằng ngày. Nó không dễ dàng như bạn tưởng.

Dù đang làm gì - kể cả những việc thú vị thường ngày - như đi dã ngoại, chơi đùa với các em, ăn bánh nho trong bữa trà, trong đầu Bobbie luôn luôn thấp thoáng ý nghĩ này. "Mẹ đang buồn. Tại sao ? Mình không biết. Mẹ không muốn mình biết. Mình không cố tìm hiểu. Nhưng mẹ đang buồn. Tại sao ? Mình không biết. Mẹ không..." vân vân, chúng cứ trở đi trở lại như một giai điệu mà ta không biết kết thúc ở đâu.

Ông người Nga vẫn là mối bận tâm lớn của cả nhà. Tất cả các biên tập viên và thư ký hiệp hội, các thành viên Nghị viện đều trả lời thư của mẹ một cách lịch sự nhất có thể; nhưng không ai biết vợ con ngài Szezepansky có thể ở đâu. (Tôi đã bảo bạn tên của ông người Nga chưa nhỉ ?)

Bobbie có một phẩm chất nữa mà mỗi người sẽ gọi một cách khác nhau. Có người gọi đó là xía mũi vào chuyện người khác, có người gọi là "giúp đỡ người hoạn nạn", có người lại gọi là "lòng thương người". Đó chính xác là cố gắng giúp đỡ mọi người.

Con bé vắt óc nghĩ cách giúp ông người Nga tìm vợ con. Giờ ông đã học được vài từ tiếng Anh. Ông có thể nói "Chào buổi sáng", "Chúc ngủ ngon", "Xin mời", "Cảm ơn" và "Đáng yêu" khi bọn trẻ mang hoa cho ông, và "Ngon lắm" khi chúng hỏi ông ngủ có ngon không.

Nụ cười của ông khi ông nói tiếng Anh, như Bobbie cảm thấy, "quá hiền từ với mọi thứ".

Con bé thường nghĩ đến khuôn mặt ông bởi vì nó tin rằng khuôn mặt ấy sẽ giúp nó nghĩ ra cách giúp ông. Nhưng không phải. Tuy thế, sự hiện diện của ông làm Bobbie vui vì con bé nhận thấy nó làm mẹ vui hơn.

"Mẹ thích có ai đó để quan tâm, dù không phải các con của mẹ," Bobbie nói. "Và mình biết mẹ không thích cho ông mặc quần áo của cha. Nhưng mình cho đó là 'nổi đau đẹp', không thì mẹ đã chẳng đưa chúng cho ông."

Rất nhiều đêm sau hôm bọn trẻ cứu đoàn tàu khỏi tai nạn bằng cách vẫy những lá cờ đỏ, Bobbie thường thức giấc giữa cơn mê sảng, run rẩy khi mơ thấy lại gò đất khủng khiếp, và con tàu vô tư tội nghiệp đang lao tới đó - nó cứ nghĩ mình đang làm nhiệm vụ, và mọi thứ đều rõ ràng và an toàn. Sau đó là niềm vui ấm áp khi nhớ lại mình cùng Peter, Phyllis và những cái váy đỏ đã cứu tính mạng bao người như thế nào.

Một sáng nọ có thư đến. Thư gửi cho Peter, Bobbie và Phyllis. Bọn trẻ mở thư một cách tò mò háo hức vì chúng hiếm khi nhận được thư.

Thư viết:

CẬU VÀ HAI CÔ THÂN MẾN,

Chúng tôi muốn tổ chức một buổi tặng quà nho nhỏ để ghi nhớ việc các cô cậu đã dũng cảm và kịp thời cảnh báo nguy hiểm cho đoàn tàu vào ngày -- tháng này, nhờ thế tránh được điều mà ai cũng biết chắc chắn sẽ là một tai nạn nghiêm trọng. Buổi tặng quà sẽ được tổ chức ở nhà ga vào lúc ba giờ ngày ba mươi tháng này, nếu thời gian và địa điểm phù hợp với các cô cậu.

Trân trọng,

Jabez Inglewood Chủ tịch Công ty Siêu Đường sắt Bắc Nam.

Chưa bao giờ có thời khắc tự hào hơn trong cuộc đời ba đứa trẻ. Chúng chạy đến mẹ đưa bức thư và bà cũng thấy rất tự hào, điều này khiến chúng vui hơn bao giờ hết.

"Nếu họ tặng tiền thì các con phải nói, 'Chúng cháu xin cảm ơn, nhưng cho phép chúng cháu từ chối món quà này' mẹ dặn. 'Mẹ đi giặt mấy bộ đồ bằng lụa mút xơ lin Ấn Độ cho các con ngay đây' mẹ nói thêm. 'Các con phải tươm tất vào những dịp như thế này.'"

"Phil và con giặt cũng được ạ," Bobbie nói, 'còn mẹ là cho chúng con nhé."

Giặt giũ là công việc khá thú vị. Tôi tự hỏi bạn đã giặt bao giờ chưa ? Lần giặt đặc biệt này diễn ra ở bếp sau nơi có một bàn đá và một bồn đá lớn dưới cửa sổ.

"Chúng ta sẽ cho chậu vào bồn" Phyllis gợi ý; "rồi giả vờ là mấy bà thợ giặt ngoài sông như mẹ đã thấy ở Pháp."

"Nhưng họ giặt trong nước sông lạnh chứ không phải nước nóng," Peter nói, tay rút trong túi quần.

"Vậy thì cứ coi đây là một con sông nóng," Phyllis nói; "bưng cái chậu giúp em một tay, ông anh tốt bụng ời."

"Anh muốn biết bụng tốt thì giúp được em một tay thế nào đấy," Peter đùa nhưng vẫn giúp.

"Bây giờ thì chà và vò, vò và chà nào," Phyllis nói, nhảy tung tăng trong lúc Bobbie cẩn thận xách một ấm nước nặng từ trong bếp lò ra.

"Ồ, không !" Bobbie hoảng hồn; "các em đừng vò vải mút xơ lin. Phải cho xà phòng đun sôi vào nước nóng và quấy cho sủi bọt lên - sau đó khoảng đồ mút xơ lin vào rồi bóp, thật nhẹ nhàng, vết bẩn sẽ sạch hết. Chỉ những đồ thô như khăn trải bàn và ga trải giường thì mới phải vò."

Khóm tử đinh hương và hoa hồng phấn ngoài cửa sổ đung đưa trong gió nhẹ.

"Một ngày khô ráo đẹp trời, thật là dễ chịu," Bobbie nói như người lớn. "Ôi, chị nghĩ tuyệt vời sao khi chúng ta mặc những đồ mút xơ lin Ấn Độ này !"

"Vâng, em cũng thế", Phyllis nói, khoảng khoảng bóp bóp mớ đồ mút xơ lin rất khéo.

"Bây giờ mình sẽ bóp hết nước xà phòng. Không được vắt đâu đấy - xong rồi đến mục giũ. Chị sẽ cầm quần áo để em và Peter đổ nước trong chậu đi và lấy nước sạch vào."

"Buổi tặng quà ! Nghĩa là có quà," Peter nói trong lúc các chị em gái phơi quần áo sau khi đã rửa móc và lau dây phơi sạch sẽ. "Có thể là quà gì nhỉ ?"

"Có thể là bất cứ thứ gì," Phyllis nói; "em thì vẫn thích có một con voi con, nhưng em cho là họ không biết điều này."

"Biết đâu lại là mô hình tàu hỏa hơi nước bằng vàng thật nhỉ ?" Bobbie nói.

"Hay là một mô hình lớn của quang cảnh vụ tai nạn đã không xảy ra", Peter đoán, "với một mô hình xe lửa nhỏ, những con búp bê ăn mặc giống như chúng ta và người lái tàu, người đốt lò, các hành khách hôm đó ?"

"Em thích," Bobbie nói, ngập ngừng, lau tay vào chiếc khăn xù treo trên một con lăn sau cánh cửa buồng rửa bát, "em thích chúng ta được khen thưởng vì cứu con tàu à ?"

"Vâng, em thích chứ," Peter trả lời rõ ràng; "và chị đừng cố tỏ ra với chúng em là chị không thích. Bởi vì em biết là chị có thích."

"Có," Bobbie phân vân nói, "chị biết là chị có thích. Nhưng chẳng phải chúng ta không nên

tự mãn với việc đã làm, và không được đòi hỏi bất kỳ điều gì sao ?"

"Ai đòi hỏi gì chứ, chị ngố ?" thằng bé em nói. "Những người lính được được huân chương chữ thập Victoria đâu có đòi hỏi nó; nhưng họ đều vui vẻ đón nhận đấy thôi. Có thể đó là huân chương. Và khi em già, em sẽ mang cho các cháu em xem rồi bảo chúng, 'Ông bà chỉ làm việc nên làm thôi mà, thế là chúng sẽ vô cùng tự hào về em.'"

"Anh phải lấy vợ đã," Phyllis báo trước, "không thì chẳng có đứa cháu nào đâu."

"Anh cho rằng một ngày nào đó anh sẽ phải lấy vợ", aPeter nói, "nhưng lúc nào vợ cũng kè kè ở bên thì khó chịu lắm. Anh muốn lấy đứa nào bị bệnh hôn mê, một năm chỉ thức dậy một hay hai lần thôi."

"Chỉ để nói rằng em là ánh sáng của cuộc đời nó rồi lại ngủ tiếp. Phải. Điều đó không tồi," Bobbie nói.

"Khi em lấy chồng," Phyllis nói, "em muốn anh ấy muốn em lúc nào cũng thức, để em có thể nghe anh ấy nói em đáng yêu chừng nào."

"Chị nghĩ là sẽ hạnh phúc nếu cưới một người thật nghèo," Bobbie nói, "em sẽ làm mọi việc và anh ấy sẽ yêu em vô cùng, mỗi chiều đi làm về anh ấy sẽ thấy khói xanh từ bếp lò nhà mình bốc lên cuộn giữa những lùm cây. Chị bảo này, chúng ta phải viết thư trả lời họ rằng thời gian và địa điểm như thế là phù hợp. Xà phòng đây, Peter. Phil với chị đã sạch như giặt rồi. Lấy hộp giấy viết thư màu hồng em được tặng hôm sinh nhật đi, Phil."

Bọn trẻ phải ngồi mãi để nghĩ xem viết như thế nào. Mẹ đã trở lại với công việc viết lách, và vài tờ giấy hồng có viền vàng uốn lượn và cỏ bốn lá xanh ở góc đã hỏng trước khi ba đưa quyết định được sẽ viết gì. Rồi chúng chép lại mỗi đứa một bản và ký tên mình.

Bức "thư ba bản" như sau:

Ông Jabez Inglewood kính mến,

Chúng cháu cảm ơn ông rất nhiều. Chúng cháu không muốn được khen thưởng chỉ vì đã cứu đoàn tàu, nhưng chúng cháu cũng rất vui nếu ông muốn thế, cảm ơn ông rất nhiều. Thời gian và địa điểm là hoàn toàn phù hợp với chúng cháu. Cảm ơn ông rất nhiều.

Người bạn nhỏ trung thành của ông,

Sau đó là tên, và cuối cùng là:

T.B. Cảm ơn ông rất nhiều.

"Giặt dễ hơn là rất nhiều," Bobbie nói trong khi lấy quần áo khô trên dây phơi xuống. "Chị rất thích thấy đồ giặt sạch. Ôi, chị nóng lòng muốn biết họ tặng mình quà gì quá !"

Cuối cùng - dường như là một khoảng thời gian rất dài - đã đến ngày ấy. Ba đứa trẻ đi xuống ga vào giờ đã hẹn. Mọi thứ xảy ra đều khác thường như trong giấc mơ. Trưởng ga ra đón chúng - Peter nhận ra ngay ông đang diện bộ quần áo đẹp nhất ông có - và dẫn chúng vào phòng đợi nơi có lần chúng đã chơi trò quảng cáo. Căn phòng trông khác hẳn. Có thảm trải, có những chậu hồng trên lò sưởi và trên bậu cửa sổ, những cảnh xanh vươn lên, giống như cảnh nhựa ruồi và nguyệt quế trong lễ Giáng sinh, trên khung quảng cáo Tua du lịch của Cook và vẻ đẹp của Devon cùng Đường sắt Paris Lyons. Ngoài người trực ra còn có khá nhiều người - hai ba bà ăn mặc lịch sự, một đám đông các ông đội mũ ống mặc áo đuôi tôm - ngoài ra còn có tất cả nhân viên nhà ga. Chúng nhận ra vài người trên chuyến tàu ngày-váy-đỏ. Nổi bật trong số họ là ông cụ lịch lãm của chúng, áo khoác, mũ và cổ áo của ông dường như khác biệt so với những người khác hơn bao giờ hết. Ông bắt tay chúng và mọi người ngồi xuống ghế. Đoạn một ông đeo kính - sau đó chúng mới biết là ông Thanh tra quận - bắt đầu một bài diễn văn dài - phải nói là hay không chê vào đâu được. Tôi sẽ không ghi lại bài diễn văn ở đây. Thứ nhất, bạn sẽ nghĩ là nó ngớ ngẩn; thứ hai, bởi vì nó làm cho ba đứa trẻ ngượng ngùng đỏ mặt quá nên tôi không muốn nhắc tới màn diễn văn này nữa; và thứ ba, bởi vì quý ông đó dùng quá nhiều từ để nói cái điều ông phải nói đến nỗi tôi thực tình không có thời gian để viết chúng ra. Ông nói đủ mọi thứ hay ho về lòng dũng cảm và sự nhanh trí của bọn trẻ, rồi khi ông nói xong và ngồi xuống, mọi người có mặt rào rào vỗ tay hô, "Hay, hay lắm."

Sau đó ông cụ của chúng đứng lên và cũng phát biểu. Ông nói nghe cứ như mục khen thưởng. Rồi ông gọi bọn trẻ theo tên, lần lượt từng đứa một, và trao cho mỗi đứa một chiếc đồng hồ vàng rất đẹp kèm dây xích đeo. Bên trong mỗi chiếc có khắc tên chủ nhân mới và ở dưới là dòng chữ: "Ban Giám, đốc Công ty Siêu Đường sắt Bắc Nam ghi nhận với lòng tri ân hành động dũng cảm kịp thời ngăn được tai nạn ngày —, 1905."

Đó là những chiếc đồng hồ đẹp nhất mà bạn có thể tưởng tượng, mỗi chiếc có một hộp da màu xanh da trời để đựng khi để ở nhà.

"Bây giờ các cháu phải phát biểu đôi lời đặng cảm ơn lòng tốt của mọi người," trưởng ga nói thầm bên tai Peter và đẩy cậu lên phía trước. "Bắt đầu là 'Thưa quý bà quý ông..' ông dặn thêm.

"Ôi không," Peter nói, nhưng nó không cưỡng lại.

"Thưa quý bà quý ông" thằng bé nói bằng giọng hơi khàn khàn. Sau đó là một khoảng lặng, và nó nghe thấy tiếng tim mình đập trong cổ họng. "Thưa quý bà quý ông," nó nói tiếp trôi chảy hơn, "các vị thật vô cùng tử tế và chúng cháu sẽ gìn giữ những chiếc đồng hồ này suốt đời, nhưng thực sự là chúng cháu không xứng đáng bởi vì thực ra điều chúng cháu đã làm không là

gì cả. Nhưng cháu muốn nói rằng món quà này là niềm vui to lớn đối với chúng cháu và cháu muốn nói cảm ơn tất cả các vị nhiều nhiều lắm ạ."

Mọi người vỗ tay hoan hô Peter nhiều hơn hoan hô Thanh tra quận, sau đó họ bắt tay chúng, và ngay khi phép lịch sự cho phép, bọn trẻ ra về, chạy ngược đồi lên Ba Ống Khói, đồng hồ trong tay.

Đó là một ngày tuyệt vời - một ngày như thế rất hiếm xảy ra với bất kỳ ai trong hầu hết chúng ta.

"Chị muốn nói nhiều chuyện nữa với ông," Bobbie nói, "nhưng chỗ đó quá đông người, như ở nhà thờ vậy."

"Chị muốn nói chuyện gì?" Phyllis hỏi.

"Chị sẽ kể khi nào nghĩ kỹ về chuyện đó đã," Bobbie nói.

"Thưa ông kính yêu của cháu," bức thư viết; "cháu vô cùng muốn hỏi ông một việc. Nếu ông có thể xuống tàu rồi đi chuyển sau thì cháu có thể hỏi. Cháu không muốn ông cho cháu cái gì. Mẹ nói là chúng cháu không được làm thế. Với lại chúng cháu cũng không muốn bất cứ thứ gì. Chỉ là nói chuyện với ông về một người tù đã bị giam cầm. Người bạn nhỏ yêu quý của ông, Bobbie."

Con bé nhờ trưởng ga đưa bức thư cho ông cụ, và ngày hôm sau nó rủ Peter và Phyllis cùng xuống ga vào giờ chuyển tàu chở ông cụ từ thị trấn đi qua.

Nó giải thích ý tưởng của mình cho các em và chúng tán thành ngay.

Bọn trẻ rửa mặt mũi chân tay rồi chải tóc thật gọn gàng. Nhưng Phyllis, luôn luôn không may, làm đổ lọ nước chanh vào vạt váy trước. Không còn thời gian để thay, và rồi gió thổi từ đồng than tới làm cái váy có vệt nước chanh nhơm nhớp nhanh chóng bắt lớp bụi xám, khiến con bé trông "hết một đứa trẻ bụi đời" như Peter nói.

Chúng quyết định rằng con bé sẽ đi phía sau, càng xa hai đứa lớn càng tốt.

"Có thể ông sẽ không nhận thấy," Bobbie nói. "Người già thường mắt kém."

Tuy nhiên, không có dấu hiệu nào cho thấy mắt hay bất cứ bộ phận nào khác ở ông cụ bị kém khi ông bước xuống tàu và nhìn ngược xuôi khắp ke ga.

Đến lúc này thì ba đứa trẻ bỗng nhiên cảm thấy ngượng ngùng sâu sắc, nổi ngượng ngùng làm tai ta nóng đỏ, bàn tay ta nóng nóng và nhớp nháp, đầu mũi ta ửng hồng.

"Ôi," Phyllis nói, "tim em đập như đầu máy hơi nước ấy, ngay dưới thắt lưng em đây này."

"Vớ vẩn," Peter nói, "tim không ở dưới thắt lưng."

"Em không cần biết, tim em thì thế," Phyllis nói.

"Nếu em muốn nói chuyện thơ thẩn 'thì phải là trái tim tôi nằm trong miệng tôi *(một cách nói của người Anh để diễn đạt sự hồi hộp, lo âu)*," Peter nói.

"Trái tim chị ở trong giày chị, nếu nói kiểu như em," Roberta nói; "nhưng đi nào, không thì ông sẽ nghĩ chị em mình là lũ dở hơi mất."

"Ông sẽ không sai lầm thế đâu," Peter cau mặt nói. Và chúng đi thẳng đến gặp ông.

"Xin chào," ông nói, bắt tay từng đứa. "Đây quả là một niềm vui rất lớn."

"Ông thật tốt vì đã xuống tàu," Bobbie toát mồ hôi, lịch sự đáp.

Ông nắm cánh tay con bé dẫn vào phòng đợi nơi nó cùng hai em chơi trò quảng cáo vào ngày chúng phát hiện ra ông người Nga. Phyllis và Peter theo sau. "Ờ," ông nói, khẽ lay cánh tay Bobbie trước khi buông tay con bé ra, "có việc gì thể cháu?"

"Ôi, xin ông!" Bobbie nói.

"Cháu nói đi," ông nhắc.

"Cháu muốn nói là..." Bobbie nói.

"Sao nào?" ông gắng hỏi.

"Đó là một việc tốt đẹp," Bobbie nói.

"Việc gì nào?" ông hỏi.

"Cháu ước gì cháu có thể nói," con bé nói.

"Cháu cứ nói," ông giục.

"Vâng, vậy thì," Bobbie nói - và nó kể lại chuyện ông người Nga, người đã viết cuốn sách hay về người nghèo, nhưng lại bị bỏ tù, rồi đầy tới Xibêri vì cuốn sách đó.

"Điều chúng cháu muốn hơn hết là tìm được vợ con cho ông ấy," Bobbie nói, "nhưng chúng cháu không biết làm thế nào. Ông chắc hẳn là siêu thông minh, không thì ông đã không phải là Giám đốc Đường sắt. Nếu ông biết cách thì ông sẽ làm việc đó chứ ạ? Chúng cháu muốn điều này hơn bất cứ gì khác trên đời. Chúng cháu sẵn sàng trao lại ông đồng hồ nếu ông có thể bán lấy tiền tìm vợ con cho ông người Nga."

Và hai đứa kia cũng nói như vậy, mặc dù không được nhiệt tình bằng.

"Hừm," ông nói, kéo cái áo gi lê trắng có đính những chiếc cúc mạ vàng lớn xuống, "các cháu

nói cái tên gì nhỉ - Fryingpansky ?"

"Không, không," Bobbie hăm hờ. "Để cháu viết ra cho ông. Tên này viết một đằng nhưng đọc một nẻo ông ạ. Ông có mẫu bút chì và cái phong bì nào bỏ đi không ạ ?"

Ông lấy ra một hộp bút chì bằng vàng và một quyển sổ bọc da màu xanh lá cây thoảng mùi thơm, đoạn mở một trang trắng.

"Đây," ông nói, "cháu viết vào đây."

Bobbie viết "Szezepanck", và nói, "Viết như thế. Còn đọc là Shepansky ạ."

Ông lấy ra một cặp kính gọng vàng, đeo vào. Khi đọc cái tên, trông ông lạ hẳn.

"Ông ấy sao ? Xin Chúa phù hộ !" ông nói. "Tại vì ông đã đọc sách của ông ấy ! Nó đã được dịch ra các thứ tiếng châu Âu. Một cuốn sách hay - một cuốn sách cao quý. Và mẹ các cháu đã làm phúc đưa ông ta về. Tốt, tốt quá. Ông phải nói với các cháu điều này, các bạn trẻ ạ, mẹ các cháu hẳn là một phụ nữ rất nhân hậu."

"Tất nhiên mẹ là thế ạ," Phyllis nói đầy kinh ngạc.

"Và ông là một ông già rất nhân hậu," Bobbie nói rất xấu hổ, nhưng quyết tâm giữ lịch sự.

"Cháu khen ông già này quá lời rồi," ông nói, bỏ mũ xuống với một cử chỉ rất hoa mỹ. "Và bây giờ ông sẽ nói cho các cháu biết ông nghĩ gì về các cháu nhé ?"

"Ồ, xin đừng," Bobbie nói nhanh.

"Tại sao ?" ông hỏi.

"Cháu không biết," Bobbie nói. "Chỉ là, nếu đó là điều kinh khủng, cháu không muốn ông nói; còn nếu đó là điều tốt đẹp, cháu thích ông không nói ra hơn."

Ông cười.

"Được, vậy thì," ông tiếp tục, "ông chỉ nói rằng ông rất hài lòng là các cháu đã đến gặp ông vì việc này, thực sự rất hài lòng, và nếu ông biết được gì đó về ông người Nga ấy rất sớm thì cũng chẳng có gì lạ. Ông biết rất nhiều người Nga ở Luân Đôn và người Nga nào cũng biết tên ông ấy. Nào, giờ kể cho ông nghe về các cháu đi."

Ông quay sang Peter và Phyllis, nhưng chỉ còn một đứa. Và đó là Peter. Phyllis đã biến mất.

"Kể cho ông nghe tất cả về cháu đi," ông lại nói. Và tất nhiên, nó im lặng.

"Không sao, chúng ta sẽ có một kỳ thi," ông nói; "hai cháu ngồi lên bàn, còn ông sẽ ngồi trên ghế mà đặt câu hỏi."

Ông hỏi, và rồi biết được tên, tuổi chúng, tên và nghề nghiệp của cha chúng, chúng sống ở

Ba Ống Khói bao lâu rồi...

Những câu hỏi đang bắt đầu chuyển sang màn con cà con kê thì cửa phòng chờ bị một chiếc giày đá mở tung ra; khi chiếc giày tiến vào thì mọi người nhìn thấy dây giày tuột và Phyllis bước vào, thật từ từ, thật cẩn thận.

Một tay con bé cầm một cái lon lớn, tay kia là một lát bánh mì dày phết bơ.

"Bữa trà chiều," con bé thông báo đầy tự hào, đưa cái lon và bánh mì bơ cho ông cụ. Ông đón lấy và nói, "Tạ ơn Chúa !"

"Vâng" Phyllis đáp.

"Cháu chu đáo quá" ông nói, "rất chu đáo."

"Lẽ ra em phải lấy bát đĩa cho ông" Bobbie nói.

"Chú Perks toàn uống bằng lon" Phyllis nói, đỏ mặt. "Em nghĩ chú Perks đưa em những thứ này đã là tốt lắm rồi," con bé nói thêm.

"Ông cũng thế" ông nói, và uống một ít trà, nếm một ít bánh mì bơ.

Và đã đến giờ lên chuyển tàu sau, ông lên tàu mà không quên nhắc đi nhắc lại lời tạm biệt cùng những lời chia tay thân tình.

"Tốt rồi," Peter nói khi chỉ còn bọn trẻ trên ke ga và các đèn đuôi của con tàu biến mất sau khúc ngoặt, "em tin rằng hôm nay chúng ta đã thắp lên một ngọn nến, như giám mục Latimer khi ông ấy bị thiêu sống, mọi người biết đấy, rồi chẳng bao lâu nữa sẽ có pháo hoa mừng cho ông người Nga của chúng ta thôi."

Và điều đó đã xảy ra.

Mười ngày sau cuộc nói chuyện trong phòng đợi, ba đứa đang ngồi trên tảng đá lớn nhất trên sườn đồi dưới nhà ngắm đoàn tàu 5 giờ 15 phút rời ga chạy dọc dưới chân thung lũng. Chúng thấy mấy người lẻ tẻ rời ga đi lên đường về làng, chúng cũng thấy một người rẽ khỏi đường, mở cánh cổng dẫn qua đồi cỏ tới Ba Ống Khói chứ chẳng phải nơi nào khác.

"Ai kia chứ !" Peter háo hức trườn xuống.

"Đi xem đi" Phyllis nói.

Và bọn trẻ ào xuống. Khi tới gần, chúng nhận ra chính là ông cụ lịch lãm của chúng, những cái cúc đồng của ông lấp lánh trong nắng chiều, chiếc gi lê trắng trông trắng hơn bao giờ hết trên nền cỏ xanh của sườn đồi.

"Cháu chào ông !" bọn trẻ hét lên, ra sức vẫy

"Chào các cháu !" ông cũng khua khua mũ chào thật to.

Sau đó cả ba bắt đầu chạy và khi đến chỗ ông chúng nói không ra hơi, "Thế nào rồi ạ."

"Tin tốt lành", ông nói. "Ông đã tìm ra vợ con người bạn Nga của các cháu - và ông không cưỡng nổi sức cảm động của niềm vui báo tin cho ông ấy hay."

Nhưng khi thấy vẻ mặt Bobbie, ông cảm thấy mình có thể cưỡng lại sức cảm động ấy.

"Này," ông bảo Bobbie, "cháu chạy lên trước báo cho ông ấy nhé. Hai em cháu sẽ dẫn đường cho ông lên sau."

Bobbie ba chân bốn cẳng chạy. Khi nó hỗn hển báo tin cho ông người Nga thì mẹ đang ngồi trong khu vườn yên tĩnh, gương mặt mẹ sáng bừng lên tuyệt đẹp, bà nói vài lời rất nhanh bằng tiếng Pháp với người bạn biệt xứ. Bobbie ước gì nó đã không mang tin đến. Bởi vì ông người Nga òa khóc làm trái tim Bobbie nhảy lên run rẩy - đó là tiếng khóc của tình yêu và lòng mong mỏi mà nó chưa nghe thấy bao giờ. Rồi ông người Nga cầm bàn tay mẹ hôn thật nhẹ nhàng sùng kính, sau đó ông đỡ người xuống ghế bành, úp mặt vào lòng bàn tay khóc thổn thức. Bobbie lẩn ra ngoài. Con bé không muốn gặp mọi người vào lúc đó.

Nhưng Bobbie cũng vui tươi như tất cả mọi người khi cuộc nói chuyện vô tận bằng tiếng Pháp kết thúc, khi Peter phóng xuống làng mua bánh nho và bánh ngọt còn nó cùng Phyllis chuẩn bị trà mang ra vườn.

Ông cụ của chúng là người vui mừng nhất. Ông có thể nói tiếng Pháp và tiếng Anh hầu như đồng thời, và mẹ cũng gần như vậy. Đó là một buổi chiều hạnh phúc. Mẹ dường như không tìm được niềm vui sướng trước ông cụ và trả lời đồng ý ngay lập tức khi ông hỏi liệu ông có được phép tặng ít "xực tắc - thực đặc" cho những người bạn nhỏ của mình chẳng.

Bọn trẻ không biết thực đặc là thứ ăn được nhưng chúng đoán là kẹo, vì ba hộp to màu hồng và xanh lá cây, thắt ruy băng xanh ông lấy trong túi ra đựng những lớp sô cô la đẹp chưa từng thấy.

Vài thứ hành lý ít ỏi của ông người Nga được đóng gói, và tất cả tiễn ông ra ga.

Sau đó mẹ quay sang ông cụ của chúng mà nói, "Tôi không biết phải cảm ơn ông thế nào vì mọi điều. Được gặp ông quả là niềm vui với tôi. Nhưng chúng tôi sống rất bình lặng, tôi rất xin lỗi vì không thể mời ông lại đến thăm."

Bọn trẻ nghĩ làm thế lạnh lùng quá. Một khi chúng đã kết bạn - một người bạn tuyệt như thế, chúng tha thiết mong ông lại đến thăm.

Ông nghĩ gì bọn trẻ không thể biết. Ông chỉ nói, "Thưa bà, được gia đình đón tiếp một lần

tôi cho đã là may mắn lắm rồi."

"Thưa ông," mẹ nói, "tôi biết tôi như thế là không phải phép, là vô ơn, nhưng..."

"Bà chẳng bao giờ có thể là gì khác ngoài quý bà lịch thiệp và nhân từ nhất," ông nói và cúi đầu lần nữa.

Khi cả nhà quay lên đồi, Bobbie nhìn khuôn mặt mẹ.

"Mẹ trông mệt mỏi lắm," con bé nói, "mẹ dựa vào con đi mẹ."

"Làm chỗ dựa cho mẹ là nhiệm vụ của em," Peter nói. "Em là người đàn ông trụ cột trong nhà khi cha đi vắng."

Mẹ khoác tay cả hai.

"Nghĩ mà tuyệt biết bao", Phyllis vừa nói vừa nhảy chân sáo, "khi ông người Nga yêu quý ôm chầm lấy vợ mình sau bao lâu không gặp. Đứa trẻ con ông chắc đã lớn nhiều so với lần cuối ông gặp nó."

"Phải," mẹ nói.

"Không biết cha có nghĩ con đã lớn không nhỉ?" Phyllis vẫn vừa ríu rít vừa nhảy chân sáo. "Con đã lớn rồi, đúng không mẹ?"

"Đúng," mẹ nói, "tất nhiên là đúng." Bobbie và Peter cảm thấy bàn tay mẹ siết lại trên cánh tay mình.

"Tội nghiệp u, u mệt rồi," Peter ca thán.

Bobbie nói, "Nào, Phil; chị sẽ đuổi em đến cổng."

Và con bé bắt đầu cuộc rượt đuổi, mặc dù nó ghét việc này. Bạn biết tại sao Bobbie làm thế rồi đấy. Mẹ chỉ nghĩ rằng Bobbie chán đi chậm. Ngay cả Mẹ, người yêu ta hơn bất kỳ ai trên đời, Mẹ không phải bao giờ cũng hiểu ta.

Chương 8

Lính cứu hỏa nghiệp dư

"Cô có cái cài áo đẹp thật đấy", chú trực Perks nói; "Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cái gì giống hoa mao lương hơn thế, ngoại trừ chính hoa mao hương."

"Vâng," Bobbie nói, sung sướng và xấu hổ bởi lời thừa nhận này. "Cháu cũng nghĩ nó còn giống hoa mao lương hơn cả hoa mao lương thật - nhưng chưa bao giờ cháu nghĩ nó sẽ là của mình, của riêng mình. Mẹ tặng cháu hôm sinh nhật đấy."

"Ồ, cô đã có cả sinh nhật cơ à?" Perks hỏi; chú ta có vẻ rất ngạc nhiên, như thể sinh nhật là thứ chỉ dành cho một số ít người có đặc ân.

"Vâng," Bobbie nói; "khi nào sinh nhật chú, chú Perks?" Bọn trẻ đang uống trà với chú Perks trong phòng trực giữa những cái đèn và tờ niên giám đường sắt. Chúng mang từ nhà theo bộ chén và bánh nhân mút dẻo. Perks pha trà trong một lon bia, như thường lệ, và ai ai cũng cảm thấy rất vui vẻ thân tình.

"Sinh nhật tôi ư?" Perks hỏi, rót thêm ít trà nâu sẫm từ cái lon vào chén của Peter. "Tôi không còn sinh nhật từ trước cả khi cô sinh ra ấy chứ."

"Nhưng chú phải sinh ra vào một ngày nào đó chứ, chú biết thế mà," Phyllis nói, trầm tư, "dù có là hai mươi năm trước hay ba mươi hay sáu mươi, bảy mươi."

"Không lâu đến thế, cô ạ," Perks cười toe toét. "Nếu các cô cậu thực sự muốn biết, nó là ba mươi hai năm trước, ngày mười lăm tháng này."

"Thế tại sao chú không làm sinh nhật nữa?" Phyllis hỏi.

"Tôi có việc khác phải làm ngoài chuyện sinh nhật," Perks chỉ nói vậy.

"Ồ! Việc gì ạ?" Phyllis háo hức hỏi. "Không phải bí mật chứ ạ?"

"Không," Perks nói, "là lũ trẻ và bà xã nhà tôi."

Chính buổi nói chuyện này đã làm bọn trẻ nghĩ ngợi, và giờ đây chúng đang bàn bạc. Dù gì thì Perks cũng là người bạn thân thiết nhất của chúng. Không quan trọng như trưởng ga nhưng gần gũi hơn, ít quyền lực hơn ông nhưng thân tình hơn.

"Bỏ sinh nhật như thế chị thấy thật là tội nghiệp" Bobbie nói. "Chúng ta biết làm gì nhỉ?"

"Chúng ta đi xuống cầu máng bàn tiếp đi," Peter nói. "Em có một dây câu mới người đưa thư tặng sáng nay. Ông ấy tặng em vì bố hồng em gửi tặng cho vợ ông. Bà ấy ốm."

"Chị nghĩ em có thể tặng hoa hồng cho bà ấy mà không cần người ta đáp lại đấy," Bobbie phần nộ nói.

"Ui giời !" Peter nói, ra ý phản đối, và thọc tay vào túi quần.

"Dĩ nhiên là anh ấy đã làm thế," Phyllis nói vội; "ngay khi nghe tin bà ấy ốm chúng em liền đi kiếm hoa và đợi ở cổng. Lúc đó chị đang nướng bánh để làm bữa sáng. Ông ấy cứ nói 'Cảm ơn' vì bố hồng mãi, nói nhiều quá mức cần thiết, và rút sợi dây ra đưa cho Peter. Đó không phải là trao đổi. Nó là sự biết ơn tụt đáy lòng."

"Ôi, em đừng trách chị nhé, Peter," Bobbie nói, "chị rất xin lỗi."

"Không sao", Peter nói về kẻ cả, "em hiểu mà."

Sau đó bọn trẻ đi lên cầu. Chúng định câu cá từ trên cầu nhưng cái dây không đủ dài.

"Không sao," Bobbie nói. "Mình cứ ở lại đây ngắm nhìn mọi thứ. Quang cảnh đẹp quá chừng."

Thật vậy. Mặt trời đang xuống đỏ rực rỡ trên những ngọn đồi màu xám và tía, con kênh trong trẻo nằm bình lặng trong bóng râm, không một gợn sóng trên mặt nước. Nó vắt ngang đồng cỏ như một dải xa tanh xám vắt ngang thảm lụa xanh sẫm.

"Đẹp đấy," Peter nói, "nhưng chẳng hiểu sao em luôn luôn nhìn thấy mọi vật đẹp hơn nhiều khi em có gì đó để làm. Chúng ta xuống đường kéo sà lan câu cá đi."

Phyllis và Bobbie nhớ lại cái lần bị mấy thằng bé trên sà lan ném than, liền nhắc lại chuyện ấy.

"Ô, vớ vẩn", Peter nói. "Giờ làm gì có thằng nào. Nếu có, em sẽ cho bọn nó biết tay."

Hai đứa con gái ý tứ không chỉ ra rằng lần trước nó đã không cho bọn kia biết tay khi bọn kia đã ném đến viên than cuối cùng. Thay vào đó hai đứa nói, "Thế thì tốt rồi," và thận trọng leo xuống bờ kênh dốc thoải tới đường kéo sà lan.

Chúng cẩn thận mắc mồi vào dây câu, rồi kiên nhẫn ngồi câu cả nửa giờ mà không được con nào. Một cú tộp mồi để nuôi dưỡng niềm hy vọng trong tim chúng cũng không.

Mọi cặp mắt đang mãi chăm chú nhìn làn nước phẳng lặng như đang ra về ta đây chưa bao giờ là nơi trú ngụ của dù chỉ một con cá tuế lạc đàn, thì bỗng đâu một tiếng quát dữ tợn vang lên làm chúng giật mình.

"Này !" giọng nói đầy vẻ bất hợp tác, "Có tránh ra không thì bảo ?"

Một con ngựa trắng già đi trên đường kéo sà lan cách bọn trẻ chừng năm sáu mét. Chúng bật dậy, vội vàng leo lên bờ kênh. "Chờ họ đi qua thì mình lại xuống," Bobbie nói.

Nhưng, giờ ời, cái sà lan, theo kiểu của đám sà lan, dùng luôn dưới gầm cầu.

"Nó sắp thả neo đấy," Peter nói; "May quá !"

Cái sà lan không thả neo, bởi vì neo không phải là một phần thiết bị của sà lan, mà được buộc thừng neo ở cả đầu lẫn đuôi, mớ thừng được cột chặt vào hàng cọc rào và những thanh bẫy đóng chặt xuống đất.

"Chúng mày nhìn cái gì ?" ông sà lan lầu bầu.

"Chúng cháu không nhìn," Bobbie nói; "chúng cháu không thô lỗ thế."

"Thô lỗ là còn nhẹ đấy," người đàn ông nói, "biến đi cho khuất mắt."

"Có ông biến đi thì có," Peter nói. Nó nhớ là nó đã mạnh mẽ nói về chuyện đánh nhau với bọn con trai, ngoài ra nó cảm thấy an toàn khi đang lên lưng chừng bờ kênh. "Chúng tôi cũng có quyền ở đây như bất kỳ ai."

"Á à, có hả, thật sao ?" người đàn ông nói. "Chúng ta sẽ nhanh chóng xem xét chuyện này." Ông ta nhảy qua sà lan và bắt đầu tụt xuống mạn sà lan.

"Ôi, chạy đi, Peter, chạy đi !" Bobbie và Phyllis hốt hoảng kêu lên.

"Em không việc gì phải chạy," Petter nói, "nhưng hai người thì nên chạy đi."

Hai đứa con gái leo lên đứng trên đỉnh bờ kênh và sẵn sàng phóng về nhà ngay khi thấy Peter ngoài vòng nguy hiểm. Đường về nhà dốc xuống. Chúng biết mình thừa sức chạy. Còn ông sà lan trông chả có vẻ gì là chạy lại chỗ chúng. Ông ta mặt đỏ gay, người ục ịch nặng nề.

Nhưng ngay khi ông ta đặt chân lên đường kéo sà lan, bọn trẻ biết rằng chúng đã đánh giá thấp đối thủ.

Chỉ bằng một bước lên bờ, ông ta tóm lấy chân Peter, kéo nó ngã, rồi chỉ lúi một cái là đã dựng nó dậy, kéo tai nó mà gay gắt nói:

"Nào, giờ ý mày là gì ? Mày không biết nước ở đây được bảo vệ à ? Mày không có quyền câu cá ở đây, chưa nói đến thái độ xấc xược của mày."

Sau này Peter luôn rất tự hào mỗi lần nhớ lại rằng, khi bị những ngón tay cuồng nộ của ông sà lan tóm tai, khuôn mặt đỏ tía gí sát vào mặt nó, hơi thở nóng hổi của ông ta phả vào cổ nó, nó đã có can đảm nói lên sự thật.

"Tôi không câu cá," Peter nói.

"Mày không chịu nhận tội chứ gì, tao chắc thế", ông kia vừa nói vừa vặn tai nó, không mạnh lắm nhưng vẫn là vặn.

Peter không nói được là đúng như thế. Trong lúc đó Bobbie và Phyllis bấu chặt lấy thành cầu mà nhấp nhੌm vì lo. Rồi bỗng nhiên Bobbie luồn qua lan can xăm xăm lao xuống chỗ Peter, khiến Phyllis phải tức tốc xuống theo, nó tự chủ hơn, cảm thấy mười mười rằng cứ cầm đầu như thế thì chị nó sẽ ùm xuống dòng kênh mất. Và chắc chắn điều đó sẽ xảy ra nếu ông sà lan không bỏ tai Peter ra mà túm nó.

"Mày đẩy ai ?" ông ta hỏi, để nó đứng vững.

"Ồi," Bobbie nói không ra hơi, "cháu không đẩy ai. Ít nhất thì cháu cũng không cố ý. Xin, xin chú đừng giận Peter. Tất nhiên, nếu đây là kênh của chú, chúng cháu xin lỗi và chúng cháu sẽ không đến nữa. Nhưng chúng cháu không biết nó là của chú."

"Biến cả đi," ông sà lan nói.

"Vâng, chúng cháu sẽ đi; đi thật," Bobbie nói, quả quyết; "chúng cháu xin chú thứ lỗi, nhưng thực sự là chúng cháu chẳng bắt được con cá nào cả. Nếu có thì cháu đã nói là có, cháu thề danh dự đấy."

Con bé đưa hai tay ra và Phyllis chìa cái túi nhỏ rỗng không để chúng mình rằng thực sự chẳng có con cá nào giấu trong đó.

"Rồi," ông sà lan nói, dịu giọng, "đi đi, và đừng tái phạm, nhớ chưa ?"

Bọn trẻ vội vã leo lên bờ.

"Ném cho cái áo khoác, M'ria" ông ta gọi. Một bà tóc đỏ quàng khăn kẻ ô màu xanh lá cây bế một đứa bé trên tay từ trong cửa ca bin bước ra ném áo khoác cho ông ta. Ông sà lan mặc áo, leo lên bờ và đi qua cầu vào làng.

"Con ngủ rồi thì nhà tới gặp tôi ở quán 'Rose và Crown' nhé," ông ta gọi với từ trên cầu.

Khi ông ta đi khuất, bọn trẻ từ từ quay lại. Chính Peter đã đòi câu cá.

"Con kênh có thể là của ông ta," nó nói, "dù em chẳng tin chút nào. Nhưng cây cầu là của mọi người. Bác sĩ Forrest bảo em đây là tài sản công. Không một ai, kể cả ông ta, có thể buộc em rời cầu. Em nói thế đấy."

Tai Peter vẫn còn đau, cũng như cảm xúc của nó lúc này.

Hai đứa con gái theo nó như những người lính dũng cảm theo vị thủ lĩnh không mấy hy

vọng.

"Quay lại làm gì chứ," chúng chỉ nói có thể.

"Hai người sợ thì về đi," Peter nói; "để em một mình. Em chẳng sợ."

Tiếng bước chân của người đàn ông xa dần trên con đường tĩnh mịch. Bầu không khí thanh bình của buổi tối không bị phá vỡ bởi tiếng xào xạc của đám cỏ túi hay tiếng ru con của người đàn bà trên sà lan. Đó là một bài hát ru buồn. Đầu như về ông Bill Bailey và về chuyện bà mong ông ta trở về.

Bọn trẻ đứng tì tay lên thành cầu; chúng hài lòng im lặng trong ít phút bởi vì cả ba trái tim đang đập nhanh hơn bình thường.

"Em sẽ không bỏ đi bởi bất kỳ lão sà lan nào, nhất định không", Peter nói, chắc nịch.

"Tất nhiên là không", Phyllis an ủi; "anh đã không đầu hàng ông ta ! Nên bây giờ chúng ta có thể về nhà, anh nghĩ sao ?"

"Không," Peter đáp.

Không ai nói gì thêm cho đến khi người đàn bà ra khỏi sà lan, trèo lên bờ, đi qua cầu.

Bà ta tần ngần, nhìn ba cái lưng trẻ con, rồi thì, "E hèm."

Peter vẫn đứng yên, nhưng hai con bé quay lại.

"Các cô cậu đừng để ý đến ông Bill nhà tôi," người đàn bà nói; "ông ấy chỉ ác khẩu thế thôi. Có mấy đứa dưới Farley láo lăm. Chính chúng đã chửi ông ấy là lão ăn bánh chó dưới cầu Marlow để chọc tức ông ấy."

"Ai ăn ạ ?" Phyllis hỏi.

"Tôi không biết," bà ta nói. "Không ai biết ! Nhưng không hiểu sao với những người chủ sà lan thì mấy lời đó cứ như thuốc độc vậy. Các cô cậu đừng để ý. Hai tiếng nữa ông ấy mới quay về. Các cháu có thể câu cá đến lúc đó. Trời vẫn còn sáng," bà nói thêm.

"Cảm ơn cô", Bobbie nói. "Cô tốt quá. Con cô đâu ạ ?"

"Ngủ trong ca bin", người đàn bà nói. "Thằng cu ngoan. Chẳng bao giờ thức dậy trước mười hai giờ. Cứ chuẩn như đồng hồ nhà thờ, nó thế đấy."

"Cháu xin lỗi," Bobbie nói; "suýt nữa thì cháu đã đánh thức nó dậy."

"Nhưng phải nói là cô đã thật tốt bụng khi không làm thế," khuôn mặt người đàn bà rạng rỡ hẳn lên.

"Cô không sợ để nó một mình sao ?" Peter hỏi.

"Chúa phù hộ cho cậu, không," bà ta trả lời; "ai có thể làm hại một đứa trẻ như nó chứ ? Mà còn có spot ở đây cơ mà. Tạm biệt !"

Người đàn bà đi khỏi.

"Chúng ta về nhà đi ?" Phyllis lên tiếng.

"Em thích thì đi mà về. Còn anh sẽ câu cá,"

Peter nói dứt khoát.

"Em tưởng là chúng ta tới đây bàn về sinh nhật chú Perks."

"Sinh nhật chú Perks sẽ được tổ chức."

Vì vậy chúng lại xuống đường sà lan để Peter câu cá. Nó chẳng câu được gì.

Trời đã nhá nhem, hai đứa con gái đã mệt, và như Bobbie nói, đã quá giờ đi ngủ, thì bỗng nhiên Phyllis kêu lên, "Cái gì kìa ?"

Và nó chỉ xuống sà lan. Khói đang bốc lên từ ống khói của ca bin, chờn vờn trong bầu không khí êm đềm của buổi tối từ này tới giờ, nhưng lúc này nhiều vòng khói nữa đang bốc lên từ cửa ca bin.

"Cháy sà lan, đúng rồi," Peter nói, vẫn bình tĩnh. "Đáng đời ông ta."

"Ôi, sao anh có thể nói thế chứ," Phyllis kêu. "Hãy nghĩ đến con chó tội nghiệp."

"Em bé !" Bobbie thét.

Trong chớp mắt cả ba lao về phía sà lan.

Dây neo chùng xuống, và gió hiu hiu thổi nhẹ bỗng, nhưng vẫn đủ đẩy đuôi chiếc sà lan về phía bờ. Bobbie nhảy lên đầu tiên, sau đó là Peter, rồi Peter trượt chân ngã xuống kên. Nó bị nước ngập đến cổ, chân chưa thấy đáy, nhưng bám được một tay vào thành sà lan. Phyllis túm được tóc nó. Đau, nhưng mà nhờ vậy nó không bị chìm. Một phút sau nó đã nhảy lên sà lan, Phyllis theo sau.

"Không phải chị !" Peter quát Bobbie; "Để em, em ướt sũng rồi."

Nó đuổi kịp Bobbie ở cửa ca bin, liền đẩy chị thật mạnh sang một bên; nếu là đang chơi, cú đẩy thô bạo đó đã làm Bobbie òa khóc vì vừa đau vừa tức. Lúc này, mặc dù bị đẩy ngã, đầu gối và khuỷu tay sây sát, thâm tím, con bé chỉ kêu:

"Không, không phải em, để chị," và lại lao vào, nhưng nó đã chậm chân.

Peter đã chạy qua hai bậc cửa ca bin vào đám khói dày đặc. Nó dừng lại, cảm thấy lướt qua

trong đầu tất cả những gì nó nghe nói về hỏa hoạn, liền rút chiếc mùi soa sũng nước ra khỏi túi ngực mà buộc ngang miệng. Khi buộc hai đầu khăn lại với nhau nó nói, "Ổn rồi, lửa bé tí ấy mà."

Và điều này, mặc dù nó nghĩ là dối trá, lại cho thấy nó biết suy nghĩ cho người khác. Nó nói thế cốt để Bobbie khỏi lao theo vào nguy hiểm. Nhưng tất nhiên là vô ích.

Ca bin đỏ rực. Ngọn đèn nền cháy thản nhiên trong màn sương mù màu da cam.

"Xin chào," Peter nói, tạm kéo khăn khỏi miệng. "Em bé, em ở đâu?" Nó nghệt thờ.

"Ôi, để chị vào cho", Bobbie kêu, sát sau lưng Peter.

Peter đẩy chị lùi lại mạnh hơn trước và tiến vào.

Bây giờ điều gì sẽ xảy ra nếu đứa bé không khóc, tôi không biết - nhưng đúng khoảnh khắc đó nó đã khóc. Peter lần bước trong đám khói đen kịt, tìm thấy vật gì đó nhỏ bé, mềm mại ấm áp và cựa quậy, liền nhấc nó lên và quay ra, suýt nữa ngã nhào vào Bobbie ở ngay sau lưng. Một con chó quẩn dưới chân nó, cố sửa nhưng nghệt thờ.

"Em tìm thấy đứa bé rồi," Peter nói, giật khăn mùi soa ra và lảo đảo bước ra boong.

Bobbie quờ tay chỗ có tiếng sửa và chạm vào cái lưng to bè của một con chó lông mượt. Nó quay lại, ngoạm tay Bobbie, nhưng rất nhẹ nhàng, như muốn nói, "Tôi phải sửa và cắn nếu có kẻ lạ vào ca bin của chủ tôi, nhưng tôi biết bạn là người tốt nên tôi không cắn bạn thật đâu."

Bobbie rút tay trong miệng con chó ra.

"Ổn rồi, bạn già ạ. Mà ngoan lắm," con bé nói. "Này, đưa em bé cho chị, Peter; em đang ướt mà bế sẽ làm nó cảm lạnh đấy."

Peter quá sung sướng khi được trao cái gói nhỏ kỳ lạ đang ngọ nguậy thút thít trên tay.

"Bây giờ," Bobbie liền nói, "em chạy thẳng đến quán Rose và Crown mà báo tin cho họ. Phil và chị sẽ ở đây với cục cưng này. Ngoan nào, bé yêu, con vẹt con, con cún con ! Đi ngay đi, Peter ! Chạy đi !"

"Em không thể chạy trong bộ đồ này được," Peter khẳng định; "nặng như chì ấy. Em chỉ đi thôi."

"Vậy thì chị sẽ chạy," Bobbie nói. "Lên bờ, Phil, bế em bé giùm chị nào."

Bobbie cẩn thận trao đứa bé cho em. Phyllis ngồi xuống bờ và cố gắng đỡ đứa bé. Peter hì hụi vắt nước ở tay áo và ống quần, còn Bobbie chạy như bay qua cầu rồi lao lên con đường dài tĩnh lặng trắng trắng trong ánh chiều nhập nhoạng, trực chỉ quán Rose và Crown.

Có một căn phòng đẹp kiểu cổ ở Rose và Crown nơi những người chở sà lan cùng với vợ tối tối ngồi uống bia, nướng pho mát ăn bữa tối trên giỏ than đỏ rực treo trong phòng dưới miệng ống khói lớn có mái. Đây là nơi ấm áp đáng yêu dễ chịu hơn bất kỳ bếp lửa nào tôi từng thấy trong đời.

Một cuộc gặp mặt thú vị của dân sà lan bên bếp lửa. Bạn có thể nghĩ nó không thú vị, nhưng họ thì nghĩ là có; bởi vì họ đều là chỗ bạn bè, người quen, họ có cùng sở thích, cùng chủ đề tán chuyện. Đây là bí quyết thực sự để làm thành một cộng đồng thú vị. Người lái sà lan Bill, người mà bọn trẻ rất ghét, được hội của ông ta coi là một chiến hữu tuyệt vời. Ông ta đang kể câu chuyện về những sai lầm của mình - đó luôn luôn là một đề tài cuốn hút. Bill đang nói về chính cái sà lan của mình.

"Rồi ông ấy nhả 'sơn tuốt cả bên trong', cóc nói sơn màu gì, các ông thấy đấy. Thế là tôi mua toàn sơn xanh lá cây và sơn nó từ đầu đến đuôi, trông nó bảnh phải nói là hạng nhất. Rồi ông ấy đến bảo, 'Anh sơn một màu là sao?', ông ấy nói thế đấy. Tôi mới bảo, 'Vì tôi nghĩ thế thì nó sẽ thành hạng nhất' tôi nói, 'tôi vẫn nghĩ thế'. Thế là ông ấy bảo, 'Thế à? Thế thì anh đi mà trả tiền sơn'. Và tôi phải chịu đấy." Tiếng lăm bầm đồng cảm lan khắp phòng. Không gian êm đềm ấy bị phá vỡ bởi sự xuất hiện của Bobbie. Con bé mở cửa lao thẳng vào, hét không ra hơi:

"Bill! Cháu hỏi chú Bill lái sà lan."

Cả phòng im bật vì không hiểu đầu đuôi ra làm sao. Những cốc bia đang trên đường tới đôi môi khô khát cũng dừng khựng lại.

"Ôi," Bobbie nói khi nhìn thấy vợ ông, nó liền chạy tới chỗ bà. "Ca bin sà lan nhà cô đang cháy. Nhanh lên."

Người đàn bà đứng bật dậy và đặt bàn tay to bè đỏ lựng lên bụng trái, nơi mà ta cảm thấy trái tim mình như thể đã rơi xuống mỗi khi ta hoảng sợ hay tuyệt vọng.

"Reginald Horace!" bà thều thào; "Reginald Horace của mẹ!"

"Không sao," Bobbie nói, "nếu là em bé thì em an toàn rồi. Cả chó nữa." Con bé lấy sức nói nốt, "Nhanh lên, lửa đang cháy."

Sau đó con bé khuyu xuống ghế dài và cố gắng thở phào sau cuộc chạy mà mọi người gọi là "nhanh như gió." Nhưng nó cảm thấy như mình sẽ không bao giờ thở được nữa.

Bill sà lan đứng lên, chậm chạp, nặng nề. Nhưng tới khi ông hiểu cơ sự thì vợ ông đã chạy được một trăm mét rồi.

Phyllis ngồi run rẩy bên dòng kênh, hầu như không nghe thấy tiếng bước chân vội vã lại gần trước khi người đàn bà đu thành cầu xuống bờ kênh, chộp lấy đứa bé từ tay nó.

"Đừng," Phyllis nói, giọng trách móc; "cháu vừa mới ru em ngủ thôi."

Bill về sau, nói thứ ngôn ngữ mà bọn trẻ hoàn toàn xa lạ. Ông ta nhảy lên sà lan mức đầy hai xô nước. Peter giúp ông dập tắt ngọn lửa. Phyllis, bà sà lan, đứa trẻ - và lúc này thêm cả Bobbie - ngồi tùm lại trên bờ.

"Chúa tha tội nếu là tôi đã để vật gì bén lửa," bà ta nhắc đi nhắc lại.

Nhưng không phải là bà. Chính chồng bà, Bill sà lan, đã gõ tẩu thuốc và tàn đỏ đã rơi vào tấm thảm cửa lò, ngún ở đó và cuối cùng phát lửa. Tuy là người gia trưởng song ông rất công bằng. Ông không trách vợ vì lỗi của mình, như nhiều người chửi sà lan, như nhiều ông khác.

Mẹ đã cuống lên vì lo lắng khi cuối cùng ba đứa trẻ lộ mặt ở Ba Ống Khói. Cả ba đứa đến lúc ấy đều ướt lướt thướt. Dường như Peter là đứa đầu tiên cho hai đứa kia. Nhưng khi mẹ hiểu chuyện gì đã xảy ra qua lời kể lộn xộn rối rắm của chúng, bà nói rằng chúng xử sự hoàn toàn đúng đắn, chúng không thể làm khác. Bà cũng không hề ngăn cản chúng nhận lời mời thân tình mà ông sà lan nói lúc chia tay.

"Các cháu đến đây vào bảy giờ ngày mai nhé," ông nói, "tôi sẽ đưa các cháu đi trọn một vòng tới Farley rồi quay về. Tôi sẽ làm thế, không phải trả một xu. Mười chín âu tàu đấy!"

Bọn trẻ không biết âu tàu là gì; nhưng chúng có mặt ở cầu lúc bảy giờ, mang theo bánh mì, pho mát, một nửa cái bánh ngọt xô đa và một phần tư chân cừu trong giỏ.

Đó là một ngày huy hoàng. Con ngựa trắng già kéo dây đai, chiếc sà lan trôi êm ái đều đều trên làn nước phẳng lặng. Bầu trời xanh thẳm trên đầu. Chú Bill cũng đáng yêu như bất kỳ ai khác. Không ai nghĩ rằng chú chính là người từng kéo tai Peter. Còn cô Bill, cô lúc nào cũng đáng yêu, như Bobbie nói, và em bé cũng thế, thậm chí cả Spot, kẻ có thể cắn chúng đau ra trò nếu muốn.

"Tuyệt cú mèo, mẹ ạ," Peter nói khi chúng về tới nhà, rất vui, rất mệt, và rất bẩn, "qua đúng cái cầu máng hùm vĩ đó nhớ. Âu tàu nữa chứ, mẹ không biết chúng trông như thế nào đâu. Mình rơi vào lòng đất và khi mình cảm thấy chẳng thể nào ngừng rơi được nữa thì hai cánh cổng đen to đùng từ từ, từ từ mở ra - mình thoát ra, và mình lại trên dòng kênh như trước."

"Mẹ biết," mẹ nói, "sông Thames cũng có âu tàu. Hồi chưa cưới, cha và mẹ thường đi đường sông đến Marlow."

"Và em bé, con vịt con đáng yêu," Bobbie nói; "nó để con trông nó lâu ơì là lâu, nó ngoan quá chừng. Mẹ, con ước gì chúng ta có một em bé để chơi."

"Và mọi người đều rất tốt với chúng con", Phyllis nói, "những người chúng con gặp ấy. Họ nói chúng con có thể câu cá khi nào thích. Bill bảo lúc nào gặp sẽ dạy chúng con câu. Chú ấy bảo chúng con không biết câu."

"Chú ấy bảo em chưa biết ấy," Peter nói; "nhưng, mẹ, chú ấy nói sẽ kể cho tất cả những người đi sà lan xuôi ngược trên kênh biết rằng chúng con là con nhà có giáo dục và họ phải đối xử với chúng con như những người bạn bởi chúng con chính là bạn họ."

"Vậy nên con đã nói," Phyllis ngắt lời, "chúng con sẽ luôn luôn đeo một dải băng đỏ khi đi câu ở kênh để họ biết đó là chúng con, và chúng con là con nhà có giáo dục, và họ sẽ tốt với chúng con !"

"Thế là các con đã có thêm rất nhiều bạn", mẹ nói; "đầu tiên là ở đường tàu, sau đó là ở kênh."

"Ồ, vâng", Bobbie nói, "con nghĩ mọi người trên thế giới đều là bạn nếu ta có thể cho họ thấy ta không muốn là người thiếu thiện chí."

"Có lẽ con đúng," mẹ nói rồi thở dài. "Đi, gà con của mẹ. Đến giờ đi ngủ rồi."

"Vâng", Phyllis nói. "À mẹ ơì, chúng con lên cầu bàn xem sẽ làm gì cho sinh nhật chú Perks. Nhưng chúng con chưa bàn được tí nào cả."

"Chúng con không kịp," Bobbie nói; "nhưng Peter đã cứu được Reginald Horace. Con nghĩ thế là đủ cho một buổi tối rồi."

"Nếu con không đẩy Bobbie ngã thì chính chị đã cứu nó rồi; đẩy những hai lần," Peter thành thật.

"Con cũng vậy," Phyllis nói, "nếu con biết phải làm gì."

"Tốt," mẹ nói, "các con đã cứu một em bé. Mẹ nghĩ đó là đủ cho một buổi tối. Ôi, các con yêu, tạ ơn Chúa các con đều an toàn !"

Chương 9

Perks tự ái

Vào giờ ăn sáng, gương mặt mẹ thật tươi tắn khi bà rót sữa và múc cháo.

"Mẹ vừa bán được một truyện ngắn, các con yêu," bà nói; "chuyện về Đức vua của loài trai, do đó bữa trà sẽ có bánh nhân táo. Các con có thể đi mua ngay khi bánh mới ra lò. Khoảng mười một giờ, phải không?"

Peter, Phyllis và Bobbie nhìn nhau, tổng cộng sáu cái nhìn. Sau đó Bobbie nói, "Mẹ, mẹ có phiền không nếu chúng con không mua bánh hôm nay mà để dành tới ngày mười lăm? Đó là thứ Năm tuần sau."

"Các con dùng bánh khi nào cũng được, con yêu," mẹ nói, "nhưng tại sao?"

"Vì hôm đó là sinh nhật chú Perks," Bobbie nói; "Chú Perks ba mươi hai tuổi, chú ấy nói là không làm sinh nhật nữa bởi vì có những việc khác để làm, không phải chuyện những con thỏ hay bí mật gì, mà là chuyện lũ trẻ và bà xã."

"Ý con là vợ và các con chú ấy?" mẹ hỏi.

"Vâng," Phyllis đáp; "cũng như vậy, phải không mẹ?"

"Và chúng con định sẽ tổ chức một sinh nhật vui vẻ cho chú Perks. Chú ấy thực sự rất thân với chúng con, mẹ biết mà, mẹ," Peter nói, "chúng con đã thỏa thuận chờ tới ngày bánh nho sẽ xin phép mẹ."

"Nhưng giả sử không có ngày bánh nho nào trước mười lăm thì sao?" mẹ nói.

"Ồ, nếu thế, chúng con sẽ hỏi mẹ cho chúng con ứng... ứng trước, rồi nhin vào ngày bánh nho sau đó."

"Ứng trước," mẹ nói. "Mẹ hiểu rồi. Nhất định thế. Sẽ đẹp lắm nếu viết tên chú ấy lên bánh bằng kem hồng, đúng không?"

"Perks," Peter nói, "không phải là tên hay."

"Tên khác của chú Perks là Albert", Phyllis nói; "có lần em đã hỏi chú ấy."

"Chúng ta có thể viết AP," mẹ nói; "Hôm đó mẹ sẽ hướng dẫn các con."

Mọi việc tới lúc này đều thật suôn sẻ. Nhưng dù có mười bốn cái bánh nho nửa xu có chữ AP

bằng kem hồng thì cũng không thể làm thành một buổi lễ sang trọng.

"Dĩ nhiên là bao giờ cũng phải có hoa rồi," Bobbie nói khi một hội đồng thực sự nghiêm túc được thành lập để xử lý việc này ở gác cở, nơi có máy bơm thức ăn gia súc và một hàng lỗ để thả cỏ khô xuống giá cỏ trên máng ăn ở chuồng ngựa bên dưới.

"Chú ấy có nhiều hoa ở nhà lắm rồi," Peter nói.

"Nhưng bao giờ được tặng hoa cũng rất vui," Bobbie nói, "dù nhà mình có bao nhiêu hoa đi nữa. Chúng ta có thể dùng hoa để trang trí trong ngày sinh nhật. Phải có thứ gì ngoài bánh chứ."

"Giờ mình ngồi im nghĩ xem sao đi," Phyllis nói; "bao giờ nghĩ ra điều gì hăng nói."

Vậy là bọn trẻ im lặng đến nỗi một con chuột nâu cứ tưởng không có ai trên gác nên thản nhiên bò ra. Bobbie hắt hơi làm con chuột hoảng sợ chạy vội đi, bởi vì nó thấy rằng căn gác có những việc như thế xảy ra không phải là chỗ cho một ngài chuột trung niên đáng kính thích cuộc đời yên tĩnh.

"Hu ra !" Peter bỗng kêu lên, "em nghĩ ra rồi." Nó đứng phắt lên và đá đá đồng cỏ.

"Nghĩ ra gì rồi ?" hai đứa con gái háo hức hỏi.

"Lý do là, chú Perks rất tốt với mọi người. Chắc chắn là nhiều người trong làng muốn giúp làm sinh nhật cho chú ấy. Chúng ta hãy đi vào làng hỏi mọi người xem."

"Mẹ dặn không được hỏi xin ai cái gì," Bobby do dự.

"Đấy là cho chúng ta, ý mẹ thế, chị ngốc ạ, không phải cho người khác. Em cũng sẽ hỏi ông. Chị cứ chờ xem."

"Hãy hỏi mẹ trước đã," Bobbie nói.

"Ô, mỗi việc con con thế thì làm phiền mẹ làm gì ?" Peter nói, "nhất là khi mẹ bận. Nào, xuống làng mà bắt đầu ngay đi."

Thế là bọn trẻ đi. Bà cụ ở bưu điện nói bà không hiểu tại sao Perks cần có một sinh nhật hơn những người khác.

"Không ạ," Bobbie nói, "cháu muốn mỗi người đều có một sinh nhật chứ ạ. Nhưng chỉ là do chúng cháu biết ngày sinh của chú Perks."

"Mai là sinh nhật bà già này đấy," bà cụ nói, "nhưng nào có ai quan tâm đâu. Thôi mấy đứa đi đi."

Bọn trẻ đi tiếp.

Một số người tốt bụng, một số người thờ ơ. Và có người cho, có người không. Đi hỏi xin, dù là xin cho người khác, là một việc khá khó khăn; chắc chắn bạn biết điều đó nếu bạn đã từng thử.

Khi bọn trẻ về đến nhà và liệt kê những thứ đã nhận và những thứ được hứa, chúng cảm thấy ngày đầu như thế không tồi. Peter lên danh sách vào quyển sổ bỏ túi vẫn dùng để ghi số tàu. Đó là:

Nhận:

Một tẩu thuốc của cửa hàng kẹo.

Hai lạng chè của chú bán hàng khô.

Một khăn len hơi bạc của bác bán quần áo, đối diện với hàng khô.

Một con sóc nhồi bông của bác sĩ.

Một miếng thịt của chị bán thịt.

Sáu quả trứng tươi của bà sống trong trạm thu phí cầu đường cũ.

Một miếng tổ ong và sáu dây giày của ông thợ giày, và một xẻng sắt của bác thợ rèn.

Tờ mờ sáng hôm sau Bobbie dậy và đánh thức Phyllis. Việc này đã được thỏa thuận trước.

Hai đứa không nói với Peter vì nghĩ rằng nó sẽ cho là ngố. Nhưng chúng sẽ nói với thằng bé sau khi mọi việc xong xuôi.

Hai đứa cắt một bó hồng thật to, đặt vào giỏ cùng sổ gài kim chỉ mà Phyllis đã làm cho Bobbie vào dịp sinh nhật, và một cái nơ cổ màu xanh da trời rất xinh xắn của Phyllis. Sau đó chúng viết vào một tờ giấy, "Tặng bà Ransome, cùng tình yêu sâu sắc nhất của chúng cháu, nhân dịp sinh nhật," xong chúng đặt tờ giấy vào giỏ, mang đến bưu điện, đặt lên quầy và chạy về trước khi bà cụ ở bưu điện kịp bước vào.

Khi chúng về đến nhà, Peter đang được mẹ tin cẩn cho phép giúp mẹ làm bữa sáng và nó đã kể cho bà nghe kế hoạch của ba chị em.

"Làm thế không có gì xấu," mẹ nói, "nhưng còn tùy xem các con làm thế nào. Mẹ chỉ mong là chú ấy không cảm thấy bị coi thường vì nghĩ đó là bố thí. Người nghèo rất hay tự ái, các con biết mà."

"Không phải vì chú Perks nghèo," Phyllis nói, "mà vì chúng con quý chú ấy."

"Ồ, mẹ sẽ tìm xem có món đồ nào đó mà Phyllis mặc chật để làm quà", mẹ nói, "nếu các con chắc chắn là các con có thể tặng chú Perks mà chú ấy không cảm thấy bị coi thường. Mẹ những

muốn làm một việc nho nhỏ cho chú ấy vì chú ấy rất tốt với các con. Mẹ không thể làm được gì nhiều vì chính chúng ta cũng nghèo. Con đang viết gì thế, Bobbie ?"

"Không có gì đặc biệt đâu ạ," Bobbie, vừa mới hí hoáy viết gì đó, nói. "Chắc hẳn chú Perks sẽ thích những đồ đó, mẹ à."

Buổi sáng ngày mười lăm trôi qua rất vui, chúng bạn tíu tít với việc mua bánh nho và xem mẹ viết AP lên bánh bằng kem hồng. Hẳn bạn biết việc đó làm như thế nào chứ ? Bạn đánh đều lòng trắng trứng với đường, rồi cho vài giọt phẩm yên chi vào. Sau đó bạn dùng giấy trắng sạch cuộn thành hình nón có lỗ nhỏ ở chóp, và đổ hỗn hợp đường-trứng hồng vào lòng nón. Nó sẽ chảy ra từ từ ở chóp, và bạn dùng nó viết chữ, coi như đang dùng một cây bút béo, to cộ đầy mực bằng kem hồng vậy.

Những cái bánh nho với chữ AP trên mặt trông tuyệt đẹp, và sau khi cho bánh vào lò để khô kem, bọn trẻ vào làng lấy mật, xêng và những thứ khác mà mọi người đã hứa.

Bà cụ ở bưu điện đang đứng trên bậc cửa. Bọn trẻ cất tiếng "Chúc bà buổi sáng tốt lành" rất lễ phép khi đi ngang qua.

"Các cháu, chờ bà một chút", bà gọi.

Bọn trẻ đứng lại.

"Những bông hồng," bà nói.

"Bà thích chứ ạ ?" Phyllis nói; "chúng còn tươi như hoa đấy ạ. Cháu làm cuốn sổ gài kim chỉ, nhưng nó từng là quà cho Bobbie." Con bé vừa nói vừa nhảy nhô nhảy nhót.

"Giỏ của các cháu đây", bà bưu điện nói. Bà bước vào và mang ra cái giỏ. Trong đựng đầy quả lý gai đỏ mọng.

"Bà dám chắc các con của Perks sẽ thích", bà bảo.

"Bà quả là bà cụ đáng yêu vô cùng," Phyllis nói, quàng tay ôm tấm lưng to béo của bà. "Chú Perks sẽ vui lắm đây."

"Anh ta sẽ không vui bằng một nửa bà khi nhận được sổ gài kim chỉ, chiếc nơ và những bông hồng đáng yêu của các cháu," bà cụ nói, vỗ vỗ vai Phyllis. "Các cháu là những đứa trẻ tốt bụng, các cháu là thế đấy. Nghe này. Bà có một xe nôi ở nhà gỗ đằng sau. Nó được mua cho Emmie của bà nhưng con bé không sống được quá sáu tháng, và nó chẳng có cái xe nào khác ngoài cái đó. Bà muốn cô Perks dùng cho thằng cu bụ bẫm con cô. Các cháu sẽ mang nó đi chứ ?"

"Ôi" bọn trẻ đồng thanh kêu.

Bà Ransome mang cái xe nôi ra, gỡ lớp giấy bọc ngoài rồi lau bụi, xong bà nói, "Xong rồi đấy. Bà không nghĩ ra chứ nghĩ ra thì bà đã mang cho cô ấy rồi. Chỉ là bà không biết liệu cô ấy có nhận không. Các cháu bảo với cô ấy nó là xe nôi của Emmie bé nhỏ của bà..."

"Ồ, thật là hay khi nghĩ sẽ lại có một em bé thực sự đang sống ngồi trong xe !"

"Ừ," bà Ransome thở dài, rồi lại cười ngay; "đây, bà sẽ đưa các cháu ít kẹo bạc hà cho mấy đứa nhỏ, rồi các cháu chạy đi kéo bà lại đưa cho các cháu tuốt cả mái nhà trên đầu và quần áo trên người thì chết."

Tất cả các đồ cho Perks được chất lên chiếc xe, và đúng ba rưỡi Peter cùng Bobbie, Phyllis đẩy xe tới ngôi nhà màu vàng nhỏ bé của chú Perks.

Ngôi nhà rất gọn gàng. Trên bệ cửa sổ là một bình cắm lẫn hoa dại, cúc đại đóa, chút chút đỏ và cỏ lau.

Có tiếng té nước trong buồng giặt, và một chú bé đang rửa ráy thò đầu ra.

"Mẹ đang thay quần áo," chú bé nói.

"Xuống ngay đây," giọng nói vọng xuống từ trên thang gác hẹp được lau chùi như mới.

Bọn trẻ đợi. Lát sau thang gác kêu cọt két và cô Perks bước xuống, đang cài khuy áo. Tóc cô chải thật gọn gàng, và khuôn mặt cô đã rửa xà phòng sạch bong.

"Tôi thay đồ hơi muộn, cô ạ," cô nói với Bobbie, "do hôm nay phải lau chùi nhà cửa, vì Perks chợt nhớ ra sinh nhật anh ấy. Tôi không biết cái gì đã nhồi ý đó vào đầu anh ấy khiến anh ấy nghĩ tới một việc như thế. Chúng tôi vẫn làm sinh nhật cho các con, tất nhiên; nhưng anh ấy và tôi thì qua cái tuổi sinh nhật sinh nhẽo rồi, lệ chung mà."

"Chúng cháu biết hôm nay là sinh nhật chú Perks," Peter nói, "chúng cháu mang tặng chú ấy vài thứ quà, trong xe đẩy ngoài cửa ấy ạ."

Khi các món quà được lấy ra, cô Perks há hốc miệng vì kinh ngạc. Và khi họ bỏ hết đồ ra, cô làm cho bọn trẻ ngạc nhiên và sợ hãi khi bất ngờ ngồi xuống cái ghế gỗ mà òa lên khóc.

"Ôi, đừng !" bọn trẻ nói; "ôi, xin đừng !" Peter nói thêm, hơi nôn nóng, "Có chuyện gì thế cô ? Cô không định nói là không thích chúng chứ ?"

Cô Perks chỉ nức nở. Các con cô bây giờ nom sạch sẽ sáng ngời đến không thể sạch hơn, chúng đang đứng ở cửa buồng giặt, giận dữ nhìn những người lạ. Im lặng bao trùm, im lặng đến kỳ cục.

"Cô không thích à ?" Peter lại hỏi trong khi chị em gái nó vuốt vuốt lưng cô Perks.

Cô ngừng khóc đột ngột hết như lúc bắt đầu.

"Không sao, không sao, các cô cậu đừng bận tâm. Tôi không sao !" cô nói. "Thích ư, Perks chưa bao giờ có sinh nhật nào như thế này, ngay cả hồi còn nhỏ ở với bác anh ấy, ông bán ngô, theo như anh ấy kể lại. Sau đó ông vỡ nợ. Thích ư ? Ôi..." Rồi cô tiếp tục nói về đủ thứ mà tôi sẽ không viết ra đây, vì tôi biết chắc rằng Peter, Bobbie cũng như Phyllis đều không thích tôi làm thế. Tai chúng ngày càng nóng lên và mặt chúng ngày càng đỏ hơn, khi nghe những điều tốt đẹp mà cô Perks nói về chúng. Chúng cảm thấy chúng chưa làm được gì xứng đáng với những lời khen đó.

Cuối cùng Peter nói, "Cô ơi, cô hài lòng là chúng cháu vui lắm. Nhưng nếu cô cứ nói thế thì chúng cháu phải về mất. Mà chúng cháu thì muốn ở lại xem chú Perks có hài lòng hay không. Nhưng cô nói thế làm chúng cháu xấu hổ lắm."

"Tôi sẽ không nói một từ nào nữa," cô Perks nói khuôn mặt rạng rỡ, "nhưng không cần cấm tôi nghĩ phải không ? Bởi vì nếu đã từng..."

"Chúng cháu có thể lấy một chiếc đĩa để bày bánh không cô ?" Bobbie ngắt lời. Thế là cô Perks tất tả đi bày bàn tiệc và bánh nho, mật và quả lý gai đều được xếp vào đĩa, hoa hồng được cắm vào hai lọ thủy tinh đựng mứt. Xong xuôi đâu đấy, bàn tiệc trông, như cô Perks nói, "chẳng khác nào bàn tiệc cho một ông hoàng".

"Nghĩ mà xem !" cô nói, "tôi dọn dẹp nhà cửa từ sớm, bọn trẻ thì đi hái hoa dại các thứ, chẳng bao giờ tôi nghĩ ra có gì hơn cho anh ấy ngoài một gói thuốc lá loại anh ấy thích tôi mua hôm thứ Bảy và để dành từ hôm ấy. May quá ! Anh ấy đã về !"

Đúng là Perks đang mở chốt cánh cổng nhỏ trước nhà.

"Ôi," Bobbie thầm thì, "giờ chúng cháu nấp vào sau bếp, còn cô kể lại cho chú ấy nhé. Nhưng cô nhớ đưa thuốc lá cho chú ấy trước vì đó là quà của cô mà. Và khi nào cô kể xong, chúng cháu sẽ bước vào mà hô, 'Chúc mừng sinh nhật !'"

Đó là một chương trình lý thú, nhưng nó không được thực hiện. Ban đầu, chỉ vừa đủ thời gian cho Peter, Bobbie và Phyllis chạy vào buồng giặt, đẩy các em bé nhà Perks đang há hốc miệng vì không hiểu gì lên phía trước. Không còn đủ thời gian khép cửa, do đó, dù muốn hay không, chúng phải nghe mọi chuyện xảy ra trong bếp. Buồng giặt quá nhỏ cho các con nhà Perks và bọn trẻ Ba Ống Khói cùng các đồ dùng, trong đó có máy vắt đồ và nồi đồng luộc quần áo.

"Xin chào bà xã già !" chúng nghe thấy giọng chú Perks; "Hoành tráng thế này !"

"Tiệc sinh nhật của bố nó đấy, Bert," cô Perks nói, "và đây là loại bố nó thích. Em mua hôm

thứ Bảy lúc bố nó chợt nhớ ra là hôm nay sinh nhật bố nó."

"Cô gái già tốt bụng !" Perks nói, và có tiếng một chiếc hôn.

"Nhưng cái xe nôi làm gì ở đây ? Mớ bánh này là thế nào ? Mẹ nó lấy đâu ra chỗ kẹo, lại còn..."

Bọn trẻ không nghe thấy cô Perks trả lời, bởi vì ngay lúc đó Bobbie giật mình cho tay vào túi áo và toàn thân con bé cứng lại vì sợ hãi.

"Ồi !" nó nói thầm với các em, "biết làm. thế nào bây giờ ? Chị quên gài móc vào mấy thứ đó rồi ! Chú Perks sẽ không biết quà của ai. Chú ấy sẽ nghĩ tất cả là của chúng ta và chúng ta đang ra vẻ ta đây hay đang bố thí hay một cái gì đó đáng sợ."

"Suýt !" Peter nói.

Sau đó chúng nghe thấy Perks nói oang oang khá tức giận.

"Tôi không quan tâm," Perks nói; "Tôi không chấp nhận, tôi nói thẳng cho cô biết."

"Nhưng," cô Perks nói, "chúng là mấy đứa trẻ bố nó vẫn thường rất quý mến mà, mấy đứa ở Ba ổng Khói ấy."

"Tôi không quan tâm," Perks đánh giọng, "dù có là thiên thần đến từ thiên đường cũng thế thôi. Chúng ta sống tốt bao năm qua đâu cần xin xỏ ai. Tôi sẽ không chấp nhận những đồ bố thí này chừng nào tôi còn sống, nên cô cũng đừng mơ đến nó, Nell."

"Ôi, be bé cái mồm chứ, Bert !" cô Perks tội nghiệp nói; "khóa cái lưỡi ngốc nghếch của bố nó lại đi, vì Chúa. Cả ba đứa đang trong buồng giặt kia kìa, bố nó nói gì chúng nghe thấy hết đấy."

"Cứ để chúng nghe," Perks giận dữ nói; "tôi đã nói suy nghĩ của tôi cho chúng nghe chứ có phải chưa đâu, mà tôi còn phải nói nữa", chú ta thêm, rồi bước hai bước đến cửa phòng giặt, kéo toang cửa ra. Sau cửa, lũ trẻ đang đứng chen chúc.

"Đi ra," Perks nói, "đi ra và nói cho tôi biết các người có ý gì. Tôi đã bao giờ kêu với các người là tôi nghèo để các người mang đồ bố thí đến ném cho tôi chưa ?"

"Ôi," Phyllis nói, "cháu cứ nghĩ là chú sẽ hài lòng cơ; từ giờ cháu sẽ không bao giờ cố đối tốt với bất kỳ ai chừng nào cháu còn sống. Không, cháu không, không bao giờ làm thế nữa đâu."

Con bé òa lên khóc.

"Chúng cháu không có ý xấu," Peter nói.

"Điều cậu nói lại khác với điều cậu làm đấy", Perks nói.

"Ôi, đừng thế mà" Bobbie kêu, cố gắng hết sức để dừng cảm hơn Phyllis, và tìm được nhiều từ hơn Peter để giải thích đầu đuôi câu chuyện. "Chúng cháu nghĩ chú sẽ thích thế. Chúng cháu bao giờ cũng có quà vào dịp sinh nhật."

"Ồ, phải rồi," Perks nói, "họ hàng nhà cô cậu thì thế; khác nhau chứ."

"Ồ, không", Bobbie trả lời. "Không phải là họ hàng nhà chúng cháu. Tất cả những người giúp việc đều tặng quà cho chúng cháu, và chúng cháu cũng tặng quà vào sinh nhật họ. Dịp sinh nhật cháu mẹ tặng cháu chiếc ghim cài hình hoa mao lương, bà Viney tặng cháu hai lọ hoa thủy tinh xinh xắn, nhưng không ai nghĩ bà ấy ném đồ bố thí cho cháu hết."

"Nếu đây chỉ là lọ thủy tinh thì tôi không nói làm gì," Perks nói. "Nhưng hàng đồng đồ thế này thì tôi không cần. Không, không bao giờ."

"Nhưng không phải tất cả là của chúng cháu..." Peter nói, "tại chúng cháu quên để móc ghi người gửi. Đó là quà của mọi người trong làng đấy ạ."

"Ai đã đi nói với họ thế?" Perks hỏi.

"Là chúng cháu. Nhưng nói thì có sao đâu ạ?" Phyllis vừa nói vừa khịt mũi.

Perks ngồi phịch xuống ghế tựa nhìn chúng với cái nhìn mà sau đó Bobbie miêu tả là cái nhìn u ám tuyệt vọng khiến người khác phải lúng túng.

"Vậy là các cô cậu đi rêu rao khắp làng rằng chúng tôi không đủ ăn? Được, bây giờ các cô cậu đã hạ thấp chúng tôi hết mức có thể trong mắt họ, các người có thể mang tất cả thứ của nợ này trả lại chỗ cũ. Nhất định phải làm thế. Tôi không nghi ngờ ý tốt của cô cậu nhưng tôi thà không quen với cô cậu nữa nếu cô cậu muốn thế." Chú cố ý xoay ghế để quay lưng lại bọn trẻ. Tiếng chân ghế miết trên sàn gạch là âm thanh duy nhất phá vỡ sự yên lặng.

Bỗng nhiên Bobbie nói.

"Thế thì", con bé nói, "đây là điều tồi tệ nhất"

"Đó chính là ý tôi nói," Perks nói, không quay lại.

"Thế thì," Bobbie tuyệt vọng nói, "chúng cháu sẽ đi nếu chú muốn, và chú không cần là bạn chúng cháu nữa nếu chú không muốn, nhưng..."

Chúng cháu sẽ luôn luôn là bạn với chú, dù chú có ghét chúng cháu đến đâu," Phyllis khịt mũi rõ to.

"Im nào," Peter nói, vẻ dữ dằn.

"Nhưng trước khi chúng cháu đi," Bobbie tiếp tục một cách vô vọng, "để chúng cháu cho

chú xem những mảnh mác chúng cháu viết để đặt lên các thứ đã ạ."

"Tôi chả muốn xem mác miếc gì sất," Perks nói "ngoại trừ mác những hành lý cần thiết trên đường đời của tôi. Các cô cậu có nghĩ rằng tôi phải khúm núm và mang nợ người ta vì những đồ tôi nhận, và vợ tôi phải trốn trong phòng giặt để tránh bị hàng xóm láng giềng cười vào mặt không?"

"Cười ư?" Peter nói; "chú không hiểu gì cả."

"Chú toàn vội vàng thôi", Phyllis lẩm bẩm; "chú biết là lần trước chú đã vội vàng, chuyện chúng cháu không kể cho chú bí mật của ông người Nga ấy. Chú để Bobbie đọc mác lên đi."

"Được, bắt đầu đi!" Perks nói miễn cưỡng.

"Đây ạ," Bobbie nói, lóng ngóng khổ sở, nhưng không phải mất hết hy vọng, moi móc trong túi áo chật cứng, "chúng cháu đã viết tất cả những câu mọi người nói khi họ trao quà, cả tên họ nữa, bởi vì mẹ dặn chúng cháu phải làm cẩn thận, bởi vì... nhưng cháu đã viết những gì mẹ nói... chú sẽ biết."

Nhưng Bobbie không thể đọc ngay. Con bé phải nuốt khan một hai lần mới bắt đầu được.

Cô Perks khóc suốt từ lúc chòng mở cửa buồng giặt. Bây giờ cô thôi khóc, mở miệng nói mà cổ họng nghẹn ứ, "Cô đừng giận. Nhà tôi không hiểu nhưng tôi biết là cô cậu có ý tốt."

"Cháu đọc nhé?" Bobbie nói, nước mắt lã chã rơi xuống mớ giấy lúc nó tìm mác của mẹ. "Đầu tiên là mác của mẹ. Như thế này: 'Quần áo trẻ con cho các con cô Perks' mẹ nói, 'Mẹ sẽ tìm một ít đồ Phyllis mặc chật, nếu các con chắc là chú Perks không cảm thấy bị coi thường và cho nó là đồ bố thí. Mẹ muốn làm một việc nho nhỏ cho chú Perks vì chú ấy rất tốt với các con. Mẹ không có nhiều vì chúng ta cũng nghèo'"

Bobbie ngừng đọc.

"Tốt thôi," Perks nói, "mẹ cô cậu sinh ra đã là người tốt bụng rồi. Chúng tôi sẽ giữ lại những bộ đồ trẻ con, và không gì nữa, Nell."

"Và xe nô, lý gai, kẹo," Bobbie nói, "là của bà Ransome. Bà nói, 'Bà dám chắc là các cháu nhà Perks thích kẹo. Và cái xe nô vốn là của Emmie nhà bà, nó không sống được quá sáu tháng, và nó chưa bao giờ có cái xe nào khác ngoài cái đó. Bà muốn để cô Perks dùng cho thằng cu bụ bẫm nhà cô ấy. Nếu bà biết chắc là cô ấy chịu nhận thì bà đã đưa cho cô ấy từ trước rồi', bà bảo cháu nói với cô chú vậy." Bobbie nói. " 'Nó là cái xe đẩy duy nhất của Emmie nhà bà' bà bảo bọn cháu thế."

"Em không thể trả lại chiếc xe, Bert," cô Perks quả quyết, "nhất định là không. Vậy bố nó

đừng xin em..."

"Tôi không x-xin xỏ thứ gì cả," Perks nói cộc lốc.

"Còn cái xẻng," Bobbie nói. "Bác James tự tay làm cho chú. Và bác nói, mảnh giấy đâu rồi ? À, vâng, đây rồi ! Bác nói, 'Các cháu bảo Perks rằng làm được một vật nho nhỏ cho một người rất đáng được nể trọng là bác thấy vui lắm' sau đó bác nói bác ước gì có thể đóng giày cho các con chú và con bác, giống như người ta đóng móng cho ngựa, bởi vì, bác biết da giày là như thế nào."

"Cái nhà bác James này tốt thật," Perks nói.

"Còn mặt," Bobbie vội vã nói, "và dây giày. Ông ấy nói ông ấy nể trọng người nào luôn trả tiền sòng phẳng, chị hàng thịt cũng nói y như thế. Và bà cụ sống ở trạm thu phí cầu đường nói hồi nhỏ chú hay giúp bà làm vườn - gieo nhân nào nhận quả nấy - cháu không biết ý bà muốn nói gì. Và mọi người tặng quà đều nói yêu quý chú, rằng chúng cháu đã làm một việc tốt; và không ai nói gì về chuyện bố thí hay những điều đáng sợ như thế hết. Và ông cụ lịch lãm gửi Peter một đồng bằng vàng cho chú, bảo chú là người biết việc. Cháu cứ nghĩ chú sẽ vui khi biết mọi người yêu quý chú biết bao, nhưng trong đời mình cháu chưa bao giờ buồn thế. Tạm biệt. Hy vọng một ngày nào đó chú sẽ thứ lỗi cho chúng cháu..."

Con bé không thể nói gì thêm, liền quay người toan đi về.

"Gượng đã," Perks nói, vẫn còn xây lưng về phía chúng; "tôi rút lại mọi lời khó nghe tôi đã nói với cô cậu. Nell, đặt ấm trà đi."

"Chúng cháu sẽ mang các thứ đi nếu chú không thích," Peter nói; "nhưng cháu nghĩ mọi người sẽ rất thất vọng, chúng cháu cũng vậy."

"Không phải tôi không thích," Perks nói; "chỉ tại tôi không hiểu rõ sự thế;" chú ta nói thêm, bỗng nhiên xoay ghế lại và bộc lộ một vẻ mặt lo lắng đến kỳ cục, "Tôi chưa bao giờ hài lòng hơn thế. Không phải vì quà tặng - mặc dù đó toàn là những thứ tuyệt vời - mà là vì tình cảm của hàng xóm láng giềng dành cho tôi. Lẽ nào tôi lại không nhận, phải không, Nell ?"

"Em nghĩ là nhất định phải nhận rồi", cô Perks nói, "và nói cho bố nó hay là bố nó vừa nặng xị hết cả lên vì lý do không đâu đấy, Bert ạ."

"Làm gì có," Perks quả quyết; "làm người phải biết tự trọng không thì ai người ta tôn trọng mình chứ."

"Nhưng mọi người đều nể trọng chú mà," Bobbie nói; "ai cũng nói thế."

"Cháu biết là chú sẽ đồng ý khi chú hiểu rõ mọi chuyện," Phyllis vui sướng nói.

"Hừm ! Các cô cậu sẽ ở lại dự sinh nhật chứ ?" chú Perks nói.

Sau đó Peter đứng lên chúc sức khỏe Perks. Và ông chủ nhà đề nghị nâng cốc, ở đây là cốc trà, với lời chúc, "Chúc cho vinh quang của tình bạn mãi mãi xanh tươi." Lời chúc văn vẻ của Perks làm tất cả mọi người bất ngờ.

"Bọn trẻ đó, chúng thật là ngoan," chú Perks nói với vợ lúc đi ngủ.

"Ồ, đúng thế, cầu Chúa phù hộ cho trái tim chúng," vợ chú nói, "còn bố nó đích thị là đồ khỉ già hung dữ chưa từng có. Nói cho bố nó biết là em đến muối mặt với bố nó đấy..."

"Mẹ nó không cần phải muối, mẹ già ạ. Tớ đã vui vẻ ngay khi tớ hiểu ra đấy không phải của bố thí rồi còn gì. Bố thí là thứ tớ không bao giờ chấp nhận, và sẽ không bao giờ."

Tất cả mọi người đều vui bởi buổi sinh nhật đó. Vợ chồng chú Perks và lũ con vui là bởi những món đồ xinh xắn và ý tốt của bà con chòm xóm; bọn trẻ Ba Ống Khói thì vui bởi chúng đã thành công, rõ ràng là thế, dù thành công đó có phần bị trì hoãn bất ngờ ngoài kế hoạch; và bà Ransome lại vui mỗi lần nhìn thấy thằng nhỏ bụ bẫm nhà Perks trong chiếc xe nô. Cô Perks đi một vòng thăm hàng xóm, cảm ơn về những món quà sinh nhật, và sau mỗi buổi sang thăm cô lại cảm thấy có một người bạn tốt hơn cô từng nghĩ.

"Phải," Perks trầm ngâm nói, "anh làm gì không quan trọng bằng việc anh có ý gì; đó là điều tôi nói. Giờ nếu nó là bố thí..."

"Ôi, bố thí cái của nợ ấy," cô Perks nói; "giờ bố nó có muốn thì cũng chẳng ma nào thêm bố thí cho bố nó đâu, Pert ạ, em cam đoan thế đấy. Đó là tình bạn, chính xác thế".

Khi mục sư rẽ qua nhà Perks, cô kể lại cho cha nghe tất cả. "Đó là tình bạn phải không cha ?" cô hỏi.

"Cha nghĩ nó là thứ đôi khi được gọi là tình yêu thương," mục sư trả lời.

Vậy là chuyện đã kết thúc tốt đẹp. Nhưng, một người muốn làm việc này thì phải cẩn thận làm đúng cách. Bởi như Perks nói sau khi đã suy nghĩ kỹ lưỡng, bạn làm gì không quan trọng bằng việc bạn có ý gì.

Chương 10

Bí mật kinh hoàng

Hồi mới tới sống ở Ba Ống Khói, bọn trẻ nói chuyện rất nhiều về cha, hỏi nhiều câu về ông, như cha đang làm gì, cha ở đâu, khi nào cha về. Mẹ luôn luôn trả lời các câu hỏi trong chừng mực có thể. Nhưng thời gian trôi đi, chúng dần dần ít nói về ông. Gần như ngay từ đầu Bobbie đã cảm thấy rằng, vì một lý do bất hạnh lạ lùng nào đó, những câu hỏi này làm mẹ đau đớn, buồn rầu. Và dần dà hai đứa nhỏ cũng có cảm giác đó, mặc dù chúng không nói ra.

Một hôm, lúc mẹ đang làm việc căng thẳng đến nỗi không thể rời bàn ra dù chỉ mười phút, Bobbie mang trà lên cho bà trong căn phòng lớn trống trải mà chúng gọi là phòng làm việc của mẹ. Căn phòng hầu như không có đồ đạc gì. Chỉ có một cái bàn, một cái ghế và một tấm thảm. Nhưng bao giờ cũng có những bình hoa lớn trên bậu cửa và mặt lò sưởi. Bọn trẻ chăm lo chuyện đó. Và ba ô cửa sổ dài không rèm che nhìn ra đồng cỏ trải dài tuyệt đẹp, những lùm violet trên đồi xa, và mây trời đổi sắc liên tục.

"Trà của mẹ đây, mẹ yêu," Bobbie nói; "mẹ uống đi cho nóng."

Mẹ đặt bút xuống mớ giấy tờ rải rác trên bàn, tờ nào cũng kín chữ mẹ, nét chữ đều đặn như in, nhưng đẹp hơn nhiều. Mẹ luồn tay vào mái tóc, như thể sắp giật ra hàng nắm tóc.

"Cái đầu yêu quý tội nghiệp," Bobbie nói, "mẹ đau đầu ạ?"

"Không... à ừ... hơi hơi thôi," mẹ nói. "Bobbie, con có nghĩ là Peter và Phyllis quên cha rồi không?"

"Không đâu," Bobbie phật ý nói. "Sao mà quên được ạ?"

"Dạo này không thấy đứa nào nhắc đến cha."

Bobbie đứng trên một chân rồi đổi sang chân kia.

"Chúng con thường nói về cha khi chỉ có chúng con với nhau."

"Nhưng không có mẹ," mẹ hỏi, "sao thế con?"

Bobbie thấy thật khó trả lời.

"Con... mẹ..." con bé nói, rồi im bặt. Nó đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài.

"Bobbie, lại đây," mẹ nói, và nó quay lại.

"Bây giờ," mẹ nói, quàng tay ôm Bobbie và kê mái đầu bù của bà lên vai nó, "cố gắng kể cho mẹ nghe đi con yêu."

Bobbie bồn chồn ngọ nguậy.

"Kể cho mẹ đi."

"Vâng, là vì," Bobbie nói, "con nghĩ là mẹ rất buồn vì cha không ở đây, mẹ càng buồn hơn khi con nói chuyện về cha. Nên con không nói nữa."

"Còn các em ?"

"Con không biết các em nghĩ gì," Bobbie nói. "Con không bao giờ nói gì về chuyện đó với các em. Nhưng con cho rằng các em cũng cảm thấy như con."

"Bobbie yêu quý," mẹ nói, vẫn tựa đầu vào nó, "mẹ sẽ kể với con. Ngoài sự xa cách, cha và mẹ có một nỗi buồn lớn... ồ, khủng khiếp... tồi tệ hơn bất kỳ điều gì con có thể nghĩ ra, và thoát đầu quả là rất đau lòng khi nghe các con nói chuyện về cha như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng còn khủng khiếp hơn nếu các con quên cha. Đó là điều tồi tệ nhất."

"Chuyện buồn," Bobbie lí nhí trong miệng, "con đã hứa sẽ không bao giờ hỏi mẹ câu nào, và con đã không hỏi, mẹ à. Nhưng... chuyện buồn đó... sẽ không kéo dài mãi mãi chứ mẹ ?"

"Không", mẹ nói, "chuyện xấu nhất sẽ kết thúc khi cha về nhà với chúng ta."

"Con ước gì có thể làm mẹ đỡ buồn."

"Ôi, con yêu, con cho là không ư ? Mẹ biết làm gì nếu không có con, con và các em con ? Con cho là mẹ không nhận thấy các con đã ngoan như thế nào sao, các con không còn cãi nhau như trước... và những hành động quan tâm nhỏ bé các con đã làm cho mẹ... cắm hoa này, cả lau giày cho mẹ nữa, và giành phần trái giường cho mẹ trước khi mẹ có thời gian tự làm ?"

Bobbie đã có lúc tự hỏi liệu mẹ có nhận thấy những điều này không.

"Không là gì," con bé nói, "so với..."

"Mẹ phải làm việc tiếp đây," mẹ nói, ôm Bobbie một lần nữa. "Đừng nói gì với các em nhé con."

Tối hôm đó, trước giờ đi ngủ, thay vì đọc sách cho các con, mẹ kể cho chúng chuyện về những trò mẹ và cha thường chơi hồi bé khi hai người sống gần nhà nhau ở quê - những chuyến phiêu lưu của cha với các anh mẹ khi họ còn là những cậu bé. Chuyện nào cũng rất ngộ nghĩnh, làm bọn trẻ nghe mà cười phá lên.

"Bác Edward mất khi còn nhỏ phải không ạ ?" Phyllis hỏi khi mẹ châm nến phòng ngủ.

"Phải, con yêu," mẹ nói, "nếu bác còn sống thì hẳn con sẽ yêu bác. Bác là cậu bé dũng cảm biết bao, và rất mạo hiểm. Bác toàn đầu têu những trò nghịch dại, song vẫn luôn được mọi người yêu quý. Còn cả bác Reggie ở Ceylon, phải, và cha các con đang ở xa nữa. Nhưng mẹ nghĩ họ đều vui nếu biết chúng ta đang say sưa nói về những chuyện ngày trước họ thường làm. Các con có nghĩ vậy không?"

"Không tính bác Edward," Phyllis nói, vẻ bị sốc, "bác đang ở trên thiên đường."

"Con không cho là vì Chúa đã đưa bác đi mà bác quên chúng ta và các chuyện cũ nhiều hơn là mẹ quên bác chứ? Ồ, không, bác nhớ chứ. Bác chỉ đi vắng một thời gian thôi. Chúng ta sẽ gặp bác một ngày nào đó."

"Cả bác Reggie, cả cha nữa ạ?" Peter hỏi.

"Phải," mẹ nói. "Cả bác Reggie và cha. Chúc ngủ ngon, các con yêu."

"Chúc mẹ ngủ ngon," bọn trẻ nói. Bobbie ôm mẹ chặt hơn lệ thường, và thầm thì vào tai mẹ, "Ôi, con yêu mẹ nhiều lắm, mẹ à, nhiều lắm lắm."

Khi Bobbie nghĩ lại, con bé cố không tự hỏi nỗi buồn lớn là gì. Nhưng không thể. Cha không mất, như bác Edward tội nghiệp, mẹ nói rồi. Cha cũng không ốm, không thì mẹ đã ở bên cha. Nhà nghèo thì không đáng sợ. Bobbie biết đó là một cái gì liên quan tới trái tim hơn là tiền bạc.

"Mình không được nghĩ đó là cái gì," con bé tự nhủ; "không, mình không được. Mình vui vì mẹ đã nhận thấy chúng mình ít cãi nhau. Chúng mình sẽ tiếp tục như thế."

Thế nhưng chính buổi chiều hôm ấy, giữa nó và Peter xảy ra chuyện mà Peter gọi là vụ om sòm hạng nhất.

Chừng một tuần sau khi đến Ba Ống Khói, bọn trẻ xin mẹ cho mỗi đứa có riêng một khoảnh đất trong vườn, và mẹ đồng ý. Thế là rìa Nam bên dưới tán đào được chia thành ba khoảnh và chúng được phép trồng bất cứ cây gì chúng thích.

Phyllis trồng cây mộc tê, sen cạn và hoa bướm trên đất của mình. Hạt nảy mầm và mặc dù trông chúng chẳng khác nào cỏ, Phyllis vẫn tin rằng có ngày chúng sẽ nở hoa. Hoa bướm đáp lại lòng tin của con bé khá sớm, và cả mảnh vườn của nó sáng lên với những vầng hoa nhỏ rực rỡ, đủ màu hồng, trắng, đỏ, tím biếc.

"Em không thể làm cỏ vì sợ nhổ nhầm," con bé thường hài lòng nói; "đỡ được bao nhiêu công sức."

Peter gieo hạt rau trên đất của mình - cà rốt, hành và củ cải. Hạt giống là của ông nông dân cho. Ông sống trong ngôi nhà xinh xắn xây bằng đá và gỗ với hai màu trắng đen hài hòa ở ngay

bên kia cầu. Ông nuôi cả gà tây lẫn gà sao và là người đàn ông cực kỳ đáng mến. Nhưng đám rau của Peter không có nhiều cơ hội mọc vì cậu thích sử dụng đất của mình để đào kênh, đắp công sự và hầm hào cho các chiến binh đồ chơi của mình. Mà những hạt rau hiếm khi mọc được ở chỗ đất luôn bị đào xới cho các mục đích chiến tranh và thủy lợi.

Bobbie trồng mấy khóm hồng trong vườn của mình, nhưng những cánh hồng nhỏ cứ héo hắt rụng dần, có thể là do con bé đánh chúng từ chỗ khác trong vườn về trồng vào tháng Năm, thời điểm hoàn toàn không thích hợp cho việc trồng hồng. Nhưng Bobbie không chấp nhận rằng chúng đã chết, con bé cứ hy vọng mãi cho đến ngày Perks đến thăm mảnh vườn, và nói rõ rằng toàn bộ đám hồng của con bé đã chết khô như những cái đinh cửa.

"Chỉ để đốt lửa mừng là tốt, cô ạ," anh ta nói. "Cô đào lên để mà đốt, rồi tôi sẽ cho cô ít gốc tươi khỏe trong vườn nhà tôi; hoa păng xê, hoa cúc, cẩm chướng, cả lưu ly nữa. Mai tôi sẽ mang đến nếu cô chuẩn bị đất xong xuôi."

Vì vậy ngày hôm sau Bobbie bắt tay vào làm vườn, và vụ om sòm đó tình cờ xảy ra vào đúng ngày mẹ khen nó và các em ít cãi nhau. Nó nhổ những khóm hồng khô mang ra một góc vườn khác có đồng rác mà chúng định đốt mừng Đêm đốt lửa. *(Lễ hội đốt lửa diễn ra ngày 5 tháng 11 hàng năm ở Anh)*

Trong khi đó Peter đã quyết định san phẳng các công sự và hầm hào để làm mô hình đường tàu - đường hầm, sườn vách, bờ kè, kênh, cầu máng, cầu qua kênh, vân vân...

Khi Bobbie quay về sau chuyến cuối cùng đem đám hồng chết đầy gai nhọn ra đồng rác, Peter đã chiếm cái cào và đang hì hụi cào cào bới bới.

"Chị đang dùng cào mà", Bobbie nói.

"Nhưng giờ em đang dùng rồi", Peter đáp.

"Chị dùng trước chứ," Bobbie nói.

"Vậy bây giờ đến lượt em," Peter nói. Và cứ thế vụ om sòm bắt đầu.

"Chị lúc nào cũng hậm hực vì những chuyện không đâu," Peter nói, sau vài lời nóng gáy.

"Chị dùng trước rồi," Bobbie mặt đỏ lên, nắm cán cào vẻ thách thức.

"Có phải hồi sáng chị đã bảo em là chị sẽ dùng, đúng không, Phil?"

Phyllis nói rằng nó không muốn bị lôi kéo vào cuộc cãi vã của hai đứa lớn. Và đương nhiên, nó bị kéo vào cuộc ngay tức thì.

"Nếu em nhớ em phải nói chứ."

"Tất nhiên là nó không nhớ, nhưng nó có thể nói thế."

"Giá mà mình có một thằng em trai thay cho hai chị em gái tiểu yêu lúc nào cũng cần nhà cần nhân," Peter nói. Câu này luôn luôn xác nhận mực nước cao của cơn giận trong người Peter.

Bobbie trả lời bằng câu mà con bé thường dùng cho trường hợp này.

"Không hiểu sao Chúa lại tạo ra đám con trai tiểu yêu chứ," trong lúc nói nó ngược mắt lên và nhìn thấy ba cửa sổ cao của phòng làm việc của mẹ lấp lánh dưới những tia nắng đỏ.

Hình ảnh đó nhắc lại lời khen: "Các con không cãi nhau như trước."

"Ồi !" Bobbie kêu lên, hết như con bé vừa bị đánh, hay bị kẹp ngón tay vào cánh cửa, hay cảm thấy cú khoan sắc đột ngột của cơn đau răng.

"Chị bị sao thế ?" Phyllis hỏi.

Bobbie muốn nói, "Đừng cãi nhau nữa. Mẹ ghét thế," nhưng cố lắm mà nó vẫn không thể.

Peter trông thật nhâng nháo và khó ưa.

"Giữ lấy cái cào đáng ghét này đi," đó là lời nhẹ nhàng nhất mà Bobbie có thể thốt lên.

Và nó thình lình bỏ tay khỏi cán cào. Peter cũng đang nắm cán rất chặt và kéo mạnh, bây giờ lực kéo đầu kia đột ngột dừng lại, thế là nó loạng choạng và ngã về phía sau, răng cào bập giữa hai chân nó.

"Đáng đời", Bobbie nói trước khi kịp ngăn mình lại.

Peter nằm ngay đơ một lúc, đủ khiến Bobbie sợ sệt. Đoạn nó làm Bobbie sợ hơn khi ngồi dậy, hét lên một tiếng, mặt bệch ra, rồi lại nằm xuống và bắt đầu thở khò khè, yếu ớt nhưng đều đều. Nghe y như một con lợn bị giết cách đó một phần tư dặm.

Mẹ thò đầu ra ngoài cửa sổ, và nửa phút sau bà đã ở trong vườn quỳ bên cạnh Peter, còn thằng bé vẫn khò khè không thôi.

"Đầu đuôi thế nào, Bobbie ?" mẹ hỏi.

"Tại cái cào," Phyllis nói, "Peter kéo nó, Bobbie cũng vậy, chị ấy bỏ tay ra thì Peter ngã."

"Đừng kêu nữa, Peter," mẹ nói. "Nào. Thôi ngay."

Peter kêu nốt hơi cuối và ngừng lại.

"Nào, con đau làm sao ?" mẹ hỏi.

"Nếu Peter đau thật thì nó đã không làm toáng lên thế," Bobbie nói, vẫn còn run vì giận; "Peter không phải đứa hèn nhát !"

"Con cho là chân con bị gãy", Peter hậm hực nói và ngồi dậy. Người thẳng bé trắng bệch. Mẹ vòng tay ôm nó.

"Em bị đau", mẹ nói, "em lả đi đấy. Lại đây, Bobbie, ngồi xuống để em gối vào lòng con."

Sau đó mẹ tháo giày cho Peter. Khi mẹ cởi giày bên phải, có cái gì đó từ chân nó nhỏ xuống đất. Là máu. Và khi bít tất được cởi, ba vết thương đỏ ở chân và mắt cá lộ ra, chỗ răng cào bập vào, và bàn chân nó bê bết máu.

"Chạy đi lấy chậu nước lại đây mau," mẹ nói, và Phyllis chạy. Nó vội vội vàng vàng khiến nước sánh ra gần hết và phải lấy bình đi xách thêm đồ vào.

Peter không mở mắt cho đến khi mẹ quấn khăn mùi soa của bà quanh bàn chân nó, rồi cùng Bobbie bế nó vào nhà đặt lên tràng kỷ gỗ nâu trong phòng khách. Lúc này Phyllis đang chạy đi gọi bác sĩ.

Mẹ ngồi bên Peter, rửa chân cho nó và nói chuyện với nó, còn Bobbie đi chuẩn bị trà, đặt ấm nước.

"Mình chỉ được thế là giỏi," nó tự nhủ. "Ngộ nhỡ Peter chết, hay bị què suốt đời, hay phải chống nạng, hay đi chân gỗ thì sao đây!"

Con bé đứng cạnh cửa sau hình dung trong đầu những viễn cảnh u ám có thể xảy ra, cặp mắt dừng lại trên ang nước.

"Ước gì mình đừng sinh ra," nó nói, và nói to thành tiếng.

"Tại sao, có chuyện gì à cô?" giọng nói vang lên và Perks đã đứng trước mặt con bé với cái làn gỗ rộng đầy những cành lá xanh và đất tươi xốp.

"Ôi là chú ạ," nó nói. "Peter bị cào bập vào chân, ba vết thương to, như những người lính bị thương ấy. Có một phần lõi của cháu."

"Không phải thế, tôi bảo đảm," Perks nói.

"Bác sĩ đã khám chưa?"

"Phyllis đang đi tìm bác sĩ."

"Cậu ấy không sao đâu; rồi cô sẽ thấy," Perks nói. "Bác họ tôi từng bị cào cở bập vào đây chứ đâu, xuyên cả vào trong, thế mà mấy tuần sau ông ấy đã khỏe như thường, chỉ hơi bị đau đầu, và họ nói là do say nắng trên đồng cỏ, không phải do cào. Tôi nhớ ông rất rõ. Một ông bác tốt bụng, nhưng thiếu kiên quyết, cô có thể nói như vậy."

Bobbie cố gắng phấn chấn hơn trước hồi ức chân thành này.

"Mà," Perks nói, "hẳn là cô sẽ không muốn bận tâm với chuyện làm vườn vào lúc này. Cô chỉ cho tôi mảnh vườn của cô, tôi sẽ làm đất và trồng cho cô. Rồi tôi sẽ loanh quanh ở đây nếu có thời gian, tôi muốn gặp bác sĩ khi ông ấy đi ra để nghe xem ông ấy nói gì. Vui lên, cô ạ. Tôi cá một bảng là cậu ấy không bị thương đâu."

Nhưng Peter bị thương thật. Bác sĩ đến xem chân cho thằng bé rồi băng lại rất đẹp. Ông dặn nó không được đặt chân xuống đất ít nhất là một tuần.

"Em sẽ không què hay phải chống nạng hay có bấu ở chân chứ ạ?" Bobbie thì thào ngoài cửa.

"Bà cô của tôi ời! Không đâu!" bác sĩ Forrest nói; "hai tuần nữa là đôi chân cậu bé sẽ lại lành lẹ như thường thôi. Đừng lo, ngỗng mẹ nhỏ bé ạ."

Chính vào lúc mẹ tiễn bác sĩ ra cổng để nghe ông dặn dò nốt còn Phyllis đi lấy nước vào ấm để chuẩn bị trà, Peter và Bobbie nhận ra chỉ còn hai đứa trong phòng.

"Bác sĩ nói em sẽ không bị què hay làm sao cả," Bobbie nói.

"Ồ, tất nhiên là không, chị ngố ạ," Peter nói, giờ đã đỡ đau đi nhiều.

"Peter, chị rất xin lỗi," Bobbie nói, sau một hồi im lặng.

"Không có gì," Peter nói cộc lốc.

"Tất cả là lỗi của chị" Bobbie nói.

"Vớ vẩn," Peter nói.

"Nếu chúng ta không cãi nhau, tai nạn đã không xảy ra. Chị biết cãi nhau là sai. Chị đã muốn nói thế, nhưng không hiểu sao không thể."

"Đừng nói vớ vẩn," Peter đáp. "Lúc đấy chị có nói thế thì em cũng chẳng chịu thôi đâu. Với lại chuyện chị với em cãi nhau đâu có liên quan gì đến tai nạn này. Em có thể cuốc vào chân, hay làm đứt tay trong máy bơm thức ăn hay bay mũi vì đốt pháo. Em có thể sẽ bị thương y như thế này dù chúng ta có cãi nhau hay không."

"Nhưng chị biết rằng cãi nhau là sai," Bobbie nói mà nước mắt ngấn nước mắt dài, "và bây giờ em bị đau và..."

"Nghe này," Peter kiên quyết, "chị lau nước mắt đi. Không khéo lại thành bà cụ non lên mặt đạo đức đáng ghét đấy, em nói cho chị biết."

"Chị không có ý lên mặt đạo đức. Nhưng thật khó tránh khỏi chuyện đó khi em thực sự cố gắng ngoan ngoãn."

(Có thể Quý Độc giả cũng từng gặp phải khó khăn này rồi.)

"Thôi quên đi," Peter nói; "chị không bị đau là tốt rồi. May mà người bị đau là em. Nếu là chị, chị sẽ nằm trên xô pha trông như thiên thần đau khổ và làm cả nhà lo lắng cho xem. Thế thì em không chịu được đâu."

"Không, chị sẽ không thế đâu," Bobbie nói.

"Có, chị sẽ thế đấy," Peter nói.

"Chị bảo em là chị không."

"Em bảo chị là chị có."

"Ôi, các con," giọng mẹ vọng vào từ ngoài cửa. "Lại cãi nhau ? vẫn chưa chán à ?"

"Chúng con không cãi nhau, không hẳn là cãi nhau", Peter nói. "Con ước gì mẹ đừng nghĩ cứ mỗi lần chúng con bất đồng thì đều cãi nhau !" Khi mẹ lại ra ngoài, Bobbie tiếp tục, "Peter, chị rất xin lỗi vì em bị đau. Nhưng em thật là khó chịu khi nói chị là kẻ lên mặt đạo đức."

"Được," Peter bất ngờ trả lời, "có thể em thế. Chị đã nói rằng em không hèn nhát, thậm chí khi chị tức tái người. Chỉ cần chị đừng trở thành kẻ đó là được. Chị nhớ mở mắt và nếu cảm thấy cái bóng lên mặt đạo đức đang lại gần thì dừng nó lại kịp thời. Rõ chưa ?"

"Rõ," Bobbie nói, "chị biết rồi."

"Và chúng ta sẽ nói là Paxnhé," *(tiếng Latinh, có nghĩa là Hòa Bình)* Peter hào hiệp nói, "hãy chôn chuyện này vào quá khứ sâu hàng mét. Nào, bắt tay. Giờ thì em bảo này, bà bạn già Bobbie, em mệt rồi."

Peter mệt nhiều ngày sau đó, tràn kỷ dường như rất cứng và không thoải mái dù đã có đủ loại gối ngắn gối dài và chăn nệm mềm mại. Thật khủng khiếp khi không thể ra ngoài. Họ đẩy tràn kỷ đến bên cửa sổ và từ đây thẳng bé có thể nhìn thấy khói tàu uốn lượn theo thung lũng. Nhưng nó không nhìn được các đoàn tàu chạy qua.

Lúc đầu Bobbie thấy rất khó thân mật với em trai như con bé muốn, sợ rằng Peter sẽ nghĩ nó lên mặt đạo đức. Nhưng e ngại đó qua đi, rồi cả Bobbie và Phyllis, như Peter nhận thấy, đều hết sức tốt bụng. Mẹ ngồi với nó khi các chị em gái ra ngoài. Và những câu "Peter không phải đứa hèn nhát" làm cậu quyết tâm không gây thêm bất kỳ âm ỉ nào về cái chân đau, mặc dù thật tình nó khá đau, đặc biệt vào ban đêm.

Đôi khi lời khen giúp con người ta rất nhiều.

Cũng có vài người tới thăm. Cô Perks đến hỏi thăm sức khỏe, rồi ông trưởng ga, một số người làng. Nhưng thời gian vẫn trôi chậm rãi, chậm rãi.

"Giá có cái gì để đọc," Peter nói. "Anh đã đọc hết sách nhà mình đến năm mươi lần rồi."

"Em sẽ đến bác sĩ", Phyllis nói, "chắc bác ấy có sách."

"Toàn sách về triệu chứng bệnh và các bộ phận cơ thể con người, anh cho là thế", Peter nói.

"Chú Perks có một đồng tạp chí thu trên tàu khi mọi người đã đọc chán", Bobbie nói. "Chị sẽ chạy xuống hỏi."

Và hai đứa con gái mỗi đứa đi một hướng.

Bobbie thấy chú Perks đang hì hụi lau bóng đèn.

"Quý cậu trẻ tuổi thế nào rồi?" chú hỏi.

"Khỏe hơn rồi ạ, cảm ơn chú", Bobbie đáp, "nhưng Peter buồn chán lắm. Chú có quyển tạp chí nào cho Peter mượn không?"

"À, ừ nhỉ," Perks nuối tiếc nói, vò tai bằng mảnh giẻ lau vải bông đen dính dầu, "tại sao tôi lại không nghĩ ra nhỉ? Sáng nay tôi đã cố nghĩ xem có cái gì làm cậu ấy vui không, mà chẳng nghĩ ra được gì hơn một con chuột lang. Một chàng trai tôi quen sẽ mang nó đến cho cậu ấy vào bữa trà."

"Hay quá! Một con chuột lang thật còn sống! Peter sẽ rất vui. Nhưng em ấy cũng muốn cả tạp chí nữa đấy ạ."

"Thế mới nên chuyện," Perks nói. "Tôi vừa gửi một gói cho con trai nhà Snigson, thằng bé cũng vừa khỏi viêm phổi. Nhưng tôi còn có nhiều báo ảnh lắm."

Perks quay sang đồng báo trong góc và cầm lên một xấp dày hơn chục phân.

"Đây!" chú nói. "Tôi sẽ tháo một đoạn dây và lấy một tờ báo gói chúng lại."

Chú rút một tờ báo cũ từ đồng báo rồi trải lên bàn, gói thành một gói gọn gàng.

"Đây," Perks nói, "có rất nhiều hình, và nếu cậu ấy muốn lấy hộp màu hay phấn màu hay thứ gì khác thì cứ để mặc cậu ấy. Tôi không cần chúng nữa."

"Chú thật tốt bụng," Bobbie nói rồi cầm gói báo về. Tập báo khá nặng, nên lúc đợi ở đường ngang chờ tàu chạy qua, con bé đặt nó lên rào chắn, lơ đãng lướt qua dòng chữ in trên tờ báo gói.

Đột nhiên nó nắm chặt cái gói và cúi đầu trên dòng chữ. Cảm giác lúc ấy giống như một giấc mơ khủng khiếp. Nó đọc tiếp, phần cuối của cột báo bị xé, không thể đọc được nữa.

Bobbie không nhớ đã về đến nhà như thế nào.

Nó rón rén nhón gót vào phòng mình rồi khóa cửa lại. Sau đó nó mở gói báo và đọc lại cột

báo, ngồi ỳ mép giường, tay chân đều đã lạnh giá, còn mặt nóng bừng. Đọc xong, nó hít một hơi dài run rẩy.

"Bây giờ thì mình đã biết," nó nói.

Bài báo nó đọc có tiêu đề, "Kết thúc phiên tòa. Kết luận. Tuyên án."

Tên của người bị đưa ra tòa là tên cha. Kết luận là "Có tội". Và tuyên án là "Năm năm tù".

"Ôi, cha," nó thầm thì, nắm chặt tờ báo, "không đúng, con không tin. Cha không bao giờ làm việc này ! Không bao giờ, không, không !"

Có tiếng đập cửa.

"Có gì vậy ?" Bobbie nói.

"Em đây", giọng của Phyllis, "trà xong rồi, và có một anh vừa mang đến cho Peter con chuột lang. Chị xuống đi."

Bobbie phải xuống.

Chương 11

Chó săn mặc áo len đỏ

Bây giờ Bobbie đã biết bí mật. Một tờ báo cũ gói một xấp báo, hết sức tình cờ, đã tiết lộ bí mật cho con bé. Và nó phải xuống uống trà, vờ như không có chuyện gì xảy ra. Nó cố giả vờ hết sức, nhưng không mấy thành công.

Bởi vì khi nó bước vào, cả nhà ngẩng lên nhìn thì thấy đôi mắt sưng húp, khuôn mặt tái nhợt nhòe nhoẹt nước mắt của nó.

"Con yêu của mẹ," mẹ kêu lên, bật khỏi bàn, "có việc gì thế con?"

"Con đau đầu, đau lắm ạ," Bobbie nói. Quả thật nó đau đầu.

"Có vấn đề gì sao?" mẹ hỏi.

"Con không sao, thực mà", Bobbie đáp, và con bé nhìn mẹ với cặp mắt mọng đỏ ra ý: "Không thể nói trước các em!"

Bữa trà không vui. Biết chắc chắn có gì khủng khiếp đã xảy ra cho Bobbie, Peter lo lắng đến nỗi chốc chốc lại lảo đảo đi lảo đảo, "Cho con xin thêm bánh mì bơ." Phyllis vuốt tay chị dưới gầm bàn để biểu lộ sự đồng cảm, nhưng không may làm đổ cốc sữa. Đi lấy khăn lau sữa bị đánh đổ, Bobbie đỡ hơn phần nào. Nhưng con bé có cảm tưởng như bữa trà sẽ không bao giờ kết thúc. Song cuối cùng bữa trà cũng kết thúc, vì thứ gì rồi cũng phải đi đến một kết cục, và khi mẹ mang khay đi, Bobbie theo sau.

"Chị ấy đi để nói riêng với mẹ đấy," Phyllis nói với Peter, "không biết chị ấy đã làm gì nhỉ."

"Đánh vỡ cái gì đó, anh cho là vậy", Peter nói, "nhưng chị ấy không cần phải lo lắng quá. Mẹ không bao giờ mắng vì lỡ tay. Nghe thấy không! Đúng rồi, đang lên gác đấy. Chị ấy đưa mẹ lên cho mẹ xem - cái bình nước có hình con cò, anh mong chỉ là thế."

Bobbie lúc ở trong bếp đã nắm tay mẹ khi mẹ xếp chén đĩa.

"Gì thế con?" mẹ hỏi.

Nhưng con bé chỉ nói, "Lên gác đi mẹ ơi, để các em không nghe thấy."

Đưa mẹ vào phòng xong, Bobbie khóa cửa, đứng ngay đơ, không thốt nên lời.

Mặc dù suốt bữa trà nó đã nghĩ mình sẽ nói gì, rằng "Con đã biết tất cả", hay "Con biết hết

mọi chuyện rồi", hay "Bí mật khủng khiếp kia không còn là bí mật nữa", tất cả đều phù hợp. Nhưng bây giờ, khi chỉ còn hai mẹ con và trang báo tội tệ trong phòng, nó thấy mình không thể nói gì.

Bỗng nhiên nó đến bên mẹ, vòng tay ôm mẹ rồi lại bắt đầu khóc, vẫn không thể nói nên lời, chỉ là, "Ôi, mẹ, ôi, mẹ, ôi mẹ," lặp đi lặp lại.

Mẹ ôm nó sát vào lòng và đợi.

Bỗng nhiên Bobbie bứt khỏi mẹ đi về giường mình. Từ dưới tấm đệm con bé rút ra tờ báo giấu ở đó, mở ra, tay run run chỉ vào tên cha.

"Ôi, Bobbie," mẹ kêu lên, chỉ nhìn thoáng qua bà đã biết đó là gì, "con không tin chuyện này chứ ? Con không tin cha đã làm thế chứ ?"

"Không," Bobbie gần như hét lên. Con bé ngừng khóc.

"Tốt rồi," mẹ nói. "Sự thật không phải vậy. Họ đã bắt cha vào tù, nhưng cha không làm gì sai cả. Cha con là người tốt, cao quý, đáng kính, và cha thuộc về chúng ta. Chúng ta phải nghĩ thế và tự hào về cha, và đợi."

Bobbie lại nép vào mẹ, và chỉ có một từ hiện lên trong đầu con bé, lần này là từ "cha," và "Ôi, cha, ôi, cha, ôi, cha !" lặp đi lặp lại.

"Sao mẹ không kể cho con hả mẹ ?" nó hỏi mẹ.

"Con sẽ không kể cho các em chứ ?"

"Không ạ"

"Tại sao ?"

"Bởi vì..."

"Đúng thế," mẹ nói, "vậy là con hiểu tại sao mẹ lại không kể cho con. Hai mẹ con phải giúp nhau để đứng vững."

"Vâng", Bobbie nói, "mẹ, mẹ cố buồn hơn không nếu mẹ kể hết cho con nghe ? Con muốn biết."

Thế là, ngồi nép vào mẹ, Bobbie nghe toàn bộ câu chuyện, về những người đàn ông hỏi gặp cha vào buổi tối đáng nhớ khi cái xe lửa đang được sửa, họ đến để bắt ông, vì họ buộc tội ông bán bí mật nhà nước cho người Nga - tức là gián điệp và kẻ bán nước. Về phiên tòa, và bằng chứng - những bức thư tìm thấy trong ngăn bàn làm việc của cha, những bức thư đã thuyết phục bồi thẩm đoàn kết luận cha có tội.

"Ôi, sao họ có thể nhìn cha mà tin như thế được chứ !" Bobbie kêu to, "sao lại có kẻ làm được việc đó chứ !"

"Có kẻ đã làm việc đó," mẹ nói, "và tất cả các bằng chứng đều chống lại cha. Những bức thư đó..."

"Vâng. Mấy bức thư đó đã lọt vào bàn cha như thế nào ?"

"Có kẻ đã đặt vào. Và kẻ đó chính là người có tội thực sự."

"Hắn ta chắc phải cảm thấy xấu hổ suốt từ bấy đến nay," Bobbie nói về tư lự.

"Mẹ không tin hắn ta có bất kỳ cảm xúc nào," mẹ giận dữ nói, "nếu không thì hắn không thể làm một việc như vậy."

"Có thể hắn đã tuồn những bức thư vào bàn cha để giấu khi hắn nghĩ mình sắp bị phát hiện. Tại sao mẹ không kể cho luật sư hay ai đó biết rằng hắn ta ắt phải là thủ phạm ? Chẳng lẽ không có kẻ nào sẵn sàng cố ý làm hại cha sao ?"

"Mẹ không biết, mẹ không biết. Người dưới quyền cha, người chiếm vị trí của cha khi cha... khi sự việc khủng khiếp xảy ra... hắn luôn luôn ghen tức với cha vì cha rất tài giỏi và mọi người đều kính phục cha. Cha chưa bao giờ hoàn toàn tin tưởng kẻ đó."

"Chúng ta không thể giải thích chuyện ấy với ai đó sao ?"

"Không ai nghe đâu", mẹ nói, giọng cay đắng, "không một ai. Con nghĩ là mẹ chưa thử hết cách sao ? Không, con yêu, không thể làm gì được cả. Tất cả những gì chúng ta có thể làm, con, mẹ, và cha, là dũng cảm, kiên nhẫn, và..." mẹ nói rất nhẹ, "cầu nguyện, Bobbie thân yêu của mẹ."

"Mẹ, mẹ dạo này gầy quá," Bobbie đột nhiên nói.

"Chắc là gầy một chút."

"Và này mẹ ạ," Bobbie nói, "con nghĩ mẹ là người vừa dũng cảm vừa đáng yêu nhất trên đời !"

"Chúng ta sẽ không nói về việc này thêm nữa, được không con yêu ?" mẹ nói, "chúng ta phải chịu đựng và dũng cảm. Và, con yêu, cố đừng nghĩ về nó nữa. Hãy cố gắng vui vẻ, làm cho mình và các em vui. Sẽ dễ dàng hơn nhiều cho mẹ nếu các con có thể vui và hạnh phúc. Đi rửa khuôn mặt bé nhỏ tội nghiệp của con đi, rồi mẹ con mình ra vườn dạo một lát."

Hai đứa em rất dịu dàng và tốt với Bobbie. Chúng không hỏi con bé điều gì xảy ra. Đây là ý của Peter, và cậu đã luyện cho Phyllis cũng làm như thế, chứ không thì, nếu được hỏi thoải mái, Phyllis có thể hỏi tới hàng trăm câu.

Một tuần sau đó Bobbie nghĩ cách ra ga một mình. Thêm một bức thư con bé viết. Và thêm một lần nữa nó được gửi cho ông cụ lịch lãm của ba đứa.

NGƯỜI BẠN THÂN THIẾT CỦA CHÁU

Ông đọc mẩu tin trên trang báo này đi ạ. Nó không đúng. Cha không bao giờ làm việc đó. Mẹ nói có kẻ đã đặt giấy tờ vào bàn cha, và mẹ nói người dưới quyền cha, người mà sau đó đã chiếm vị trí của cha, kẻ đó ghen tức với cha, và cha đã nghi ngờ hẳn lâu rồi. Nhưng không ai nghe một lời mẹ nói, nhưng ông tốt bụng và thông minh như thế, ông đã tìm ra vợ của quý ông người Nga ngay lập tức. Ông -- có thể phát hiện ra ai là kẻ làm phản bởi vì đó không phải là cha, cháu xin lấy danh dự mình mà thề; cha là người Anh chân chính và không có khả năng làm những việc như thế, rồi họ sẽ thả cha ra khỏi tù thôi. Thật là khủng khiếp, mẹ thì ngày càng gầy đi. Có lần mẹ bảo chúng cháu cầu nguyện cho tất cả tù nhân và người bị giam cầm. Bây giờ thì cháu đã hiểu. Ôi, xin hãy giúp cháu, chỉ có mẹ và cháu biết, và hai mẹ con không thể làm gì cả. Peter và Phyllis không biết. Cháu sẽ cầu nguyện cho ông hai lần một ngày chừng nào cháu còn sống, chỉ xin ông cố gắng, hết sức cố gắng tìm cho ra kẻ kia. Ông hãy nghĩ xem nếu đó là cha của ông, ông sẽ cảm thấy như thế nào. Xin ông, xin ông, xin ông giúp cháu. Cháu yêu ông,

Cháu mãi mãi là người bạn nhỏ yêu quý ông.

Roberta

T.B. Mẹ hẳn sẽ gửi lời thăm hỏi thân thiết nhất đến ông nếu mẹ biết cháu viết thư, nhưng kẻ cho mẹ là cháu viết thì cũng không ích gì vì nhớ ra ông không tìm được. Nhưng cháu biết là ông sẽ tìm được. Bobbie kính thư.

Con bé cắt mẩu báo về phiên tòa xét xử cha bằng chiếc kéo to của mẹ rồi cho vào phong bì cùng bức thư.

Sau đó Bobbie đi xuống ga, qua cửa sau và đi đường vòng để hai em không nhìn thấy mà đòi đi cùng. Nó đưa thư cho ông trưởng ga, nhờ ông chuyển cho ông cụ vào sáng hôm sau.

"Chị đi đâu về thế?" Peter hét từ trên bờ tường hoa nơi nó và Phyllis đang ngồi.

"Nhà ga chứ còn đâu nữa", Bobbie đáp, "giúp chị một tay, Pete."

Bobbie đặt chân lên khóa cổng sân. Peter thò một tay xuống.

"Cái quái gì thế này?" Bobbie hỏi khi trèo lên được tường, bởi vì Peter và Phyllis lăm ơ là lăm. Giữa hai đứa là một cục đất sét ướt nằm chổng chơ, trong bàn tay cái đất của mỗi đứa là một mảnh đá đen, và sau lưng Peter, quá một dải tay, là mấy thứ tròn tròn lạ lùng, khá giống những thỏi xúc xích béo ú, rỗng ruột, nhưng một đầu khum khum lại.

"Tổ chim đấy" Peter nói, "tổ chim nhận. Chúng em sẽ hong khô chúng trong lò rồi lấy dây treo lên dưới mái nhà xe."

"Phải," Phyllis nói, "sau đó chúng em sẽ thu nhặt tất cả len và tóc mà chúng em thấy để đến mùa xuân sẽ lót tổ chim, bọn chim nhận sẽ hài lòng lắm đấy."

"Em thường nghĩ là mọi người chưa làm gì nhiều cho những con vật không biết nói", Peter nói về đầy nhân từ. "Em cho rằng mọi người nên nghĩ đến việc làm tổ cho những con chim nhận tội nghiệp từ lâu rồi mới phải."

"Ôi," Bobbie nói, vẻ lơ đãng, "nếu mọi người nghĩ đến mọi việc thì còn gì cho người khác nghĩ nữa."

"Nhìn mấy cái tổ này, xinh nhỉ ?" Phyllis nói, với qua Peter tóm lấy một cái tổ.

"Cẩn thận, Phil, bẹp đấy," Peter nói. Nhưng đã quá muộn; những ngón tay nhỏ bé cứng cáp của Phyllis đã làm bẹp cái tổ.

"Nói không sai mà," Peter nói.

"Không sao," Bobbie nói.

"Đây là một trong mấy cái tổ của em," Phyllis nói, "nên anh không phải cần nhần, Peter. À, chúng em đã ghi chữ cái đầu tiên trong tên mình lên tổ của mỗi đứa, để lũ chim nhận biết chúng phải cảm ơn và yêu mến ai."

"Chim nhận không biết đọc, ngố ọ," Peter nói.

"Anh ngố thì có ấy," Phyllis trả miếng, "sao anh biết ?"

"Thế ai đã nghĩ ra việc làm tổ chim hả ?" Peter quát

"Em," Phyllis hét.

"Điều," Peter không chịu thôi, "em chỉ nghĩ ra việc làm tổ bằng cỏ khô và mắc vào dây thường xuân cho chim sẻ, và chúng sẽ ướm sững trước khi đến mùa đẻ trứng. Chính anh đã nói đất sét và chim nhận."

"Em không quan tâm anh nói gì."

"Nhìn này," Bobbie nói, "chị đã nắn lại cái tổ rồi. Đưa cho chị cái que để viết chữ cái đầu tên em. Như thế nào nhỉ ? Chữ tên em và Peter giống nhau, p của Peter, p của Phyllis."

"Em viết F cho Phyllis," đứa mang tên đó trả lời. "Đọc lên là thế mà. Chắc chắn bọn nhận không đánh vần Phyllis là p đâu."

"Chúng hoàn toàn không biết đánh vần," Peter vẫn không thôi.

"Thế anh không thấy trên thiệp Giáng sinh và Valentine chúng đeo chữ quanh cổ à ? Sao chúng biết tới đâu nếu chúng không biết đọc ?"

"Đó là vẽ thôi. Em sẽ chẳng bao giờ thấy con chim thật nào đeo chữ quanh cổ cả."

"Thế chim bồ câu đấy; ít nhất cha cũng đã bảo em bồ câu có mang, chỉ là dưới cánh chứ không phải quanh cổ, nhưng vẫn là mang, và..."

"Chị nghe nói," Bobbie ngắt lời, "mai có trò chó săn thỏ đấy."

"Ở đâu chị ?" Peter hỏi.

"Trường phổ thông. Chú Perks nghĩ là thoát đầu con thỏ sẽ chạy theo đường tàu. Chúng ta có thể đi dọc theo sườn vách. Từ đó có thể xem một quãng đường dài."

Trò chó săn thỏ hóa ra là chủ đề bàn tán lý thú hơn hẳn khả năng biết đọc của chim nhạn. Bobbie cũng đã hy vọng thế. Và sáng hôm sau mẹ cho phép chúng mang theo bữa trưa đi chơi cả ngày để xem cuộc săn.

"Nếu đi đến sườn vách thì dù có lỡ cuộc săn mình vẫn sẽ được thấy công nhân làm việc," Peter nói.

Tất nhiên là phải mất nhiều ngày để dọn đường tàu bị đồng đất đá và cây cối đổ xuống trong vụ lở đất. Bạn hẳn còn nhớ, ba đứa trẻ đã vẫy sáu lá cờ bằng váy flanen đỏ để cứu đoàn tàu thoát nạn. Nhìn mọi người làm việc luôn là điều thú vị, nhất là khi họ làm việc với những dụng cụ nom rất hay như thuổng, cuốc chim, xẻng, ván, xe cút kít, ban đêm lại có than cháy hồng rực trong những thùng sắt đục lỗ và những ngọn đèn đỏ treo quanh công trường. Tất nhiên là bọn trẻ không được ra ngoài ban đêm; nhưng một lần, vào lúc trời chưa tỏ mặt người, Peter leo lên mái nhà qua cửa trời và nhìn thấy ánh đèn đỏ xa xa phía sườn vách. Bọn trẻ thường xuống xem các công nhân làm việc, và hôm nay sự hấp dẫn của cuốc chim, thuổng và xe cút kít đang lẫn bánh dọc theo các tấm ván hoàn toàn gạt cuộc săn ra khỏi đầu bọn trẻ, do đó chúng suýt nhảy dựng lên khi một giọng nói hỗn hển ngay sau lưng,

"Làm ơn tránh ra." Đó là con thỏ, một thiếu niên to lớn khỏe mạnh, mái tóc sẫm màu bết trên vầng trán ẩm mồ hôi. Túi vụn giấy cậu ta kẹp trong tay được buộc chéo qua vai bằng dây đai. Bọn trẻ đứng lùi lại. Con thỏ chạy dọc đường tàu còn các công nhân thì người trên cuốc chim nhìn cậu ta. Cậu tiếp tục chạy mãi miết và mất hút trong miệng đường hầm.

"Thế là phạm quy đấy," người đốc công nói.

"Lo làm gì ?" ông công nhân lớn tuổi nhất nhận xét, "quan điểm của tôi là cứ vô tư mà sống."

Thế ông chưa bao giờ có tuổi trẻ à, ông Bates ?"

"Tôi phải trình báo chuyện cậu ta," đốc công nói.

"Quan điểm của tôi là không việc gì phải phá hỏng cuộc đua."

"Hành khách bị cấm không được đi qua đường tàu dù có viện bất kỳ lý do nào," ông đốc công nghi ngại lầm bầm.

"Nó không phải là hành khách," một công nhân nói.

"Nó cũng không đi qua đường tàu, chúng ta không nhìn thấy nó đi qua," một người khác lên tiếng.

"Nó cũng không viện có gì," người thứ ba tiếp lời.

"Và" ông lớn tuổi nhất nói, "nó đi khuất rồi. Quan điểm của tôi là mắt không nhìn thấy thì đầu cũng không cần để ý làm gì."

Và giờ đây, theo sau dấu vết của thỏ là những mẫu giấy trắng nằm rải rác, đàn chó săn xuất hiện. Có ba mươi người đang xuống trên dây bậc cấp dốc như cái thang dựng đứng, đi thành từng tốp một, hai, ba người, tốp sáu, bảy người cũng có. Bobbie, Phyllis và Peter đếm lúc họ đi qua. Những người đi đầu thoáng phân vân ở chân thang, rồi khi mắt họ bắt gặp dải giấy trắng dọc đường tàu, họ liền quay về phía đường hầm; tốp một, hai, ba, sáu, bảy người, biến mất trong cái miệng đen ngòm của đường hầm. Người cuối cùng, mặc áo len đỏ chui đầu, dường như bị nuốt chửng bởi bóng tối giống như ngọn nến bị thổi tắt.

"Chúng không biết chúng ở trong cái gì," ông đốc công nói, "chạy trong bóng tối đâu có dễ chứ. Đường hầm lại có hai, ba khúc quanh nữa."

"Họ đi hết hầm thì cũng phải còn lâu nữa, phải không ạ?" Peter hỏi.

"Ít nhất cũng phải mất một tiếng."

"Vậy chúng ta đi cắt ngang đỉnh đường hầm là thấy họ ra ở đầu kia đấy," Peter nói, "chúng ta sẽ đến đó sớm hơn họ nhiều."

Lời đề nghị có vẻ chí lý, thế là bọn trẻ đi.

Chúng leo lên những bậc dốc nơi chúng đã hái hoa anh đào đại đặt lên mộ thỏ con, và lên đến đỉnh vách, hướng mặt về quả đồi mà đường hầm xuyên qua. Một hành trình vất vả.

"Như là dãy Alps vậy," Bobbie nói, thở không ra hơi.

"Hay dãy Andes," Peter nói.

"Như dãy Hima gì gì đấy?" Phyllis hỗn hển. "Đỉnh Trường tồn. Nghỉ thôi."

"Cố chút nữa", Peter thở hồng hộc, "chút nữa là em sẽ thở được bình thường thôi."

Phyllis đồng ý cổ chút nữa, và chúng tiếp tục đi, chạy qua những vạt cỏ mềm thoải thoải, trèo qua những tảng đá, lấy cành cây làm gậy chống để leo lên vách đá, bò qua những khe hẹp giữa các thân cây và vách đá, rồi cứ thế, cứ thế leo lên, leo lên mãi, cho tới khi cuối cùng chúng đặt chân lên tới đỉnh đồi như đã bao lần mơ ước.

"Nghỉ !" Peter hô, và nằm lăn trên cỏ. Trên đỉnh đồi là một khoảng đất cỏ mọc xanh mướt, điểm xuyết những hòn đá xanh rêu và những cây tần bì núi nhỏ.

Hai đứa con gái cũng nằm soài xuống một lượt.

"Còn nhiều thời gian lắm," Peter vẫn thở gấp, "từ giờ chỉ là xuống dốc thôi."

Khi chúng đã nghỉ đủ và ngồi dậy nhìn quanh, Bobbie kêu lên, "Ôi, nhìn kìa !"

"Nhìn gì cơ ?" Phyllis hỏi.

"Quang cảnh ấy," Bobbie đáp.

"Em ghét quang cảnh," Phyllis nói, "còn anh, Peter ?"

"Chúng ta phải hòa thuận chứ," Peter khuyên.

"Nhưng nó không giống cảnh bên bờ biển mà ta đi tàu tới, ở đó có biển, có cát và có cả những ngọn đồi trơ trụi nữa. Nó giống những quận nhiều màu sắc trong một cuốn thơ của mẹ."

"Không đến nỗi thế," Peter nói; "hãy nhìn cái cầu máng bắc qua thung lũng như một con rết khổng lồ kia, rồi là thị trấn với chóp nhọn nhà thờ nhô lên trên các ngọn cây giống như cây bút trong giá gác bút ấy. Anh thì nghĩ nó giống.

"Ở đó anh có thể nhìn thấy những cò phướn

Của mười hai thành phố đẹp lấp lánh." (Bài thơ Horatius)

"Chị thích quang cảnh này" Bobbie nói, "thật không uống công trèo lên đây."

"Cuộc săn thỏ mới bỏ công ta trèo," Phyllis nói, "nếu chúng ta không bỏ lỡ. Nào lên đường. Từ giờ toàn xuống dốc thôi."

"Anh đã nói câu này mười phút trước rồi," Peter nói.

"Ồ, em vừa nói câu đó xong" Phyllis giục, "đi thôi."

"Còn đầy thời gian," Peter nói. Và thực vậy. Bởi vì khi chúng xuống đến ngang độ cao của nóc miệng đường hầm - chúng phải đi thêm mất chừng hai trăm mét so với tính toán ban đầu và phải bò theo sườn đồi - vẫn chưa có dấu hiệu nào của con thỏ hay đàn chó săn.

"Họ đi qua lâu rồi chứ còn gì," Phyllis nói khi chúng cúi mình qua lan can gạch trên đường hầm.

"Chị không cho là thế", Bobbie nói, "nhưng dù họ có qua rồi thì ở đây cũng rất thích mà. Chúng ta sẽ ngắm những con tàu ra khỏi đường hầm như rồng ra khỏi hang. Trước đây chúng ta chưa khi nào thấy cảnh này từ nóc hầm."

"Và sau này cũng sẽ không thấy nữa," Phyllis nói, phần nào nguôi đi.

Đó thực sự là nơi hấp dẫn nhất cho ta đến. Nóc hầm dường như cách xa đường tàu hơn chúng tưởng nhiều, và nó giống như đang ở trên cầu, nhưng là một cái cầu lớn khác thường với những bụi cây, dây leo và cỏ xanh, hoa dại.

"Em biết cuộc săn đã qua rồi mà," cứ hai phút Phyllis lại nói một lần. Và nó thực sự không biết mình hài lòng hay thất vọng khi Peter đang rập người trên lan can thì bỗng nhiên hô, "Nhìn kia, anh ta ra rồi !"

Cả ba đứa áp người lên mặt gạch ấm nắng, lập nhìn thấy con thỏ, đi rất chậm, ra khỏi bóng râm của đường hầm.

"Đấy, thấy chưa," Peter nói, "anh đã nói rồi mà. Bây giờ đến đàn chó săn !"

Đàn chó ra rất nhanh - tốp một, hai, ba, tốp sáu, bảy người - họ cũng đi rất chậm và xem ra rất mệt. Hai hoặc ba người rệu rạc tụt lại mãi phía sau.

"Xong," Bobbie nói, "xong rồi, giờ sẽ làm gì nhỉ ?"

"Tới chòi gỗ đằng kia ăn trưa," Phyllis nói, "ở đấy mình có thể nhìn thấy họ cách xa hàng dặm."

"Chưa đâu," Peter nói. "Vẫn chưa hết. Còn một chó săn mặc áo len đỏ chưa ra. Hãy đợi xem người cuối cùng ra đã."

Nhưng bọn trẻ đợi mãi đợi mãi mà cậu bé mặc áo len đỏ vẫn không xuất hiện.

"Thôi, đi ăn đi", Phyllis nói, "em đói hoa cả mắt rồi. Anh chắc đã không để ý áo len đỏ ra cùng những người khác..."

Nhưng Bobbie và Peter đều nói rằng anh ta chưa ra cùng những người khác.

"Xuống hầm đi," Peter nói, "biết đâu lại gặp anh ta trong đó đi ra. Em cho là anh ta cảm thấy mệt nên chui vào nghỉ trong một lỗ cống nào đó. Bob, chị đứng đây theo dõi, khi em đứng dưới ra hiệu thì chị xuống nhé. Mình có thể không nhìn thấy anh ta lúc cùng xuống vì vướng đám cây này đấy."

Vậy là hai đứa trèo xuống còn Bobbie đợi đến khi chúng ra hiệu cho nó từ đường tàu bên dưới.

Nó cũng lần xuống theo con đường mòn lượn quanh co giữa những rễ cây và rêu xanh cho đến khi bước ra giữa hai cây gỗ chồ to và tới chỗ hai em trên đường tàu.

"Ôi, anh, chị, ăn chút gì đi," Phyllis than vãn.

"Nếu hai người không cho em ăn thì em chết đấy, rồi hai người sẽ tha hồ mà thương tiếc."

"Chị đưa cho nó cái bánh xăng uých, vì Chúa, để cái miệng ngổ của nó thôi đi," Peter nói thế nhưng không có ý gì xấu. "Mà em bảo này", nó nói thêm, quay sang Bobbie, "có lẽ mình cũng nên ăn tạm cái bánh đi. Mình có thể phải vận toàn bộ sức lực. Nhưng chỉ một cái thôi. Không còn thời gian đâu."

"Cái gì?" Bobbie hỏi, miệng đầy bánh vì con bé cũng đói chẳng kém gì Phyllis.

"Chị không thấy sao," Peter nói rành mạch, "anh chồ sẵn áo len đỏ đỏ đã gặp tai nạn, chỉ có thể là thế thôi. Có thể thậm chí lúc ta nói đây anh ta đang nằm đầu gối trên đường ray, là con mồi bất lực trước bất kỳ đoàn tàu nào đi qua..."

"Ôi, đừng có nói như trong sách," Bobbie kêu rồi ngấu nghiến nốt cái xăng uých, "đi nào. Phil, đi sát sau chị, nếu có tàu đến thì đứng ép sát vào vách hầm và giữ váy sát người nhé."

"Cho em một cái xăng uých nữa thì em làm," Phyllis nài nỉ.

"Em sẽ đi đầu," Peter nói, "đây là ý tưởng của em," rồi nó xăm xăm đi trước.

Tất nhiên bạn biết đi trong đường hầm là như thế nào chứ? Con tàu đang gầm gào ầm ĩ, bỗng nhiên âm thanh đó vụt to lên khác thường. Người lớn kéo cửa sổ lên và nắm sợi dây để giữ cửa. Toa tàu bỗng nhiên tối như ban đêm - tất nhiên là có đèn, trừ khi bạn đi tàu chậm tỉnh lẻ thì không phải lúc nào cũng có đèn. Rồi từ từ, từ từ, những luồng hơi như mây trắng chạm vào bóng tối bên ngoài cửa sổ toa tàu, rồi bạn nhìn thấy những ngọn đèn xanh trên vách hầm, sau đó âm thanh của con tàu lại thay đổi một lần nữa, và bạn đã ra ngoài để nhận lại không khí thoáng đãng, người lớn lại thả dây ra. Các cửa sổ mờ đi vì hơi thở vàng vọt của đường hầm lại lạch cạch buông xuống, và bạn lại nhìn thấy đường dây điện tín cạnh đường tàu, những giậu đào gai xén đều tăm tắp với những cây con cao vọt lên cách nhau ba mươi mét.

Dĩ nhiên đây là hình ảnh đường hầm bạn nhìn thấy khi ở trong toa tàu. Nhưng mọi thứ khác hẳn khi bạn đi trong đường hầm bằng đôi chân mình, giẫm lên sỏi đá lổn nhổn trên lối đi dốc xuống từ mặt đường ray đến vách hầm. Sau đó bạn nhìn thấy những dòng nước đục trên vách hầm rỉ xuống, và bạn nhận thấy những viên gạch không đỏ cũng không nâu như ở miệng hầm mà xanh xỉn, nhợt nhạt. Giọng bạn trong này cũng rất khác với giọng ngoài trời, và bạn phải đi mãi một hồi thì đường hầm mới hoàn toàn tối đen.

Phyllis túm váy Bobbie làm toạc nửa mét đường may nhưng không đứa nào nhận ra, lúc này bọn trẻ chưa tới đoạn đường hầm tối đen.

"Em muốn quay lại" con bé nói, "em không thích thế này. Tẹo nữa là nó thành một cái khe đen kịt đấy. Em không đi vào bóng tối đâu. Em không quan tâm anh chị sẽ nói gì, em không đi đâu."

"Ấm ươn nó vừa chứ," Peter nói, "có mẩu nến và diêm đây, mà... cái gì thế nhỉ ?"

"Cái gì" là âm thanh rì rầm trầm đục trên đường ray, tiếng rung của đường dây điện tín bên cạnh, tiếng rì rầm mỗi lúc một to hơn.

"Tàu đấy," Bobbie nói.

"Đường ray nào ?"

Không đứa nào biết.

"Cho em quay lại," Phyllis hét, vùng vẫy thoát khỏi tay Bobbie.

"Đừng nhát chết thế," Bobbie nói, "không có gì nguy hiểm đâu. Đứng lùi lại đi."

"Đi nào," Peter đang đứng trước đó vài mét la to. "Nhanh ! Lỗ cống !"

Tiếng xình xịch của con tàu đang tiến đến to hơn tiếng động mà bạn nghe khi đầu bạn cắm xuống bồn tắm đang xả cả hai vòi, còn gót chân thì đang đá đá vào thành bồn. Nhưng Peter đã quát bằng tất cả sức lực nó có và Bobbie nghe thấy. Con bé kéo Phyllis vào miệng cống. Tất nhiên là Phyllis loạng choạng vấp phải dây điện tín và bị xây xước hai ống chân. Nhưng chúng đã kéo được nó vào và cả ba đứng trong hốc cống hình vòm tối tăm ướt át trong khi đoàn tàu gầm rú ngày càng to hơn. Con tàu như thể muốn la hét cho ba đứa điếc tai mới thôi. Và đằng xa, bọn trẻ có thể nhìn thấy những con mắt lửa của tàu mỗi lúc một lớn, mỗi lúc một chói.

"Nó chính là rỗng đấy, em biết mà, ở đây, trong bóng tối, nó mới hiện nguyên hình," Phyllis hét. Nhưng không đứa nào nghe thấy tiếng nó. Bạn biết là con tàu cũng đang gầm, và giọng nó át cả tiếng Phyllis.

Và lúc này, vừa lao vừa gầm rú cùng ánh chớp loang loáng từ các cửa sổ toa tàu sáng đèn, mùi khói nồng nặc và những luồng khí nóng phụt ra rát rát, con tàu cuốn qua, tiếng lạnh lạnh chói tai dội lại trong mái vòm của đường hầm. Phyllis và Bobbie ép sát vào nhau. Thậm chí Peter cũng nắm tay Bobbie, "để chị khỏi sợ", như nó giải thích sau đó.

Giờ thì chậm rãi, từ từ, những cái đèn đuôi nhỏ dần, nhỏ dần, và tiếng ồn cũng vậy, lắng đi với âm thanh o o cuối cùng khi con tàu ra khỏi đường hầm, rồi im lặng lại ngự trị trong những bức tường ướt át và mái vòm rỉ nước.

"Ôi !" bọn trẻ cùng thầm thì.

Peter vừa cầm mẫu nến vừa run run tay.

"Đi nào", nó phải hắng giọng xong mới nói được bình thường.

"Ôi," Phyllis nói, "ngộ nhỡ anh áo đỏ nằm trên đường tàu..."

"Chúng ta phải đi xem thế nào", Peter nói.

"Chúng ta không đi gọi người ở ga tới được à ?" Phyllis hỏi.

"Thế em có muốn đứng đây đợi bọn chị không ?" Bobbie nghiêm nghị hỏi, và tất nhiên nó đã biết câu trả lời.

Vậy là ba đứa tiếp tục đi sâu hơn vào bóng tối của đường hầm. Peter dẫn đầu, cầm mẫu nến giơ cao để soi đường. Nến chảy cả xuống ngón tay nó và vài giọt lặn đến tận cổ tay áo. Tối hôm đó, đến lúc đi ngủ nó mới phát hiện ra một vết sáp dài từ cổ tay đến khuỷu tay.

Đi được khoảng một trăm năm mươi mét từ chỗ ba chị em đứng trong khi tàu chạy qua thì Peter đứng lại hét "Xin chào", rồi lại đi nhanh hơn. Khi hai đứa con gái đuổi kịp Peter, nó đã dừng lại, và chỗ nó đang đứng cách người mà ba chị em cất công vào hầm tìm kiếm độ chừng một mét. Phyllis thoáng thấy anh đỏ liền nhắm nghiền hai mắt. Cạnh đoạn đường ray ngoặt hướng lỏm chỏm sỏi là tay chó săn áo len đỏ. Lưng cậu ta tựa vào tường, hai tay yếu ớt thông xuống hai bên sườn, đôi mắt nhắm nghiền.

"Màu đỏ đấy, có phải máu không ? Anh ta chết rồi à ?" Phyllis hỏi, mi mắt nhắm tịt.

"Chết cái gì mà chết ? Vớ vẩn !" Peter nói. "Chẳng có gì đỏ ở anh ta ngoại trừ cái áo len chui đầu. Anh ta chỉ bị ngất. Chúng ta biết làm gì bây giờ nhỉ ?"

"Có thể mang anh ta ra không ?" Bobby hỏi.

"Em không biết; anh ta to lớn lắm."

"Có lẽ mình nên lấy nước đắp vào trán anh ta. Quên, chị quên là mình không mang nước, nhưng sữa cũng là chất lỏng. Mình còn nguyên một chai."

"Phải đấy," Peter nói, "em nhớ người ta còn xát hai tay người bị ngất mà nói, 'Này, mở mắt ra đi, nói với tôi đi ! Làm ơn, nói đi !'"

"Em thấy họ còn đốt cả lông chim nữa," Phyllis nói.

"Nói thế ích gì khi mình chẳng có cái lông nào ?"

"Sao lại không," Phyllis nói giọng đắc thắng. "Em có một quả cầu lông trong túi đây này"

Peter liền xát hai bàn tay của cậu áo len đỏ. Bobbie đốt từng chiếc lông một của quả cầu

lông dưới mũi cậu ta, Phyllis vả sữa ấm lên trán cậu, và cả ba không ngừng liên thoảng nói hết sức thành khẩn, "Anh gì ơi, mở mắt ra đi, nói với bọn em đi ! Làm ơn nói đi !"

Chương 12

Thứ Bobbie mang về

"Anh gì ơi, mở mắt ra đi ! Nói với bọn em đi ! Làm ơn nói đi !" Bọn trẻ lặp đi lặp lại những lời đó với cậu chó săn bất tỉnh mặc áo len đỏ đang ngồi dựa vào tường, mắt nhắm nghiền, khuôn mặt tái xanh trên nền vách hầm.

"Vả sữa vào tai anh ta," Bobbie nói. "Chị biết người ta làm thế với người bị ngất bằng nước hoa. Nhưng chị cho rằng sữa cũng tốt."

Thế là chúng vả sữa vào tai áo len đỏ, một ít sữa chảy xuống bên trong cổ áo len. Trong đường hầm rất tối. Peter đã đặt nển lên một phiến đá và giờ nển đã cháy gần hết.

"Anh gì ơi, mở mắt đi," Phyllis nói. "Làm ơn đi mà ! Chắc anh ta chết rồi quá."

"Làm ơn vì em đi mà" Bobbie nhắc lại. "Không, anh ta không chết đâu."

"Làm ơn vì cái gì thì cái," Peter nói; "tỉnh dậy đi." Đoạn nó lắc cánh tay người bị nạn.

Và cậu bé mặc áo len đỏ thở dài, mở mắt rồi lại nhắm và nói bằng giọng rất nhỏ, "Thôi đi."

"Ồ, anh ta không chết," Phyllis nói. "Em biết là anh ta không chết mà," và con bé bắt đầu khóc.

"Có chuyện gì thế ? Tôi không sao mà," cậu ta nói.

"Anh uống đi," Peter nói dứt khoát, kề sát cổ chai sữa vào miệng cậu ta. Cậu thiếu niên cố nuốt và một ít sữa trào ra khi cậu ta mở miệng hỏi:

"Đây là gì ?"

"Là sữa," Peter nói. "Đừng sợ, anh đang trong tay những người bạn. Phil, thôi be be ngay đi nào."

"Anh uống sữa đi," Bobbie dịu dàng nói; "nó sẽ làm anh khỏe lên đấy."

Vậy là cậu ta uống. Và cả ba đứa đứng cạnh không nói gì với cậu.

"Để anh ta nghỉ một chút," Peter nói thầm, "ngay khi sữa bắt đầu chạy như lửa qua mạch máu là anh ta sẽ ổn."

Và cậu ta đã ổn.

"Anh khỏe rồi," cậu ta tuyên bố. "Anh nhớ ra mọi chuyện rồi." Cậu cố gắng cử động, nhưng rồi lập tức ngừng lại mà rên lên. "Chết thật ! Chắc là anh bị gãy chân," cậu nói.

"Anh bị ngã à ?" Phyllis hỏi, khịt mũi.

"Tất nhiên không, anh có phải trèo lên ba đầu," cậu ta phật ý đáp, "Là vì chân anh vướng vào một cái dây điện tín chết tiệt, anh cố đứng lên nhưng không đứng nổi, thế là anh ngồi xuống. Ái chà ! Đau thật. Các em đến đây bằng cách nào ?" cậu ta hỏi.

"Chúng em thấy các anh vào đường hầm, thế là chúng em đi cắt ngang đồi để gặp các anh đi ra. Những anh khác đều ra, tất cả, trừ anh, anh không đi ra. Do đó chúng em thành lập đội cứu hộ," Peter nói đầy tự hào.

"Các em dũng cảm lắm" cậu ta nhận xét.

"Ồ, có gì dũng cảm đâu", Peter khiêm tốn nói. "Giờ bọn em dúi thì anh có đi được không ?"

"Anh có thể cố," cậu ta trả lời.

Cậu ta đã cố. Nhưng chỉ có thể đứng một chân, chân kia kéo lê thật thảm hại.

"Thôi, để anh ngồi xuống. Anh cảm thấy như sắp chết vậy", cậu nói. "Các em đi khỏi đây, đi đi, nhanh." Cậu ta nằm xuống, nhắm mắt. Bọn trẻ nhìn nhau trong ánh sáng yếu ớt của mẫu nến nhỏ.

"Gay quá !" Peter nói.

"Nghe này," Bobbie nói nhanh, "em phải đi gọi ai đó tới giúp. Đi tới ngôi nhà gần nhất ấy."

"Đúng, đó là cách duy nhất," Peter nói. "Đi thôi."

"Nếu em cầm chân anh ta còn chị và Phyllis khênh đầu, chị em mình có thể mang anh ta ra chỗ miệng cống."

Bọn trẻ làm thế. Nhưng làm vậy hình như lại khiến người bị nạn đau đến nỗi cậu lại ngất đi.

"Bây giờ chị sẽ ở lại đây với anh ta," Bobbie nói. "Các em nhớ lấy mẫu nến dài nhất và, ôi... đi nhanh lên nhé vì mẫu nến này sắp cháy hết rồi."

"Em e là mẹ không muốn em để chị lại đâu," Peter phân vân nói. "Để em ở lại, chị và Phil đi đi."

"Không, không," Bobbie nói, "em và Phil đi, và cho chị mượn con dao của em. Chị sẽ cởi giày cho anh ta trước khi anh ta tỉnh lại."

"Em hy vọng là chúng ta làm đúng," Peter nói.

"Tất nhiên là đúng", Bobbie mất kiên nhẫn nói. "Không thế thì biết làm thế nào ? Để anh ta

ở đây một mình vì tối quá à ? Vớ vẩn. Khẩn trương đi, không lồi thối gì nữa."

Cho nên bọn trẻ khẩn trương.

Bobbie nhìn theo dáng hình tối sẫm của hai em và ánh sáng yếu ớt của mẫu nến nhỏ với một cảm giác bất an là mọi thứ đã đi tới hồi kết. Nó nghĩ lúc này nó đã hiểu các nữ tu cảm thấy như thế nào khi sống giữa bốn bức tường nhà tu kín. Bỗng nhiên con bé rùng mình.

"Đừng có làm một con nhóc con ngốc nghếch," nó nói. Nó luôn tức giận khi ai đó gọi nó là con nhóc con, ngay cả khi tính từ sau đó không phải là "ngốc nghếch" mà là "đáng yêu" hay "ngoan ngoãn" hay "thông minh". Và chỉ khi nào tự giận mình lắm con bé mới cho phép Roberta gọi Bobbie như thế.

Nó cầm ngọn nến lên một hòn gạch vỡ gần chân cậu bé áo len đỏ. Sau đó nó mở con dao của Peter. Việc này bao giờ cũng khó - thường phải có một đồng nửa xu mới mở được. Lần này Bobbie không biết lấy móng tay mở thế nào mà lại được.

"ối"

Những cái móng tay bị gãy làm con bé đau khủng khiếp. Đoạn nó cắt dây giày của cậu áo len đỏ, rồi kéo giày ra. Nó cố gắng cởi bít tất, nhưng chân cậu ta đã sưng vù lên dị thường. Vì vậy con bé đành cắt bít tất, thật chậm và cẩn thận. Đó là một chiếc tất đan màu nâu và Bobbie tự hỏi ai đã đan nó, có phải là mẹ cậu ta không, phải chăng bà đang lo lắng cho cậu, và bà sẽ cảm thấy thế nào khi cậu được đưa về nhà với cái chân gãy. Khi Bobbie cắt được chiếc tất ra và nhìn cái chân tội nghiệp, nó cảm thấy hình như đường hầm trở nên tối hơn, mặt đất chao đảo và mọi thứ dường như không thật.

"Con nhóc con ngốc nghếch." Roberta nói với Bobbie, và cảm thấy dễ thở hơn. "Cái chân tội nghiệp," con bé tự nhủ, "nó cần một cái đệm, à..."

Nó nhớ lại cái ngày nó và Phyllis xé chiếc váy lót bằng vải đỏ để làm cờ hiệu báo nguy cho đoàn tàu tránh nạn. Váy lót của Bobbie hôm nay màu trắng nhưng nó cũng mềm mại như cái màu đỏ. Con bé liền cởi váy ra.

"Ôi, váy lót flanen hữu ích biết bao !" nó nói, "người đã phát minh ra chúng phải được tạc tượng tôn vinh."

Và con bé nói to thành tiếng, bởi vì dường như bất kỳ giọng nói nào, thậm chí của chính nó cũng mang lại sự dễ chịu trong bóng tối này.

"Tạc cái gì ? Cho ai ?" áo len đỏ bỗng lên tiếng yếu ớt.

"Ôi," Bobbie nói, "bây giờ anh khá hơn nhiều rồi ! Đừng nói gì kéo đau lắm đấy. Nào !"

Nó gập cái váy lót lại, và nhắc cái chân đau đặt lên trên tấm nệm Aarten.

"Anh đừng ngắt nữa, xin đừng", Bobbie nói khi thấy cậu ta rên rỉ. Con bé vội vã lấy sữa đắp ướt khăn mùi soa rồi đắp lên cái chân đau.

"Á, đau quá," cậu ta kêu, co người lại. "ồ... không, không đau... dễ chịu lắm... thật đấy."

"Tên anh là gì ?" Bobbie hỏi.

"Tên em là Bobbie."

"Nhưng em là con gái mà."

"Vâng, tên đầy đủ của em là Roberta."

"Thế... Bobbie này."

"Sao ạ ?"

"Còn ai nữa ngoài em không ?"

"Còn, Peter và Phil, em trai và em gái em. Chúng đi tìm người đưa anh ra."

"Tên kỳ quặc nhỉ. Toàn tên con trai."

"Vâng, em ước gì em là con trai, anh thấy sao ?"

"Anh nghĩ em thế này là rất ổn mà."

"Em không có ý đó - ý em là anh có ước anh là con trai không, nhưng tất nhiên dù anh không ước thì anh cũng là con trai rồi."

"Em cũng dũng cảm như con trai vậy. Tại sao em không đi cùng các em ?"

"Phải có ai đó ở lại với anh", Bobbie nói.

"Bobbie, anh thấy em thật tốt bụng," Jim nói. "Bắt tay nào." Cậu ta chìa cánh tay mặc áo len đỏ ra và Bobbie chỉ nắm lấy bàn tay đó.

"Em không lắc đầu," con bé giải thích, "bởi vì làm thế thì sẽ rung anh, rồi thì rung đến cái chân tội nghiệp của anh và nó sẽ đau. Anh có khăn mùi soa không ?"

"E là không." Cậu ta sờ trong túi. "Có, có. Để làm gì ?"

Con bé cầm khăn, đắp sữa vào rồi đặt lên trán cậu.

"Thật là dễ chịu," cậu nói, "đó là nước gì thế ?"

"Sữa," Bobbie đáp. "Chúng em không có nước..."

"Em là một cô y tá nhỏ rất giỏi" Jim nói.

"Thỉnh thoảng em vẫn làm thế này cho mẹ," Bobbie nói, "không phải sữa, tất nhiên, nhưng là nước thơm hay nước pha giấm. À, em phải tắt nến đây vì có thể mẩu nến còn lại không đủ để đưa anh ra khỏi đây."

"Ơn Chúa," Jim nói, "em chu đáo mọi bề."

Bobbie thối. Nến tắt. Bận khó mà hình dung bóng tối đen như nhung ấy là thế nào đâu.

"Này Bobbie," giọng nói trong khoảng không đen kịt, "em có sợ bóng tối không?"

"Không... không sợ lắm, đó là..."

"Nào cầm tay anh," cậu nói, và cậu thật tốt khi đề nghị như thế, bởi vì cậu cũng giống như phần lớn các cậu choai choai trạc tuổi mình, không thích mọi biểu hiện yêu thương như là hôn hay nắm tay. Cậu gọi đó là "động chạm" và ghét phải làm thế.

Bóng tối trở nên dễ chịu hơn với Bobbie khi bàn tay con bé nằm trong lòng bàn tay to lớn thô ráp của người bị nạn mặc áo len đỏ; và cậu nắm bàn tay nhỏ mềm mại của Bobbie, ngạc nhiên phát hiện ra rằng cậu không thấy khó chịu như cậu tưởng. Con bé cố gắng nói chuyện để làm cậu vui và quên đi cái đau, nhưng thật khó mà tiếp tục nói trong bóng tối, nên lúc này họ nhận thấy cả hai cùng im lặng, sự im lặng chỉ thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi:

"Em ổn chứ, Bobbie?"

Hay:

"Em sợ là anh đang đau quá, Jim. Em rất xin lỗi."

Và trong hầm rất lạnh.

Peter và Phyllis vất vả đi ngược con đường dài trong đường hầm ra phía ánh sáng ban ngày. Sáp nến chảy hết xuống các ngón tay thẳng bé. Không có tai nạn nào ngoại trừ Phyllis bị vướng vào một dây điện tín làm rách một vệt dài, vấp vào dây giày bị tuột, hay ngã chống tay và đầu gối xuống đất làm xây xát cả hai bàn tay và hai đầu gối.

"Đường hầm này không có kết thúc," Phyllis nói, và quả là nó rất dài.

"Cố lên," Peter nói, "cái gì cũng có chỗ kết thúc, nếu chịu khó đi tiếp thì rồi em sẽ đi đến đó."

Bạn cứ nghĩ mà xem, điều đó hoàn toàn đúng, và ta nên nhớ lấy những khi gặp phiền, thí dụ như là bệnh sỏi, môn số học hóc búa, bị lừa đảo, bị ai đó làm mình bẽ mặt, cảm thấy dường như sẽ không còn có ai yêu mình nữa, và mình không bao giờ - không bao giờ - còn có thể yêu ai

nữa.

"Hu ra," Peter bỗng nhiên kêu, "cửa hầm kia rồi, trông giống lỗ thủng trên tờ giấy đen, nhỉ?"

Lỗ thủng to dần - những ngọn đèn xanh nằm dọc theo hai bên hầm. Hai đứa trẻ có thể nhìn thấy con đường rải sỏi trước mặt chúng; không khí ấm hơn và ngọt hơn. Thêm hai mươi bước nữa là chúng đã ở ngoài nắng rực rỡ với những cây xanh hai bên đường.

Phyllis hít một hơi thật dài.

"Chừng nào còn sống em sẽ không bao giờ đi vào đường hầm nữa", con bé nói, "dù có hai mươi trăm nghìn triệu con chó săn mặc áo len đỏ bị gãy chân trong đó cũng không."

"Ấm ương nó vừa chứ," Peter nói như mọi khi. "Em sẽ phải vào."

"Em nghĩ là em đã rất dũng cảm và tốt bụng còn gì," Phyllis nói.

"Không phải thế," Peter nói, "em vào không phải vì em dũng cảm, mà bởi vì Bobbie và anh không phải là kẻ đáng khinh. Bây giờ, anh đang không biết ngôi nhà gần nhất ở đâu. Ở đây vương cây cỏ nhìn thấy gì cả."

"Có một mái nhà đằng kia", Phyllis nói, chỉ về phía tàu xuôi.

"Đó là trạm phát tín hiệu," Peter nói, "em biết là không được phép nói chuyện với người phát tín hiệu nếu như họ đang trực mà. Thế là sai."

"Em không sợ làm sai nữa, đằng nào em cũng đi vào đường hầm đó rồi," Phyllis nói. "Đi nào," và con bé bắt đầu chạy theo đường tàu. Peter cũng chạy theo.

Hai đứa dừng lại. Dưới cái nắng gay gắt, chúng nóng bức thở không ra hơi, ngửa đầu nhìn lên các cửa sổ để mở của trạm phát tín hiệu và hét "Xin chào !" to hết sức mình. Không ai trả lời. Trạm phát tín hiệu đứng im lìm như cái nhà vắng tanh. Tay vịn cầu thang bằng sắt nóng rẫy bỏng tay hai đứa khi chúng nhẹ nhàng leo lên. Chúng ghé nhìn qua cánh cửa để mở. Người phát tín hiệu đang ngồi trên ghế quay lưng vào tường, đầu ông ngoẹo sang bên, mồm há hốc. Ông đang ngủ rất say.

"Bác ơi !" Peter hét; "dậy đi !" Và nó hét bằng một giọng đáng sợ, vì nó biết rằng nếu người phát tín hiệu ngủ trong phiên gác, ông ta sẽ mất kiểm soát tình hình, chưa kể tới những nguy cơ chết người khác rình rập các đoàn tàu, họ đang chờ ông ta thông báo xem đường có an toàn không.

Thấy người phát tín hiệu vẫn không nhúc nhích, Peter bèn lao tới lay ông ta. Thật từ từ, ông ta ngáp, vươn vai, thức dậy. Vừa tỉnh lại, ông ta nhảy dựng lên, hai tay ôm đầu "như người bị

tâm thần", như Phyllis nhận xét về sau, và kêu, "Ôi, lạy Chúa, mấy giờ rồi ?"

"Mười hai giờ mười ba phút," Peter nói chính xác theo cái đồng hồ tròn ở trên tường.

Người đàn ông nhìn lên đồng hồ, nhảy bổ tới chỗ các cần điều khiển, gạt cái ngược cái xuôi. Chuông điện reo - dây điện và tay quay kêu cọt két. Ông ta quăng mình xuống ghế. Mặt ông ta tái nhợt, mồ hôi đọng trên trán "như những giọt sương trên cây bắp cải trắng", như Phyllis nhận xét về sau. Ông ta cũng run; hai đứa trẻ có thể nhìn thấy hai bàn tay to lớn đầy lông của ông ta lắc lắc, "run cứ là bần bật", theo cách nói của Peter. Ông ta hít vài hơi sâu, rồi bỗng nhiên bật khóc, "Tạ ơn Chúa, tạ ơn Chúa các cháu đã tới, ôi, tạ ơn Chúa !" và đôi vai ông ta rung lên, khuôn mặt đỏ tía; ông ta giấu mặt sau hai bàn tay to lớn đầy lông.

"Ôi, xin bác đừng khóc," Phyllis nói, "ổn rồi," và con bé vỗ vỗ một bên vai to rộng của ông ta, trong khi Peter dấm dấm nhẹ vai bên kia.

Nhưng người phát tín hiệu dường như hoàn toàn suy sụp, và hai đứa phải dấm và vỗ cho ông ta một lúc lâu thì ông ta mới tìm thấy chiếc khăn mùi soa màu đỏ có thêu hình móng ngựa màu trắng và hoa cà để lau mặt và mới bắt đầu nói được. Đúng lúc hai đứa trẻ nghỉ tay, có một chuyến tàu ầm ầm lao qua.

"Tôi xấu hổ quá, tôi thật là," người phát tín hiệu to lớn cất tiếng khi ngừng khóc, "ai lại thút thít như trẻ con thế này chứ." Bỗng nhiên ông ta có vẻ giận dữ. "Mà các cô cậu làm gì ở đây ?" ông ta nói, "cô cậu biết là không được phép lên đây cơ mà."

"Vâng," Phyllis nói, "chúng cháu biết làm thế là sai, nhưng cháu không sợ làm sai, và hóa ra như thế lại đúng. Chúng cháu mà không đến thì bác đã nguy to rồi."

"Chúa phù hộ cô cậu, nếu mà cô cậu không đến..." ông ta ngừng một lúc mới nói tiếp. "Thật là nhục nhã, đúng thế đấy, tôi đã ngủ trong giờ trực. Dù là hôm nay chưa xảy ra thiệt hại gì, nhưng tin này mà loang ra thì..."

"Nó sẽ không loang ra đâu ạ," Peter nói; "chúng cháu không phải là kẻ mách lẻo. Nhưng dù sao bác cũng không nên ngủ khi trực, nguy hiểm lắm ạ."

"Hãy nói điều gì mà tôi chưa biết ấy," ông ta nói, "còn chuyện này tôi biết, nhưng tôi cứ riu hết cả mắt lại. Tôi biết rõ hậu quả có thể xảy ra chứ. Nhưng tôi không tài nào gắng gượng được. Họ không tìm được người thay tôi. Nói cho cô cậu biết là tôi không ngủ nổi mười phút suốt năm ngày nay. Thằng con nhỏ của tôi ốm, bác sĩ bảo viêm phổi, và không có ai ngoài tôi và em gái nó chăm sóc nó. Đầu đuôi là thế. Con bé phải chợp mắt tí. Nguy hiểm ? Phải, tôi biết. Bây giờ đi mà kể cho mọi người đi nếu cô cậu muốn."

"Tất nhiên là chúng cháu sẽ không kể", Peter phần nộ nói, nhưng Phyllis bỏ qua toàn bộ câu

chuyện của ông tín hiệu, ngoại trừ chín từ đầu tiên.

"Bác bảo chúng cháu nói cho bác nghe điều gì bác chưa biết. Vâng, cháu nói đây. Có một anh mặc áo len đỏ bị gãy chân trong đường hầm đằng kia."

"Cậu ta đi vào cái đường hầm tối tăm đó để làm gì?" người đàn ông hỏi.

"Bác ơi bác đừng giận dữ thế," Phyllis nói với giọng thân thiết. "Chúng cháu không làm gì sai ngoài việc đến đánh thức bác, song hóa ra đó cũng là việc làm đúng."

Sau đó Peter kể lại chuyện cậu thiếu niên đã có mặt ở đường hầm như thế nào.

"À," ông kia nói, "tôi không biết có thể làm gì bây giờ. Tôi không thể rời trạm."

"Bác có thể cho chúng cháu biết cần tới đâu để gặp được ai đó không phải ở trạm", Phyllis nói.

"Có trang trại Brigden ở đằng kia, chỗ có khói bốc lên trên ngọn cây dấy", người đàn ông nói mỗi lúc một cái kính, như Phyllis nhận thấy.

"Vậy thì bọn cháu tạm biệt bác," Peter nói.

Nhưng ông ta nói, "Hăng gươm." Ông ta thọc tay vào túi lấy ra một mớ tiền - rất nhiều đồng một xu, một hai đồng hai bảng, vài đồng sáu xu. Ông ta nhặt ra hai đồng một bảng chìa cho chúng.

"Đây," ông ta nói. "Tôi đưa cho cô cậu chỗ này để giữ mồm về chuyện xảy ra hôm nay."

Một thoáng im lặng nặng nề. Sau đó, "Ông là một người đáng ghét, đúng không?" Phyllis nói.

Peter bước lên một bước, hất tay ông kia, làm những đồng tiền rơi ra lăn trên sàn nhà.

"Nếu có chuyện gì khiến cháu hốt hoảng thì là chuyện này" nó nói. "Đi, Phil," và bước ra khỏi trạm với đôi má đỏ bừng.

Phyllis phân vân. Sau đó con bé cầm lấy bàn tay vẫn còn chìa ra một cách ngốc nghếch, bàn tay trước đó cầm những đồng bảng.

"Cháu không trách bác đâu" con bé nói, "dù Peter có trách bác đi nữa. Bác đang bị căng thẳng, không thì bác đã chẳng làm thế. Cháu biết là thiếu ngủ làm người ta mất bình tĩnh. Mẹ đã bảo vậy. Cháu mong con trai bé nhỏ của bác chóng khỏe, và..."

"Nhanh lên, Phil," Peter hối thúc.

"Cháu hứa với bác lời hứa danh dự thiêng liêng là chúng cháu sẽ không kể cho bất cứ ai. Hãy hôn cháu và chúng ta trở thành bạn của nhau", Phyllis nói, cảm thấy mình cao thượng biết bao

vì đã cố gắng xoa dịu mâu thuẫn mà trong đó nó không có lỗi.

Ông tín hiệu cúi xuống hôn con bé.

"Bác tin là bác mất trí rồi, cháu ạ," ông ta nói. "Giờ thì chạy về nhà với mẹ đi. Bác không có ý xúc phạm cháu đâu."

Phyllis rời trạm phát tín hiệu nóng nực rồi chạy theo Peter qua cánh đồng tới trang trại.

Khi Peter và Phyllis cùng những người trong trang trại mang theo một tấm ván phủ vải quần cho ngựa đến được lỗ cống trong đường hầm, Bobbie đã ngủ say và Jim cũng thế. Về sau bác sĩ nói đó là do kiệt sức vì đau.

"Cậu ta sống ở đâu?" người quản lý trang trại hỏi khi Jim được nhắc lên tấm ván.

"Ở Northumberland," Bobbie trả lời.

"Cháu học ở trường ở Maidbridge," Jim nói. "E là cháu phải quay về đấy."

"Theo tôi trước hết phải để bác sĩ khám xét xem thế nào đã," người quản lý nói.

"Ồ, đưa anh ấy về nhà chúng cháu đi ạ," Bobbie nói. "Nhà cháu cách đây có một đoạn thôi. Chắc chắn là mẹ sẽ nói chúng cháu nên làm thế."

"Mẹ cô muốn cô mang người lạ bị gãy chân về nhà sao?"

"Chính mẹ cũng đã đưa một người Nga đáng thương về nhà mà," Bobbie nói. "Cháu biết là mẹ sẽ nói chúng cháu nên làm thế."

"Được rồi," người quản lý nói, "hắn cô biết mẹ cô muốn gì. Tôi không thể nhận trách nhiệm đưa cậu ta về chỗ mình mà không được bà chủ cho phép, dù người ta cũng gọi tôi là ông chủ đây."

"Em chắc là mẹ em không phản đối chứ?" Jim nói thầm.

"Chắc chắn," Bobbie trả lời.

"Vậy chúng ta sẽ đưa cậu ta đến Ba Ống Khói," người quản lý nói.

"Tất nhiên", Peter đáp.

"Giờ một người của tôi sẽ phóng xe đến gặp bác sĩ mời ông ta đến đó. Nào, các chàng trai, nhắc cậu ta lên, nhẹ nhàng và đều tay nhé. Một, hai, ba!"

Mẹ đang miệt mài viết câu chuyện về một nam tước, một tay lừa đảo có hạng, một lối đi bí mật và một chúc thư mất tích, bà đánh rơi bút khi cửa phòng làm việc bật mở và Bobbie thò đầu vào, đầu không mũ, mặt đỏ bừng vì chạy.

"Ôi, mẹ," con bé kêu lên, "xuống đi mẹ. Chúng con đã tìm thấy một con chó săn mặc áo len đỏ bị gãy chân trong đường hầm và đã nhờ người khênkh đến đây."

"Họ phải đưa nó đến bác sĩ thú y chứ," mẹ nói, nhướn mày lo âu, "Mẹ không thể giữ một con chó què lại đây đâu."

"Nhưng thật ra anh ấy không phải là chó, anh ấy là một học sinh," Bobbie nói, nửa như cười nửa như ghen giọng.

"Thế thì mang cậu ta về nhà mẹ cậu ta."

"Mẹ anh ấy chết rồi," Bobbie nói, "bố anh ấy thì ở Northumberland cơ. Ôi, mẹ, mẹ sẽ tốt đối với anh ấy chứ ? Con bảo anh ấy con chắc chắn là mẹ muốn chúng con đưa anh ấy về nhà mình. Mẹ luôn luôn muốn giúp đỡ mọi người mà."

Mẹ mỉm cười, nhưng mẹ cũng thở dài. Thật là dễ chịu khi các con bạn tin rằng bạn sẵn lòng mở rộng cửa và mở rộng tấm lòng cho bất cứ ai cần giúp đỡ. Nhưng đôi lúc cũng khá rắc rối khi chúng hành động theo niềm tin đó.

"Ồ, được rồi," mẹ nói, "chúng ta phải cố hết sức thôi."

Khi Jim mặt trắng bệch và môi tím tái được khênkh vào, mẹ nói, "Tôi rất mừng là các anh đã mang cậu ta tới đây. Nào, Jim, để mọi người đưa cậu nằm lên giường cho thoải mái và chờ bác sĩ đến nhé !"

Và Jim, nhìn cặp mắt hiền từ của mẹ, lại thấy trào dâng trong mình đôi chút lòng can đảm mới, ấm áp và dễ chịu.

"Sẽ còn đau hơn phải không ạ ?" cậu nói. "Không phải là cháu hèn nhát đâu. Cô sẽ không nghĩ cháu hèn nhát nếu cháu lại ngất, phải không cô ? Cháu thực tình không cố ý ngất đâu. Và cháu ghét phải làm phiền cô đến thế này."

"Cháu đừng lo," mẹ nói, "người bị phiền là cháu đấy, cháu yêu quý tội nghiệp, chứ không phải nhà ta."

Và mẹ hôn cậu như thể cậu là Peter. "Nhà mình rất vui có cháu ở đây, phải không Bobbie ?"

"Phải ạ," Bobbie nói, và con bé thấy qua nét mặt mẹ rằng việc nó đưa về nhà con chó săn bị thương mặc áo len đỏ là thật đúng đắn.

Chương 13

Ông của chó săn

Cả ngày hôm đó mẹ không trở lại công việc viết lách, bởi vì con chó săn mặc áo len đỏ mà bọn trẻ đưa về Ba Ông Khói phải được đặt lên giường. Rồi bác sĩ đến, bác làm cậu đau đớn vật vã vô cùng. Những lúc ấy mẹ ở bên cậu suốt, điều này giúp cậu đỡ đau hơn, nhưng tình hình thì "nói tẻ là còn nói giảm nói tránh đấy", như bà Viney thuật lại.

Bọn trẻ ngồi ở nhà dưới và nghe thấy tiếng giày của bác sĩ đi đi lại lại trên sàn phòng ngủ. Một hai lần chúng nghe thấy tiếng rên.

"Thật là khủng khiếp," Bobbie nói. "Ôi, chị ước gì bác sĩ Forrest làm nhanh hơn. Ôi, Jim đáng thương !"

"Khủng khiếp thì đúng là khủng khiếp," Peter nói, "nhưng thật là thú vị. Giá mà các bác sĩ không có quyền ngăn người ta vào phòng lúc họ đang làm việc. Được nhìn thấy cảnh nắn xương thì hay phải biết. Em chắc chắn xương cũng kêu răng rắc như các vật khác"

"Thôi !" hai đứa con gái đồng thanh lên tiếng.

"Thôi gì mà thôi !" Peter nói. "Hai người làm sao trở thành y tá Hội Chữ thập đỏ như hai người nói trên đường về nhà cho được nếu chỉ mới nghe em nói xương kêu răng rắc thôi là đã không chịu được rồi ? Hai người còn phải nghe chúng răng rắc trên bãi chiến trường, và có thể còn ngập trong máu đến khuỷu tay, và..."

"Thôi ngay !" Bobbie hét, mặt trắng bệch, "em không biết là em làm chị cảm thấy sợ thế nào đâu."

"Em cũng vậy," Phyllis nói, mặt hồng rực lên.

"Đồ chết nhát !" Peter nói.

"Chị không chết nhát," Bobbie nói. "Chị với Phil chẳng đã giúp mẹ chữa cái chân bị thương cho em đấy thôi."

"Rồi, cứ cho là thế đi !" Peter nói. "Giờ thì nghe đây. Từ rày mỗi ngày em sẽ nói chuyện trong nửa tiếng về xương gãy và nội tạng con người để cho hai người quen dần đi, thế chỉ có tốt cho hai người thôi."

Trên gác có tiếng dịch chuyển ghế.

"Nghe thấy không," Peter nói, "tiếng xương răng rắc đấy."

"Anh đừng nói thế," Phyllis nói. "Bobbie không thích đâu."

"Để em nói cho hai người biết họ đang làm gì" Peter nói.

Tôi không biết cái gì đã khiến thằng bé thành ra đáng sợ thế. Có thể là vì nó đã rất ngoan ngoãn và tốt bụng từ sáng tới giờ rồi, nên bây giờ nó phải thay đổi. Hiện tượng này gọi là phản ứng. Con người đôi khi nhận ra nó trong bản thân mình. Thỉnh thoảng, khi một người đã quá tốt suốt một thời gian dài hơn bình thường, bỗng nhiên ở người đó trỗi dậy một cơn xấu tính kinh khiếp.

"Để em nói cho hai người biết họ đang làm gì," Peter nói; "họ trói người bị thương nằm xuống để anh ta không thể chống lại hay phản đối công việc của bác sĩ, sau đó một người giữ đầu, một người giữ chân anh ta, cái chân gãy ấy, và kéo cho đến khi xương khớp vào nhau, làm xương kêu răng rắc, lưu ý nhé ! Sau đó họ bó lại và... chơi trò nắn xương đi !"

"Ồ, không !" Phyllis đáp.

Nhưng Bobbie đột nhiên nói, "Được rồi, chơi, chị sẽ là bác sĩ, và Phil có thể làm y tá. Em là người gãy xương; làm chân em dễ hơn vì em không mặc váy."

"Em sẽ đi kiếm thanh nẹp và băng," Peter nói, "hai người dọn trường kỷ đi nhé."

Chỗ dây nhợ mà lúc trước được dùng để buộc hòm xiểng từ nhà cũ mang tới nằm cả trong một hòm gỗ dưới hầm chứa. Khi Peter mang mớ bong bóng đó và hai miếng gỗ làm thanh nẹp ra, Phyllis thích chí cười khúc khích.

"Nào, tiến hành", thằng bé nói và nằm xuống trường kỷ, rên la thảm thiết.

"Đừng la to thế !" Bobbie nói, bắt đầu buộc dây quanh người Peter và cột vào trường kỷ.
"Phil, kéo đi."

"Đừng chặt quá," Peter rên rỉ. "Hai người làm gãy cái chân kia mất."

Bobbie im lặng làm việc, buộc ngày càng nhiều dây quanh Peter.

"Đủ rồi," Peter nói. "Em không nhúc nhích được nữa rồi. Ôi, cái chân tội nghiệp của tôi !" nó lại la.

"Chắc chắn là em không cử động được chứ ?" Bobbie hỏi, bằng một giọng khá lạ lùng.

"Chắc quá đi chứ," Peter trả lời. "Có cần giả vờ nó đang túa máu không ?" nó phấn khích hỏi.

"Em có thể giả vờ nếu em thích," Bobbie nghiêm giọng nói, khoanh tay nhìn em trai đang

nằm với vô số dây thừng quấn quanh. "Phil và chị sẽ đi. Và bọn chị sẽ không cưới trời cho em chừng nào em chưa hứa sẽ không bao giờ nói chuyện với bọn chị về máu và vết thương trừ khi bọn chị cho phép. Đi, Phil!"

"Đồ đểu!" Peter vừa nói vừa giãy giụa. "Em sẽ không bao giờ hứa, không bao giờ. Em sẽ la hét và mẹ sẽ đến."

"La đi," Bobbie nói, "và kể với mẹ tại sao em bị trời ! Đi nào, Phil. Chị đâu có đểu, Peter. Có trách thì hãy tự trách em đã không chịu thôi khi chị và Phyllis bảo thôi và..."

"Ôi cha", Peter nói, "không phải tự chị nảy ra ý này đâu. Chị bắt chước truyện Stalky!"

Bobbie và Phyllis đường hoàng lặng lẽ đi ra. Hai đứa gặp bác sĩ ở cửa. Ông bước vào, xoa xoa tay với vẻ hài lòng. "Thế là xong xuôi rồi" ông nói. "Một vết gãy sạch sẽ, đẹp đẽ, và chẳng mấy nữa sẽ lành, bác không nghi ngờ điều đó. Chàng trai trẻ tuổi dũng cảm cũng vậy. Xin chào ! Chuyện này là sao đây?"

Cặp mắt ông tập trung vào Peter, nó đang nằm bất động trong đám dây thừng trên trường kỷ.

"Chơi trò tù nhân hả?" ông nói; nhưng lông mày hơi nhướn. Chẳng hiểu sao ông nghĩ là Bobbie không thể chơi trong khi phòng trên có người bị gãy chân.

"Ồ, không! Bobbie nói, "không phải trò tù nhân. Chúng cháu đang chơi nắn xương. Peter là người bị gãy chân và cháu là bác sĩ."

"Cháu là y tá," Phyllis hớn hở tiếp lời.

Bác sĩ nhíu mày.

"Vậy thì bác phải nói rằng," ông nói, và nói khá nghiêm khắc, "đó là một trò chơi rất tàn bạo. Chẳng lẽ các cháu không tưởng tượng nổi cái cảnh tượng đáng buồn đang diễn ra trên gác sao? Cậu chàng tội nghiệp đó, mồ hôi vã ra trên trán, cắn răng cố không bật ra tiếng kêu, mỗi lần bị đập vào chân là mỗi lần đau chết điếng người và..."

"Bác phải bị trời lại," Phyllis nói; "bác cũng xấu tính như..."

"Suyt," Bobbie nói; "cháu xin lỗi, nhưng thật sự là chúng cháu không tàn bạo như bác nói đâu."

"Đấy là do cháu ạ," Peter giận dữ nói. "Được rồi, Bobbie, chị không việc gì phải ra vẻ cao thượng và bao che cho em, em không thèm. Chỉ là cháu cứ nói về máu và vết thương. Cháu muốn huấn luyện họ thành y tá chứ thập đỏ. Và cháu không thôi khi họ bảo thôi."

"Ồ, bác sĩ Forrest nói và ngồi xuống.

"Vâng, và cháu rủ, "Chơi trò nắn xương đi. Cháu chỉ đùa thế. Cháu cứ tưởng Bobbie sẽ không đồng ý. Cháu chỉ nói để trêu chị ấy. Và khi chị ấy nói tất nhiên cháu phải chơi thôi. Và họ trói cháu lại. Họ bắt chước truyện Stalky. Và cháu nghĩ làm thế là độc ác đáng xấu hổ."

Thằng bé ra sức cựa quậy thể hiện sự uất ức rồi quay mặt vào lưng chiếc trường kỷ gỗ.

"Cháu không nghĩ có ai đó sẽ biết chuyện này ngoài chúng cháu," Bobbie nói đầy hậm hực trước thái độ trách móc của Peter. "Cháu không nghĩ bác sẽ vào đây. Mà cứ nghe đến máu và vết thương là cháu lại thấy sợ kinh khủng. Chúng cháu chỉ trói đùa Peter thôi mà. Để chị cười trói cho, Pete."

"Em không cần chị cười trói," Peter nói, "và nếu đó là đùa..."

"Nếu bác là cháu, bác sẽ để cười trói vì mẹ cháu sắp xuống rồi," bác sĩ nói, mặc dù thực tình ông không biết chắc sẽ nói gì. "Cháu không muốn làm mẹ lo, nhất là vào lúc này, đúng không?"

"Em không hứa là sẽ không nói tới các vết thương, nhớ đấy," Peter gắt gỏng nói khi Bobbie và Phyllis cởi các nút dây.

"Chị xin lỗi, Pete," Bobbie nói thầm, cúi sát xuống người nó để tháo một nút to dưới trường kỷ; "nhưng giá mà em biết được em làm chị thấy buồn nôn như thế nào."

"Chị còn làm em buồn nôn hơn ấy," Peter đối lại. Rồi nó hất mớ dây đã cởi ra và đứng lên.

"Bác về đây," bác sĩ Forrest nói, "để xem có đứa nào có thể đến phòng khám không. Có vài thứ mẹ các cháu cần ngay, mà bác lại cho người giúp việc nghỉ một ngày đi xem xiếc. Cháu sẽ đi chứ, Peter?"

Peter đi mà không nói một lời với hai đứa con gái hay nhìn chúng lấy một cái.

Cả hai bác cháu im lặng đi lên cổng dẫn từ vạt đồi Ba Ống Khói tới đường cái. Sau đó Peter nói, "Để cháu mang túi cho bác. Cháu thấy nó có vẻ nặng, có gì trong đó ạ?"

"Ồ, dao và lưỡi chích và các dụng cụ làm đau mọi người ấy mà. Và chai ê te. Bác phải cho cậu ta ngủ ê te, cháu biết nắn xương thì đau khủng khiếp thế nào rồi đấy."

Peter im lặng.

"Kể cho bác nghe các cháu tìm thấy chàng trai đó như thế nào đi," bác sĩ Forrest nói.

Peter kể. Và sau đó bác sĩ Forrest kể cho cậu nghe chuyện về những người cứu hộ dũng cảm; ông đúng là người thú vị nhất để chuyện trò cùng, Peter hay nhận xét như thế.

Sau đó, lúc ở phòng khám, Peter có một cơ hội chưa từng có: ngắm nghía cân, kính hiển vi, và cốc chia độ mà bác sĩ thường dùng. Khi mọi thứ đã sẵn sàng cho Peter mang về, bác sĩ bồng

nhiên nói, "Cháu sẽ không trách bác can thiệp vào chuyện riêng chứ ? Bác có điều này muốn nói với cháu."

"Lại về vụ cãi vã," Peter nghĩ, vẫn đang nhớ lại mình đã ra khỏi vụ này như thế nào.

"Là về khoa học cháu ạ," bác sĩ bổ sung.

"Vâng," Peter nói, nghịch con cúc đá mà bác sĩ dùng chặn giấy.

"Ờ," bác sĩ nói, "cháu biết là đàn ông phải gánh vác việc trọng đại và không được sợ gì hết, cho nên họ phải rắn rỏi và dũng cảm. Còn phụ nữ phải nuôi dạy con cái, ôm ấp, chăm sóc chúng và phải rất kiên nhẫn, dịu dàng."

"Vâng," Peter nói, không biết câu chuyện dẫn dắt tới đâu.

"Ờ, vậy, cháu thấy đấy. Bé trai và bé gái thật ra chỉ là đàn ông và phụ nữ nhỏ tuổi. Và chúng ta mạnh mẽ hơn, cứng rắn hơn phụ nữ rất nhiều..." (Peter thích từ "chúng ta", có lẽ bác sĩ biết điều đó) "và chịu đựng giỏi hơn nhiều, nên có những thứ không làm tổn thương chúng ta song lại làm tổn thương họ. Cháu biết là cháu không được đánh con gái..."

"Cháu biết chứ," Peter phật ý làu bàu.

"Dù đó có là chị, em gái của cháu. Đó là bởi vì con gái họ mỏng manh, nhẹ nhàng hơn chúng ta; họ là thế, cháu biết đấy," ông nói thêm, "vì nếu họ không thế thì không tốt cho trẻ nhỏ. Đó là lý do tại sao các loài vật đều tốt với mẹ chúng như thế. Chúng không bao giờ đánh mẹ, cháu biết đấy."

"Cháu biết," Peter hứng thú nói, "hai con thỏ đực sẽ đánh nhau cả ngày nếu bác để mặc chúng, nhưng chúng không đánh con cái."

"Đúng rồi; và các loài thú hoang, sư tử và voi, chúng rất dịu dàng với con cái. Chúng ta cũng phải thế."

"Cháu biết rồi," Peter đáp.

"Và trái tim họ cũng dịu dàng nữa", bác sĩ tiếp tục, "nên có những điều mà chúng ta chẳng hề bận tâm thì lại làm họ đau lòng. Do đó một người đàn ông phải rất cẩn thận, không chỉ với nắm đấm mà với cả lời nói của mình. Họ rất dũng cảm, cháu biết đấy," ông tiếp tục. "Cháu thử nghĩ đến cảnh Bobbie một mình đợi trong đường hầm với chàng trai tội nghiệp đó xem. Thật kỳ lạ - một người phụ nữ càng dịu dàng, càng dễ bị tổn thương thì lại càng can đảm khi làm điều phải làm. Bác đã gặp những người phụ nữ dũng cảm - mẹ cháu là một trong số đó", ông đột ngột kết thúc.

"Vâng," Peter nói.

"Ồ, bác đã nói xong. Thứ lỗi cho bác. Nhưng không ai biết hết mọi thứ nếu không được nói cho biết. Cháu hiểu bác định nói gì, đúng không?"

"Vâng," Peter nói. "Cháu biết lỗi rồi."

"Tất nhiên là cháu đã biết lỗi ! Ai cũng luôn hối lỗi ngay khi họ hiểu ra. Ai cũng cần được dạy những kiến thức khoa học này. Tạm biệt !"

Họ bắt tay thân tình. Khi Peter về đến nhà, hai chị em gái nhìn nó đầy ngò vức.

"Pax nhé" Peter nói, đặt cái giỏ lên bàn. "Bác sĩ Forrest nói chuyện khoa học với em. Không, kể lại cho hai người cũng bằng thừa; hai người không hiểu đâu. Nhưng chung quy lại là con gái các vị đáng thương, mềm yếu, nhút nhát như thỏ vậy, do đó đàn ông bọn tôi phải nhẹ nhàng với họ. Bác ấy nói con gái là động vật giống cái. Em sẽ mang đồ này lên cho mẹ hay là bọn chị đây?"

"Em biết bọn con trai là thế nào", Phyllis nói, má đỏ lên, "là những kẻ đáng ghét nhất, thô bạo nhất..."

"Họ rất dũng cảm", Bobbie nói, "đôi khi là vậy."

"Chị muốn nói anh ở trên gác ? Em biết. Nói thoải mái đi, Phil, anh sẽ chịu đựng bất kỳ điều gì em nói bởi vì em đáng thương, yếu đuối, nhút nhát, mỏng manh..."

"Nhưng nếu em kéo tóc anh thì anh sẽ không chịu đâu", Phyllis nói, nhảy bật đến Peter.

"Peter nói 'Pax' đấy," Bobbie nói, kéo Phyllis lại. "Em thấy không", con bé nói thầm lúc Peter nhắc giỏ lên và hùng dũng đi khỏi, "Peter đã thực sự biết lỗi rồi, chỉ là nó không nói ra thôi. Chúng ta hãy xin lỗi đi."

"Sao phải ngoan ngoãn thế chứ," Phyllis phân vân nói, "Anh ấy nói chúng ta là động vật giống cái, là yếu đuối, nhút nhát..."

"Vậy hãy cho Peter biết chúng ta không sợ nó nghĩ chúng ta là quý cô ngoan ngoãn," Bobbie nói; "và Peter cũng là động vật chả kém gì chúng ta."

Khi Peter quay lại, nó vừa mới ló đầu vào, Bobbie đã nói, "Bọn chị xin lỗi vì đã trói em, Peter."

"Em nghĩ là hai người nên thế," Peter nói, rất kẻ cả.

Thế này thì thật quá thế. Nhưng...

"Đấy, bọn chị đã xin lỗi rồi," Bobbie nói. "Giờ thì hãy công bằng cho hai phía đi."

"Em đã bảo là Pax rồi còn gì," Peter nói, bằng giọng bị tổn thương.

"VẬY thì Pax," Bobbie nói. "Nào, Phil, đi sắp trà đi. Pete, em có thể trái khăn bàn."

"Em hỏi này," Phyllis nói, khi hòa bình đã thực sự lập lại, tức là cũng phải đến lúc rửa tách chén sau khi uống trà, "bác sĩ Forrest không thực sự nói chúng em là động vật giống cái, phải không?"

"Bác ấy nói thế đấy," Peter khẳng định, "song anh nghĩ bác cũng có ý nói đàn ông bọn anh cũng là động vật hoang dã."

"Bác ấy ngộ thật đấy!" Phyllis nói, làm vỡ một cái chén.

"Con vào được không, mẹ?" Peter đang đứng ngoài cửa phòng viết của mẹ, mẹ ngồi bên bàn với hai cây nến trước mặt. Dưới nền trời xanh ngả xám quang đặng, đây đó lác đác mấy ngôi sao sáng lấp lánh, trông hai ngọn nến của mẹ có màu cam ánh tím.

"Vào đi, con yêu," mẹ lơ đãng nói, "có gì à con?" Mẹ viết thêm vài từ rồi đặt bút xuống và gập tờ giấy lại "Mẹ vừa viết thư cho ông của Jim. Cậu ta sống gần đây, con biết đấy."

"Vâng, lúc uống trà mẹ đã nói rồi. Đó là điều con muốn nói. Mẹ có bắt buộc phải viết thư cho ông ấy không? Chúng ta có thể giữ Jim lại đợi đến khi anh ấy khỏe hẳn mới thông báo cho người nhà anh ấy được không ạ? Như thế họ sẽ vô cùng ngạc nhiên."

"Ồ, phải rồi," mẹ bật cười, "mẹ nghĩ họ sẽ ngạc nhiên lắm."

"Mẹ thấy đấy," Peter tiếp tục, "tất nhiên con gái là rất tốt và vân vân, con không có ý nói xấu họ. Nhưng con thích có anh hay em trai để thỉnh thoảng nói chuyện."

"Ừ," mẹ nói, "mẹ biết là thiệt thòi cho con, con yêu. Nhưng mẹ không thể giúp con được. Sang năm có lẽ mẹ sẽ cho con tới trường, con sẽ rất thích, phải không?"

"Đúng là con thiếu bạn thật", Peter thú nhận, "nhưng nếu Jim có thể ở lại sau khi chân anh ấy khỏi thì chúng con có thể có những trò vui cực kỳ."

"Mẹ không nghi ngờ điều đó", mẹ nói. "Phải, có thể hai đứa sẽ vui lắm, nhưng con biết đấy, con yêu, nhà ta không giàu. Mẹ không thể kiếm cho cậu ấy mọi thứ cậu ấy muốn. Mà cậu ấy còn cần một y tá nữa."

"Mẹ có thể làm y tá cho Jim mà mẹ! Mẹ chăm sóc mọi người trên cả tuyệt vời."

"Đó là một lời khen đáng yêu, Pete, nhưng mẹ không thể làm y tá và viết cùng một lúc. Đó mới là điều tệ hại nhất."

"Nên mẹ phải gửi thư cho ông của Jim ?"

"Tất nhiên, và cho hiệu trưởng nhà trường nữa. Chúng ta đã đánh điện cho họ, nhưng mẹ cũng phải viết thư nữa. Họ sẽ lo ghê lắm."

"Mẹ à, tại sao ông của anh ấy không thể trả tiền thuê y tá ?" Peter gợi ý. "Thế là hay nhất. Con nghĩ ông anh ấy giàu lắm. Như trong sách ấy, những người ông bao giờ cũng giàu."

"Ồ, đây không phải là trong sách," mẹ nói, "bởi vậy chúng ta không được trông chờ ông anh ấy có thật nhiều tiền."

"Mẹ ơi con hỏi này," Peter hào hứng, "nếu mẹ đang viết một cuốn sách có tất cả nhà ta ở trong đó thì hay lắm mẹ nhỉ ? Lúc đó mẹ có thể làm mọi điều thú vị xảy ra, và làm chân của Jim khỏi ngay lập tức vào sáng mai, và cha sẽ sớm về nhà và..."

"Con có nhớ cha nhiều không ?" mẹ hỏi, khá lạnh lùng, Peter nghĩ.

"Nhiều lắm," Peter đáp ngắn gọn.

Mẹ cho lá thư thứ hai vào phong bì rồi viết địa chỉ.

"Mẹ biết đó," Peter chậm rãi nói tiếp, "mẹ biết đó, không chỉ bởi vì cha là cha, mà còn bởi hiện nay cha vắng nhà nên không còn người đàn ông nào khác trong nhà ngoài con, đó là lý do vì sao con muốn Jim ở lại đến thế. Mẹ có muốn viết cuốn sách trong đó có tất cả chúng ta, và để cha sớm về không mẹ ?"

Mẹ bồng vòng tay lặng lẽ ôm thẳng bé một hồi. Sau đó bà nói, "Con có cho là sẽ rất hay khi nghĩ rằng chúng ta nằm trong một cuốn sách mà Chúa đang viết không ? Nếu mẹ viết cuốn sách đó, mẹ có thể phạm sai lầm. Nhưng Chúa biết làm cách nào cho câu chuyện kết thúc tốt đẹp, cách nào đó tốt nhất cho chúng ta."

"Mẹ tin thế thật à mẹ ?" Peter hỏi thăm.

"Phải," mẹ nói, "mẹ tin, gần như luôn luôn tin, trừ phi mẹ buồn đến nỗi mẹ không còn tin vào gì cả. Nhưng thậm chí khi mẹ không thể tin, mẹ vẫn biết rằng nó đúng, và mẹ cố gắng tin nó. Con không biết mẹ cố gắng thế nào đâu, Peter. Bây giờ mang thư ra bưu điện cho mẹ, và chúng ta không được phép buồn thêm nữa. Hãy can đảm, can đảm ! Đó là phẩm hạnh cao nhất trong mọi phẩm hạnh ! Mẹ chắc rằng Jim sẽ ở đây thêm hai ba tuần nữa."

Từ lúc ấy tới hết buổi tối, Peter thánh thiện đến mức Bobbie sợ rằng nó sắp ốm. Sáng hôm sau con bé yên tâm trở lại khi phát hiện ra Peter đã bện tóc Phyllis vào lưng ghế như nó vẫn thường làm.

Sau bữa sáng có tiếng gõ cửa. Bọn trẻ lúc này đang hí hụi đánh bóng các chân nến bằng

đồng thau để đón chào Jim.

"Bác sĩ đến đấy," mẹ nói, "để mẹ mở cửa. Đóng cửa bếp lại, các con không nên nhìn."

Nhưng không phải là bác sĩ. Bọn trẻ biết thế qua giọng nói và tiếng giày đi lên gác. Chúng không nhận ra tiếng chân, nhưng giọng nói thì chắc chắn chúng từng nghe thấy rồi.

Yên lặng hồi lâu. Tiếng chân và giọng nói chưa xuống.

"Đó có thể là ai nhỉ ?" chúng tự hỏi mình và hỏi nhau.

"Có thể bác sĩ Forrest đã bị cướp đường tấn công rồi bỏ lại cho chết, và đây là người mà bác ấy đã đánh điện báo tới thay thế," cuối cùng Peter nói. "Bà Viney nói bà ấy có một người làng làm thay mỗi khi bà đi chơi, phải không bà Viney ?"

"Tôi có nói thế, cậu bé yêu quý," bà Viney từ trong bếp đáp ra.

"Bác ấy bị ngắt thì đúng hơn," Phyllis nói, "không ai có thể làm bác ấy tỉnh lại. Và đây là người giúp việc đến báo tin cho mẹ."

"Vớ vẩn !" Peter nói luôn, "Nếu thế thì mẹ đưa anh ta lên phòng Jim làm gì ? Nghe thấy không, cửa mở đấy. Bây giờ họ sẽ đi xuống. Để anh hé cửa ra xem."

Nó hé cửa ra.

"Không phải là nghe trộm," nó giận dữ khi nghe Bobbie chỉ trích, "bình thường không ai lại đi nói chuyện bí mật trên gác. Và mẹ chẳng có bí mật gì để nói với người giúp việc của bác sĩ, chính Phil đã nói là anh ta đấy nhé."

"Bobbie," mẹ gọi.

Bọn trẻ mở cửa bếp, và mẹ đang cúi người qua lan can thang gác.

"Ông của Jim đến," mẹ nói; "rửa chân tay mặt mũi rồi ra gặp ông đi các con. Ông muốn gặp các con !"

Cửa phòng ngủ lại đóng.

"Ra thế !" Peter nói; "thế mà không ai nghĩ ra ! Cho cháu ít nước nóng, bà Viney. Cháu đen như cái mũ của bà ấy."

Ba đứa trẻ thực sự nhem nhuốc, vì cọ rửa chân nện bằng đồng thì có ai sạch sẽ được đâu.

Bọn trẻ vẫn còn đang bận rộn với xà phòng và đồ flanen thì nghe thấy tiếng giày và giọng nói đi xuống phòng khách. Khi chúng đã sạch sẽ, mặc dù vẫn còn ướt - vì phải mất nhiều thời gian để lau khô tay đúng cách, mà chúng thì nôn nóng muốn gặp ông của Jim lắm rồi - chúng tràn vào phòng khách. Mẹ đang ngồi cạnh cửa sổ, và trên chiếc ghế bành bọc da mà cha thường

ngồi ở ngôi nhà cũ là... ông cụ của chúng !

"Ôi, thật không ngờ", Peter nói, còn chưa kịp chào khách. Lúc đó, như nó giải thích sau này, nó quá ngạc nhiên đến nỗi thậm chí không nhớ nổi có thứ gì đó gọi là lễ phép, nói gì đến thực hành lễ phép.

"Đây là ông cụ của chúng ta !" Phyllis nói.

"Ôi, là ông !" Bobbie nói. Sau đó, nhớ ra phép tắc, bọn trẻ liền nói, "Cháu chào ông ạ" rất lễ phép.

"Đây là ông của Jim, ông..." mẹ nói tên của ông.

"Kỳ diệu biết bao !" Peter nói, "giống hệt như một cuốn sách, phải không mẹ ?"

"Phải rồi," mẹ mỉm cười; "nhiều khi có những điều xảy ra trong đời thực chẳng khác nào trong sách cả."

"Cháu rất sung sướng vì ông của Jim lại chính là ông," Phyllis nói. "Có không biết bao nhiêu ông cụ trên thế giới, thế nên ông của Jim có thể là ai đó khác lắm chứ."

"Cháu muốn hỏi là," Peter nói, "ông sẽ không đưa Jim đi, phải không ông ?"

"Hiện tại thì không," ông nói. "Mẹ các cháu đã rất tốt bụng cho phép Jim ở lại đây. Ông đã định cử một y tá đến, nhưng mẹ cháu lại nói sẽ tự mình chăm sóc Jim, mẹ cháu thật tốt quá."

"Nhưng còn việc viết lách của mẹ cháu ?"

Peter nói, trước khi ai đó có thể ngăn. "Sẽ chẳng có gì cho anh ấy ăn nếu mẹ không viết."

"Việc đó ổn rồi," mẹ vội nói.

Ông nhìn mẹ hiền từ.

"Tôi thấy cô tin nhiệm các con của mình và tin cậy chúng," ông nói.

"Đúng vậy ạ," mẹ nói.

"Vậy tôi có thể kể cho chúng về kế hoạch nhỏ của chúng ta," ông nói. "Mẹ các cháu, các cháu yêu của ông ạ, đồng ý ngừng viết một thời gian để làm y tá trưởng trong bệnh viện của ông."

"Ôi !" Phyllis nói, đờ người ra, "thế chúng cháu sẽ phải rời Ba Ống Khói và đường tàu và mọi thứ ạ ?"

"Không, không phải đâu, con yêu," mẹ vội nói.

"Bệnh viện tên là bệnh viện Ba Ống Khói", ông nói, "và thằng Jim tội nghiệp của ông là bệnh nhân duy nhất, và ông hy vọng nó sẽ tiếp tục như vậy. Mẹ các cháu sẽ là y tá trưởng, và sẽ có

một đội ngũ nhân viên gồm một hầu phòng và một đầu bếp, cho đến khi Jim khỏe lại."

"Và sau đó mẹ sẽ tiếp tục viết chứ ạ ?" Peter hỏi.

"Phải xem thế nào đã," ông nói, nhìn lướt qua Bobbie, "có thể sẽ có điều tốt đẹp xảy ra và mẹ các cháu không phải viết nữa."

"Tôi thích công việc đó," mẹ liền nói.

"Tôi biết," ông nói, "tôi sẽ không cố làm ảnh hưởng tới công việc yêu thích của cô đâu, cô đừng lo. Nhưng ai mà biết được. Những điều đẹp đẽ tuyệt vời vẫn xảy ra, phải không ? Và chúng ta sống phần lớn cuộc đời trong niềm hy vọng ấy. Tôi có thể lại đến thăm cháu chứ ?"

"Nhất định rồi," mẹ nói, "và tôi không biết phải cảm ơn ông chừng nào vì đã tạo điều kiện cho tôi chăm sóc Jim. Cậu bé yêu quý !"

"Đêm anh ấy toàn gọi 'Mẹ, mẹ' Phyllis nói. "Cháu thức dậy hai lần và nghe thấy thế."

"Không phải cậu ấy gọi tôi," mẹ khẽ nói với ông, "đó là lý do tại sao tôi rất muốn chăm sóc cậu."

Ông đứng lên.

"Con rất vui khi mẹ trông anh ấy, mẹ à," Peter nói.

"Chăm sóc mẹ các cháu nhé, các cháu yêu của ông", ông nói. "Một triệu người phụ nữ mới có được một người như mẹ các cháu đấy."

"Vâng, mẹ đúng là như vậy", Bobbie thăm thì.

"Chúa phù hộ cho cô," ông nói, nắm hai bàn tay mẹ, "Chúa phù hộ cô ! Đúng thế, và cô sẽ được hưởng phúc lành. Giúp tôi xem mũ của tôi đâu rồi nhỉ ? Bobbie sẽ tiễn ông ra cổng chứ ?"

Ông đứng lại ở cổng mà nói:

"Cháu là một đứa trẻ ngoan, cháu yêu. Ông đã nhận được thư của cháu. Nhưng không cần thiết đâu. Khi ông đọc về vụ của cha cháu trên báo hồi đó, ông đã có nghi ngờ rồi. Và từ khi ông biết các cháu là ai, ông đã cố gắng tìm ra mạnh mối. Ông chưa làm được nhiều. Nhưng ông có hy vọng, cháu yêu ạ, ông có hy vọng."

"Ôi !" Bobbie nói, hơi nghệt thờ.

"Phải, ông có thể nói rất hy vọng. Nhưng cháu hãy giữ bí mật một thời gian nữa. Không cần phải làm mẹ cháu hụt hẫng bằng hy vọng hão, phải không ?"

"Ôi, nhưng không phải hy vọng hão !" Bobbie nói; "cháu biết là ông làm được mà. Lúc cháu viết thư cháu đã biết là ông làm được. Đó không phải là hy vọng hão, phải không ạ ?"

"Không," ông nói, "ông không nghĩ đó là hy vọng hảo, không thì ông đã không bảo cháu. Và ông nghĩ cháu xứng đáng được biết rằng có hy vọng."

"Và ông không nghĩ cha đã làm điều đó, phải không ông ? Ôi, ông nói ông không nghĩ là cha đã làm chuyện đó đi."

"Cháu yêu của ông," ông nói, "ông hoàn toàn chắc chắn cha cháu không làm chuyện đó."

Nếu đó là một hy vọng hảo thì ít nhất nó cũng là một hy vọng tươi sáng sưởi ấm trái tim Bobbie những ngày sau đó, khuôn mặt nhỏ của con bé như một ngọn đèn lồng tỏa sáng nhờ cây nến trong lòng nó.

Chương 14

Kết truyện

Cuộc sống ở Ba Ống Khói đã không còn như trước sau khi ông tới thăm Jim. Mặc dù bọn trẻ biết tên ông, chúng không bao giờ gọi tên ông ra - trong bất kỳ tình huống nào, khi chỉ có chúng với nhau. Đối với chúng, ông cụ luôn luôn là ông của chúng, và tôi nghĩ ông cụ nên là ông với cả chúng ta nữa. Nếu tôi bảo bạn rằng tên ông là Snooks hay Jenkins (ấy là ví dụ thế) thì nó cũng chẳng làm cho ông có vẻ thực hơn với bạn, phải không? Vả lại, xét cho cùng, tôi phải được phép giữ một bí mật chứ. Tôi chỉ giữ duy nhất bí mật này thôi; còn tất cả những chuyện khác tôi đều đã kể cho bạn, ngoại trừ chuyện mà tôi sẽ kể trong chương này, chương cuối cùng. Tất nhiên tôi không thể kể cho bạn mọi thứ. Nếu chuyện gì tôi cũng kể thì cuốn sách sẽ chẳng bao giờ kết thúc, và thế thì thật chán, phải không?

Vâng, như tôi đã nói, cuộc sống ở Ba Ống Khói đã không còn như trước. Cô đầu bếp và cô dọn phòng rất đáng yêu (tôi không ngại cho bạn biết tên của họ: là Clara và Ethelwyn), nhưng họ lại thưa với mẹ rằng có lẽ họ không thích bà Viney, họ cho rằng bà là một bà già lú lẫn. Do đó bà Viney chỉ đến hai ngày một tuần để giặt là quần áo. Sau đó Clara và Ethelwyn nói họ chỉ có thể làm việc tốt nếu không bị quấy rầy, điều này có nghĩa là bọn trẻ phải thôi những việc như chuẩn bị trà, dọn bàn, rửa tách chén và phủi bụi các phòng.

Hệ quả từ đó là có nhiều khoảng trống trong cuộc sống của bọn trẻ, mặc dù chúng thường giả vờ với chính mình và với nhau là chúng ghét làm việc nhà. Nhưng bây giờ mẹ không viết truyện và cũng không phải làm việc nhà nên mẹ có thời gian dạy học. Và bọn trẻ phải học. Dù người dạy ta có đáng yêu đến đâu thì học vẫn là học, ở khắp nơi trên thế giới đều thế, và bài học hay nhất thì cũng không vui bằng gọt khoai tây hay nhóm bếp lò.

Mặt khác, nếu bây giờ mẹ có thời gian dạy học, thì bà cũng có thời gian chơi với các con và sáng tác những bài thơ nhỏ cho bọn trẻ như bà thường làm trước kia. Bà đã không có nhiều thời gian cho thơ từ khi đến Ba Ống Khói.

Có một vấn đề rất trái khoáy trong các buổi học. Dù bọn trẻ học gì thì chúng cũng luôn luôn muốn học thứ khác. Khi Peter học tiếng Latinh, nó nghĩ sẽ rất hay nếu học lịch sử như Bobbie. Bobbie lại thích môn số học mà Phyllis đang học hơn, và Phyllis, tất nhiên, lại cho rằng tiếng Latinh là môn thú vị nhất. Và cứ thế tiếp diễn.

Vậy nên, một hôm, khi bọn trẻ ngồi xuống học, chúng thấy chỗ mình có một bài thơ. Tôi ghi lại ba bài thơ ra đây để chứng tỏ với bạn rằng mẹ chúng thực sự hiểu cảm nhận của các con mình và ngôn ngữ mà chúng ưa dùng, điều mà người lớn không mấy ai hiểu được. Tôi cho rằng hầu hết người lớn đều có trí nhớ kém và đã quên cảm giác của chính mình khi còn nhỏ. Tất nhiên ba bài thơ đều nhại giọng trẻ em.

Peter

Món cháo Latinh nuốt ngon ơ
Tôi quá lơ mơ nên tưởng bỏ !
Khi một cậu bé vừa nhập môn
Chẳng thể biết rằng sẽ liệu hồn.
Các động từ, ôi, ngang như cua.
Tôi thà học sử các triều vua !

Bobbie

Tệ nhất trong các bài tôi học
Là nhớ vua nào thời kỳ nào
Rất nhiều vua chúa cùng hoàng tộc,
Ngày tháng sự kiện học không vào:
Ngày tháng sự kiện loạn đầu óc;
Ước sao nó là môn số học !

Phyllis

Mấy cân táo cộng mấy cân táo
Bảng của tôi - gạch xóa lia chia
Tính sao được giá tiền mua táo ?
Đến phát khóc vì số bị chia.
Muốn đập bảng hét lên vui sướng
Được vui đầu vào tiếng Latinh !

Tất nhiên những bài thơ như thế này làm cho việc học vui hơn nhiều. Nó chứng tỏ người dạy ta biết rằng đối với ta chuyện học hành không hề dễ dàng, và người đó không nghĩ rằng

chính bởi ta kém thông minh nên ta mới chẳng biết gì nếu chưa được học !

Và vì chân Jim dần lành lại nên bọn trẻ rất thích lên gác ngồi với cậu để nghe cậu kể chuyện trường lớp và những cậu bé khác. Có một cậu tên là Parr, Jim có vẻ không ưa cậu này nhất, và một cậu khác tên là Wigsby Minor, cậu này có những ý kiến sắc bén nên được Jim rất nể. Còn có ba anh em teai nhà Paley, cậu em út tên là Paley Terts rất ưa choảng nhau.

Peter thích thú uống từng lời, và mẹ dường như cũng hứng thú nghe, vì một hôm bà đưa cho Jim một tờ giấy trên đó bà viết một bài thơ về Parr, có nhắc tới Paley và Wigsby một cách hết sức ngộ nghĩnh, có cả những lý do Jim không thích Parr, và nhận xét khôn ngoan của Wigsby về vấn đề này. Jim rất hài lòng. Trước kia chưa ai làm thơ tặng cậu. Cậu học thuộc lòng bài thơ rồi gửi cả cho Wigsby, và Wigsby cũng thích bài thơ không kém gì cậu. Biết đâu bạn cũng thích nó.

Cậu bé mới

Có một cậu tên là Parr

Chén bánh mì với sữa mỗi chiều.

Bố sẵn được gấu to, không điêu.

Mẹ thì hay dè đầu cắt tóc.

Cậu đi ủng mỗi khi trời ướt.

Bố mẹ gọi là "Cục cưng" suốt !

Cậu cũng chẳng lấy thế làm phiền;

Đem tên thật khoe khắp láng giềng.

Cậu chịu chẳng dám đứng bắt bóng,

Nó bay đến là cậu lóng ngóng.

Cứ ngồi đọc, hàng giờ hàng giờ.

Và nhớ tên những loài hoa độc.

Về tiếng Pháp cậu toàn vỗ ngực

Khoe mình nói hết bọn Lang Sa

Bảo làm gì cũng chối đây đấy

Viện có con phải đến trường ngay !

Cậu không chơi bóng đá, sợ đau;

Cũng không dám đánh nhau với Terts;

Cổ huyết sáo mà không ra tiếng.

Bị bạn cười đành khóc cho mau.

Giờ Minor nhận xét rằng Parr

Lính mới toe đương nhiên bị ngợp

Nhưng tôi biết ngày đầu tới lớp

Tôi chẳng ngốc như là chàng ta.

Jim không hiểu sao mẹ có thể sáng tác bài thơ thông minh đến thế. Đối với ba đứa trẻ thì bài thơ đó có vẻ rất đáng yêu, nhưng thế cũng tự nhiên thôi. Bạn biết là chúng đã quen có một người mẹ có thể viết thơ dễ dàng như người ta nói chuyện, thậm chí với cả câu gây choáng đặc sệt kiểu chàng Jim ở cuối bài.

Jim hết dạy Peter chơi cờ vua lại dạy cờ đam, rồi cả cờ đô mi nô, và đó là khoảng thời gian yên tĩnh tuyệt vời.

Chân Jim ngày càng khá lên. Bobbie, Peter, và Phyllis bắt đầu có chung một cảm giác rằng nên làm một cái gì đó để Jim vui; không phải là trò chơi, mà cái gì đó thật hấp dẫn. Nhưng quả là khó lòng nghĩ ra được cái gì.

"Thôi, nghĩ mãi cũng chẳng được cái gì đâu", Peter nói, khi cả ba đứa đã nghĩ hoài nghĩ mãi cho đến khi chúng cảm thấy đầu nặng lên và phồng tướng ra, "nếu nghĩ mãi mà vẫn chưa ra phải làm gì cho Jim vui thì không thể nghĩ ra nữa đâu, nên đừng nghĩ nữa cho mệt đầu. Biết đâu tự nhiên lại có chuyện gì xảy ra mà Jim sẽ thích."

"Nhiều lúc chuyện xảy ra mà không cần mình phải làm gì cả," Phyllis nói, cứ như thể bình thường mọi việc xảy ra trên đời đều nhờ con bé động tay vào.

"Chị ước điều gì đó xảy ra," Bobbie mơ màng nói, "điều gì đó thật kỳ diệu."

Và điều kỳ diệu đó đã xảy ra đúng bốn ngày sau khi con bé ước. Giá mà tôi có thể nói là ba ngày sau, bởi vì trong các câu chuyện cổ tích luôn luôn là ba ngày sau thì phép màu xảy ra. Nhưng đây không phải là chuyện cổ tích, ngoài ra, thực tế là bốn ngày chứ không phải ba, mà tôi lại là người vô cùng tôn trọng sự thật.

Bọn trẻ dường như hoàn toàn không còn là lũ trẻ đường tàu vào những ngày này, và, mỗi ngày trôi qua, mỗi đứa lại có một cảm giác bứt rứt về điều mà Phyllis nói ra vào một hôm nọ.

"Không biết đường tàu có nhớ chúng ta không nhỉ," con bé than vãn. "Hồi này chúng ta

không đi thăm nó nữa."

"Chị thấy mình vô ơn thế nào ấy," Bobbie nói, "chúng mình đã rất yêu nó khi không có ai khác để chơi."

"Chú Perks vẫn thường lên hỏi thăm Jim," Peter nói, "và con trai của ông tín hiệu đã khỏe hơn. Chú ấy bảo em vậy."

"Ý em không phải mọi người ở đó," Phyllis giải thích, "ý em là đường tàu thân yêu cơ."

"Điều chị không thích," Bobbie nói, vào ngày thứ tư, hôm đó là thứ Ba, "là chúng ta không còn vẫy chuyến tàu 9 giờ 15 phút và nhờ nó mang tình yêu của chúng ta tới cha nữa."

"Vậy mình bắt đầu lại nhé," Phyllis nói. Và bọn trẻ đi.

Không hiểu sao sự thay đổi do có người hầu trong nhà và do việc mẹ không viết nữa khiến thời gian có vẻ đặc biệt lâu so với dạo cái buổi sáng lạ lùng bắt đầu mọi chuyện, khi bọn trẻ thức dậy rất sớm, làm cháy ấm nước, ăn bánh táo vào bữa sáng và nhìn thấy đường tàu lần đầu tiên.

Đang là tháng Chín, vạt cỏ trên sườn đồi trải dài xuống đường tàu đã khô giòn. Vài cọng cỏ dài nhỏ đứng thẳng như những sợi dây vàng, những bông hoa chuông xanh yếu ớt chỉ chạm nhẹ là rung rinh, những bông hồng dại cuống mảnh dễ nở hết cỡ phô đài hoa tím tím, và những bông hoa sao vàng ánh lên bên rìa hồ nước nằm cách đường sắt nửa đoạn đường. Bobbie lượm đầy tay những cành hoa và nghĩ chúng sẽ đẹp biết bao khi được đặt lên chiếc chăn bằng vải tơ màu hồng điểm xanh lá đắp cái chân đau của Jim.

"Nhanh lên," Peter nói, "kéo lữ chuyển 9 giờ 15 phút !"

"Em không thể nhanh hơn," Phyllis nói. "Ôi, tức chết đi được ! Dây giày của em lại tuột !"

"Hôm đám cưới em dây giày của em sẽ tuột lúc đi lên lễ đường, và anh chồng sắp cưới của em sẽ vấp ngã vào bậc thềm sút cả mũi; thế rồi em sẽ nói em không cưới anh ta nữa, và em sẽ phải làm một bà cô già đến hết đời," Peter nói.

"Em sẽ không thế đâu," Phyllis nói. "Em thà cưới một người sút mũi còn hơn không cưới ai."

"Dù sao, thật kinh khủng khi cưới một người sút mũi," Bobbie nói. "Anh ta không thể ngửi hoa trong đám cưới. Điều đó không đáng buồn sao !"

"Quên hoa trong đám cưới đi !" Peter hét. "Nhìn kìa ! Đèn tín hiệu. Mình chạy đi !"

Bọn trẻ chạy. Và một lần nữa chúng vẫy khăn mùi soa, không cần biết những cái khăn có sạch hay không, về phía con tàu 9 giờ 15 phút.

"Mang giúp tình yêu của chúng tôi tới cha nhé !" Bobbie hét. Và hai đứa em, cũng ra sức: "Mang giúp tình yêu của chúng tôi tới cha nhé !"

Ông cụ vẫy từ cửa sổ toa tàu hạng nhất của ông. Ông vẫy rất mạnh. Và không có gì lạ, vì bao giờ ông cũng vẫy. Nhưng điều hết sức lạ là ở mọi cửa sổ, các khăn mùi soa phấp phới, các tờ báo đánh tín hiệu, các bàn tay vẫy rối rít. Đoàn tàu gầm rú xình xịch lao qua, những hòn sỏi nảy lên nhảy múa dưới gầm tàu, và rồi còn lại bọn trẻ đứng nhìn nhau.

"Ồ !" Peter nói.

"ồ !" Bobbie nói.

"ồ !" Phyllis nói.

"Sao lạ thế nhỉ ?" Peter hỏi mà không chờ đợi câu trả lời.

"Chị chịu," Bobbie nói. "Có thể ông đã bảo mọi người ở ga của ông là nếu thấy chúng ta thì vẫy. Ông biết chúng ta sẽ thích !"

Đây, chuyện là thế này, cũng lạ lắm đấy. Ông, người mà ai cũng biết và rất được kính trọng ở ga của ông, đã có mặt ở đó từ sáng sớm, và ông đợi bên cánh cửa nơi một thanh niên đứng cầm một cái máy đẹp để bấm vào các tấm vé, và ông nói gì đó với mỗi hành khách đi qua cửa. Và sau một cái gật đầu trước điều ông vừa nói - những cái gật đầu bộc lộ những sắc thái khác nhau, ngạc nhiên có, hứng thú có, ngờ vực có, vui vẻ bằng lòng có, mà cái kính đồng ý cũng có - mỗi hành khách bước vào ke ga và đọc mục báo đã được ông dặn sẵn trong tờ báo họ mua. Và khi các hành khách lên tàu, họ lại bảo những hành khách khác đã lên từ các ga trước về điều ông bảo họ, và sau đó những hành khách này cũng đọc mục ấy tờ báo của họ với vẻ kinh ngạc, và nhất là thích thú. Sau đó, khi con tàu chạy qua hàng rào chỗ có ba đứa trẻ thì các tờ báo và bàn tay và khăn mùi soa đều vẫy như điên, cho đến khi toàn bộ một bên tàu phấp phới trắng giống như những bức ảnh về lễ đăng quang của nhà vua trong máy chiếu phim ở khu giải trí Maskelyne và Cooke. Đối với bọn trẻ, con tàu gần như là vật có tri giác, cuối cùng nó đã đáp lại tình yêu vô tư mà chúng dành cho nó suốt một thời gian dài.

"Sự kiện khác thường kỳ quặc nhất !" Peter nói.

"Hoành tráng nhất !" Phyllis đồng vọng.

Nhưng Bobbie nói, "Các em có nghĩ rằng cái vẫy tay của ông hình như nhiều ý nghĩa hơn bình thường không ?"

"Không," hai đứa nói.

"Chị thì có," Bobbie nói. "Chị nghĩ rằng ông dùng tờ báo để cố giải thích điều gì đó cho chị

em mình."

"Giải thích cái gì ?" Peter hỏi, giọng như thường.

"Chị không biết," Bobbie trả lời, "nhưng chị cảm thấy ngộ nghĩnh hết sức. Chính xác chị cảm thấy hình như có điều gì đó sắp xảy ra."

"Điều sắp xảy ra là bít tất của Phyllis bị tuột," Peter nói.

Điều này hóa ra quá đúng. Cái dây nịt bít tất đã văng ra trong cơn kích động vầy đoàn tàu 9 giờ 15 phút. Khăn mùi soa của Bobbie được dùng làm cứu trợ tức thời cho sự cố, và cả ba ra về.

Bài học ngày hôm đó trở nên khó khác thường cho Bobbie. Thực tế là, con bé đã bối rối đến nỗi không làm nổi một phép tính đơn giản như chia 48 cân thịt và 36 cân bánh mì cho 144 đứa trẻ đói khiến mẹ nhìn nó lo lắng.

"Con cảm thấy không khỏe à con yêu ?" mẹ hỏi.

"Con không biết," là câu trả lời bất ngờ của Bobbie. "Con không biết con cảm thấy thế nào. Không phải là con lười. Mẹ, cho phép con nghỉ học hôm nay được không ạ ? Con cảm thấy muốn ở một mình."

"Được, tất nhiên là mẹ cho phép con nghỉ," mẹ nói; "nhưng..."

Bobbie đánh rơi cái bảng của mình, vết nứt cắt ngang vệt màu xanh lá cây nhỏ vốn rất tiện để vẽ các đường trang trí xung quanh, thế là cái bảng chẳng bao giờ được như trước nữa. Bobbie lao ra ngoài ngay, không kịp nán lại để nhặt bảng lên. Mẹ đuổi kịp nó ở tiền sảnh lúc nó đang không biết cái mũ ra vườn lẫn vào đâu trong đồng áo mưa và ô.

"Có gì sao, con yêu của mẹ ?" mẹ nói. "Con ốm à ?"

"Con không biết," Bobbie trả lời, hơi nghệt thở, "nhưng con muốn ở một mình xem có phải là đầu con thực sự có vấn đề và bụng con nó nóng như lửa đốt hay không."

"Hay lên giường nằm nghỉ đi con ?" mẹ nói, vuốt tóc Bobbie.

"Con nghĩ ra ngoài vườn con sẽ tỉnh táo hơn", Bobbie đáp.

Nhưng nó cũng không thể ở yên trong vườn. Những bông thực quỳ hồng, cúc sao và hoa hồng nở muộn đều có vẻ đang chờ đợi điều gì đó xảy ra. Đó là một ngày mùa thu trong sáng và mọi vật dường như đều đang chờ đợi.

Bobbie không thể chờ đợi.

"Mình sẽ xuống ga," con bé nói, "nói chuyện với chú Perks và hỏi thăm cậu con trai nhỏ của ông tín hiệu."

Và nó đi. Trên đường, nó gặp bà cụ ở bưu điện, bà ôm hôn nó, nhưng Bobbie thấy khá ngạc nhiên khi bà không nói gì, ngoại trừ, "Chúa phù hộ cháu, cháu yêu..." và, sau một thoáng ngập ngừng, "chạy tới đó đi cháu."

Cậu bé bán vải, người đôi lúc tử tế chả ra tử tế, khinh người không ra khinh người, giờ lại chạm tay lên vành mũ và thốt ra những lời có cánh.

"Chào buổi sáng, thưa cô, tôi tin chắc.."

Bác thợ rèn thậm chí còn lạ lùng hơn lúc bác cầm tờ báo để mở mà tiến lại gần. Bác cười hết cỡ mặc dù bác thường hiếm khi mỉm cười, và từ xa đã vẫy tờ báo chào con bé. Và lúc đi qua, để đáp lại lời chào của Bobbie, bác nói, "Chúc cô buổi sáng tốt lành, cô bé, và những người khác nữa ! Tôi thật bụng chúc cô vui vẻ !"

"Ôi !" Bobbie tự nhủ, và trái tim nó đập nhanh hơn, "điều gì đó sắp xảy ra. Mình biết thế mà, mọi người đều kỳ cục, giống như trong giấc mơ vậy."

Ông trưởng ga nắm tay nó thân tình. Thực tế là ông cầm tay nó đưa lên đưa xuống như đang bơm xe vậy. Nhưng ông không cho biết lý do của sự chào đón nhiệt tình khác thường này. Ông chỉ nói, "Tàu 11 giờ 54 phút muộn một chút, cô bé ạ - dạo này người ta kéo nhau đi nghỉ nên hành lý rất nhiều," đoạn quay người rút lui rất nhanh vào ngôi đền của ông, nơi mà thậm chí Bobbie không dám theo vào.

Perks thì chẳng thấy đâu, và Bobbie chia sẻ sự vắng vẻ của ke ga với con mèo nhà ga. Quý cô mèo có bộ lông lốm đốm xám như mai rùa này, thường khi tính khí im lìm, hôm nay đến cọ mình vào đôi tất nâu của Bobbie với cái lưng uốn cong, cái đuôi vẫy vẫy, cổ họng gừ gừ.

"Chao ôi !" Bobbie nói, cúi xuống vuốt ve nó, "mọi người hôm nay tốt biết bao, thậm chí cả mày nữa, miu miu ạ !"

Perks không xuất hiện cho đến khi chuyển tàu 11 giờ 54 phút kéo còi, và lúc ấy, cũng giống như bất kỳ ai buổi sáng hôm đó, chú cầm một tờ báo trong tay.

"Xin chào !" chú nói, "cô đây rồi.Ồ, nếu là chuyến tàu này, nó sẽ là một kết thúc thông minh ! Chúa phù hộ cô, cô thân mến ! Tôi đọc báo rồi, và chắc từ cha sinh mẹ đẻ tới giờ tôi chưa khi nào sung sướng thế này !" Chú nhìn Bobbie một lát rồi nói, "Vào một ngày như hôm nay, cô cho phép nhé, tôi không hề có ý xúc phạm cô !" nói rồi chú hôn con bé, đầu tiên bên má này, sau đó bên má kia.

"Cô không thấy bị xúc phạm chứ ?" chú hỏi vẻ lo lắng. "Tôi không tự tiện quá chứ ? Vào một ngày như hôm nay, cô biết đấy..."

"Không, không" Bobbie nói, "sao có thể nói là tự tiện được chứ, chú Perks yêu quý; chúng cháu yêu chú như ruột của chúng cháu vậy... nhưng... một ngày như cái gì ạ?"

"Như hôm nay !" Perks nói. "Tôi đã bảo cô tôi xem trong báo chưa?"

"Xem cái gì trong báo ạ?" Bobbie hỏi, nhưng tàu 11 giờ 54 phút đang phì phì vào ga và ông trưởng ga đang nhìn những vị trí mà lẽ ra Perks đã phải có mặt.

Bobbie còn lại trên ke ga một mình, con mèo nhà ga nhìn nó từ dưới gầm ghế dài bằng đôi mắt vàng thân thiện.

Tất nhiên bạn đã biết chính xác điều gì sẽ xảy ra. Bobbie thì không thông minh thế. Con bé có cái cảm giác bồn chồn, rối rắm, mơ hồ thường tràn ngập trái tim chúng ta khi chúng ta mơ. Trái tim con bé chờ đợi điều gì tôi không thể kể - có thể chính là điều mà bạn và tôi biết sẽ xảy ra - nhưng trí óc nó không mong chờ gì hết; trong đó hầu như rỗng không, và không có gì ngoài cảm giác mệt mỏi, đờ đẫn và trống rỗng giống như cơ thể ta thường cảm thấy sau khi ta đã đi bộ một quãng đường dài mà muộn lăm rồi chưa được ăn tối.

Chỉ có ba hành khách xuống tàu 11 giờ 54 phút. Đầu tiên là một bác nông dân xách hai lồng gà, lũ gà thò những cái đầu hung hung qua các nan liểu gai vẻ lo âu; người thứ hai là cô Peckitt, em họ của vợ chú bán hàng khô, cô mang theo một hộp thiếc và ba gói giấy nâu; và người thứ ba...

"Ôi ! Cha của con, cha của con !" Tiếng hét vang lên như một lưỡi dao đâm vào trái tim mọi người trên tàu, và ai nấy thò đầu ra ngoài cửa sổ để nhìn một người đàn ông cao lớn, xanh xao, cặp môi mím lại như một đường kẻ mảnh, và một cô bé ôm chặt ông bằng cả hai tay hai chân, trong khi cánh tay ông ôm ghì cô bé.

"Con biết có điều kỳ diệu sắp xảy ra mà," Bobbie nói khi họ trên đường về nhà, "nhưng con không nghĩ sẽ là cha về. Ôi, cha của con, cha của con !"

"Vậy mẹ không nhận được thư cha sao?" cha hỏi.

"Sáng nay không có bức thư nào hết. Ôi ! Là cha thật phải không cha?"

Cái siết tay quen thuộc mà con bé chưa quên khẳng định rằng đó là sự thật.

"Con phải vào nhà trước, Bobbie, và kể rất khẽ cho mẹ rằng chuyện đã kết thúc tốt đẹp. Kẻ đó đã bị bắt. Bây giờ mọi người đều biết không phải là cha con."

"Con luôn biết là không phải" Bobbie nói. "Con và mẹ và ông cụ của chúng ta."

"Phải" cha nói, "tất cả là công của ông cụ. Mẹ viết cho cha là con đã phát hiện ra. Và mẹ kể rằng con giúp mẹ rất nhiều. Con gái nhỏ của cha !" Đoạn họ dừng lại một lát.

Và bây giờ tôi nhìn thấy họ đi qua triền cỏ. Bobbie đi vào nhà, cố giữ đôi mắt mình khỏi để lộ chuyện trước khi đôi môi tìm được những từ thích hợp để "kể rất khế cho mẹ" rằng nỗi buồn cùng cuộc đấu tranh và cuộc chia ly đã kết thúc, đã qua rồi, và cha đã về nhà.

Tôi nhìn thấy cha đi lại trong vườn, chờ đợi... chờ đợi. Ông nhìn những bông hoa, và mỗi bông hoa là một phép màu đối với đôi mắt suốt mấy tháng mùa xuân và mùa hạ chỉ nhìn thấy đá, sỏi và vài cọng cỏ ngắn. Nhưng mắt ông lại hướng về phía ngôi nhà. Đoạn ông rời vườn đến đợi bên ngoài cánh cửa gần nhất. Nó là cửa sau, và trong khoảng sân trước cửa, đàn chim nhạn đang chao liệng. Chúng đã sẵn sàng bay tới miền đất nơi quanh năm mùa hạ để tránh gió lạnh và băng giá. Chúng chính là những con chim nhạn mà bọn trẻ làm tặng những cái tổ đất sét.

Cửa mở. Giọng Bobbie thánh thót, "Cha ơi, cha vào đi cha !"

Ông bước vào và cửa đóng lại. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ không mở cửa hay theo ông vào. Tôi nghĩ rằng thời điểm này chúng ta không được chào đón ở đó. Và tốt nhất là chúng ta nên nhanh chóng và lặng lẽ rời đi. Ở cuối cánh đồng, giữa những cọng cỏ úa vàng mảnh dẻ, giữa những bông hoa chuông và hoa hồng dại, chúng ta có thể ngoái lại nhìn lần chót ngôi nhà màu trắng, nơi chúng ta cũng như những người khác không được chào đón trong ngày vui này.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>